

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRÌNH QUỐC HÙNG

BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ  
TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**TRÌNH QUỐC HÙNG**

**BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ  
TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC  
Mã số: 9 31 02 01**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**PGS.TS. TRỊNH THỊ XUYẾN**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**PGS. TS. HOÀNG PHÚC LÂM**

**HÀ NỘI - 2026**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả sử dụng trong luận án là trung thực, bảo đảm tính khách quan, khoa học và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, tin cậy.

**Tác giả Luận án**



**Trình Quốc Hưng**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	8
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu .....	8
1.2. Giá trị các công trình đã tổng quan đối với đề tài luận án và những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu.....	26
<b>Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN</b> .....	33
2.1. Khái niệm bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên .....	33
2.2. Chủ thể, nội dung, phương thức và tiêu chí đánh giá bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên.....	40
2.3. Những yếu tố tác động đến bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên .....	50
<b>Chương 3: THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG THỜI GIAN QUA</b> .....	71
3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên.....	71
3.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên .....	108
3.3. Những vấn đề đặt ra đối với bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới .....	118
<b>Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI</b> .....	126
4.1. Dự báo tình hình tác động đến bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới .....	126
4.2. Quan điểm bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới .....	131
4.3. Giải pháp bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới .....	139
<b>KẾT LUẬN</b> .....	176
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	180
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	181
<b>PHỤ LỤC</b> .....	193

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ANCT	An ninh chính trị
ANND	An ninh nhân dân
ANPTT	An ninh phi truyền thống
ANQG	An ninh Quốc gia
CAND	Công an nhân dân
CT-XH	Chính trị - xã hội
DTTS	Dân tộc thiểu số
HTCT	Hệ thống chính trị
KT-XH	Kinh tế - xã hội
KGM	Không gian mạng
LLVT	Lực lượng vũ trang
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
QĐND	Quân đội nhân dân
QP-AN	Quốc phòng - An ninh
TLTĐ	Thế lực thù địch

## DANH MỤC CÁC HÌNH, BIỂU ĐỒ

Hình 1. Bản đồ khu vực Tây Nguyên trước và sau sáp nhập.....	53
Biểu đồ 1. Tỷ lệ Hộ nghèo trên địa bàn Tây Nguyên giai đoạn 2020 - 2024 .....	59
Biểu đồ 2. Đánh giá của cán bộ về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý ANCT .....	73
Biểu đồ 3. Đánh giá của người dân về công tác bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. ....	74
Biểu đồ 4. Đánh giá của người dân về vai trò của MTTQ và các tổ chức CT-XH trong bảo đảm ANCT ở địa phương .....	79
Biểu đồ 5. Đánh giá của người dân về thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên (N = 250) .....	80
Biểu đồ 6. Hành vi của người dân khi tiếp cận và xử lý thông tin sai sự thật .....	93

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tây Nguyên là một không gian địa - chính trị đặc biệt, được ví như “nóc nhà của Đông Dương”, giữ vị trí chiến lược trọng yếu về chính trị, kinh tế, QP-AN và đối ngoại của Việt Nam. Với đặc điểm tiếp giáp Lào và Campuchia, là địa bàn trung chuyển, kết nối khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, Tây Nguyên từ lâu được xác định là “phên giậu phía Tây của Tổ quốc”, có ý nghĩa then chốt trong kiểm soát không gian an ninh biên giới, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ vững ổn định CT-XH và bảo đảm ANQG. Trong cấu trúc tổng thể của ANQG, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không chỉ là yêu cầu bảo vệ sự ổn định trên địa bàn, mà còn có tác động trực tiếp đối với việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định của đất nước từ sớm, từ xa.

Trong bối cảnh mới, dưới tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các yếu tố an ninh truyền thống và ANPTT đan xen, tác động ngày càng mạnh mẽ đến các địa bàn chiến lược của cả nước. Đối với tây nguyên, điều này làm gia tăng tính chất phức tạp, nhạy cảm của ANCT. Tây Nguyên ổn định không chỉ là điều kiện tiên quyết để phát triển KT-XH bền vững, mà còn là nền tảng để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngược lại, bất kỳ biến động nào về ANCT trên địa bàn này đều có thể tác động đến ổn định CT-XH và môi trường ANQG.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, công tác bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. HTCT cơ sở từng bước được củng cố. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao, công tác dân vận, tuyên truyền có nhiều chuyển biến tích cực. Vai trò của MTTQ và các tổ chức CT-XH được phát huy. Đời sống của nhân dân, nhất là đồng bào DTTS, từng bước được cải thiện. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được củng cố. Đây là những yếu tố nền tảng góp phần giữ vững ổn định CT-XH, bảo đảm ANCT trên địa bàn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình ANCT trên địa bàn Tây Nguyên vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Các TLTD, phản động tiếp tục lợi dụng những hạn chế về phát triển KT-XH, nhận thức chính trị, pháp luật của một bộ phận đồng bào DTTS, cùng với đặc điểm dân tộc, tôn giáo đan xen để tuyên truyền, lôi kéo, kích động gây rối. Thực tiễn đã cho thấy nguy cơ này qua các vụ việc điển hình như

bạo loạn năm 2001, 2004 và đặc biệt là vụ việc tại Đắk Lắk ngày 11/6/2023. Bên cạnh đó, số liệu thực tế từ năm 2011 đến nay cho thấy toàn vùng xảy ra 35.943 vụ việc xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, trong đó có 2.661 vụ liên quan đến an ninh nông thôn [60, tr.1]. Điều này phản ánh các mâu thuẫn xã hội về đất đai, di cư tự do, sinh kế, cùng với hạn chế trong hoạt động của HTCT cơ sở vẫn tồn tại và tiềm ẩn nguy cơ tác động đến ANCT. Bên cạnh đó, những bất cập trong quản lý xã hội, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, cùng với sự suy giảm niềm tin ở một bộ phận quần chúng đã tạo điều kiện cho các tà đạo, đạo lạ phát sinh, phát triển. Đáng chú ý, các tổ chức phản động như FULRO và các đối tượng cực đoan tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá. Dưới các hình thức như “Người Thượng vì công lý”, “Tin Lành Đêgar”, “Hà Mòn”... các đối tượng này kích động tư tưởng ly khai, chia rẽ dân tộc. Trong điều kiện KGM phát triển, các hoạt động chống phá ngày càng mang tính xuyên biên giới, sử dụng công nghệ cao, gây khó khăn cho công tác kiểm soát và xử lý, đặt ra áp lực lớn đối với bảo đảm ANCT.

Trong giai đoạn hiện nay, việc thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2045 tiếp tục đặt ra yêu cầu mới. Quá trình điều chỉnh địa giới, tổ chức lại bộ máy HTCT nếu không gắn với nâng cao năng lực quản trị và nắm chắc tình hình địa bàn sẽ dễ phát sinh “khoảng trống” trong quản lý nhà nước, tạo điều kiện để các TLTĐ lợi dụng, chống phá. Đồng thời, các thách thức ANPTT như biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, tội phạm công nghệ cao, thông tin xấu độc trên KGM... ngày càng gia tăng, làm cho môi trường ANCT trên địa bàn trở nên phức tạp và khó dự báo hơn.

Nhận thức rõ vai trò của Tây Nguyên, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương quan trọng. Nghị quyết số 23-NQ/TW (2022) xác định bảo đảm ANCT, trật tự, an toàn xã hội là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững vùng, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại các âm mưu chống phá, giữ vững ổn định toàn vùng và cả nước [19, tr.5,13]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “giữ vững ANCT, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước” [44, tr.381]. Điều này cho thấy yêu cầu bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không chỉ mang tính thực tiễn cấp bách mà còn có cơ sở chính trị - pháp lý rõ ràng.

Dưới góc độ khoa học chính trị, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên cần được nhìn nhận trong tổng thể cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm

chủ, qua đó góp phần củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tạo nền tảng CT-XH ổn định, bền vững. Tuy nhiên, cách tiếp cận này trong các nghiên cứu hiện nay vẫn chưa được luận giải một cách hệ thống, đặc biệt khi đặt trong mối liên hệ với đặc thù của địa bàn Tây Nguyên, vì vậy vẫn tồn tại khoảng trống cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung.

Từ những phân tích nêu trên có thể khẳng định, việc nghiên cứu đề tài “**Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới**” là hết sức cấp thiết. Về lý luận, kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần bổ sung, phát triển cơ sở lý luận về bảo đảm ANCT trong điều kiện mới, đồng thời làm rõ hơn cách tiếp cận từ góc độ chính trị học đối với vấn đề này, nhất là trong nghiên cứu các địa bàn chiến lược như Tây Nguyên. Về thực tiễn, đề tài cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện chủ trương, chính sách và đề xuất hệ thống giải pháp khả thi, phù hợp với đặc thù của địa bàn, qua đó góp phần giữ vững ổn định CT-XH, củng cố “thế trận lòng dân”, bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa trong tình hình mới.

## **2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu của luận án là làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, phân tích và đánh giá thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, trên cơ sở đó dự báo xu hướng, xác định quan điểm và đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

*Một là*, tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến ANCT và bảo đảm ANCT, qua đó xác định khoảng trống nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết.

*Hai là*, phân tích, hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, làm nền tảng cho việc xây dựng khung phân tích của luận án.

*Ba là*, phân tích, đánh giá thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên giai đoạn 2011 - 30/6/2025, trên cơ sở các tư liệu, số liệu, báo cáo và văn bản liên quan, từ đó chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.

*Bốn là*, dự báo xu hướng vận động và các yếu tố tác động đến ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới, bao gồm cả các yếu tố từ ANPTT, KGM và

hoạt động của TLTD, trên cơ sở đó xác định quan điểm và đề xuất các giải pháp bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới, gắn với yêu cầu tăng cường QP-AN.

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

#### ***3.1 Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới dưới góc độ khoa học chính trị.

#### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới; làm rõ chủ thể, nội dung, cơ chế, phương thức và các yếu tố tác động đến hoạt động này dưới tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cách mạng 4.0 và KGM, biến đổi KT-XH, đặc điểm DTTS và tôn giáo, các thách thức ANPTT và hoạt động chống phá của các TLTD trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ chủ thể, nội dung, cơ chế, phương thức và các yếu tố chi phối công tác bảo đảm ANCT trong điều kiện mới.

- Về không gian: Nghiên cứu được triển khai chủ yếu trên địa bàn 05 tỉnh Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng đến ngày 30/06/2025. Đồng thời mở rộng xem xét trong mối liên hệ với các địa bàn liên quan trong nước và các yếu tố quốc tế có tác động trực tiếp đến ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

- Về thời gian: Luận án khảo sát, phân tích và đánh giá thực tiễn hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong giai đoạn từ năm 2011 đến ngày 30/06/2025, tập trung vào các mốc gắn với quá trình hoạch định, triển khai đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và những biến động quan trọng tác động đến ANCT trong giai đoạn này.

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

#### ***4.1 Cơ sở lý luận và phương pháp luận***

Luận án được thực hiện trên cơ sở vận dụng hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, quyền lực chính trị và bảo vệ ANQG; về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ ANQG, bảo đảm ANCT gắn với phát triển KT-XH và củng cố thể trận lòng dân trên địa bàn Tây Nguyên trong tình hình mới.

Đồng thời, luận án kế thừa và vận dụng các lý thuyết của khoa học chính trị, khoa học an ninh, quản trị quốc gia và quản trị công, đặc biệt là các tiếp cận về quản trị

an ninh, ANPTT và vai trò của HTCT và vai trò của Nhân dân, cũng như cơ chế phát sinh và kiểm soát các vấn đề phức tạp về ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng cách tiếp cận liên ngành trong khoa học chính trị, kết hợp chặt chẽ các phương pháp nghiên cứu nhằm bảo đảm tính khoa học, hệ thống và thực tiễn trong nghiên cứu hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Các phương pháp được vận dụng linh hoạt, bổ trợ lẫn nhau và gắn với nội dung, kết cấu của từng chương trong luận án.

Trước hết, **phương pháp nghiên cứu tài liệu** được sử dụng xuyên suốt thông qua việc thu thập, phân tích và tổng hợp các văn bản của Đảng, Nhà nước, báo cáo của các cơ quan chức năng, công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến ANCT và bảo đảm ANCT. Phương pháp này là cơ sở để xây dựng khung lý luận trong Chương 2, đồng thời cung cấp dữ liệu phục vụ đánh giá thực trạng trong Chương 3 và tham khảo đề xuất giải pháp tại Chương 4 của Luận án.

**Phương pháp tổng kết thực tiễn** được sử dụng để khái quát đặc điểm, xu hướng và những vấn đề nổi lên trong hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, thông qua phân tích số liệu, báo cáo thực tiễn của các bộ, ngành và địa phương trong khu vực. Kết quả tổng kết thực tiễn là căn cứ quan trọng cho đánh giá ở Chương 3 và đề xuất giải pháp trong Chương 4.

**Phương pháp phân tích - tổng hợp** được sử dụng để xử lý số liệu thống kê, tài liệu nghiên cứu, vụ việc điển hình và kết quả khảo sát xã hội học, qua đó làm rõ các vấn đề lý luận, thực tiễn và những vấn đề đặt ra trong bảo đảm ANCT.

**Phương pháp lịch sử - logic** được vận dụng nhằm phân tích sự vận động của ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh lịch sử cụ thể, gắn với biến đổi KT-XH, đặc điểm dân tộc - tôn giáo, tổ chức bộ máy và quá trình sắp xếp đơn vị hành chính; từ đó lý giải nguyên nhân phát sinh các vấn đề phức tạp về ANCT và đặc thù của địa bàn.

**Phương pháp thống kê mô tả kết hợp so sánh** được sử dụng để hệ thống hóa, phân tích các số liệu về tình hình ANCT, qua đó làm rõ mức độ, xu hướng của các hiện tượng nghiên cứu. Đồng thời đối chiếu có chọn lọc giữa các tỉnh trong vùng và với một số địa bàn tương đồng nhằm nhận diện đặc thù và rút ra kinh nghiệm tham khảo.

Đặc biệt, luận án bổ sung **phương pháp nghiên cứu dự báo** nhằm phân tích xu

hướng và dự báo các yếu tố tác động đến bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Phương pháp này được thực hiện trên cơ sở kết hợp phân tích xu thế từ dữ liệu thực tiễn, tham vấn chuyên gia và đặt trong bối cảnh biến đổi KT-XH, ANPTT và hội nhập quốc tế, qua đó bảo đảm tính logic giữa đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp.

Bên cạnh đó, luận án sử dụng **phương pháp điều tra xã hội học** để thu thập dữ liệu thực chứng. Bảng hỏi bán cấu trúc được thiết kế với thang đo Likert 5 mức (1 - 5), các câu hỏi được thao tác hóa khái niệm nhằm bảo đảm đo lường rõ ràng các nội dung nghiên cứu. Khảo sát được thực hiện đến hết ngày 30/6/2025 tại 05 tỉnh Tây Nguyên, phát ra 500 phiếu, thu về 486 phiếu hợp lệ, đạt độ tin cậy 96% với sai số khoảng  $\pm 5\%$ . Mẫu khảo sát được lựa chọn theo phương pháp phân tầng kết hợp chọn mẫu thuận tiện, bảo đảm tính đại diện tương đối giữa các nhóm đối tượng, gồm: cán bộ HTCT cơ sở, LLVT, chức sắc tôn giáo và quần chúng Nhân dân sinh sống trên địa bàn Tây Nguyên - là những người có hiểu biết và trải nghiệm thực tiễn liên quan đến ANCT. Dữ liệu được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS, sử dụng các kỹ thuật thống kê mô tả, so sánh nhóm và phân tích tương quan để hỗ trợ phân tích định tính.

Ngoài ra, luận án sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu (chuyên gia) nhằm bổ sung thông tin định tính. Hoạt động này được thực hiện với 09 chuyên gia, (trong đó có 05 cán bộ, lãnh đạo thuộc Cục An ninh nội địa (A02) - Bộ Công an, trực tiếp công tác và am hiểu sâu về địa bàn Tây Nguyên, cùng 04 giảng viên, nhà khoa học trong các học viện, nhà trường CAND). Các ý kiến chuyên gia được phân tích, đối chiếu với kết quả nghiên cứu nhằm nâng cao độ tin cậy khoa học và tính khả thi của các nhận định, dự báo và giải pháp.

Việc kết hợp các phương pháp trên cho phép luận án tiếp cận vấn đề bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên một cách toàn diện, đa chiều, bảo đảm sự gắn kết giữa lý luận - thực tiễn - dự báo, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu ANCT trong bối cảnh mới.

### **5. Đóng góp mới của Luận án**

*Thứ nhất*, luận án xây dựng khung phân tích tích hợp về bảo đảm ANCT, tiếp cận từ góc độ khoa học chính trị, làm rõ bản chất của hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới là hoạt động CT-XH của HTCT và Nhân dân, không chỉ là hoạt động quản lý chuyên ngành.

*Thứ hai*, luận án bổ sung bằng chứng thực nghiệm có độ tin cậy về bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên thông qua khảo sát xã hội học, qua đó làm rõ những

vấn đề mới nảy sinh gắn với biến đổi KT-XH, sắp xếp đơn vị hành chính và các thách thức ANPTT.

*Thứ ba*, luận án làm rõ các nhân tố và cơ chế tác động mới đến ANCT địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới, đặc biệt là sự hình thành các “khoảng trống” trong quản trị và sự đan xen giữa vấn đề DTTS, tôn giáo với KGM. Trên cơ sở đó, đề xuất hệ thống giải pháp có tính tổng thể và khả thi nhằm bảo đảm ANCT gắn với phát triển bền vững địa bàn.

## **6. Ý nghĩa của đề tài luận án**

### **- Ý nghĩa lý luận**

+ Luận án góp phần làm rõ và bổ sung cơ sở lý luận về bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới từ góc độ khoa học chính trị.

+ Luận án làm sáng tỏ mối quan hệ giữa bảo đảm ANCT với ổn định CT-XH và phát triển bền vững, đặc biệt trên địa bàn Tây Nguyên - một địa bàn chiến lược về ANQG.

### **- Ý nghĩa thực tiễn**

+ Luận án cung cấp luận cứ khoa học và bằng chứng thực tiễn phục vụ hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên.

+ Luận án là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực khoa học chính trị, ANCT và dân tộc - tôn giáo tại các học viện, nhà trường, cơ sở giáo dục.

+ Kết quả nghiên cứu của Luận án góp phần đề xuất giải pháp khả thi, hỗ trợ HTCT và các lực lượng chức năng trong bảo đảm ANQG, giữ vững ổn định CT-XH và nâng cao hiệu quả quản lý, quản trị ANCT trên địa bàn Tây Nguyên và các địa bàn chiến lược khác trong bối cảnh mới.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 04 chương, 11 tiết.

## Chương 1

### TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

#### 1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

##### 1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận và cách tiếp cận đối với bảo đảm an ninh chính trị

Ở bình diện xã hội học chính trị, Jürgen Habermas (1990) với công trình “*Justice and Solidarity*” (*Công lý và đoàn kết*) đã làm rõ mối quan hệ giữa công lý, đoàn kết xã hội và ổn định chính trị [150]. Theo ông, công lý không chỉ là tuân thủ pháp luật hay phân phối lợi ích, mà còn là sự thừa nhận và tôn trọng lẫn nhau giữa các chủ thể. Habermas nhấn mạnh, công lý tạo ra trật tự chính đáng, còn đoàn kết đảm bảo sự bền vững và khả năng tự bảo vệ của cộng đồng. Giá trị cốt lõi của công trình là chuyển từ tư duy cưỡng chế sang đối thoại, lấy đồng thuận xã hội làm nền tảng cho ổn định xã hội.

Barry Buzan (1991), trong “*People, States and Fear: An Agenda for International Security Studies in the Post - Cold War Era* (*Con người, Nhà nước và mối đe dọa: Định hướng nghiên cứu an ninh quốc tế thời hậu Chiến tranh Lạnh*)” [146] đã mở rộng phạm vi an ninh khỏi khuôn khổ quân sự thuần túy sang các chiều chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường; đặt an ninh trên nhiều tầng phân tích với “đôi tượng quy chiếu” từ cá nhân, nhà nước đến hệ thống quốc tế; nhấn mạnh mối liên thông đe dọa - tính tổn thương và cảnh báo hệ quả của việc tuyệt đối hóa một chiều an ninh. Buzan đồng thời đề xuất một chương trình nghiên cứu hậu Chiến tranh Lạnh cân bằng hơn, kết hợp chẩn đoán rủi ro với xây dựng thể chế phù hợp.

Joseph J. Romm (1993), “*Defining National Security: The Nonmilitary Aspects*” (*Định nghĩa ANQG: Những khía cạnh phi quân sự*) khẳng định rằng ANQG không thể thu hẹp trong lĩnh vực quân sự - chính trị truyền thống mà các yếu tố như kinh tế, năng lượng, môi trường, y tế, ma túy và dịch bệnh cũng có thể trở thành những mối đe dọa trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của đất nước [156]. Romm đưa ra một khung phân tích toàn diện, giúp các quốc gia hiểu rằng bất kỳ cú sốc nào về kinh tế, môi trường hay xã hội cũng có thể trở thành tác nhân gây bất ổn, và do đó, phòng ngừa, quản trị hiệu quả mới là nền tảng bền vững của ANCT.

Peter J. Katzenstein (1996), trong công trình “*The Culture of National Security: Norms and Identity in World Politics*” (*Văn hóa của ANQG: Chuẩn mực và bản sắc trong chính trị thế giới*), [155] nhấn mạnh ANQG không chỉ dựa vào sức mạnh quân sự mà còn được “kiến tạo” bởi chuẩn mực, quy tắc, bản sắc và thể chế. Vì vậy, phạm vi an ninh phải mở rộng sang kinh tế, xã hội, văn hóa và gắn chặt với bối cảnh khu vực, quốc tế. Trọng tâm là năng lực học hỏi và điều chỉnh chính sách theo các quy chuẩn chung để tạo ổn định bền vững.

Công trình Yan Xuetong (2012). *Chuyển dịch quyền lực và thay đổi trong hệ thống quốc tế của Trung Quốc trên thế giới* phân tích sự chuyển dịch quyền lực trong hệ thống quốc tế từ góc nhìn của Trung Quốc, nhấn mạnh sự trỗi dậy của các cường quốc mới và sự suy giảm tương đối ảnh hưởng của phương Tây [159]. Công trình cũng chỉ ra rằng cạnh tranh quyền lực trong bối cảnh toàn cầu hóa tác động đến nhiều cấp độ, từ quốc gia đến các khu vực và địa bàn cụ thể thông qua các hoạt động kinh tế, chính trị và văn hóa. Cách tiếp cận này góp phần gợi mở việc nhận diện các yếu tố bên ngoài có thể tác động đến ANCT đối với địa bàn trong một quốc gia, khu vực.

Trong công trình “*Strategy: A History*” (*Chiến lược: Lịch sử*), Lawrence Freedman (2013) [148] đã chỉ ra rằng chiến lược không chỉ là kế hoạch quân sự mà là nghệ thuật kết hợp mục tiêu, nguồn lực và bối cảnh để đối phó với các tình huống bất định. Công trình là làm rõ vai trò của nhận thức và định hướng hành vi trong xây dựng và thực thi chiến lược, qua đó nhấn mạnh rằng hiệu quả chiến lược không chỉ phụ thuộc vào nguồn lực mà còn ở khả năng tạo dựng sự đồng thuận và dẫn dắt các chủ thể liên quan. Cách tiếp cận này có giá trị tham khảo trong nghiên cứu bảo đảm ANCT, đặc biệt ở phương diện kết hợp giữa tầm nhìn dài hạn và sự linh hoạt trong tổ chức thực hiện

Trong tác phẩm kinh điển “*The Grand Chessboard: American Primacy and Its Geostrategic Imperatives*” (*Bàn Cờ lớn: Vị thế tối thượng của Hoa Kỳ và những đòi hỏi địa - chiến lược*), Zbigniew Brzezinski (1997/2016) đã đưa ra phân tích về chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ trong trật tự thế giới hậu Chiến tranh Lạnh [147]. Ông mô tả Á - Âu (Eurasia) như một bàn cờ địa - chính trị khổng lồ, nơi quyết định vận mệnh thế giới. Để duy trì vị thế siêu cường, Brzezinski nhấn mạnh Mỹ phải ngăn chặn bất kỳ thế lực nào thống trị lục địa này, đồng thời kiểm soát các “quân cờ” chiến lược tại Trung Á và Đông Âu. Chiến lược “mở rộng về phía Đông” của NATO và can dự tích cực vào các

điểm nóng địa - chính trị được đề xuất như biện pháp then chốt để phân mảnh ảnh hưởng của Nga và Trung Quốc.

Vladimir Sergeevich Karlov (2019), trong bài viết “*Современные политикоэкономические вызовы национальной безопасности Российской Федерации*”, Vestnik Finansovogo Universiteta. (Những Thách thức kinh tế - chính trị đối với ANQG liên bang Nga”, Humanities and Social Sciences. Bulletin of the Financial University, 9(6), 156 - 160 phân tích mối đan xen giữa các thách thức chính trị và kinh tế đối với an ninh Nga, bao gồm: khủng bố từ không gian Trung Á, căng thẳng với phương Tây sau sự kiện Crimea, áp lực mở rộng NATO, lệ thuộc vào xuất khẩu tài nguyên, và các biện pháp cấm vận[158]. Tác giả đề xuất một cách tiếp cận toàn diện, kết hợp biện pháp đối nội (tăng cường năng lực chống khủng bố, ổn định CT-XH, cải cách cơ cấu kinh tế) và đối ngoại (mở rộng hợp tác khu vực, quản lý rủi ro toàn cầu hóa).

Trong bài viết “*Giữ vững an ninh CT-XH để hội nhập và phát triển*”, tác giả Nguyễn Văn Hương (2007) nhấn mạnh ANCT - xã hội là điều kiện tiên quyết cho hội nhập quốc tế và phát triển bền vững [58]. Theo tác giả, một quốc gia chỉ có thể tận dụng cơ hội toàn cầu hóa khi giữ được ổn định chính trị, kiểm soát tốt các nguy cơ xung đột và tạo dựng lòng tin trong xã hội. Công trình là khẳng định sự gắn bó hữu cơ giữa ANCT và phát triển xã hội, coi đó là hai trụ cột song hành, bổ sung cho nhau.

Trong công trình “*Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về an ninh chiến lược từ 1986 đến nay*”, Phan Duy Quang (2016) đã khái quát sự phát triển nhận thức của Đảng về ANQG trong bối cảnh đổi mới và hội nhập [80]. Trên cơ sở hệ thống các văn kiện và quan điểm chỉ đạo, tác giả chỉ ra sự chuyển biến từ cách tiếp cận truyền thống, chủ yếu nhấn mạnh yếu tố chính trị - quân sự, sang tư duy toàn diện hơn, gắn ANQG với phát triển và bao quát các lĩnh vực KT-XH, văn hóa, khoa học - công nghệ và đối ngoại. Công trình đã làm rõ tính chất ngày càng đan xen, phức hợp của các yếu tố ANQG trong bối cảnh hội nhập quốc tế, qua đó khẳng định ANQG không còn là trạng thái tĩnh cần bảo vệ mà là một quá trình động, đòi hỏi sự chủ động thích ứng, phòng ngừa và xử lý hiệu quả các nguy cơ từ cả bên trong và bên ngoài.

Bài viết “*Một số giải pháp giữ vững ANCT, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới*” của Nguyễn Thế Mau (2018) đã đưa ra một cách tiếp cận nhiệm vụ bảo đảm ANCT và trật tự an toàn xã hội theo hướng toàn diện, nhấn mạnh đây là trách nhiệm chung của cả HTCT và toàn dân [72]. Công trình đề xuất ba nhóm giải pháp trọng tâm

gồm: phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong bảo vệ an ninh; củng cố năng lực và hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở; đồng thời tăng cường đào tạo, trang bị, hiện đại hóa lực lượng chuyên trách để chủ động phòng ngừa và đấu tranh với các nguy cơ mất ổn định ở các địa bàn phức tạp.

Bài viết của tác giả Mai Thị Hồng Liên (2020), “*Góp bàn về nội hàm khái niệm ANCT ở Việt Nam hiện nay*” đăng trên Tạp chí Sinh hoạt lý luận (số 7,172) đã có những đóng góp đáng chú ý trong việc phát triển lý luận về ANCT ở Việt Nam hiện nay [65]. Bài viết tiếp cận vấn đề từ phương diện khái niệm, nhấn mạnh rằng ANCT không chỉ là sự ổn định của HTCT và sự vững mạnh của quyền lực nhà nước, mà còn bao hàm năng lực ứng phó trước cả nguy cơ truyền thống lẫn phi truyền thống. Bài viết đặt ANCT trong logic bối cảnh mới, đó không phải là trạng thái tĩnh, mà là một quá trình động, chịu sự chi phối thường xuyên của biến động KT-XH, công nghệ và truyền thông, đồng thời gắn với yêu cầu nâng cao năng lực quản trị quốc gia, điều hòa lợi ích xã hội và phát huy vai trò chủ động của Nhân dân.

Trong cuốn sách *Những điểm mới về ANQG trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Tác giả Tô Lâm (2021) đã hệ thống và phân tích những nhận thức mới của Đảng về ANQG trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động [63]. Công trình nhấn mạnh sự mở rộng nội hàm khái niệm ANQG, không chỉ giới hạn ở việc bảo vệ sự ổn định của chủ thể chính trị có chủ quyền, mà còn bao hàm sức mạnh tổng hợp và khả năng ứng phó linh hoạt trước các mối đe dọa từ cả bên trong và bên ngoài. Theo đó, bảo vệ ANQG hiện nay không chỉ gắn với các lĩnh vực chính trị - quân sự truyền thống mà còn bao quát các vấn đề ANPTT như kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường, nguồn nước, an ninh mạng và dịch bệnh toàn cầu. Đây là bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng về bảo đảm an ninh trong bối cảnh các thách thức ngày càng đa dạng và khó dự báo.

Trong bài viết “*Công an nhân dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới*”, tác giả Tô Lâm (2023) khẳng định vai trò nòng cốt của CAND trước hai thách thức thường trực: bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và giữ vững ổn định CT-XH [64]. Công trình hệ thống hóa năm trụ cột: bảo vệ ANQG và nền tảng tư tưởng của đảng; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh tội phạm (ma túy, công nghệ cao, tham nhũng); xây dựng thế trận lòng dân gắn an ninh với quốc phòng; củng cố đại đoàn kết, phong trào toàn dân và đối ngoại công an; xây dựng lực lượng “trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Giải pháp trọng tâm: nâng cao dự báo chiến lược, hoàn

thiện pháp luật; tổ chức lực lượng theo hướng “bộ tinh, tinh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở”; phối hợp chặt chẽ với quân đội, biên phòng và HTCT; đẩy mạnh chuyển đổi số, giáo dục QP-AN toàn dân.

Tác giả Nguyễn Tuấn Dũng (2024), trong bài viết “*Xây dựng thế trận lòng dân trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới*” [38] đã khảo cứu toàn diện tiến trình hình thành và phát triển quan điểm thế trận lòng dân từ Đại hội X đến XIII, làm rõ hạt nhân tư duy: lấy người dân làm trung tâm của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, gắn niềm tin chính trị với hiệu quả quản trị và phúc lợi xã hội để chuyển sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất. Từ đó, tác giả đề xuất giải pháp đồng bộ: xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền chính; phát triển kinh tế đi đôi an sinh và văn hóa; củng cố đại đoàn kết dân tộc - tôn giáo; đổi mới giáo dục truyền thống kết hợp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; chủ động đấu tranh làm thất bại “diễn biến hòa bình”, ngăn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” bằng truyền thông hiện đại và bảo đảm lợi ích chính đáng của người dân.

### **1.1.2. Nhóm Công trình nghiên cứu về thực trạng bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên**

Cuốn sách “*The Highland people of South Vietnam: Social and economic development*” (*Người Thượng ở Nam Việt Nam: Sự phát triển kinh tế xã hội*) của tác giả Gerald C. Hickey (1967), Đỗ Quang Thắng dịch [152]. Gerald C. Hickey là nhân viên tình báo Mỹ đã có nhiều công trình nghiên cứu về các tộc người Tây Nguyên. Nội dung cuốn sách đã trình bày về sự phát triển kinh tế, xã hội ở Tây Nguyên từ khi thực dân Pháp xâm lược đến năm 1967. Tác giả phân tích chính sách cai trị của thực dân Pháp và chính quyền Sài Gòn, qua đó làm rõ nguyên nhân hình thành và phát triển phong trào FULRO, trong đó có các chính sách bất bình đẳng đối với đồng bào dân tộc thiểu số và sự lợi dụng tôn giáo phục vụ mưu đồ chính trị.

Ở một hướng tiếp cận khác, Svetlana Stanarević và Jasmina Gačić (2014) trong bài viết “*Culture as National Security Interest*” (*Văn hóa là lợi ích ANQG*). *Journal of Security Studies*, 2(1), khẳng định văn hóa là một lợi ích cốt lõi của ANQG [157]. Theo hai học giả, văn hóa không chỉ là nền tảng bản sắc, tạo nên sự đồng thuận của xã hội, mà còn là mặt trận dễ bị lợi dụng bởi các TLTĐ. việc chia rẽ dân tộc, khơi gợi mâu thuẫn tôn giáo - phong tục, hoặc thao túng nhận thức trong không gian số đều là những mũi nhọn công kích vào nền tảng ANQG. Vì vậy, bảo đảm an ninh hiện đại đòi hỏi

phải kết hợp giữa phát huy giá trị văn hóa, bảo vệ di sản thông qua giáo dục giá trị truyền thống.

Trong bài nghiên cứu “*Political security: from the 1990s to the Arab Spring*” (ANCT: Từ những năm 1990 đến Mùa xuân Ả Rập), Contemporary Politics, Vol. 21, No. 1, 86 - 99 của tác giả OZ. Hassan (2015) [151, tr. 86 - 99], đã phân tích sự biến chuyển quan trọng trong nhận thức về ANCT trên thế giới. Công trình chỉ ra rằng khái niệm này đã chuyển dịch từ trọng tâm truyền thống là bảo vệ nhà nước khỏi các mối đe dọa quân sự và đàn áp nội bộ (theo định nghĩa của Báo cáo Phát triển Con người UNDP 1994) sang một phạm trù rộng hơn, gắn liền với các cuộc can thiệp nhân đạo và đặc biệt là sự thể chế hóa của học thuyết “Trách nhiệm Bảo vệ” (R2P) trong những năm 2000. Sự chuyển dịch này phản ánh một xu thế toàn cầu khi an ninh của người dân và trách nhiệm của chính phủ trở thành trọng tâm của ANCT.

Công trình của G.V. Lepas (2018), “*Современные угрозы безопасности границ и устойчивого развития*” (Các mối đe dọa hiện đại đối với an ninh biên giới và phát triển bền vững) [149] phân tích sâu sắc các thách thức an ninh tại khu vực biên giới của Nga, tập trung vào các vấn đề: thị thực, buôn lậu, mậu dịch biên giới, khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia. Tác giả chỉ ra rằng quan hệ chính trị giữa Nga và các nước láng giềng là yếu tố quyết định đến tính ổn định của khu vực biên giới, trong đó quan hệ Nga - Belarus là hình mẫu thành công nhờ các thỏa thuận hợp tác toàn diện. Để giải quyết các thách thức, Lepas đề xuất một loạt giải pháp đồng bộ, bao gồm điều chỉnh quan hệ chính trị, tăng cường phối hợp liên ngành, cải cách cơ chế mậu dịch biên giới, và nâng cao hiệu quả quản lý xuất nhập khẩu.

Luận án tiến sĩ “*Hoạt động lợi dụng tôn giáo của các TLTĐ ở Tây Nguyên hiện nay - Thực trạng và giải pháp phòng ngừa, đấu tranh*” của Trần Xuân Dung (2002) [37] tập trung làm rõ quá trình du nhập và phát triển của Công giáo và Tin Lành ở Tây Nguyên, đồng thời phân tích hoạt động lợi dụng tôn giáo của các TLTĐ, trong đó có các đối tượng FULRO. Trên cơ sở nhận diện quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và các thủ đoạn lợi dụng tôn giáo, luận án đề xuất hệ thống giải pháp phòng ngừa, đấu tranh nhằm hạn chế tác động tiêu cực của vấn đề tôn giáo đối với ANCT địa bàn Tây Nguyên.

Đề tài khoa học cấp Bộ “*Nguyên nhân tâm lý xã hội của sự phục hồi, phát triển đạo Tin Lành trong đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh*” do Vương Thị Kim Oanh (2002) chủ trì đã phân tích sự phục hồi, phát triển của đạo Tin Lành trong đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây

Nguyên dưới góc độ tâm lý - xã hội [78]. Công trình làm rõ các nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy quá trình này, đánh giá kết quả công tác an ninh trong việc tham gia giải quyết các nguyên nhân nêu trên, đồng thời dự báo xu hướng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác an ninh trong xử lý vấn đề tôn giáo tại khu vực Tây Nguyên.

Đề tài khoa học cấp Bộ “*Tổng kết lịch sử cuộc đấu tranh giải quyết vấn đề FULRO*” của Nông Văn Lưu (2001) đã hệ thống hóa quá trình hình thành, phát triển của tổ chức FULRO trên địa bàn Tây Nguyên, đồng thời đánh giá thực trạng và rút ra những bài học kinh nghiệm trong đấu tranh giải quyết vấn đề FULRO đến năm 2001 [70]. Công trình khẳng định FULRO đã triệt để lợi dụng tín ngưỡng và các tôn giáo như Công giáo, Tin Lành để hoạt động xâm phạm ANQG; trên cơ sở đó, tác giả khái quát các phương thức, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo của loại đối tượng này, góp phần làm rõ bản chất và quy luật hoạt động chống phá ở Tây Nguyên.

Trong cuốn sách “*HTCT cơ sở - đặc điểm, xu hướng và giải pháp*”, Vũ Hoàng Công (2002) khẳng định HTCT cơ sở là nền tảng của toàn bộ HTCT quốc gia, trực tiếp gắn bó với đời sống Nhân dân và giữ vai trò tuyến đầu trong giải quyết các mâu thuẫn xã hội [30]. Công trình làm rõ những đặc điểm cơ bản của hệ thống này, nhấn mạnh tính đa dạng về tổ chức, tính trực tiếp trong quan hệ với Nhân dân và vai trò then chốt đối với ổn định CT-XH; đồng thời chỉ ra xu hướng phát triển theo hướng dân chủ hóa, minh bạch hóa, hiện đại hóa quản trị và mở rộng sự tham gia của người dân nhằm củng cố niềm tin chính trị.

Tác giả Nguyễn Văn Thuận (2004) với “*HTCT cơ sở ở Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh*” [97] đã khảo sát thực tiễn kết hợp phân tích lý luận, tác giả đã chỉ ra đặc điểm, hạn chế và những yếu tố tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở. Luận án xác định sức mạnh và hiệu lực của HTCT cơ sở chính là điều kiện tiên quyết để giữ vững ổn định CT-XH, bảo vệ ANQG ở địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Trong bối cảnh các TLTĐ triệt để lợi dụng những yếu kém trong công tác cán bộ, quản lý đất đai, tôn giáo và dân tộc để kích động bất ổn, việc củng cố HTCT cơ sở trở thành giải pháp then chốt.

Sách “*Thực trạng FULRO ở các tỉnh Tây Nguyên - Đề xuất giải pháp phòng, chống*” của tác giả Hoàng Kông Tư (2003) đã làm rõ quá trình hình thành và phát triển của tổ chức FULRO gắn với âm mưu của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ [123]. Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động của FULRO qua các thời kỳ, tác giả đã đề xuất một

số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống. Đặc biệt, công trình đi sâu làm rõ thủ đoạn FULRO lợi dụng Công giáo và Tin Lành để kích động biểu tình, gây rối và bạo loạn ở Tây Nguyên trong giai đoạn trước năm 2000.

Luận án tiến sĩ “*Công tác đấu tranh của Bộ đội Biên phòng với hoạt động lợi dụng tôn giáo xâm phạm an ninh, trật tự ở khu vực biên giới các tỉnh Tây Nguyên - Những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh*” của tác giả Lê Đức Nhẫn (2006) tập trung làm rõ cơ sở lý luận về hoạt động lợi dụng tôn giáo xâm phạm an ninh, trật tự [77]. Trên nền tảng đó, luận án phân tích thực tiễn công tác đấu tranh của lực lượng Bộ đội Biên phòng tại khu vực biên giới Tây Nguyên, qua đó chỉ ra những vấn đề mới đặt ra đối với công tác bảo đảm an ninh trong bối cảnh tình hình có nhiều diễn biến khó lường.

Trong công trình “*Một số vấn đề của xã hội Tây Nguyên trong phát triển bền vững*”, tác giả Bùi Minh Đạo (2012) đã khái quát những đặc trưng cơ bản của xã hội Tây Nguyên trong quá trình phát triển và hiện đại hóa, đồng thời chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa phát triển bền vững với ổn định xã hội [45]. Công trình nhấn mạnh rằng những bất cập trong quản trị tài nguyên, đất đai và phân phối nguồn lực có thể trở thành nguy cơ tiềm ẩn đối với ổn định chính trị ở Tây Nguyên.

Đề tài khoa học cấp Bộ: “*Vấn đề tà đạo Hà Môn ở Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp phòng, chống*” của tác giả Hoàng Minh Tuấn (2013) đã tập trung nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của tà đạo “Hà Môn” trên địa bàn Tây Nguyên, đồng thời làm rõ sự lợi dụng tà đạo này của các đối tượng FULRO nhằm phục vụ mục đích chống phá [125]. Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác đấu tranh của lực lượng an ninh, đề tài đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh trong điều kiện tình hình có nhiều diễn biến phức tạp.

Công trình “*Đấu tranh với hoạt động phát triển lực lượng của tổ chức FULRO trong cán bộ, đảng viên người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên*” (2016) của tác giả Lương Đức Hải đi sâu phân tích âm mưu, phương thức và thủ đoạn của FULRO trong việc lôi kéo cán bộ, đảng viên là người DTTS tham gia tổ chức [50]. Qua đó, tác giả chỉ ra những nguy cơ trực tiếp đối với ANCT và khẳng định vai trò then chốt của việc xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ ở địa bàn Tây Nguyên.

Đề tài khoa học cấp Bộ “*Công tác công an bảo đảm an ninh ở địa bàn Tây Nguyên giai đoạn 2000 - 2010*” do Trần Quang Tám (2017) chủ nhiệm đã làm rõ đặc

điểm địa bàn, tình hình an ninh, trật tự và tổng kết thực tiễn công tác công an trong bối cảnh các đối tượng FULRO đẩy mạnh hoạt động lợi dụng tôn giáo nhằm thực hiện ý đồ ly khai, tự trị [89]. Từ đó, đề tài rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị thực tiễn đối với công tác bảo đảm an ninh ở Tây Nguyên.

Luận án tiến sĩ “*Chuyên án đấu tranh với đối tượng FULRO trên địa bàn Tây Nguyên*” của Phạm Hữu Trường (2018) phân tích các chuyên án trong giai đoạn 2006 - 2018, tác giả làm rõ phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng FULRO, cũng như quá trình tổ chức, triển khai các biện pháp nghiệp vụ trong đấu tranh [122]. Luận án không chỉ dừng ở việc đánh giá thực trạng mà còn bước đầu dự báo xu hướng hoạt động của các đối tượng trong bối cảnh mới, khi các yếu tố ANPTT, KGM và quan hệ quốc tế có tác động ngày càng rõ nét. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác chuyên án, góp phần củng cố ANCT, giữ vững ổn định CT-XH trên địa bàn Tây Nguyên.

Đề tài khoa học cấp Bộ “*Phòng, chống lợi dụng tôn giáo hoạt động ly khai dân tộc ở Việt Nam hiện nay*” do tác giả Nông Văn Lưu (2019) chủ nhiệm đã hệ thống hóa các phương thức, thủ đoạn của các đối tượng, trong đó làm rõ sự đan xen giữa yếu tố DTTS, tôn giáo và các tác động từ bên ngoài, nhất là trong điều kiện hội nhập và phát triển KGM [71]. Trên cơ sở phân tích đó, đề tài không chỉ nhận diện rõ các nguy cơ đối với ANCT và ổn định CT-XH, mà còn đề xuất các phương hướng, giải pháp phòng, chống theo hướng kết hợp giữa tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy vai trò của HTCT và quần chúng nhân dân, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác của lực lượng CAND. Cách tiếp cận này góp phần làm rõ mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc, tôn giáo và bảo đảm ANQG, có giá trị tham khảo trong nghiên cứu các địa bàn nhạy cảm như Tây Nguyên.

Cuốn sách “*Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay*” của Nguyễn Văn Minh (2018) tập trung khái quát đặc điểm của các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên, phân tích quá trình hình thành, phạm vi ảnh hưởng và nguyên nhân xuất hiện các hiện tượng tôn giáo mới [73]. Công trình cung cấp những luận cứ quan trọng cho việc nhận diện các vấn đề tôn giáo mới và đánh giá tác động của chúng đối với ANQG trên địa bàn Tây Nguyên.

Công trình “*Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và ANQG trong tình hình mới*” của Phạm Ngọc Anh và Trần Văn Dũng (2020) phân tích tác động đa chiều của cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc đối với ANQG, nhấn mạnh sự gia tăng các mối

đe dọa ANPTT trong môi trường địa chính trị phức tạp [2]. Nghiên cứu chỉ ra việc các TLTD lợi dụng bối cảnh cạnh tranh nước lớn để thúc đẩy “diễn biến hòa bình”, khai thác các vấn đề nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, nhân quyền nhằm gây sức ép và tác động đến ổn định chính trị trong nước.

Trong bài viết “*Mùa xuân Ấ Rập và những bài học đối với công tác bảo đảm ANCT*” tác giả Vũ Hồng Thanh (2012) đã làm rõ nguyên nhân dẫn đến bất ổn chính trị tại khu vực Trung Đông - Bắc Phi, từ bất bình xã hội, phân hóa tôn giáo đến quản trị yếu kém và sự can thiệp từ bên ngoài [93]. Công trình khẳng định bảo đảm ANCT không thể dựa thuần túy vào biện pháp cưỡng chế, mà phải gắn với nâng cao năng lực quản trị xã hội, xử lý kịp thời mâu thuẫn và củng cố đồng thuận xã hội, qua đó tăng cường khả năng ứng phó của HTCT trước các biến động toàn cầu.

Luận án tiến sĩ “*Thực thi chính sách an sinh xã hội trên địa bàn Tây Nguyên*” của Nguyễn Thị Linh Giang (2017) đã tập trung phân tích vai trò của chính sách an sinh xã hội trong bảo đảm công bằng, giảm nghèo và ổn định xã hội tại khu vực chiến lược Tây Nguyên [49]. Công trình chỉ ra những kết quả đạt được cũng như các hạn chế trong phân bổ nguồn lực và năng lực quản trị địa phương, đồng thời khẳng định an sinh xã hội vừa là mục tiêu phát triển, vừa là công cụ chính trị quan trọng để củng cố niềm tin của Nhân dân và góp phần giữ vững ổn định CT-XH, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Công trình “*Các tỉnh ủy ở Tây Nguyên lãnh đạo công tác dân vận giai đoạn hiện nay*” của Vũ Xuân Thủy (2017) đã hệ thống hóa và phân tích vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy trong công tác dân vận tại địa bàn chiến lược, khẳng định dân vận là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân, có ý nghĩa quyết định đối với sự bền vững của HTCT cơ sở và khối đại đoàn kết dân tộc [102].

Bài viết “*Một số quan điểm, nguyên tắc trong giải quyết vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc ở Việt Nam*” của Vũ Thế Tùng và Đỗ Thị Thạch (2024) đã khẳng định rõ tầm quan trọng mang tính chiến lược của vấn đề dân tộc trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, coi đây vừa là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, vừa mang tính cấp bách trong bối cảnh mới [128]. Giá trị nổi bật của nghiên cứu là hệ thống hóa những nguyên tắc nhất quán như: bảo đảm “bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển”; gắn phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội với QP-AN; đồng thời kết hợp giữa việc bảo đảm quyền lợi chính đáng của đồng bào các DTTS với kiên quyết đấu tranh chống các âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ đó,

bài viết đã chỉ ra rằng sức mạnh bảo đảm ANCT phải bắt nguồn từ nền tảng ổn định, bền chặt của quan hệ dân tộc - tôn giáo, được nâng đỡ bởi HTCT cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Công trình “*Nguồn lực tôn giáo trong quá trình xây dựng, phát triển bền vững trên địa bàn Tây Nguyên*” của Nguyễn Duy Thụy (2020) đã đặt ra một cách tiếp cận mới khi coi tôn giáo ở Tây Nguyên vừa là nguồn lực xã hội, vừa là yếu tố tiềm ẩn rủi ro ở góc độ an ninh [98]. Với những dữ liệu thực chứng như tỷ lệ gần 37% dân số có đạo, sự phân hóa phức tạp trong hệ phái Tin Lành hay vai trò tích cực của Công giáo, Phật giáo trong an sinh - tác giả cho thấy tôn giáo có tác động sâu rộng đến kinh tế, văn hóa, xã hội và ANCT.

Đề tài khoa học cấp Nhà nước “*ANCT vùng Tây Nguyên trong bối cảnh quốc tế mới - Thực trạng và giải pháp*”, mã số TN17/X03, do Bùi Quảng Bạ (2020) Đề tài đặt ANCT vùng Tây Nguyên trong bối cảnh quốc tế mới, chú trọng tác động của hội nhập, cạnh tranh chiến lược, các vấn đề ANPTT, KGM và hoạt động chống phá của các TLTĐ [4]. Trên cơ sở phân tích đặc thù dân tộc, tôn giáo, biên giới, đất đai, di cư và phát triển KT-XH của khu vực, công trình làm rõ ANCT địa bàn Tây Nguyên không chỉ là vấn đề xử lý tình huống hay nghiệp vụ an ninh, mà là nhiệm vụ tổng hợp gắn với chất lượng quản trị địa phương, năng lực HTCT cơ sở, hiệu quả phát triển KT-XH và niềm tin của Nhân dân. Các giải pháp được đề xuất theo hướng kết hợp phát triển KT-XH với củng cố QP-AN, phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH, LLVT, CAND và Nhân dân, qua đó gợi mở cách tiếp cận bảo đảm ANCT toàn diện, phòng ngừa từ sớm, từ xa gắn với yêu cầu nâng cao năng lực dự báo, xử lý tình huống từ cơ sở.

Bài viết “*Đảm bảo ANCT ở các tỉnh Tây Nguyên trong tình hình mới*”, Tạp chí sinh hoạt lý luận số 6 (179), của tác giả Mai Thị Hồng Liên (2021) chỉ ra rằng những nguy cơ đối với ANCT không chỉ bắt nguồn từ âm mưu chống phá của các TLTĐ, mà còn đến từ biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, di cư lao động, phân hóa giàu nghèo và ảnh hưởng đa chiều của truyền thông xã hội [66]. Công trình khẳng định ANCT trong bối cảnh hiện nay là một quá trình động, đòi hỏi HTCT phải thường xuyên thích ứng, chủ động phòng ngừa và nâng cao năng lực quản trị rủi ro nảy sinh từ địa bàn.

Trong bài viết *Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội - Thực trạng và giải pháp*, đăng trên Tạp chí Lý luận chính trị số 2 năm 2021, Mai Đức Ngọc (2021) đã chỉ ra một hướng tiếp cận mới mẻ và cấp thiết đối với ANCT trong bối

cảnh kỷ nguyên số [74]. Tác giả nhận định, mạng xã hội vừa là không gian lan tỏa thông tin nhanh chóng, vừa là mặt trận tư tưởng nhạy cảm, nơi các TLTD gia tăng hoạt động chống phá, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; làm rõ mối quan hệ giữa bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng với bảo đảm ANCT, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu trong khi thông tin dần trở thành vũ khí chiến lược.

Bài viết “*Phát triển kinh tế - xã hội miền Trung và Tây Nguyên theo quan điểm Đại hội XIII của Đảng*” của Đoàn Triệu Long (2022) đã khái quát toàn diện thực trạng sau 35 năm đổi mới, đồng thời chỉ ra những khoảng trống lớn trong phát triển của khu vực: quy mô kinh tế còn nhỏ, chất lượng tăng trưởng thấp, liên kết nội vùng lỏng lẻo, lợi thế về biển và rừng chưa được khai thác hiệu quả [69]. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một hệ thống giải pháp: hoàn thiện thể chế và quy hoạch phát triển vùng; phát triển bền vững kinh tế biển và nông nghiệp công nghệ cao; đầu tư hạ tầng liên thông về giao thông, cảng, sân bay; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực khoa học - công nghệ; cải thiện môi trường đầu tư có chọn lọc; đẩy mạnh giảm nghèo bền vững gắn với an sinh xã hội; quản lý hiệu quả tôn giáo, tín ngưỡng; đồng thời tăng cường QP-AN và xây dựng thể trận lòng dân ở biên giới cũng như trên biển.

Bài viết “*Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên*”, tác giả Võ Văn Lợi (2022) phác họa một không gian chiến lược liên tục chịu sức ép “diễn biến hòa bình” qua các yếu tố dân tộc, tôn giáo, đất đai và mạng xã hội [68]. Từ chuỗi vụ việc diễn hình (2001, 2004, 2008, 2016, 2018...), tác giả chỉ ra ba điểm yếu cần khắc phục: chênh lệch phát triển và hạ tầng; lỗ hổng quản trị ở cơ sở; suy thoái một bộ phận cán bộ dễ bị lợi dụng. Trên nền đó, bài viết đề xuất giải pháp đồng bộ: kiên định Nghị quyết 35; chủ động định hướng thông tin, làm sạch KGM; đổi mới giáo dục chính trị; gắn phát triển kinh tế - xã hội với QP-AN biên giới; củng cố tổ chức đảng và thể trận lòng dân; thiết lập cơ chế cảnh báo sớm, ngăn chặn xâm nhập, xử lý nghiêm vi phạm; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và kỷ luật đảng.

Luận án tiến sĩ của Triệu Văn Bình (2023) “*Quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên hiện nay*” đã chỉ ra bản chất, nguyên nhân và hình thức biểu hiện của các loại xung đột xã hội tại Tây Nguyên, từ tranh chấp đất đai, di cư tự do, mâu thuẫn tôn giáo - dân tộc cho đến những tác động phức tạp của quá trình phát triển kinh tế thị trường [15]. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các nhóm giải pháp quản lý mang tính tổng thể: nâng cao hiệu lực quản trị nhà nước; phát huy vai trò của HTCT cơ sở và các tổ chức

xã hội; thúc đẩy đối thoại, hòa giải, củng cố niềm tin cộng đồng; gắn kết phát triển kinh tế - xã hội với việc phòng ngừa và xử lý xung đột.

Nghiên cứu “*Tôn giáo, tín ngưỡng ở khu vực Tây Nguyên hiện nay*” do Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2023), Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam công bố tháng 1/2023 đã chỉ ra hai mặt của tôn giáo: vừa góp phần bồi đắp văn hóa, tạo sự gắn kết cộng đồng, vừa tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng để kích động ly khai, gây rối ANCT. Trong bối cảnh thế giới biến đổi, với nhiều tác động xuyên biên giới, nghiên cứu này khẳng định vai trò trọng yếu của HTCT cơ sở trong việc quản lý, định hướng hoạt động tôn giáo, đồng thời bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng chính đáng, qua đó củng cố sự ổn định CT-XH của vùng [142].

Tác giả Lê Văn Đỉnh (2024), trong bài viết “*Một số giải pháp xây dựng, kiện toàn, củng cố HTCT cơ sở ở Tây Nguyên nhằm giữ vững ổn định*” đã khẳng định vai trò của HTCT cơ sở trong giữ vững ổn định CT-XH. Nghị quyết 23 - NQ/TW (2022) cùng những tổng kết sau các sự việc diễn ra vào các năm 2001, 2004 và 2023 cho thấy giá trị cốt lõi là nâng cao sức mạnh của HTCT cơ sở, chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ - đặc biệt là cán bộ DTTS - và phát huy vai trò của già làng, người uy tín, Mặt trận và các đoàn thể. Từ đó củng cố năng lực lãnh đạo, điều hành, khả năng nắm bắt và xử lý kịp thời các vấn đề xã hội, chống lại nguy cơ “diễn biến hòa bình” và những thách thức ANPTT [47].

Bài viết của Lê Xuân Hoa (2024), “*Tác động tiêu cực của luật tục đối với thực hiện dân chủ ở cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay*”, cho thấy luật tục ở Tây Nguyên vừa có mặt tích cực, vừa kìm hãm dân chủ ở cơ sở [54]. Ba hạn chế lớn được chỉ ra: lối sống khép kín và tư tưởng bình quân làm triệt tiêu động lực; sự chi phối của “thần quyền - tộc quyền” khiến “phép vua thua lệ làng”; và các yếu tố bảo thủ trong văn hóa, tín ngưỡng xung đột với chuẩn mực dân chủ hiện đại. Tác giả đề xuất cần nâng cao nhận thức về pháp luật - dân chủ, phát triển KT-XH làm nền tảng, mở rộng dân chủ trực tiếp, cải cách hành chính, đồng thời phát huy vai trò già làng và HTCT cơ sở để từng bước loại bỏ những tập tục lạc hậu.

Bài viết “*Phát triển Tây Nguyên toàn diện và bền vững*” (2024) của tác giả Phan Hòa đăng trên báo Nhân dân đã phác họa một cách toàn diện vị trí, vai trò chiến lược của Tây Nguyên trong phát triển KT-XH gắn với bảo đảm QP - AN [56]. Tác giả nhấn mạnh giá trị cốt lõi rằng Tây Nguyên không chỉ là vùng đất giàu tiềm năng tài nguyên, văn hóa và lịch sử, mà còn là “không gian CT-XH” đặc thù, nơi các yếu tố dân

tộc, tôn giáo, phát triển và ANCT có sự gắn kết chặt chẽ. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững phải đi đôi với củng cố ANCT, giữ vững ổn định CT-XH, qua đó góp phần bảo đảm ANQG trong tình hình mới.

Tác giả Trương Minh Dục (2025) trong bài viết *“Giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, góp phần xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo động lực, nền tảng cho sự phát triển bền vững trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới”* đã chỉ ra giá trị cốt lõi: phát triển bền vững Tây Nguyên phải gắn chặt với việc giải quyết hài hòa quan hệ dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng - đoàn kết - tôn trọng - giúp nhau cùng phát triển [36]. Bài viết nhấn mạnh các giải pháp kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với QP-AN, quản lý hiệu quả di cư và tôn giáo, phát huy vai trò già làng, người uy tín và xây dựng chính sách đất đai, sinh kế phù hợp.

Bài viết của Trần Thị Thảo (2025), *“Bảo vệ an ninh tư tưởng trong bối cảnh hiện nay”* khẳng định an ninh tư tưởng là trụ cột của ANCT trong bối cảnh truyền thông số lan nhanh, khó kiểm soát; Đảng kiên định nền tảng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ động tiên công trên mặt trận tư tưởng. Nguy cơ lớn đến từ “diễn biến hòa bình”, thao túng truyền thông số và các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, đất đai..., đòi hỏi giải pháp đồng bộ: tăng cường lãnh đạo của Đảng, giáo dục chính trị - tư tưởng, ứng dụng công nghệ, hoàn thiện pháp lý và củng cố thể trận lòng dân [90].

Bài viết của Trần Văn Thạch (2025), *“Nhận diện những thủ đoạn của các TLTĐ hòng lung lạc niềm tin đồng bào dân tộc, gây bạo loạn ở Tây Nguyên”* tập trung phân tích những phương thức chống phá tinh vi mà các TLTĐ sử dụng: lợi dụng vấn đề dân tộc - tôn giáo, khoét sâu khó khăn kinh tế, kích động tranh chấp đất đai, xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước [91]. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh yêu cầu tăng cường củng cố niềm tin chính trị, nâng cao hiệu quả dân vận, phát huy vai trò già làng, người có uy tín và HTCT cơ sở, đồng thời chủ động đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái.

Tác giả Nguyễn Duy Thụy (2025) trong bài viết *“Bảo tồn không gian văn hóa trên địa bàn Tây Nguyên và yêu cầu đặt ra khi sắp xếp lại đơn vị hành chính”* khẳng định không gian văn hóa Tây Nguyên là nền tảng tinh thần và thể trận lòng dân, giữ vai trò quan trọng trong ANCT khi sắp xếp lại đơn vị hành chính [100]. Tác giả đề xuất cách tiếp cận quản trị tổng thể, gắn bảo tồn văn hóa với phát triển KT-XH, quy hoạch đô thị; số hóa dữ liệu, phát huy di sản, phát triển sinh kế bền vững, hoàn thiện pháp lý và nâng cao nhận thức cộng đồng nhằm bảo đảm ổn định và phát triển bền vững.

### 1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về quan điểm, giải pháp và mô hình bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên

Năm 2016, trong bài viết *Ứng dụng khung phân tích hợp nhất về an ninh kinh tế, an ninh nội địa và ANQG, Homeland Security Affairs (Các vấn đề an ninh nội địa), Volume 12 Essay 4.(Bài 4, tập 12)*, Bijan Karimi đã xây dựng một khung phân tích an ninh nhất quán gắn kết ba trụ cột kinh tế - quản trị - ổn định chính trị, làm rõ mối liên hệ từ nền tảng kinh tế - thể chế tới tính chính danh và lòng tin chính trị [154]. Tác giả đề xuất cách tiếp cận quản trị phòng ngừa dựa trên bằng chứng, nhận diện các cú sốc KT-XH như cơ chế gây bất ổn; đồng thời đưa ra bộ tiêu chí sàng lọc rủi ro, hệ chỉ báo cảnh báo sớm và lộ trình chính sách theo logic chi phí - hiệu quả. Tác phẩm cũng xác lập chuẩn mực thể chế và pháp quyền cho ANPTT, khẳng định an ninh bền vững là kết quả của quản trị tốt và công bằng xã hội.

Trong cuốn sách *“China in 2020: A New Type of Superpower (Trung Quốc năm 2020: Một kiểu siêu cường mới)*, Brookings Institution Press. Tác giả Hu Angang (2011) dự báo Trung Quốc trở thành siêu cường kiểu mới dựa trên ba trụ cột: kinh tế, công nghệ và quyền lực mềm, với cách tiếp cận “quyền lực thông minh”. Nghiên cứu đồng thời cảnh báo rủi ro phụ thuộc kinh tế, thâm nhập văn hóa và áp lực địa - chính trị, từ đó nhấn mạnh nhu cầu giám sát đầu tư nhạy cảm, bảo vệ bản sắc văn hóa và tăng cường hợp tác đa phương để giảm thiểu tác động tiêu cực [153].

Đề tài khoa học cấp Bộ *“Xây dựng thể trận an ninh nhân dân trong tình hình mới”*, Bộ Công an năm 2000, do tác giả Đặng Văn Hiếu làm chủ nhiệm đưa ra khái niệm tương đối toàn diện về “thể trận an ninh nhân dân”, nhấn mạnh đây là sự tổ chức, bố trí tổng thể các lực lượng, phương tiện và biện pháp theo một ý đồ chiến lược thống nhất. Nghiên cứu là khẳng định vai trò trung tâm của Nhân dân trong bảo đảm ANCT, đồng thời làm rõ sự kết hợp giữa sức mạnh của toàn xã hội với vai trò nòng cốt của lực lượng CAND [53]. Qua đó, thể trận an ninh nhân dân được nhìn nhận như một cơ chế chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh hiệu quả với các nguy cơ đe dọa ANTT, góp phần giữ vững ổn định CT-XH và bảo đảm ANQG.

Tác giả Nguyễn Văn Thắng (2005), trong công trình *“Hoạt động của các TLTD phá hoại nội bộ và giải pháp đảm bảo an ninh nội bộ trong tình hình mới”* đã chỉ ra một cách toàn diện âm mưu, thủ đoạn của các TLTD nhằm chia rẽ, gây mất đoàn kết trong nội bộ Đảng và HTCT [95]. công trình đề xuất nhiều giải pháp như: tăng cường giáo dục chính trị - tư tưởng, nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, chủ động phát

hiện và ngăn chặn hoạt động móc nối, lôi kéo, đồng thời bồi dưỡng bản lĩnh chính trị và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên.

Bài báo khoa học “*Bàn về nội hàm của khái niệm nền an ninh nhân dân và thể trận an ninh nhân dân*” của Phí Đức Tuấn (2013) tập trung phân tích nội hàm khái niệm nền an ninh nhân dân và thể trận an ninh nhân dân, đồng thời làm rõ các đặc trưng cơ bản của thể trận an ninh nhân dân [126]. Tác giả nhấn mạnh vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp, vai trò nòng cốt của Công an Nhân dân, cùng sự tham gia của phong trào toàn dân bảo vệ ANQG trong tổ chức lực lượng, phương tiện, biện pháp và nghệ thuật bảo vệ an ninh, trật tự.

Tác giả Bùi Trung Thành (2014) trong bài viết “*Bàn thêm nhận thức về nền an ninh nhân dân và thể trận an ninh nhân dân*” khẳng định vai trò của thể trận an ninh nhân dân trong bảo vệ ANQG và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Công trình làm rõ các yếu tố hợp thành của thể trận an ninh nhân dân, nhấn mạnh sự kết hợp sức mạnh của HTCT, khối đại đoàn kết dân tộc, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, cùng sự phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống nghiệp vụ an ninh ở các địa bàn chiến lược [94].

Trong công trình “*Xây dựng thể trận an ninh nhân dân - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Bùi Quảng Bạ (2015) tiếp cận vấn đề xây dựng thể trận an ninh nhân dân trên nền tảng tư tưởng “lấy dân làm gốc” của Đảng [3]. Công trình khẳng định thể trận an ninh nhân dân không chỉ là chiến lược phòng thủ, mà là sự kết hợp giữa lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn cách mạng Việt Nam trong điều kiện mới; qua đó làm rõ vai trò của Nhân dân vừa là chủ thể vừa là lực lượng quyết định trong bảo vệ ANQG, trật tự, an toàn xã hội. Tác giả nhấn mạnh, trong bối cảnh “thế giới biến đổi”, ANCT chỉ bền vững khi được xây dựng từ cơ sở xã hội rộng lớn, gắn với việc củng cố HTCT cơ sở và phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân.

Trong bài viết “*Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia*”, Bùi Đức Anh (2014) phân tích một cách biện chứng tác động hai mặt của hội nhập kinh tế quốc tế đối với an ninh biên giới [1]. Công trình chỉ ra rằng hội nhập vừa tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng biên, củng cố niềm tin của Nhân dân và sức mạnh tại chỗ trong bảo vệ chủ quyền, vừa tiềm ẩn các nguy cơ về phụ thuộc kinh tế, xói mòn chủ quyền và gia tăng tội phạm xuyên quốc gia. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế đối ngoại với bảo đảm an ninh biên giới, qua đó làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển kinh tế và ổn định an ninh - chính trị ở các địa bàn chiến lược.

Đề tài khoa học cấp Bộ “*Xây dựng thể trận an ninh nhân dân vùng chiến lược Tây Bắc trong tình hình hiện nay*” của Mai Quang Hiện (2015) làm rõ khái niệm, mục đích, yêu cầu và nội dung xây dựng thể trận an ninh nhân dân [51]. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn, đề tài đánh giá tương đối toàn diện thực trạng xây dựng thể trận an ninh nhân dân, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân. Đồng thời, công trình bước đầu dự báo các yếu tố tác động và đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng thể trận an ninh nhân dân, góp phần giữ vững ANCT, ổn định CT-XH ở địa bàn chiến lược.

Bài báo khoa học “*Quan điểm của Đảng về thể trận an ninh nhân dân*” của tác giả Tô Lâm (9/2016), khái quát quan điểm của Đảng về xây dựng thể trận an ninh nhân dân, nhấn mạnh đây là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn HTCT và toàn dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước [61].

Bài báo khoa học “*Xây dựng nền an ninh Nhân dân, thể trận an ninh nhân dân trong 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991*” của Trần Anh Vũ (12/2019), Tạp chí Công an Nhân dân [127], tổng kết nhận thức và thực tiễn xây dựng thể trận an ninh nhân dân trong 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, chỉ ra những hạn chế trong nhận thức và tổ chức thực hiện. Từ đó, tác giả đề xuất phương hướng tiếp tục xây dựng, củng cố thể trận an ninh nhân dân theo hướng toàn diện, gắn với yêu cầu bảo đảm ANQG trong tình hình mới.

Trong đề tài “*Quan điểm, định hướng, giải pháp đảm bảo an ninh nội bộ, phòng chống âm mưu chuyển hóa chính trị ở Việt Nam*”, Hoàng Kông Tư (2010) [138] tiếp cận vấn đề bảo đảm an ninh nội bộ gắn với phòng, chống nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ HTCT [124]. Tác giả phân tích sâu các biểu hiện, nguyên nhân và tác động của các hiện tượng này, coi đây là thách thức trực tiếp đối với ANCT và vai trò lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất hệ giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ, góp phần giữ vững ổn định CT-XH trong bối cảnh hội nhập.

Bài viết “*Những tác động của tình hình quốc tế, trong nước và một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống hoạt động xâm phạm ANQG trong thời kỳ hội nhập quốc tế*” (2013) của Nguyễn Hồng Quân [82] và công trình “*Phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay*” (2020) của Nguyễn Thị Thanh Thùy [101] cùng đặt vấn đề bảo vệ ANQG trong bối cảnh môi trường an ninh ngày càng phức tạp

sau Chiến tranh lạnh. Các tác giả nhấn mạnh sự gia tăng của các mối đe dọa ANPTT, sự đan xen giữa yếu tố trong nước và quốc tế, từ đó đề xuất cách tiếp cận chủ động, toàn diện trong phòng ngừa và đấu tranh với các hành vi xâm phạm ANQG, đặc biệt chú trọng nâng cao hiệu quả công tác dự báo, quản lý và phòng ngừa từ sớm, từ xa.

Đề tài cấp Nhà nước “*Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên*” (2014) của Phạm Quang Hoan (2014) tiếp cận vấn đề Tây Nguyên từ góc độ quan hệ tộc người và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc [57]. Công trình đã phân tích sâu các trục quan hệ chủ yếu giữa các tộc người, đồng thời chỉ ra những sức ép từ di cư, đất đai, tôn giáo đối với ổn định CT-XH. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp gắn phát triển KT-XH với củng cố HTCT cơ sở và phát triển đội ngũ cán bộ DTTS, qua đó góp phần tăng cường ANCT trên địa bàn.

Nghiên cứu “*Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nghiệp vụ các đối tượng hệ FULRO trên địa bàn Tây Nguyên*” của Bùi Trung Hiếu (2016) không chỉ làm rõ đặc điểm, phương thức hoạt động của các đối tượng mà còn phân tích mối liên hệ trực tiếp giữa hiệu quả quản lý nghiệp vụ với khả năng phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn các nguy cơ xâm nhập, tác động vào HTCT cơ sở. Qua đó, công trình nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng công tác nghiệp vụ theo hướng chủ động, sát địa bàn, góp phần giữ vững ổn định CT-XH trong điều kiện mới [52].

Luận án tiến sĩ “*Thực hiện bình đẳng dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*” của Nguyễn Sĩ Hòa (2017) tiếp cận vấn đề bình đẳng dân tộc dưới góc độ tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đây là nguyên tắc nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc [55]. Công trình đã luận giải rõ mối quan hệ giữa bình đẳng dân tộc với ổn định CT-XH và ANQG, đặc biệt trong bối cảnh Tây Nguyên là địa bàn có cơ cấu dân tộc đa dạng, tiềm ẩn nhiều yếu tố nhạy cảm. Tác giả khẳng định việc bảo đảm quyền và lợi ích giữa các dân tộc không chỉ có ý nghĩa về phát triển mà còn là điều kiện căn bản để củng cố niềm tin chính trị và tăng cường ANCT ở địa bàn.

Luận án tiến sĩ “*Xây dựng thế trận an ninh nhân dân vùng chiến lược Tây Nguyên*” của Ksor H’Bơ Khấp (2022) tập trung nghiên cứu xây dựng thế trận an ninh nhân dân ở vùng chiến lược Tây Nguyên trong bối cảnh mới [60]. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, công trình đã phân tích sâu các yếu tố tác động, đặc biệt là âm mưu, phương thức hoạt động của các TLTĐ và tội phạm gắn với đặc điểm KT-XH của vùng. Từ đó, tác giả đề xuất hệ thống giải pháp tương đối toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả xây

dựng thể trận an ninh nhân dân, nhấn mạnh vai trò của HTCT, lực lượng CAND và quần chúng nhân dân trong bảo đảm ANCT.

Luận án tiến sĩ “*Đấu tranh với hoạt động của lực lượng FULRO lợi dụng tôn giáo xâm phạm an ninh, trật tự trên địa bàn Tây Nguyên*” của Nguyễn Khắc Khánh (2022) tiếp cận trực diện vấn đề đấu tranh với hoạt động của FULRO lợi dụng tôn giáo xâm phạm an ninh trật tự trên địa bàn Tây Nguyên [61]. Công trình đã khảo sát toàn diện về địa bàn, tổ chức, phương thức hoạt động của các đối tượng, đồng thời phân tích thực tiễn công tác đấu tranh của lực lượng an ninh trong thời gian dài. Qua đó, tác giả làm rõ tính chất phức tạp, dai dẳng của loại hình đe dọa này và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh, góp phần giữ vững ANCT và ổn định CT-XH.

Bài viết “*Nhận diện và đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các TLTĐ lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo can thiệp vào ANCT trên địa bàn Tây Nguyên*”, Thái Đại Ngọc (2023) tiếp cận vấn đề từ góc độ nhận diện và đấu tranh với các thủ đoạn của TLTĐ lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Tây Nguyên [75]. Tác giả đã chỉ ra xu hướng kết hợp giữa các yếu tố nhạy cảm về đất đai, sinh kế, tín ngưỡng với hoạt động chống phá trên thực địa và KGM, điển hình qua vụ việc Cư Kuin (2023). Trên cơ sở đó, công trình đề xuất cách tiếp cận tổng hợp, nhấn mạnh vai trò của thể trận lòng dân, sự phối hợp liên ngành và việc kết hợp các biện pháp pháp lý, hành chính, nghiệp vụ trong bảo đảm ANCT trên địa bàn chiến lược này.

## **1.2. GIÁ TRỊ CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU**

### **1.2.1. Giá trị các công trình tổng quan liên quan đến đề tài luận án**

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về ANQG, ANCT và thực tiễn bảo đảm ANCT, đặc biệt các nghiên cứu gắn với Việt Nam và địa bàn chiến lược Tây Nguyên đã cho thấy hệ thống tri thức được tích lũy rất phong phú, đa dạng về cách tiếp cận và có giá trị khoa học đáng kể. Các giá trị này có thể khái quát trên một số phương diện chủ yếu sau:

*Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã cung cấp hệ thống nền tảng lý luận quan trọng, góp phần hình thành và phát triển nền tảng lý luận về ANCT theo hướng toàn diện, hiện đại.*

Các công trình nghiên cứu đã vượt ra khỏi khuôn khổ tiếp cận an ninh truyền thống, thiên về bảo vệ nhà nước bằng quyền lực, để từng bước hình thành cách tiếp cận

ANCT theo hướng toàn diện, đa chiều, gắn chặt với con người, xã hội và hiệu quả quản trị chính trị... đều thống nhất ở nhận thức rằng ANCT không phải là trạng thái ổn định tĩnh tại, mà là một quá trình động, chịu sự chi phối thường xuyên của quyền lực chính trị, mức độ đồng thuận xã hội, hiệu quả quản trị và năng lực thích ứng của HTCT trước các biến động bên trong và bên ngoài. Nhóm công trình này đã cung cấp nền tảng lý luận vững chắc để tiếp cận ANCT không chỉ từ góc độ quyền lực nhà nước, mà từ chiều sâu xã hội, văn hóa và con người, một tiền đề đặc biệt quan trọng khi nghiên cứu ANCT ở những địa bàn có cấu trúc xã hội phức tạp như Tây Nguyên.

Đồng thời, nhiều nghiên cứu đã làm rõ tác động ngày càng sâu sắc của bối cảnh quốc tế và địa - chính trị đối với ANCT của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn cho thấy ANCT trong bối cảnh mới không thể tách rời môi trường khu vực và toàn cầu. Sự đan xen giữa cạnh tranh quyền lực, chuyển dịch trật tự quốc tế, chiến tranh thông tin và các hình thức can thiệp thông qua vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo... đã tạo ra những sức ép gián tiếp nhưng tác động trực tiếp đối với ổn định chính trị. Những luận giải này có giá trị phương pháp luận quan trọng, giúp đặt nghiên cứu ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong mối liên hệ hữu cơ giữa yếu tố nội sinh và ngoại sinh, qua đó tránh cách tiếp cận giản đơn, khép kín khi luận giải các vấn đề ANCT trong bối cảnh mới.

*Thứ hai, nhiều công trình đã làm rõ tác động của bối cảnh quốc tế và môi trường địa - chính trị đối với ANCT.*

Các nghiên cứu cho thấy, trong điều kiện toàn cầu hóa và sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, ANCT không còn là vấn đề thuần túy nội bộ mà ngày càng chịu sự chi phối mạnh mẽ từ các yếu tố bên ngoài. sự chuyển dịch trật tự quốc tế, gia tăng xung đột lợi ích, cùng với các hình thức cạnh tranh phi truyền thống như chiến tranh thông tin, tác động truyền thông và can thiệp “mềm” thông qua các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo... đã và đang tạo ra những sức ép gián tiếp nhưng sâu sắc đối với ổn định chính trị của các quốc gia. Những luận giải này không chỉ mở rộng phạm vi nhận thức về ANCT mà còn có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng, khi đặt ANCT trong mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố nội sinh và ngoại sinh, qua đó khắc phục cách tiếp cận khép kín, giản đơn trong phân tích các vấn đề an ninh trong bối cảnh mới.

*Thứ ba, các công trình nghiên cứu trong nước đã góp phần cụ thể hóa lý luận ANCT phù hợp với điều kiện Việt Nam.*

Trên cơ sở vận dụng các quan điểm lý luận chung về ANQG và ANCT, các nghiên cứu đã làm rõ đặc trưng của ANCT trong điều kiện một quốc gia đang phát triển, có sự chuyển đổi mạnh mẽ về kinh tế và hội nhập quốc tế sâu rộng. Các công trình khẳng định ANCT không thể được bảo đảm bền vững nếu tách rời phát triển KT-XH, bảo đảm an sinh và củng cố niềm tin của Nhân dân. Theo đó, ANCT được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với ổn định chính trị, phát triển bền vững và xây dựng “thế trận lòng dân”, coi đây là nền tảng bảo đảm tính năng lực, hiệu quả vận hành của HTCT. Đồng thời, các công trình cũng làm rõ vai trò của HTCT trong tổ chức và duy trì trạng thái ổn định, đặc biệt trong bối cảnh xuất hiện các thách thức mới như an ninh tư tưởng, an ninh trên KGM và sự gia tăng của các yếu tố phi truyền thống.

*Thứ tư, các công trình nghiên cứu về Tây Nguyên đã cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng, góp phần làm rõ đặc thù địa bàn và cơ chế phát sinh các nguy cơ đối với ANCT.*

Các nghiên cứu chuyên sâu về dân tộc, tôn giáo, đất đai, sinh kế, cũng như hoạt động của các đối tượng FULRO và các TLTĐ đã chỉ ra rằng ANCT địa bàn Tây Nguyên mang tính chất phức hợp, nhạy cảm và dễ bị tác động. Đáng chú ý, nhiều công trình đã làm rõ mối liên hệ giữa những hạn chế trong quản trị xã hội, bất cập trong phát triển KT-XH với nguy cơ bị kích động, lôi kéo, từ đó chuyển hóa thành các điểm nóng CT-XH. Qua đó cho thấy, ANCT trên địa bàn này không thể được nhìn nhận đơn thuần như vấn đề an ninh, mà phải được tiếp cận trong mối quan hệ chặt chẽ với các yếu tố xã hội và phát triển, phản ánh đúng tính chất của một “không gian CT-XH đặc thù như Tây Nguyên.

*Thứ năm, một số công trình đã tiếp cận ANCT từ góc độ HTCT cơ sở và quản trị xã hội, qua đó làm rõ nền tảng xã hội của ổn định chính trị.*

Các nghiên cứu đều nhấn mạnh rằng ổn định chính trị trước hết được hình thành và duy trì ở cấp cơ sở; nơi nào HTCT hoạt động hiệu quả, các mâu thuẫn xã hội được nhận diện và xử lý kịp thời, thì nguy cơ phát sinh bất ổn sẽ được hạn chế. Từ góc độ này, bảo đảm ANCT không chỉ là nhiệm vụ của các lực lượng chuyên trách, mà còn là kết quả của quá trình quản trị xã hội hiệu quả, điều hòa lợi ích và củng cố niềm tin của Nhân dân. Điều đó cho thấy xu hướng chuyển từ cách tiếp cận thiên về xử lý sự vụ sang tiếp cận phòng ngừa, quản trị rủi ro và chủ động kiểm soát các yếu tố tiềm ẩn.

*Thứ sáu, các công trình về quan điểm, mô hình và giải pháp bảo đảm an ninh chính trị đã bước đầu hình thành cơ sở thực tiễn cho tổ chức thực hiện, làm rõ vai trò của Đảng, Nhà nước, lực lượng Công an nhân dân và Nhân dân trong bảo đảm ANCT.*

Các nghiên cứu đã làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của lực lượng CAND và sự tham gia của Nhân dân trong bảo đảm ANCT, qua đó hình thành những định hướng quan trọng trong tổ chức thực thi. Tuy nhiên, các giải pháp được đề xuất chủ yếu vẫn mang tính phân tán theo từng lĩnh vực hoặc từng chủ thể, chưa được tích hợp trong một cấu trúc tổng thể, thống nhất. Điều này cho thấy yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu theo hướng hệ thống, nhằm xây dựng khung giải pháp đồng bộ, phù hợp với đặc thù và yêu cầu bảo đảm ANCT trên các địa bàn chiến lược như Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

*Tóm lại, các công trình đã tạo dựng một nền tảng lý luận và thực tiễn tương đối vững chắc cho nghiên cứu ANCT. Tuy nhiên, có thể nhận thấy điểm chung là các nghiên cứu chủ yếu tiếp cận theo từng lát cắt riêng lẻ (dân tộc, tôn giáo, FULRO, HTCT cơ sở, thế trận an ninh nhân dân...), trong khi còn thiếu những nghiên cứu mang tính tích hợp, đặt vấn đề bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong một chỉnh thể thống nhất, gắn với bối cảnh mới và sự đan xen của các yếu tố trong nước và quốc tế. Đây chính là khoảng trống mà luận án cần tiếp tục làm rõ.*

### **1.2.2. Những khoảng trống luận án tập trung nghiên cứu**

Từ việc tổng quan có hệ thống các công trình nghiên cứu liên quan, có thể nhận thấy rằng mặc dù vấn đề ANCT trên địa bàn Tây Nguyên đã được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, song vẫn còn tồn tại những khoảng trống nhất định cả về lý luận và thực tiễn. Những khoảng trống này chủ yếu xuất phát từ việc các nghiên cứu chưa đặt ANCT trên địa bàn Tây Nguyên dưới góc độ khoa học chính trị và trong bối cảnh biến đổi nhanh của môi trường an ninh hiện nay.

*Thứ nhất, còn thiếu một khung phân tích tổng hợp có khả năng lý giải đầy đủ cấu trúc và cơ chế vận động của ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.*

Phần lớn các nghiên cứu hiện nay tiếp cận theo từng lĩnh vực hoặc từng nhân tố riêng lẻ như dân tộc, tôn giáo, đất đai, FULRO, HTCT cơ sở hay phát triển KT-XH. Cách tiếp cận này có ý nghĩa trong việc làm rõ từng khía cạnh cụ thể, nhưng chưa giải thích được sự tương tác, đan xen và khả năng chuyển hóa lẫn nhau giữa các yếu tố này. Trong khi đó, xét từ góc độ chính trị học, ANCT địa bàn Tây Nguyên là kết quả của

một quá trình vận động tổng hợp, trong đó các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và KGM không tồn tại tách biệt mà liên tục tác động qua lại. Việc chưa xây dựng được một khung phân tích tích hợp đã hạn chế khả năng nhận diện đúng cơ chế hình thành và lan tỏa của các nguy cơ mất ổn định CT-XH trên địa bàn.

*Thứ hai*, vai trò của các chủ thể trong HTCT đối với bảo đảm ANCT chưa được lý giải một cách đầy đủ trong mối quan hệ tương tác.

Các nghiên cứu chủ yếu nhấn mạnh vai trò của lực lượng CAND và Quân đội với tư cách là lực lượng nòng cốt trong bảo vệ ANQG. Tuy nhiên, trên thực tế, trạng thái ổn định chính trị không chỉ phụ thuộc vào năng lực của các lực lượng chuyên trách, mà còn được quyết định bởi hiệu quả vận hành của toàn bộ HTCT và sự tham gia của các chủ thể xã hội. Vai trò của cấp ủy, chính quyền cơ sở, MTTQ, các tổ chức CT-XH, cũng như các thiết chế xã hội truyền thống chưa được đặt trong một cấu trúc phân tích thống nhất để làm rõ cơ chế phối hợp, tác động và điều hòa lợi ích. Điều này dẫn đến hạn chế trong việc chuyển hóa các kết luận khoa học thành các giải pháp có tính khả thi và bền vững trong thực tiễn.

*Thứ ba*, việc vận dụng các lý thuyết và cách tiếp cận hiện đại vào nghiên cứu ANCT còn thiếu tính hệ thống.

Các hướng tiếp cận như ANPTT, an ninh phát triển và quản trị rủi ro mới chỉ được đề cập ở mức độ nhất định, chưa trở thành nền tảng phân tích xuyên suốt. Trong bối cảnh Tây Nguyên đang chịu tác động đồng thời của nhiều yếu tố mới như biến đổi khí hậu, di cư tự do, phân hóa lợi ích và sự lan tỏa nhanh của thông tin trên KGM, việc thiếu một cách tiếp cận dựa trên nhận diện sớm và quản trị rủi ro khiến cho các nghiên cứu còn thiên về xử lý hậu quả, thay vì chủ động phòng ngừa. Đây là khoảng trống quan trọng cả về phương pháp tiếp cận và định hướng chính sách.

*Thứ tư*, còn thiếu các nghiên cứu có khả năng kết nối chặt chẽ giữa lý luận, thực tiễn và hệ thống giải pháp trong một cấu trúc thống nhất.

Nhiều công trình đã cung cấp các luận cứ có giá trị, song thường dừng lại ở việc phân tích khái quát, nghiên cứu trường hợp hoặc đề xuất giải pháp theo từng lĩnh vực riêng biệt. Việc chưa đặt các nội dung này trong một chỉnh thể logic, gắn kết giữa cơ sở lý luận, đánh giá thực tiễn và định hướng giải pháp, khiến cho các kết quả nghiên cứu chưa phát huy đầy đủ giá trị trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách.

*Thứ năm*, vấn đề ANCT trên KGM gắn với đặc thù Tây Nguyên chưa được nghiên cứu tương xứng với yêu cầu thực tiễn, chưa làm rõ cơ chế phòng ngừa, giám sát và quản trị rủi ro thông tin ở cấp cơ sở trước các hoạt động chống phá trên môi trường

Trong điều kiện chuyển đổi số, KGM đã trở thành một không gian tác động trực tiếp đến nhận thức xã hội và hành vi chính trị. Các TLTĐ gia tăng sử dụng môi trường này để lan truyền thông tin sai lệch, kích động chia rẽ dân tộc, tôn giáo và khoét sâu các mâu thuẫn xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận ANCT trên KGM ở phạm vi chung, chưa làm rõ đặc thù của địa bàn Tây Nguyên, đặc biệt là chưa xây dựng được cách tiếp cận về năng lực phòng ngừa, giám sát xã hội và quản trị rủi ro thông tin ở cấp cơ sở.

Từ các phân tích trên có thể thấy, khoảng trống cơ bản của các nghiên cứu hiện có không chỉ nằm ở từng nội dung riêng lẻ, mà ở việc chưa hình thành được một cách tiếp cận có khả năng lý giải ANCT trên địa bàn Tây Nguyên như một chỉnh thể vận động trong bối cảnh mới. Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu trước, luận án tập trung làm rõ đặc thù, cơ chế vận động và những yêu cầu mới của công tác bảo đảm ANCT, qua đó góp phần bổ sung cơ sở lý luận và cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chính sách và tổ chức thực tiễn, nhằm giữ vững ổn định CT-XH và phát triển bền vững Tây Nguyên.

### **Tiểu kết Chương 1**

Chương 1 đã tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến ANQG, ANCT và bảo đảm ANCT. Nội dung tổng quan tập trung vào ba nhóm vấn đề chính: <sup>(1)</sup>cơ sở lý luận và cách tiếp cận đối với ANCT, <sup>(2)</sup>thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, <sup>(3)</sup>quan điểm, mô hình và giải pháp bảo đảm ANCT ở các địa bàn chiến lược. Qua tổng quan cho thấy, các công trình đã cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu đề tài.

Về lý luận, các nghiên cứu đã góp phần mở rộng nhận thức về ANCT từ cách tiếp cận truyền thống, thiên về bảo vệ nhà nước bằng quyền lực, sang cách tiếp cận toàn diện hơn, gắn với con người, xã hội, quản trị chính trị, phát triển bền vững gắn với thể trận lòng dân. Về thực tiễn, các công trình nghiên cứu về Tây Nguyên đã làm rõ tính chất đặc thù của địa bàn, nhất là các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, sinh kế, HTCT cơ sở, hoạt động của FULRO và các TLTĐ lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tác động đến ANCT.

Tuy nhiên, kết quả tổng quan cũng cho thấy các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận vấn đề theo từng lát cắt riêng lẻ. Các công trình chưa hình thành được một khung phân tích tích hợp để lý giải ANCT trên địa bàn Tây Nguyên như một chỉnh thể vận động trong bối cảnh mới. Đặc biệt, vai trò của các chủ thể trong HTCT, cơ chế phối hợp giữa các lực lượng, tác động của ANPTT, KGM và quản lý, quản trị rủi ro đối với bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên vẫn cần tiếp tục được nghiên cứu sâu hơn. Trên cơ sở kế thừa những giá trị của các công trình đã công bố, luận án xác định hướng nghiên cứu tập trung vào việc làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng, cơ chế và yêu cầu của hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Đây là cơ sở để luận án xây dựng các quan điểm và giải pháp phù hợp, góp phần giữ vững ổn định CT-XH, củng cố ANQG và thúc đẩy phát triển bền vững Tây Nguyên trong giai đoạn tiếp theo.

## Chương 2

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

## 2.1. KHÁI NIỆM BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

### 2.1.1. Khái niệm an ninh, an ninh chính trị và an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

#### 2.1.1.1. *Khái niệm an ninh và an ninh quốc gia*

##### - *An ninh*

Trong tiến trình lịch sử của các cộng đồng chính trị có tổ chức, an ninh luôn giữ vị trí nền tảng đối với sự ổn định quyền lực và sự phát triển xã hội. Song, nhận thức về an ninh không bất biến, mà vận động cùng với sự phát triển của đời sống CT-XH. Theo cách tiếp cận truyền thống, an ninh thường được hiểu như trạng thái không có chiến tranh hoặc xung đột vũ trang, phản ánh giai đoạn mà các mối đe dọa chủ yếu mang tính quân sự, đối đầu trực tiếp giữa các quốc gia.

Trong khoa học CT-XH hiện đại, nội hàm của khái niệm an ninh đã được mở rộng theo hướng toàn diện hơn. An ninh không chỉ là trạng thái ổn định, an toàn, mà còn là một quá trình chủ động và liên tục, trong đó các chủ thể thực hiện phòng ngừa, kiểm soát và xử lý các nguy cơ đe dọa đối với đời sống CT-XH. Cách tiếp cận này cho phép nhận diện an ninh một cách đầy đủ hơn, không chỉ ở trạng thái đạt được mà còn ở năng lực quản trị rủi ro và ứng phó với các thách thức trong quá trình phát triển.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và sự gia tăng của các thách thức ANPTT, nhận thức về ANQG tiếp tục được mở rộng. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh “từ nhận thức ANQG chủ yếu là vấn đề nội bộ đến an ninh tổng hợp, toàn diện bao gồm: ANCT, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá - tư tưởng, an ninh thông tin, an ninh trên lĩnh vực tôn giáo, dân tộc, an ninh nông thôn, đô thị và các vùng chiến lược, an ninh lãnh thổ... Nhận thức về nguy cơ, thách thức đối với ANQG bao gồm cả yếu tố truyền thống và ANPTT, trên bộ, trên biển, trên không, vũ trụ và KGM” [44, tr.71 - 72]. Điều đó cho thấy an ninh không chỉ là sự ổn định đơn thuần mà còn là năng lực phòng ngừa, thích ứng và kiểm soát rủi ro trong quá trình phát triển.

Từ góc nhìn lịch sử - văn hóa, nội hàm khái niệm “an ninh” cũng đã được hình thành từ sớm. Trong tư duy phương Đông, “an” là “yên”, “ninh” là “không hỗn loạn” [143, tr.5], phản ánh trạng thái hài hòa, ổn định của đời sống xã hội. Theo Nguyễn Như Ý, an ninh gắn với “trật tự xã hội, tình hình chính trị yên ổn, không lộn xộn, nguy hiểm” [144, tr.25]. Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam xác định “an ninh” là trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu đe dọa đến sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội [24, tr.25]. Những cách tiếp cận này tuy nhấn mạnh phương diện trạng thái, nhưng đồng thời hàm chứa yêu cầu duy trì và bảo vệ trạng thái đó trước các nguy cơ bất ổn.

Dưới góc độ chính trị học, an ninh gắn với vai trò của Nhà nước, HTCT và các lực lượng nòng cốt như CAND, QĐND trong việc bảo vệ trật tự CT-XH, bảo đảm điều kiện ổn định cho sự tồn tại và phát triển của quốc gia. Trên cơ sở kế thừa các quan điểm nghiên cứu và tiếp thu yêu cầu tiếp cận hiện đại, luận án xác định nội hàm khái niệm an ninh trên hai phương diện thống nhất: <sup>(1)</sup> Ở phương diện trạng thái, an ninh là tình trạng ổn định và an toàn của cá nhân, cộng đồng, quốc gia và dân tộc. <sup>(2)</sup> Ở phương diện quá trình, an ninh là hoạt động chủ động, thường xuyên của các chủ thể trong HTCT, trong đó lực lượng CAND giữ vai trò nòng cốt, phối hợp với QĐND và MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội nhằm phòng ngừa, phát hiện, kiểm soát, xử lý và khắc phục các nguy cơ, thách thức nảy sinh trong đời sống CT-XH. Hai phương diện này thống nhất với nhau, trong đó quá trình bảo đảm là điều kiện duy trì trạng thái, còn trạng thái phản ánh hiệu quả của quá trình.

Từ những phân tích nêu trên, luận án xác định: *An ninh là trạng thái ổn định và an toàn của cá nhân, tổ chức, quốc gia, dân tộc, rộng hơn là toàn xã hội, trong đó các nguy cơ đe dọa đến sự tồn tại và phát triển cơ bản được ngăn chặn, kiểm soát hoặc loại trừ trong những điều kiện lịch sử - xã hội nhất định. Đồng thời, đó cũng là quá trình chủ động, liên tục của các chủ thể trong HTCT, vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, nhằm phòng ngừa, kiểm soát và xử lý các nguy cơ, bao gồm cả các yếu tố truyền thống và ANPTT, góp phần bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của CT-XH và ANQG.*

#### *- An ninh quốc gia*

ANQG là hình thái biểu hiện đặc thù của an ninh trong khuôn khổ quốc gia - nhà nước, gắn trực tiếp với sự tồn vong của cộng đồng chính trị có chủ quyền. Về nội dung cốt lõi, ANQG bao gồm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ;

bảo vệ chế độ chính trị và năng lực tự quyết của quốc gia; đồng thời bảo đảm các điều kiện căn bản để Nhân dân được sống trong hòa bình, ổn định và phát triển. Theo nghĩa rộng, ANQG không chỉ là “an toàn” theo nghĩa phòng thủ, mà còn bao hàm trạng thái ổn định và phát triển bền vững trên các lĩnh vực CT-XH, KT-XH, văn hóa, dân cư và lãnh thổ.

Quan niệm về ANQG Việt Nam vừa tiếp thu có chọn lọc thành tựu lý luận quốc tế, vừa mang đặc thù gắn với chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa và lịch sử dựng nước, giữ nước. Từ điển Bách khoa CAND Việt Nam (2005) định nghĩa: “ANQG là sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích quan trọng khác của một quốc gia” [20, tr.24]. Về mặt pháp lý, Điều 3 Luật ANQG (2004) xác định rõ phạm vi ANQG Việt Nam: “ANQG là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc” [83, tr.8]. Cách tiếp cận này cần được hiểu thống nhất với tư cách là khái niệm về trạng thái ANQG, phân biệt với nội dung, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ ANQG.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đặc biệt là cách mạng 4.0 và KGM, nhận thức về ANQG có xu hướng mở rộng theo hướng toàn diện và phức hợp hơn, nhất là trước sự gia tăng của các thách thức ANPTT. Nghị quyết số 51-NQ/TW (2019) của Bộ Chính trị nhấn mạnh ANQG là sự vững mạnh, trường tồn của Đảng, sự ổn định, phát triển bền vững về mọi mặt của đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; sự ổn định về chính trị, biên giới, chủ quyền lãnh thổ quốc gia và an ninh, an toàn của xã hội. Công tác bảo vệ ANQG phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của các cấp, các ngành.

Sự phát triển nhận thức về ANQG tiếp tục được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIV, với yêu cầu tiếp cận ngày càng toàn diện hơn đối với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi, phương châm, huy động các nguồn lực, biện pháp bảo vệ ANQG và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ngày càng đầy đủ” [44, tr.72]. Điều này cho thấy ANQG không chỉ là trạng thái cần đạt tới, mà còn là quá trình thường xuyên được củng cố bằng các chính sách và hoạt động thực tiễn.

Khoản 5, Điều 14 Luật ANQG (2004) xác định nhiệm vụ bảo vệ ANQG là “Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm ANQG, nguy cơ đe dọa ANQG” [83, tr.16]. Trên cơ sở đó, Luật cụ thể hóa các nội dung trọng yếu như: <sup>(1)</sup> bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước CHXHCN Việt Nam; <sup>(2)</sup> giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; <sup>(3)</sup> bảo đảm an ninh tư tưởng, văn hóa, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; <sup>(4)</sup> giữ vững an ninh trong các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại cùng các lợi ích chiến lược khác; <sup>(5)</sup> bảo vệ bí mật Nhà nước và những mục tiêu đặc biệt quan trọng gắn liền với ANQG [83, tr.16]. Điều này thể hiện cách tiếp cận toàn diện, gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ chế độ, giữ vững trật tự xã hội với việc tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm lý luận và căn cứ pháp lý nêu trên, có thể hiểu một cách khái quát: *ANQG Việt Nam là trạng thái ổn định và phát triển bền vững của đất nước, trong đó các lợi ích cốt lõi của quốc gia - dân tộc, trước hết là chế độ chính trị, Nhà nước, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, được bảo đảm một cách chủ động, hiệu quả dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước và sự tham gia của toàn bộ HTCT cùng Nhân dân.*

### **2.1.1.2. Khái niệm an ninh chính trị và bảo đảm an ninh chính trị**

#### **- An ninh chính trị**

Theo Bách khoa toàn thư CAND Việt Nam (2020), Phần An ninh - tập 1, “Chính trị là toàn bộ những hoạt động gắn với các mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc, mà hạt nhân là vấn đề giành, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước; sự tham gia của Nhân dân vào công việc của nhà nước; cũng như việc xác định hình thức tổ chức, nhiệm vụ và nội dung hoạt động của nhà nước” [21, tr.620]. Cách tiếp cận này cho thấy chính trị không chỉ là lĩnh vực quyền lực, mà còn là không gian tổ chức và điều tiết các quan hệ xã hội cơ bản thông qua nhà nước.

Từ góc độ khoa học chính trị, ANCT được hiểu là trạng thái phản ánh chất lượng và hiệu quả vận hành của quyền lực chính trị trong đời sống CT-XH. ANCT không chỉ gắn với sự tồn tại của quyền lực nhà nước, mà cốt lõi là bảo đảm cho quyền lực đó được tổ chức và thực thi hợp pháp, hiệu lực, hiệu quả; qua đó duy trì ổn định CT-XH, củng cố niềm tin xã hội và tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

Từ điển Bách khoa CAND (2005) định nghĩa: “ANCT là sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ chính trị; là nội dung chủ yếu của ANQG; bao gồm sự ổn định chính trị, nền tảng tư tưởng, thể chế chính trị, quyền lãnh đạo của Đảng, an toàn nội bộ và việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được bảo đảm” [20, tr.20]. Định nghĩa này cho thấy ANCT giữ vị trí trung tâm trong cấu trúc ANQG.

Trong bối cảnh hiện nay, ANCT là một trạng thái động, chịu sự tác động đồng thời của các yếu tố bên trong và bên ngoài. Các yếu tố bên trong mang tính chủ quan, như chất lượng lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, năng lực vận hành của HTCT, mức độ đồng thuận và niềm tin của Nhân dân, cùng các vấn đề KT-XH, dân tộc, tôn giáo. Các yếu tố bên ngoài mang tính khách quan, bao gồm tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, hoạt động chống phá của TLTĐ và các thách thức ANPTT, nhất là trên KGM. Sự tác động qua lại của các yếu tố này làm cho ANCT mang tính phức hợp, với các thách thức chủ yếu trên hai phương diện: tư tưởng - chính trị và thể chế - tổ chức. Vì vậy, ANCT ở Việt Nam cần được nhận thức gắn với cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, trong đó CAND giữ vai trò nòng cốt trong bảo đảm ANCT.

Từ những phân tích trên, luận án xác định: *ANCT là trạng thái ổn định và phát triển bền vững của cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” trong quá trình tổ chức và thực thi quyền lực chính trị, bảo đảm thực hiện hiệu quả đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, qua đó giữ vững ổn định CT-XH và tạo nền tảng cho phát triển bền vững, dưới sự tác động và tương tác của các yếu tố bên trong và bên ngoài.*

*- Bảo đảm an ninh chính trị*

Gắn liền với khái niệm ANCT là vấn đề bảo đảm ANCT. nếu ANCT là trạng thái phản ánh sự ổn định và phát triển bền vững của đời sống CT-XH, thì bảo đảm ANCT chính là quá trình tổ chức và thực thi các hoạt động nhằm duy trì, củng cố và không ngừng nâng cao trạng thái đó trong thực tiễn. Tiếp cận từ góc độ khoa học chính trị, nội hàm của ANCT gắn với việc bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của quyền lực chính trị và sự ổn định của trật tự CT-XH. Theo Mai Thị Hồng Liên, trong công trình “*Góp phần về nội hàm khái niệm ANCT ở Việt Nam hiện nay*”, ANCT là một bộ phận cấu thành của ANQG, với cách hiểu chính trị gắn với nhà nước và quá trình giành, giữ, thực thi quyền lực, thì “ANCT có nội hàm chính là đảm bảo sự ổn định chính trị và trật tự xã

hội, tức đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của quyền lực chính trị trong quốc gia đó. Với nghĩa này, ANCT bao hàm sự ổn định và phát triển vững chắc của chế độ chính trị trong quốc gia và sự bất khả xâm phạm đến các quyền cơ bản của quốc gia” [65]. Cách tiếp cận này cho thấy, bảo đảm ANCT thực chất là bảo đảm cho hệ thống quyền lực chính trị vận hành thông suốt, hợp pháp và hiệu quả trong đời sống CT-XH.

Dưới góc độ khoa học an ninh, Từ điển Bách khoa CAND (2005) xác định: “bảo vệ ANCT là các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động xâm hại sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ chính trị; là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn bộ HTCT và toàn xã hội, trong đó Công an Nhân dân giữ vai trò nòng cốt” [20, tr.20]. Cách định nghĩa này nhấn mạnh phương diện hoạt động, đặc biệt là các biện pháp nghiệp vụ và vai trò nòng cốt của CAND, song về mặt khoa học chính trị cần được mở rộng theo hướng bao quát toàn bộ quá trình tổ chức, vận hành quyền lực và quản trị xã hội.

Trong điều kiện hiện nay, bảo đảm ANCT không chỉ dừng lại ở việc phòng ngừa, đấu tranh với các nguy cơ truyền thống, mà còn phải chủ động ứng phó với các thách thức ANPTT, nhất là các nguy cơ trên KGM, tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và hoạt động chống phá của TLTĐ. Điều đó đòi hỏi bảo đảm ANCT phải được thực hiện một cách tổng thể, đồng bộ, gắn với phát triển KT-XH, củng cố QP-AN, tăng cường đồng thuận xã hội và nâng cao niềm tin của Nhân dân.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm nêu trên, có thể hiểu: *Bảo đảm ANCT là tổng thể các hoạt động có tổ chức của HTCT và Nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước, nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các yếu tố đe dọa từ bên trong và bên ngoài; qua đó giữ vững ổn định CT-XH, đồng thời bảo đảm sự vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ trong từng điều kiện lịch sử cụ thể.* Từ đó, luận án xác định ANCT là trạng thái, còn bảo đảm ANCT là quá trình, trong đó quá trình này giữ vai trò quyết định trực tiếp đến việc hình thành, duy trì và nâng cao chất lượng trạng thái ANCT trong thực tiễn phát triển của đất nước.

### **2.1.2. Khái niệm bảo đảm An ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên**

ANCT là trạng thái ổn định, vững chắc của chế độ chính trị và HTCT, trong đó vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, nền tảng tư tưởng và trật tự CT-XH được giữ vững trước các tác động từ bên trong và bên ngoài. Đặt trong điều kiện cụ thể của Tây Nguyên, ANCT có ý nghĩa đặc biệt, bởi đây là địa bàn chiến lược

quan trọng về chính trị, QP-AN và đối ngoại. Đồng thời, Tây Nguyên là không gian đa dân tộc, đa tôn giáo, dân cư phân tán, điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, gắn với các vấn đề nhạy cảm về đất đai, sinh kế, di cư và quản trị xã hội. Chính những đặc điểm này làm cho ANCT trên địa bàn Tây Nguyên đòi hỏi cách tiếp cận phù hợp, gắn chặt với yêu cầu giữ vững ổn định CT-XH và bảo đảm sự vận hành hiệu quả của HTCT ở cơ sở.

Trên địa bàn Tây Nguyên, ANCT trước hết được biểu hiện ở sự vững chắc của nền tảng tư tưởng, sự ổn định của thể chế chính trị và hiệu quả vận hành của cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Đây không chỉ là nguyên tắc tổ chức quyền lực, mà là cơ chế bảo đảm tính thống nhất giữa định hướng chính trị, tổ chức thực thi và sự đồng thuận xã hội. Khi cơ chế này vận hành thông suốt, quyền lực chính trị được thực thi hợp pháp, hiệu lực và hiệu quả, từ đó tạo ra sự ổn định bền vững của trật tự CT-XH. Ngược lại, nếu một trong các khâu bị suy yếu, nhất là ở cấp cơ sở, thì các mâu thuẫn xã hội rất dễ tích tụ thành điểm nóng chính trị và chuyển hóa thành nguy cơ mất ổn định.

Về nội hàm, ANCT trên địa bàn tây nguyên là trạng thái ổn định và bền vững của HTCT trong một không gian xã hội đặc thù, trong đó nền tảng tư tưởng của Đảng được giữ vững; thể chế chính trị được bảo đảm; vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của Nhân dân được thực thi thực chất; trật tự CT-XH được duy trì; khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố. Quan trọng hơn, trạng thái này phản ánh năng lực của HTCT trong việc nhận diện, xử lý và kiểm soát các vấn đề phát sinh từ thực tiễn, đặc biệt là những vấn đề nhạy cảm gắn với dân tộc, tôn giáo và sinh kế.

Về ngoại diện, ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không chỉ thể hiện qua các chỉ báo về ổn định chính trị, mà còn được nhận diện thông qua hiệu quả vận hành của HTCT các cấp, khả năng quản trị xã hội và mức độ kiểm soát các rủi ro chính trị - xã hội. Điều đó bao gồm năng lực giải quyết các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư, môi trường; khả năng phòng ngừa và đấu tranh với các hoạt động lợi dụng địa bàn để chống phá; cũng như mức độ củng cố niềm tin và sự đồng thuận của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là quá trình tổ chức và thực thi quyền lực chính trị một cách chủ động, có hệ thống và mang tính quyền lực - pháp lý, do toàn bộ HTCT, LLVT và Nhân dân thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý

thống nhất của Nhà nước. Quá trình này không chỉ nhằm ngăn chặn các nguy cơ xâm hại, mà quan trọng hơn là tạo lập và củng cố các điều kiện chính trị - xã hội bảo đảm cho HTCT vận hành ổn định, hiệu quả và bền vững. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm trong Nghị quyết số 44 - NQ/TW (2023) của Đảng khi xác định giữ vững ANCT là nội dung trung tâm, giữ vai trò nền tảng trong bảo vệ ANQG [09, tr.8], đồng thời đặt ra yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm an ninh với phát triển KT-XH, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nâng cao năng lực quản trị quốc gia.

Dựa vào những phân tích nêu trên, luận án cách khái quát: *Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là quá trình hoạt động tổng hợp, thường xuyên của HTCT, LLVT và Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước, nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện, kiểm soát và xử lý các yếu tố đe dọa từ bên trong và bên ngoài; đồng thời giữ vững nền tảng tư tưởng, ổn định thể chế chính trị, bảo đảm sự vận hành thực chất, hiệu lực và hiệu quả của cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, qua đó duy trì ổn định CT-XH và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn.*

Trong thực tiễn, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không thể chỉ dựa vào các biện pháp hành chính hay nghiệp vụ, mà phải được thực hiện thông qua tổng thể các hoạt động của HTCT, với trọng tâm là nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò nòng cốt của LLVT, nhất là Công an nhân dân trong xây dựng thể trận lòng dân và các biện pháp quản lý, quản trị xã hội để giải quyết những vấn đề nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư, môi trường và phòng ngừa, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng địa bàn gây mất ổn định chính trị.

## **2.2. CHỦ THỂ, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN**

### **2.2.1. Chủ thể, lực lượng bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên**

Bảo đảm ANCT, về thực chất là quá trình tổ chức và thực thi quyền lực chính trị trong đời sống CT-XH nhằm giữ vững ổn định và tạo nền tảng cho phát triển bền vững. Hoạt động này được vận hành trong khuôn khổ cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Cơ chế này vừa định hình cách thức tổ chức quyền lực, vừa quy định rõ vị trí, chức năng và mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia, bảo đảm sự thống nhất từ nhận thức đến hành động. Trên cơ sở đó, việc bảo đảm ANCT được triển khai theo nguyên tắc đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, đồng thời phát huy vai trò của toàn bộ HTCT và

Nhân dân; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa và đấu tranh, giữa bảo đảm an ninh với phát triển KT-XH.

Trong bối cảnh cụ thể của Tây Nguyên, đây không chỉ là nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương mà là trách nhiệm chung của toàn bộ HTCT từ Trung ương đến cơ sở, trong đó các chủ thể, với vị trí và thẩm quyền khác nhau, phối hợp chặt chẽ, hướng tới mục tiêu giữ vững ổn định CT-XH và củng cố nền tảng chính trị trên địa bàn, cụ thể:

*Trước hết, Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể lãnh đạo cao nhất đối với công tác bảo đảm ANCT.* Thông qua Đại hội đại biểu toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban Đảng Trung ương, Đảng hoạch định đường lối, chủ trương và chiến lược bảo vệ ANQG, trong đó ANCT là nội dung trọng tâm. Đồng thời, Đảng thực hiện sự lãnh đạo toàn diện đối với quá trình tổ chức triển khai trên phạm vi cả nước và ở các địa bàn chiến lược như Tây Nguyên. Vai trò này thể hiện ở việc định hướng chính trị, bảo đảm sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn HTCT, cũng như điều phối các nguồn lực để xử lý những vấn đề có tính liên vùng, liên ngành vượt quá thẩm quyền của địa phương.

*Hai là, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* trực tiếp là Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, thực hiện chức năng thể chế hóa đường lối của Đảng thành pháp luật, chính sách và tổ chức thực thi trên phạm vi cả nước. Quốc hội thực hiện chức năng lập pháp và giám sát tối cao, tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động bảo đảm ANCT. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về QP-AN và điều hành các hoạt động trên phạm vi toàn quốc. Các bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông, giữ vai trò chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai tại các địa bàn trọng điểm, trong đó có Tây Nguyên. Đây là cấp bảo đảm tính thống nhất của thể chế, đồng thời giữ vai trò điều phối vĩ mô và xử lý các vấn đề mang tính chiến lược.

*Ba là, cấp ủy đảng và chính quyền địa phương các tỉnh Tây Nguyên* là chủ thể lãnh đạo, quản lý trực tiếp đối với công tác bảo đảm ANCT trên địa bàn. Cấp ủy đảng lãnh đạo toàn diện, định hướng chính trị và bảo đảm sự thống nhất trong HTCT địa phương. Chính quyền các cấp thực hiện chức năng quản lý xã hội, triển khai chính sách và trực tiếp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Đây là cấp có ý nghĩa quyết định đối với việc phát hiện sớm, xử lý kịp thời các nguy cơ mất ổn định, nhất là trong những lĩnh vực nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư và sinh kế.

*Bốn là, MTTQ và các tổ chức CT-XH giữ vai trò quan trọng trong việc củng cố nền tảng xã hội của ANCT. Thông qua hoạt động tập hợp, vận động và đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân, các tổ chức này góp phần xây dựng đồng thuận xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội. Trong điều kiện đặc thù của Tây Nguyên, nơi đời sống cộng đồng gắn bó chặt chẽ và chịu ảnh hưởng sâu sắc của yếu tố văn hóa - xã hội, vai trò của MTTQ và các đoàn thể càng trở nên trực tiếp trong việc phòng ngừa từ sớm các mâu thuẫn xã hội có thể chuyển hóa thành vấn đề ANCT.*

*Năm là, LLVT, trong đó CAND giữ vai trò nòng cốt là lực lượng trực tiếp bảo vệ ANCT. CAND chủ trì trong tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác bảo đảm ANCT, tổ chức nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hành vi xâm hại ANCT, đặc biệt là các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo và KGM để chống phá. QĐND giữ vai trò trụ cột trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận ANND, nhất là tại khu vực biên giới Tây Nguyên, đồng thời tham gia phát triển KT-XH, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân.*

*Sáu là, Nhân dân trên địa bàn Tây Nguyên là chủ thể trung tâm của bảo đảm ANCT. Nhân dân vừa là đối tượng được bảo vệ, vừa trực tiếp tham gia vào quá trình bảo vệ ANCT thông qua việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân, tham gia quản lý xã hội và phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm. “Thế trận lòng dân” vì vậy trở thành nền tảng căn bản của ANCT. Bên cạnh đó, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng DTTS giữ vai trò đặc thù với tư cách là cầu nối giữa chính quyền và Nhân dân, có ảnh hưởng sâu rộng đến nhận thức và hành vi xã hội, góp phần quan trọng trong việc giữ vững ổn định ngay từ cơ sở.*

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên được vận hành trong một chỉnh thể thống nhất theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện, Nhà nước quản lý thống nhất, các lực lượng chuyên trách làm nòng cốt, MTTQ và các tổ chức CT-XH tạo đồng thuận xã hội, Nhân dân giữ vai trò nền tảng. Trong đó, các chủ thể được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ nhưng không tách rời mà gắn kết chặt chẽ, phối hợp đồng bộ và kiểm soát lẫn nhau trong quá trình thực hiện. Chính sự liên kết này bảo đảm cho cơ chế chính trị vận hành thông suốt từ Trung ương đến địa phương, phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ HTCT. Vì vậy, hiệu quả bảo đảm ANCT không phụ thuộc vào một chủ thể riêng lẻ mà là kết quả của sự phối hợp nhịp nhàng giữa các chủ thể, cùng hướng tới

mục tiêu giữ vững ổn định CT-XH, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc và tạo nền tảng chính trị vững chắc cho sự phát triển bền vững của Tây Nguyên.

### **2.2.2. Nội dung cốt lõi bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên**

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là quá trình tổ chức và vận hành quyền lực chính trị nhằm duy trì ổn định CT-XH và tạo nền tảng cho phát triển bền vững. Trong đó, nội dung cốt lõi không chỉ dừng lại ở việc xử lý các nguy cơ mất ổn định, mà trước hết là bảo đảm cho cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” được vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đây là trục nội dung xuyên suốt, chi phối các phương diện cụ thể của bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Trên cơ sở đó, nội dung bảo đảm ANCT cần được triển khai một cách toàn diện, gắn với đặc thù CT-XH của Tây Nguyên, tập trung vào các phương diện cơ bản sau:

*Thứ nhất, bảo đảm an ninh thể chế gắn với nâng cao hiệu lực quản lý, quản trị của Nhà nước.* Đây là nội dung trung tâm của bảo đảm ANCT, phản ánh trực tiếp chất lượng vận hành của HTCT. Bảo đảm an ninh thể chế trước hết là giữ vững và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo đảm tính ổn định và thống nhất của hệ thống pháp luật, duy trì kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Đồng thời, phải không ngừng nâng cao hiệu lực quản lý và năng lực quản trị của chính quyền các cấp, nhất là ở cơ sở, nơi trực tiếp giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội. Đối với Tây Nguyên, nơi tồn tại nhiều vấn đề nhạy cảm về đất đai, dân tộc, tôn giáo và sinh kế, mọi hạn chế trong quản lý và quản trị đều có thể tích tụ thành nguy cơ mất ổn định, do đó yêu cầu kiểm soát quyền lực, phòng ngừa suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” càng trở nên cấp thiết.

*Thứ hai, bảo đảm an ninh tư tưởng - văn hóa.* Đây là nền tảng tinh thần của ANCT, gắn với việc bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Bảo đảm an ninh tư tưởng không chỉ là đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, mà quan trọng hơn là xây dựng và lan tỏa hệ giá trị chính trị - văn hóa lành mạnh, phù hợp với đặc điểm của từng cộng đồng. Ở Tây Nguyên, nơi có sự đa dạng về văn hóa, tín ngưỡng và trình độ phát triển không đồng đều, công tác này cần gắn với truyền thông chính sách, đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, phát huy vai trò của già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo hợp pháp trong định hướng nhận thức và củng cố đồng thuận xã hội.

*Thứ ba, bảo đảm hiệu lực quản lý, quản trị xã hội gắn với giữ vững ổn định CT-XH ở cơ sở và phát triển KT-XH bền vững.* Cơ sở là nơi trực tiếp phản ánh trạng thái ANCT. Do đó, bảo đảm ANCT phải gắn chặt với việc nâng cao hiệu lực quản lý và quản trị xã hội, kịp thời phát hiện, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh từ sớm, từ cơ sở. Đối với Tây Nguyên, các vấn đề như đất đai, di cư, sinh kế, môi trường và chênh lệch phát triển có tác động trực tiếp đến ổn định chính trị. Vì vậy, cần kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm ANCT với phát triển KT-XH, nâng cao đời sống Nhân dân, thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc, an sinh xã hội, qua đó củng cố “thế trận lòng dân” trong xây dựng và phát triển đất nước.

*Thứ tư, giải quyết hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo và các quan hệ xã hội tại địa bàn cơ sở.* Đây là nội dung có tính đặc thù nổi bật của Tây Nguyên. Bảo đảm ANCT trong lĩnh vực này đòi hỏi vừa tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, vừa chủ động phòng ngừa và xử lý các hành vi lợi dụng các vấn đề này để gây chia rẽ, kích động, làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng thời, cần tăng cường đối thoại xã hội, giải quyết kịp thời các lợi ích chính đáng của Nhân dân liên quan đến đất đai, sinh kế, qua đó hạn chế nguy cơ phát sinh “điểm nóng” chính trị.

*Thứ năm, chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ từ ANPTT, nhất là trên KGM.* Trong điều kiện hiện nay, các thách thức ANPTT, đặc biệt là các nguy cơ trên KGM, tác động ngày càng trực tiếp đến ANCT. Đối với Tây Nguyên, sự chênh lệch về khả năng tiếp cận thông tin và kỹ năng số giữa các nhóm dân cư làm gia tăng nguy cơ bị các TLTĐ lợi dụng để tuyên truyền xuyên tạc, kích động. Vì vậy, cần kết hợp giữa bảo vệ hạ tầng thông tin, dữ liệu với nâng cao năng lực quản lý, giám sát KGM. Đồng thời, đẩy mạnh truyền thông chính sách, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ và Nhân dân, góp phần xây dựng môi trường thông tin an toàn, lành mạnh.

Như vậy, nội dung cốt lõi của bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên xoay quanh việc bảo đảm cho cơ chế chính trị vận hành ổn định, hiệu quả trong điều kiện đặc thù của địa bàn. Các nội dung này có quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau thành một chỉnh thể thống nhất. Nền tảng thể chế và tư tưởng tạo ra cơ sở vững chắc từ bên trong, quyết định hướng đi và độ bền của hệ thống. Trên nền tảng đó, hiệu lực quản lý và quản trị bảo đảm cho bộ máy vận hành thông suốt, đúng hướng. Đồng thời, việc giải quyết kịp thời những vấn đề xã hội nảy sinh và chủ động phòng ngừa các

nguy cơ mới chính là yếu tố trực tiếp giữ cho đời sống chính trị - xã hội ổn định và không bị xáo trộn.

### **2.2.3. Phương thức bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên**

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên được thực hiện thông qua việc vận dụng tổng hợp, linh hoạt các biện pháp chính trị, tư tưởng, pháp luật, kinh tế, xã hội, QP-AN và đối ngoại, trong đó đặc biệt coi trọng công tác dân vận, xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh và phát huy vai trò trung tâm của Nhân dân trong xây dựng thể trận lòng dân. Theo cách tiếp cận này, bảo đảm ANCT không chỉ nhằm ngăn chặn các hành vi chống phá trực tiếp, mà trước hết là quá trình quản lý, quản trị chủ động các nguy cơ, xử lý mâu thuẫn xã hội từ sớm, từ cơ sở, không để tích tụ và chuyển hóa thành bất ổn chính trị.

Phương thức bảo đảm ANCT là cách thức HTCT tổ chức và thực thi quyền lực chính trị nhằm duy trì sự vận hành ổn định, hiệu quả của cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, trong đó CAND giữ vai trò nòng cốt. Các phương thức này không tồn tại tách rời, mà là những phương diện cụ thể hóa các nội dung cốt lõi của ANCT, đặc biệt là bảo đảm an ninh thể chế, an ninh tư tưởng, nâng cao hiệu lực quản lý, quản trị và củng cố đồng thuận xã hội trong điều kiện đặc thù của Tây Nguyên.

*Thứ nhất, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng.*

Đây là phương thức giữ vai trò định hướng chính trị, bảo đảm sự thống nhất về nhận thức, mục tiêu và hành động trong toàn bộ HTCT. Phương thức này thể hiện ở việc quán triệt, cụ thể hóa kịp thời đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng thành chương trình, kế hoạch hành động phù hợp với đặc điểm địa bàn; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện. Trên địa bàn Tây Nguyên, vai trò lãnh đạo của Đảng còn thể hiện ở năng lực dự báo, nhận diện sớm các nguy cơ phát sinh từ những vấn đề nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo, đất đai, sinh kế, từ đó định hướng xử lý phù hợp, không để phát triển thành vấn đề ANCT.

*Thứ hai, phương thức quản lý và điều hành của Nhà nước.*

Phương thức này được thực hiện thông qua việc thể chế hóa chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách và tổ chức thực thi trong thực tiễn; đồng thời tăng cường quản lý, quản trị xã hội, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Đối với Tây Nguyên, hiệu lực quản lý, quản trị của chính quyền các cấp, nhất là ở cơ sở, có ý nghĩa trực tiếp đối với ANCT. Những hạn chế trong quản lý đất đai, tài nguyên, di cư, tôn

giáo hoặc an sinh xã hội nếu không được giải quyết kịp thời sẽ dễ tích tụ thành mâu thuẫn xã hội, từ đó tác động tiêu cực đến ổn định chính trị. Vì vậy, nâng cao hiệu lực quản lý, quản trị vừa là yêu cầu phát triển, vừa là điều kiện bảo đảm ANCT.

*Thứ ba, phương thức tổ chức lực lượng và hoạt động của LLVT, trong đó CAND giữ vai trò nòng cốt.*

Trong phương thức này, CAND phối hợp chặt chẽ với QĐND và các lực lượng liên quan, giữ vai trò chủ yếu trong nắm tình hình, dự báo, phòng ngừa và xử lý các nguy cơ xâm hại ANCT. Trên địa bàn Tây Nguyên, nắm tình hình không chỉ nhằm phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, mà quan trọng hơn là nhận diện sớm các yếu tố tiềm ẩn như tranh chấp đất đai, khiếu kiện kéo dài, xung đột lợi ích, biểu hiện cực đoan tôn giáo, di cư tự do và hoạt động kích động trên KGM. Việc xử lý hiệu quả các yếu tố này từ sớm có ý nghĩa quyết định trong việc ngăn ngừa hình thành các điểm nóng về ANCT.

*Thứ tư, phương thức vận động quần chúng và phát huy vai trò Nhân dân.*

Đây là phương thức mang tính nền tảng, lâu dài trong bảo đảm ANCT, gắn trực tiếp với việc xây dựng và củng cố “thế trận lòng dân”. Phương thức này được triển khai thông qua công tác dân vận, tuyên truyền, đối thoại, hòa giải và phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, già làng, trưởng bản, người có uy tín và chức sắc tôn giáo hợp pháp. Ở Tây Nguyên, tính cộng đồng và đặc thù văn hóa - xã hội rất rõ nét, hiệu quả vận động quần chúng không chỉ dừng ở truyền đạt chủ trương, chính sách, mà còn ở khả năng giải quyết thực chất các vấn đề liên quan đến đất đai, sinh kế, tín ngưỡng và phúc lợi xã hội, qua đó tạo đồng thuận và phòng ngừa từ gốc các nguy cơ mất ổn định.

*Thứ năm, phương thức truyền thông, đấu tranh tư tưởng và quản lý thông tin, nhất là trên KGM.*

Trong bối cảnh chuyển đổi số, KGM trở thành không gian tác động trực tiếp đến ANCT. Phương thức này bao gồm việc giám sát, phân tích thông tin, phát hiện sớm các hoạt động xuyên tạc, kích động; tổ chức đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời chủ động cung cấp thông tin chính thống kịp thời, minh bạch, có sức thuyết phục. Đối với Tây Nguyên, việc kết hợp giữa truyền thông chính sách với nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho Nhân dân có ý nghĩa quan trọng trong việc hạn chế tác động tiêu cực từ KGM và giữ vững ổn định CT-XH.

Như vậy, các phương thức bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên tuy có nội dung và hình thức triển khai khác nhau, nhưng đều thống nhất trong một cơ chế vận

hành chung của HTCT. Hiệu quả bảo đảm ANCT phụ thuộc vào sự phối hợp đồng bộ giữa lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của LLVT, công tác vận động quần chúng và quản lý thông tin, qua đó bảo đảm cho HTCT vận hành thông suốt, xã hội ổn định và phát triển bền vững trên địa bàn Tây Nguyên.

#### **2.2.4. Tiêu chí đánh giá bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên**

##### ***2.2.4.1. Tiêu chí đánh giá việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của các chủ thể bảo đảm an ninh chính trị***

Bảo đảm ANCT là kết quả tổng hợp của cơ chế phối hợp trong HTCT, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, LLVT (trong đó CAND là lực lượng nòng cốt), cùng với sự tham gia của MTTQ, các tổ chức CT-XH và Nhân dân. Trên cơ sở đó, tiêu chí đánh giá việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của các chủ thể được xây dựng nhằm làm rõ mức độ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, cũng như năng lực và hiệu quả hoạt động của từng chủ thể trong bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

*Đối với cấp ủy đảng và chính quyền các cấp*, tiêu chí đánh giá tập trung vào năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành trong bảo đảm ANCT, thể hiện ở khả năng nhận diện tình hình, cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết thành chương trình, kế hoạch phù hợp với thực tiễn, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và mức độ phối hợp liên ngành, liên cấp trong xử lý các vấn đề phát sinh, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm.

*Đối với LLVT*, trong đó CAND giữ vai trò nòng cốt, tiêu chí nhấn mạnh năng lực nắm tình hình, phân tích, dự báo và hiệu quả phòng ngừa, phát hiện, xử lý các vụ việc phức tạp về ANCT, đồng thời phản ánh mức độ phối hợp giữa các lực lượng và khả năng kết hợp giữa hoạt động nghiệp vụ với công tác dân vận trong xây dựng thế trận ANND.

*Đối với MTTQ và các tổ chức CT-XH*, tiêu chí đánh giá tập trung vào năng lực tập hợp, vận động Nhân dân, hiệu quả hòa giải ở cơ sở, vai trò giám sát và phản biện xã hội, cũng như mức độ tham gia vào giải quyết các vấn đề CT-XH, qua đó góp phần củng cố đồng thuận xã hội.

*Đối với Nhân dân và các thiết chế cộng đồng*, tiêu chí được xác định trên cơ sở vai trò chủ thể của Nhân dân trong bảo đảm ANCT, thể hiện qua mức độ tham gia các mô hình tự quản, mức độ tin cậy đối với HTCT, sự hợp tác trong phòng ngừa, phát hiện nguy cơ và khả năng nhận diện, cảnh giác trước thông tin xấu, độc trên KGM.

Như vậy, hệ thống tiêu chí này không chỉ phản ánh mức độ hoàn thành vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể mà còn cho thấy mức độ vận hành đồng bộ, gắn kết của

HTCT trong bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, qua đó làm rõ chất lượng tổ chức thực hiện, hiệu quả phối hợp và khả năng huy động, phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm ANCT.

**2.2.4.2. Tiêu chí đánh giá việc thực hiện các nội dung bảo đảm an ninh chính trị**

Nhóm tiêu chí này được xây dựng nhằm đánh giá mức độ thực hiện các nội dung cốt lõi của bảo đảm ANCT, qua đó phản ánh khả năng duy trì ổn định và bảo đảm sự vận hành bền vững của cơ chế CT-XH trong điều kiện đặc thù của Tây Nguyên.

*Trước hết, đối với an ninh thể chế*, tiêu chí đánh giá tập trung vào mức độ ổn định, đồng bộ và thông suốt trong vận hành của HTCT, gắn với việc bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính và kiểm soát quyền lực. Đồng thời, cần xem xét khả năng phòng ngừa, phát hiện và xử lý các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, qua đó bảo đảm cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” được thực thi thực chất trong thực tiễn.

*Đối với an ninh tư tưởng*, tiêu chí đánh giá nhấn mạnh hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chất lượng công tác tuyên truyền và định hướng dư luận xã hội, cũng như khả năng củng cố niềm tin chính trị và sự đồng thuận xã hội. Một nội dung quan trọng là hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của các TLTĐ, đặc biệt trên KGM.

*Đối với sự gắn kết giữa phát triển KT-XH với bảo đảm ANCT*, tiêu chí tập trung vào mức độ lồng ghép yêu cầu bảo đảm ANCT trong các chương trình phát triển, hiệu quả giải quyết các vấn đề bức xúc trong xã hội, cũng như kết quả bảo đảm sinh kế và an sinh xã hội, nhất là đối với vùng đồng bào DTTS. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để phòng ngừa từ sớm, từ xa các nguy cơ gây mất ổn định CT-XH.

*Đối với lĩnh vực dân tộc và tôn giáo*, tiêu chí đánh giá đặt trọng tâm vào mức độ củng cố khối đại đoàn kết, hiệu quả quản lý và xử lý các vấn đề nhạy cảm, khả năng phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, đồng thời phản ánh hiệu quả ngăn chặn các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các TLTĐ nhằm gây mất ổn định.

*Đối với KGM và các thách thức ANPTT*, tiêu chí đánh giá thể hiện ở năng lực quản lý thông tin, phát hiện và xử lý tin xấu độc, khả năng thích ứng của HTCT với môi trường an ninh mới, cũng như mức độ nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ và Nhân dân.

Tóm lại, nhóm tiêu chí này phản ánh mức độ bảo đảm các điều kiện nền tảng cho ổn định CT-XH, đồng thời cho thấy chất lượng và hiệu quả vận hành của cơ chế chính trị trong bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên

### ***2.2.4.3. Tiêu chí đánh giá việc sử dụng các phương thức bảo đảm an ninh chính trị***

Nhóm tiêu chí này nhằm đánh giá mức độ lựa chọn, vận dụng và hiệu quả sử dụng các phương thức bảo đảm ANCT, qua đó phản ánh năng lực tổ chức thực thi quyền lực chính trị của HTCT trong thực tiễn.

*Một là*, tiêu chí về sử dụng phương thức lãnh đạo của Đảng. Nội dung đánh giá tập trung vào mức độ quán triệt và triển khai thống nhất các chủ trương, nghị quyết trong toàn HTCT, bảo đảm định hướng chính trị xuyên suốt và sự lãnh đạo tập trung đối với nhiệm vụ bảo đảm ANCT.

*Hai là*, tiêu chí về sử dụng phương thức quản lý của Nhà nước. Tiêu chí này phản ánh năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực thi chính sách, pháp luật, khả năng điều hành linh hoạt, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh và duy trì kỷ luật, kỷ cương CT-XH.

*Ba là*, tiêu chí về sử dụng phương thức bảo đảm ANCT của LLVT. Trọng tâm đánh giá là mức độ chủ động trong nắm tình hình, phân tích, dự báo, phòng ngừa và xử lý các nguy cơ xâm hại ANCT, cùng với hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ QP-AN.

*Bốn là*, tiêu chí về sử dụng phương thức vận động quần chúng và phát huy vai trò Nhân dân. Nội dung này thể hiện ở mức độ huy động, tập hợp Nhân dân tham gia bảo đảm ANCT, hiệu quả công tác dân vận, khả năng giải quyết mâu thuẫn từ cơ sở và củng cố thể trận lòng dân.

*Năm là*, tiêu chí về sử dụng phương thức truyền thông và đấu tranh tư tưởng. Tiêu chí đánh giá tập trung vào khả năng định hướng dư luận, chủ động cung cấp thông tin chính thống, hiệu quả đấu tranh với thông tin sai trái, thù địch của các TLTĐ, nhất là trên KGM, qua đó nâng cao sức đề kháng của xã hội.

Những tiêu chí về chủ thể, nội dung và phương thức bảo đảm ANCT gắn kết trong một chỉnh thể thống nhất, cùng phản ánh mức độ vận hành của cơ chế quyền lực chính trị. Trong đó, tiêu chí về chủ thể thể hiện năng lực HTCT, tiêu chí về nội dung phản ánh chất lượng ổn định CT-XH, còn tiêu chí về phương thức cho thấy khả năng tổ chức thực thi trong thực tiễn. Sự kết hợp của ba nhóm tiêu chí này là cơ sở để đánh giá toàn diện, khách quan thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

## **2.3. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN**

### **2.3.1. Những biến động của tình hình thế giới, khu vực và các thách thức an ninh phi truyền thống**

Những biến động của tình hình thế giới và khu vực hiện nay đang tác động ngày càng rõ nét đến ANQG nói chung và ANCT nói riêng của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng với sự gia tăng của các thách thức ANPTT đã làm cho môi trường an ninh trở nên phức tạp, đa chiều và khó dự báo hơn. Đáng chú ý, các yếu tố này tác động thông qua các kênh kinh tế, môi trường, xã hội và công nghệ, từ đó ảnh hưởng đến trạng thái ổn định CT-XH của từng địa bàn cụ thể. Trong điều kiện đó, ANCT trên địa bàn Tây Nguyên cũng chịu tác động gián tiếp nhưng sâu sắc từ các biến động bên ngoài.

Trước hết, tác động rõ nhất thể hiện qua kênh kinh tế. Tây Nguyên là vùng có cơ cấu kinh tế phụ thuộc lớn vào sản xuất nông nghiệp và xuất khẩu nông sản, do đó nhạy cảm với biến động của thị trường quốc tế. Thực tiễn cho thấy, quy mô kinh tế của vùng đã có bước tăng trưởng đáng kể trong thời gian qua. Đến năm 2020, quy mô kinh tế tăng hơn 14 lần so với năm 2002 và gấp 3,1 lần so với năm 2010; tốc độ tăng GRDP bình quân giai đoạn 2002 - 2020 đạt gần 8%/năm, thuộc nhóm cao so với các vùng trong cả nước; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 48 triệu đồng, gấp 10,6 lần năm 2002 [48, tr.1]. Đà tăng trưởng tiếp tục được duy trì, đến năm 2024 (theo giá hiện hành), GRDP toàn vùng đạt 484,58 nghìn tỷ đồng, cao hơn mức 416,5 nghìn tỷ đồng năm 2023; GRDP bình quân đầu người đạt 78,5 triệu đồng/người, tăng 16% so với năm 2023 (67,58 triệu đồng/người). Tuy nhiên, từ góc độ CT-XH, tăng trưởng kinh tế không đồng nghĩa với ổn định chính trị nếu không đi liền với tính bền vững của sinh kế và sự phân bổ hợp lý lợi ích phát triển. Khi giá cả nông sản biến động, thu nhập giảm sút, đặc biệt ở khu vực nông thôn và vùng đồng bào DTTS, các mâu thuẫn lợi ích có thể nảy sinh và tích tụ thành bức xúc xã hội. Trong điều kiện Tây Nguyên có cấu trúc xã hội đa dân tộc, những bức xúc này nếu không được nhận diện và xử lý kịp thời dễ bị diễn giải theo hướng tiêu cực, thậm chí bị lợi dụng, từ đó chuyển hóa thành các vấn đề phức tạp về ANCT.

Bên cạnh yếu tố kinh tế, các thách thức ANPTT đang tác động ngày càng trực tiếp đến ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Những vấn đề như suy giảm tài nguyên rừng,

biến đổi khí hậu, hạn hán kéo dài, khủng hoảng nguồn nước và tội phạm môi trường không chỉ làm thay đổi điều kiện sinh thái mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến sinh kế và quan hệ lợi ích ở cơ sở. Khi tài nguyên bị suy giảm, đặc biệt là đất và rừng, các tranh chấp về đất đai, vi phạm pháp luật và các vấn đề xã hội có xu hướng gia tăng. Đây chính là những vấn đề phát sinh từ cơ sở nơi mà thách thức ANPTT có thể chuyển hóa thành nguy cơ ANCT. Trong bối cảnh đó, việc triển khai Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 về bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016 - 2030 có ý nghĩa quan trọng trong việc giảm thiểu các nguy cơ bất ổn ngay từ gốc.

Một phương diện tác động khác là yếu tố an ninh khu vực và biên giới. Tây Nguyên có vị trí địa - chiến lược đặc biệt, với tuyến biên giới dài giáp Lào và Campuchia, địa hình rộng và phức tạp. Điều này khiến địa bàn dễ bị tác động bởi các hoạt động tội phạm xuyên quốc gia như ma túy, mua bán người, xuất nhập cảnh trái phép. Những hoạt động này không chỉ là vấn đề an ninh trật tự, mà trong một số trường hợp còn có thể tác động đến các vấn đề dân tộc, tôn giáo và ổn định CT-XH nếu bị các TLTĐ lợi dụng. Vì vậy, các yếu tố an ninh khu vực, dù mang tính bên ngoài, vẫn có thể tác động trực tiếp đến ANCT của địa bàn Tây Nguyên thông qua việc làm gia tăng các nguy cơ mất ổn định từ cơ sở. Các văn kiện của Đảng như Nghị quyết số 28-NQ/TW (2013), Nghị quyết số 33-NQ/TW (2018), Nghị quyết số 51-NQ/TW (2019) và Nghị quyết số 44-NQ/TW (2023) đều khẳng định yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa phát triển KT-XH với bảo đảm QP-AN, đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT và Nhân dân trong bảo vệ ANQG. Điều này cho thấy nhận thức về an ninh đã có sự chuyển biến từ cách tiếp cận truyền thống sang cách tiếp cận tổng hợp, trong đó các yếu tố bên ngoài được xem là một bộ phận quan trọng tác động đến ANCT trong nước.

Có thể thấy, các biến động của tình hình thế giới, khu vực và các thách thức ANPTT không tác động đến ANCT trên địa bàn Tây Nguyên qua các kênh trung gian như kinh tế, môi trường và xã hội, từ đó ảnh hưởng đến trạng thái CT-XH. Cơ chế tác động này khiến ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài diễn ra theo chiều sâu, khó nhận diện ngay nhưng có khả năng tích tụ thành điểm nóng ANCT nếu không được quản lý, quản trị và kiểm soát kịp thời.

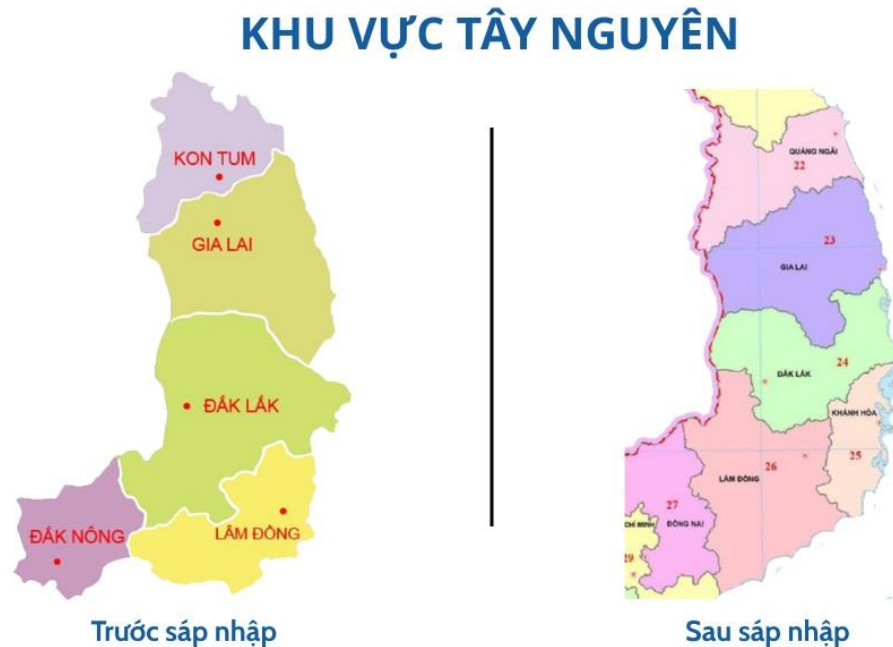
### 2.3.2. Vị trí địa - chiến lược, điều kiện tự nhiên và không gian quản trị của Tây Nguyên

Tây Nguyên là địa bàn có vị trí địa - chiến lược đặc biệt quan trọng đối với QP-AN, đối ngoại và ổn định CT-XH của đất nước. Với diện tích khoảng 54.548 km<sup>2</sup>, chiếm trên 16% diện tích cả nước, vùng nằm ở trung tâm dãy Trường Sơn Nam, tiếp giáp Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ, đồng thời có đường biên giới với Lào và Campuchia dài gần 580 km, trong đó khoảng 142 km giáp Lào và 438 km giáp Campuchia [120, tr.104]. Vị trí này xác lập Tây Nguyên là không gian chiến lược, cửa ngõ phía Tây đặc biệt quan trọng trong kiểm soát biên giới, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và phòng ngừa các nguy cơ an ninh xuyên quốc gia. Chính từ đặc điểm địa - chiến lược đó, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không thể được xem như một nhiệm vụ quản lý địa phương thuần túy, mà phải đặt trong tổng thể nhiệm vụ bảo vệ QP-AN. Thực tiễn cho thấy, các vấn đề về an ninh, trật tự phát sinh tại Tây Nguyên thường tác động đến môi trường ổn định chung của cả nước. Do đó, các vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực KT-XH, dân tộc và tôn giáo trên địa bàn, nếu không được nhận diện đúng và xử lý kịp thời, không chỉ dừng lại ở phạm vi địa phương mà có thể lan rộng, tác động trực tiếp đến ANCT và môi trường ổn định chung của quốc gia.

Bảo đảm ANCT không thể chỉ giới hạn trong phạm vi quản lý địa phương mà phải đặt trong tổng thể nhiệm vụ bảo vệ ANQG. Thực tiễn cho thấy, các vấn đề an ninh, trật tự phát sinh tại Tây Nguyên thường có xu hướng lan tỏa, tác động đến môi trường ổn định chung của cả nước. Do đó, những vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực KT-XH, dân tộc và tôn giáo nếu không được xử lý kịp thời có thể vượt khỏi phạm vi địa phương và chuyển hóa thành vấn đề ANCT ở tầm quốc gia. Gắn với vị trí địa - chiến lược, điều kiện tự nhiên của Tây Nguyên tạo ra cả lợi thế phát triển lẫn những yếu tố làm gia tăng tính phức tạp của môi trường ANCT. Vùng có quỹ đất bazan rộng lớn trên 2 triệu ha, chiếm khoảng 60% diện tích đất đỏ bazan của cả nước [12, tr.2], cùng với diện tích rừng khoảng 2,59 triệu ha, độ che phủ đạt 46,34%, tạo nền tảng thuận lợi cho phát triển nông nghiệp hàng hóa, lâm nghiệp và các ngành kinh tế liên quan. Bên cạnh đó là tiềm năng về khoáng sản, tài nguyên nước, thủy điện và du lịch gắn với cảnh quan tự nhiên và bản sắc văn hóa đa dạng của các dân tộc bản địa.

Tuy nhiên, chính điều kiện tự nhiên này cũng đặt ra những ràng buộc đáng kể. Địa hình rộng và bị chia cắt mạnh, nhiều khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, cùng với khí hậu phân hóa và thường xuyên chịu tác động của thiên tai đã hạn chế khả

năng kết nối không gian và làm cho quá trình phát triển giữa các khu vực thiếu đồng đều. Sự chênh lệch về điều kiện sống, khả năng tiếp cận dịch vụ và cơ hội phát triển vì vậy có xu hướng gia tăng, tạo ra những vấn đề xã hội tiềm ẩn, có thể tác động trực tiếp đến ổn định CT-XH và ANCT nếu không được kiểm soát hiệu quả.



**Hình 1. Bản đồ khu vực Tây Nguyên trước và sau sáp nhập [PL 14]**

Trong bối cảnh không gian quản lý, quản trị trở thành nhân tố trực tiếp điều tiết các tác động từ vị trí địa - chiến lược và điều kiện tự nhiên. Sau năm 1975, Tây Nguyên từng bước ổn định với 5 tỉnh và 719 đơn vị hành chính cấp xã, diện tích khoảng 54.474 km<sup>2</sup>, chiếm 16,3% diện tích cả nước. Từ ngày 01/7/2025, việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh theo nghị quyết của Quốc hội đã thay đổi đáng kể cấu trúc không gian quản trị của địa bàn. Các tỉnh được sáp nhập với một số địa phương duyên hải Nam Trung Bộ, hình thành các tỉnh mới gồm Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng; toàn vùng còn 457 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó 264 đơn vị thuộc địa bàn Tây Nguyên, với 6.612 thôn, buôn, tổ dân phố, tổng diện tích trên 70.000 km<sup>2</sup> và quy mô dân số khoảng từ 10,8 đến 11 triệu người. Những điều chỉnh về địa giới hành chính và tổ chức không gian quản lý, quản trị này đặt ra yêu cầu mới đối với nhiệm vụ bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Việc sắp xếp đơn vị hành chính đã làm thay đổi cấu trúc quản trị vùng, tác động đến tổ chức bộ máy, phân bổ nguồn lực, quan hệ lợi ích và tâm lý xã hội ở cơ sở. Trong một địa bàn có vị trí chiến lược và cấu trúc xã hội đa dạng như Tây Nguyên, những biến động về tổ chức quản lý, quản trị nếu không

được triển khai đồng bộ, công khai và có lộ trình phù hợp có thể làm phát sinh tâm lý so sánh lợi ích hoặc bất ổn xã hội. Vì vậy, từ góc độ bảo đảm ANCT, cần nhận diện đầy đủ mối quan hệ giữa bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, kiểm soát biên giới, phát triển bền vững, quản trị xã hội và củng cố thể trận lòng dân.

Như vậy, vị trí địa - chiến lược, điều kiện tự nhiên và không gian quản lý, quản trị đã tạo nên những yếu tố tác động nền tảng và lâu dài đối với ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Đây là những yếu tố vừa mang tính khách quan, ổn định tương đối, vừa có khả năng chi phối trực tiếp đến quá trình phát triển và quản lý xã hội. Trong đó, vị trí chiến lược làm gia tăng mức độ nhạy cảm chính trị của địa bàn; điều kiện tự nhiên tạo ra cả cơ hội và thách thức trong tổ chức phát triển; còn không gian quản lý, quản trị quyết định khả năng điều tiết các quan hệ xã hội và xử lý các vấn đề phát sinh từ cơ sở. Sự tác động đan xen của các yếu tố này khiến cho ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không chỉ phụ thuộc vào hoạt động của các lực lượng chuyên trách, mà còn được quyết định bởi khả năng quản lý, quản trị và điều hòa các mối quan hệ phát triển trong một không gian vừa có tính chiến lược, vừa có tính đa dạng và phức tạp cao.

### **2.3.3. Đặc điểm dân cư, dân tộc, tôn giáo và di cư trên địa bàn Tây Nguyên**

Cơ cấu dân cư, quan hệ dân tộc, tôn giáo và các biến động dân số, đặc biệt là di cư, được xem là những yếu tố tác động trực tiếp đến ANCT. Ở những địa bàn có tính đa dạng cao về dân tộc và tôn giáo, ổn định CT-XH không chỉ phụ thuộc vào kiểm soát an ninh theo nghĩa hẹp, mà phải gắn với khả năng điều hòa quan hệ xã hội, bảo đảm công bằng trong tiếp cận nguồn lực, tôn trọng bản sắc văn hóa và củng cố niềm tin của các nhóm xã hội đối với HTCT. Khi các quan hệ này được xử lý hài hòa, chúng trở thành nguồn lực của ổn định; ngược lại, nếu bị đứt gãy hoặc bị chính trị hóa, chúng có thể chuyển hóa thành những vấn đề phức tạp về ANCT.

#### *Thứ nhất, về quy mô và cơ cấu dân cư, văn hóa trên địa bàn Tây Nguyên*

Tây Nguyên là địa bàn có cơ cấu dân cư đa dạng, phản ánh rõ tính chất đa dân tộc của xã hội Việt Nam. Tính đến năm 2025, toàn vùng có khoảng 5,9 triệu người với 54 dân tộc cùng sinh sống; trong đó đồng bào DTTS chiếm gần 38% dân số, tương đương khoảng 1,5 triệu người. Đây không chỉ là đặc điểm nhân khẩu học mà còn là yếu tố CT-XH có ý nghĩa nền tảng, bởi trong các xã hội đa dân tộc, ổn định chính trị luôn gắn với khả năng điều hòa quan hệ cộng đồng, bảo đảm công bằng trong tiếp cận nguồn lực, tôn trọng khác biệt văn hóa và củng cố niềm tin xã hội.

Các DTTS tại chỗ hình thành những không gian văn hóa - xã hội tương đối ổn định gắn với từng khu vực cư trú. Người Ba-na cư trú chủ yếu từ Đông Nam Kon Tum đến Đông Bắc cao nguyên Pleiku và phía Tây Bình Định; người Gia-rai tập trung ở khu vực Đông Nam cao nguyên Pleiku đến chân núi Chư Dliêya (Đắk Lắk); người Mơ-nông sinh sống chủ yếu ở cao nguyên Đắk Nông và một phần cao nguyên Di Linh. Trong cấu trúc xã hội truyền thống, mỗi cộng đồng gắn chặt với đất đai, sinh kế, luật tục và thiết chế cộng đồng riêng, hình thành nên các buôn, làng có tính tự quản và cố kết cao.

Từ sau năm 1975, dưới tác động của quá trình phát triển KT-XH, các chương trình di dân và di cư tự do đã làm biến đổi đáng kể cơ cấu dân cư và không gian cư trú. Các cộng đồng DTTS tại chỗ ngày càng xen cư với người Kinh và các dân tộc khác, làm cho cấu trúc xã hội chuyển từ mô hình tương đối biệt lập sang mô hình đa dân tộc đan xen. Sự thay đổi này vừa thúc đẩy giao lưu văn hóa, mở rộng quan hệ xã hội, vừa làm gia tăng tính phức tạp trong phân bổ nguồn lực và điều hòa lợi ích giữa các cộng đồng.

Trong bối cảnh đó, các quan hệ dân tộc diễn ra trên nhiều cấp độ: trong nội bộ từng tộc người; giữa các DTTS tại chỗ với các nhóm di cư; giữa các cộng đồng liên biên giới; và trong khuôn khổ quản lý thống nhất của Nhà nước. Những quan hệ này hiện diện trên hầu hết các lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng, sử dụng tài nguyên và quản lý lãnh thổ. Tuy nhiên, quá trình biến đổi cơ cấu dân cư cũng đặt ra những vấn đề xã hội đáng chú ý. Ở một số địa bàn, đồng bào DTTS tại chỗ đã trở thành thiểu số ngay trên không gian cư trú truyền thống. Đây là biến động có ý nghĩa chính trị sâu sắc, bởi không chỉ làm phát sinh mâu thuẫn về đất đai, tài nguyên và sinh kế, mà còn có thể tạo ra tâm lý thu hẹp không gian văn hóa, cảm nhận bất lợi trong cạnh tranh phát triển và suy giảm tính cố kết cộng đồng. Nếu không được xử lý thỏa đáng, những vấn đề này có thể tích tụ thành bức xúc xã hội và ảnh hưởng đến sự đồng thuận chính trị ở cơ sở.

Thực tiễn cũng cho thấy, trong một số thời điểm, các vấn đề dân tộc ở Tây Nguyên đã bị các tổ chức phản động lưu vong và các phần tử xấu lợi dụng, xuyên tạc theo hướng “bị áp bức”, “bị tước đoạt quyền lợi”, từ đó kích động tư tưởng ly khai, tự trị hoặc chống đối chính quyền [130], [135]. Các sự kiện phức tạp xảy ra trong các năm 2001, 2004, 2008 và 2023 cho thấy khi các vấn đề dân tộc, đất đai và tôn giáo bị chính trị hóa, nguy cơ tác động đến ANCT là rất rõ ràng [132], [133].

*Thứ hai, về tình hình tôn giáo và quan hệ dân tộc - tôn giáo*

Tây Nguyên là địa bàn có đời sống tôn giáo đa dạng với sự hiện diện của 13/16 tôn giáo được Nhà nước công nhận. Hiện nay, toàn vùng có 2.252.622 tín đồ, chiếm 38,5% dân số; tập trung chủ yếu ở các tôn giáo như Công giáo, Tin lành, Phật giáo và Cao Đài, với gần 4.000 chức sắc, hơn 10.000 chức việc và khoảng 1.300 cơ sở thờ tự. Đáng chú ý, tỷ lệ tín đồ là người DTTS khá cao, đặc biệt trong Tin lành và một bộ phận trong Công giáo. Riêng Công giáo toàn vùng có khoảng 1.157.771 giáo dân, trong đó 520.399 giáo dân là người DTTS, chiếm 44,10% tổng số giáo dân [22]. Những số liệu này cho thấy mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Tây Nguyên có sự gắn kết chặt chẽ. Nhìn chung, sinh hoạt tôn giáo trên địa bàn diễn ra ổn định, tuân thủ pháp luật và thể hiện phương châm “tốt đời, đẹp đạo”. Đối với nhiều cộng đồng DTTS, tôn giáo không chỉ là nhu cầu tín ngưỡng mà còn gắn với đời sống văn hóa và tổ chức xã hội ở cơ sở. Do đặc thù tôn giáo gắn bó mật thiết với cộng đồng dân tộc thiểu số, nên các vấn đề tôn giáo có thể tác động trực tiếp đến quan hệ dân tộc và tâm lý xã hội.

Trong thực tiễn, vẫn tồn tại một số yếu tố tiềm ẩn phức tạp như: hoạt động truyền đạo, giảng đạo trái phép; mở rộng tổ chức sinh hoạt tôn giáo khi chưa được cấp phép; xây dựng cơ sở thờ tự không đúng quy định. Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến đất đai tôn giáo, hiện tượng cạnh tranh tín đồ và xu hướng tôn giáo gắn với tộc người càng làm gia tăng tính nhạy cảm của lĩnh vực này. Vì vậy, nếu các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tôn giáo không được xử lý thận trọng, thiếu đối thoại và sức thuyết phục, chúng có thể lan rộng, ảnh hưởng đến quan hệ dân tộc và tác động tiêu cực đến tâm lý xã hội.

*Thứ ba, về di cư và biến động cơ cấu xã hội*

Di cư là yếu tố có tác động mạnh mẽ đến cấu trúc dân cư và xã hội Tây Nguyên trong nhiều thập niên qua. Năm 1976, dân số vùng khoảng 1,23 triệu người với 18 dân tộc; đến năm 1993 tăng lên 2,37 triệu người và đến năm 2018 đạt khoảng 6 triệu người. Bình quân mỗi thập niên, dân số tăng thêm khoảng 1 triệu người, cao hơn đáng kể so với mức tăng tự nhiên [67, tr.1]. Di cư góp phần bổ sung nguồn lao động, mở rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển KT-XH. Tuy nhiên, khi diễn ra với quy mô lớn và vượt quá khả năng quản lý, các dòng di cư đã tạo áp lực đáng kể lên hạ tầng, tài nguyên, môi trường và quản lý xã hội, đồng thời làm thay đổi cơ cấu dân tộc và không gian cư trú theo hướng xen cư đa dân tộc.

Nhằm giải quyết tình trạng di cư tự do và ổn định đời sống dân cư, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng. Có thể kể đến Chỉ thị số 660/TTg ngày 17-10-1995 của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết tình trạng dân di cư tự do đến Tây Nguyên và một số tỉnh khác; Chỉ thị số 39/2004/CT-TTg ngày 12-11-2004 về tiếp tục giải quyết tình trạng di cư tự do; Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 8-10-2002 về giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên; Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 5-3-2007 về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào DTTS; Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25-8-2009 phê duyệt kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào DTTS du canh, du cư; và Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24-8-2006 phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và di cư tự do. Những chính sách này đã góp phần từng bước ổn định đời sống dân cư, giảm áp lực di cư tự phát và củng cố hệ thống quản lý xã hội ở địa phương.

Di cư không chỉ là hiện tượng dân số học mà còn là một vấn đề của quản trị xã hội và quản trị phát triển vùng. Khi một bộ phận dân cư mới chưa được bảo đảm sinh kế bền vững, đất ở và các dịch vụ xã hội cơ bản, các mâu thuẫn liên quan đến đất đai, tài nguyên và việc làm có thể phát sinh, làm suy giảm mức độ gắn kết cộng đồng và tạo ra những khoảng trống trong quản lý ở cơ sở. Trong điều kiện Tây Nguyên là khu vực có cơ cấu dân tộc đa dạng và giữ vị trí chiến lược về QP-AN, những biến động trong cơ cấu dân cư và lao động do di cư gây ra có thể tác động trực tiếp đến ổn định CT-XH và môi trường ANCT của vùng. Vì vậy, việc nhận diện và quản lý hiệu quả các dòng di cư không chỉ là yêu cầu của phát triển KT-XH mà còn là yếu tố quan trọng nhằm bảo đảm ổn định ANCT và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên.

Đặc điểm dân cư đa dạng, quan hệ dân tộc - tôn giáo đan xen và biến động do di cư đã tạo ra những tác động sâu sắc đến ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Trước hết, sự chênh lệch về điều kiện phát triển và khác biệt văn hóa giữa các nhóm dân cư có thể làm phát sinh mâu thuẫn lợi ích và ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội. Bên cạnh đó, mối quan hệ gắn kết giữa dân tộc và tôn giáo làm cho các vấn đề tôn giáo dễ lan sang quan hệ dân tộc, đặc biệt khi bị các TLTĐ lợi dụng để kích động, xuyên tạc. Đồng thời, di cư và biến động dân cư làm thay đổi cấu trúc xã hội truyền thống, gia tăng áp lực quản lý và tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các vấn đề xã hội ở cơ sở. Như vậy, các yếu tố dân cư, dân tộc, tôn giáo và di cư không chỉ phản ánh đặc điểm xã hội của địa bàn mà còn là những nhân tố tác động trực tiếp đến trạng thái ANCT. Trong điều kiện đó,

ANCT trên địa bàn Tây Nguyên phụ thuộc chặt chẽ vào khả năng quản lý xã hội, điều hòa lợi ích và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT trong một không gian xã hội đa dạng, nhạy cảm và biến động.

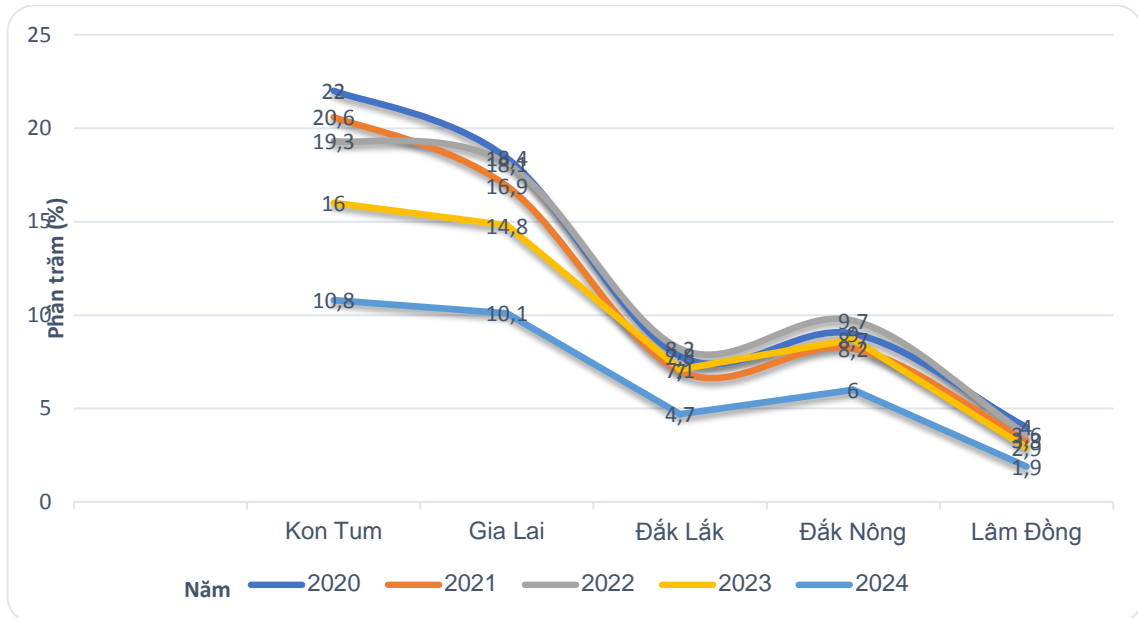
#### **2.3.4. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội, chênh lệch phát triển và vấn đề sinh kế**

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không thể tách rời trình độ phát triển KT-XH của vùng. Đây là luận điểm đã được khẳng định nhất quán trong các văn kiện của Đảng. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị xác định phát triển KT-XH là nhiệm vụ trung tâm, là cơ sở quan trọng để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm QP-AN ở Tây Nguyên. Kết luận số 12-KL/TW ngày 24/10/2011 tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu giải quyết đồng bộ các vấn đề KT-XH, nhất là đất đai, sinh kế và đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, coi đó là điều kiện tiên quyết để giữ vững ổn định CT-XH của vùng [17, tr.3]. Gần đây, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị một lần nữa khẳng định yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và củng cố QP - AN [19].

Trong hơn hai thập niên qua, Tây Nguyên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong phát triển KT-XH. Quy mô kinh tế của vùng (gồm 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng trước khi sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025) tiếp tục tăng lên. Năm 2024, GRDP toàn vùng theo giá hiện hành đạt khoảng 484,58 nghìn tỷ đồng, tăng so với 416,5 nghìn tỷ đồng năm 2023; GRDP bình quân đầu người đạt 78,5 triệu đồng/người, tăng khoảng 16% so với 67,58 triệu đồng/người năm 2023. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế của vùng, với tỷ trọng nông, lâm nghiệp 37,2%; công nghiệp và xây dựng 21,3%; dịch vụ 37,2% (năm 2023 tương ứng 34%; 22,4%; 39,1%). Năm 2024, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt khoảng 32.451 tỷ đồng, tăng 1,7% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó thu nội địa 31.592 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 859 tỷ đồng; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt khoảng 70,6% kế hoạch [120]. Những kết quả này cho thấy quy mô kinh tế và năng lực tài chính của vùng từng bước được cải thiện, tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, từ góc độ chính trị học, tăng trưởng kinh tế chỉ thực sự góp phần củng cố ANCT khi đi liền với tính bao trùm và khả năng lan tỏa lợi ích tới các khu vực vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào DTTS.

Một đặc điểm có tính cấu trúc của Tây Nguyên là sự chênh lệch trình độ phát triển còn khá lớn, cả so với mặt bằng chung của cả nước và giữa các nhóm xã hội trong

nội vùng. Mặc dù chiếm khoảng 16,5% diện tích và 6,1% dân số cả nước, Tây Nguyên chỉ đóng góp khoảng 3,5% GDP; GDP bình quân đầu người của vùng mới đạt khoảng 58% mức trung bình cả nước. Khoảng cách đó không chỉ phản ánh trình độ phát triển còn thấp, mà quan trọng hơn, nó biểu hiện sự hạn chế trong khả năng tạo lập điều kiện phát triển đồng đều giữa các địa bàn, các nhóm dân cư và các cộng đồng xã hội.



**Biểu đồ 1. Tỷ lệ Hộ nghèo trên địa bàn Tây Nguyên giai đoạn 2020 - 2024 [120, tr.422]**

Tình trạng bất bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển được thể hiện khá rõ ở nhóm đồng bào DTTS. Theo Báo cáo kết quả công tác dân tộc năm 2022 của tỉnh Đắk Nông, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 11,19%, nhưng hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 27,98%, riêng hộ nghèo dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 32,81% [133, tr.10-11]. Năm 2024, trang 18, Vùng Tây Nguyên có hệ số GINI cao nhất tương ứng 0,405, đây cũng là nơi có tỷ lệ hộ nghèo ở mức cao so với các vùng khác trên cả nước (là 7,8%) [120]. Những số liệu này không đơn thuần phản ánh khó khăn kinh tế, mà cho thấy một thực tế CT-XH đáng lưu ý: thành quả phát triển chưa phân bố đồng đều, và khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển của một bộ phận dân cư còn hạn chế.

Từ thực tiễn trên có thể thấy, trình độ phát triển KT-XH, đặc biệt là sự chênh lệch phát triển và vấn đề sinh kế, có tác động trực tiếp đến ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Sự chênh lệch về mức độ thụ hưởng chính sách và cơ hội phát triển giữa các khu vực có thể làm nảy sinh khoảng cách giữa kỳ vọng chính sách và trải nghiệm thực tế của người dân. Khi một bộ phận dân cư, nhất là đồng bào DTTS ở vùng sâu, vùng

xa, chưa được cải thiện rõ rệt về sinh kế và điều kiện sống, tâm lý so sánh thiệt hơn và các bức xúc dân sinh có thể tích tụ, ảnh hưởng đến niềm tin đối với hiệu lực quản trị của chính quyền cơ sở.

Trong bối cảnh Tây Nguyên là địa bàn có cấu trúc xã hội đa dân tộc, đa tôn giáo và có tính nhạy cảm về lịch sử - xã hội, những cảm nhận bất bình đẳng nếu không được nhận diện và xử lý kịp thời có thể bị diễn giải theo hướng “thiệt thòi dân tộc” hoặc “thiệt thòi vùng miền”. Khi đó, các vấn đề KT-XH thuần túy có khả năng chuyển hóa thành vấn đề ANCT, tác động trực tiếp đến sự đồng thuận xã hội và nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

### **2.3.5. Quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường và những tác động đến an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên**

Đất đai, tài nguyên và môi trường là một trong những lĩnh vực có mức độ nhạy cảm cao, bởi đây là những nguồn lực cơ bản gắn trực tiếp với sinh kế, quyền lợi kinh tế, không gian cư trú và bản sắc văn hóa của các cộng đồng dân cư. Xét về mức độ nhạy cảm và khả năng chuyển hóa thành vấn đề ANCT, đất đai, tài nguyên và môi trường là một trong những lĩnh vực nổi bật nhất ở Tây Nguyên. Địa bàn này có lợi thế lớn về đất sản xuất, tài nguyên rừng và khoáng sản, nhưng cũng chính vì thế mà xung đột lợi ích liên quan đến quản lý, sử dụng và phân bổ nguồn lực diễn ra khá phức tạp. Trong điều kiện các quan hệ đất đai còn đan xen lịch sử, sinh kế, văn hóa cộng đồng và lợi ích phát triển, mọi bất cập trong quản trị đều có thể nhanh chóng trở thành nguồn phát sinh khiếu kiện, tranh chấp và bất ổn xã hội.

Thực tiễn cho thấy, khiếu kiện và tranh chấp liên quan đến đất đai chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo, khoảng 67,7%. Riêng tại Tây Nguyên, giai đoạn 2001-2018 đã ghi nhận 396 vụ tranh chấp đất đai phức tạp. Nhiều vụ việc liên quan đến đất rừng, đất nông - lâm trường, đất của các dự án phát triển kinh tế phải đặt dưới sự chỉ đạo, rà soát trực tiếp của Trung ương [15, tr 80 - 81]. Những con số này đủ cho thấy đất đai ở Tây Nguyên không chỉ là vấn đề quản lý hành chính hay kinh tế thuần túy, mà là lĩnh vực có khả năng tác động sâu sắc đến ổn định CT-XH. Đất đai gắn trực tiếp với sinh kế, nơi cư trú và không gian văn hóa của người dân, nhất là đồng bào DTTS ở Tây Nguyên. Khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, bố trí tái định cư, giải quyết đất lấn chiếm, đất tranh chấp hoặc đất có nguồn gốc lịch sử được thực hiện thiếu minh bạch, thiếu thuyết phục hoặc chậm trễ, mâu thuẫn lợi ích kinh tế rất dễ tích tụ thành tâm lý bất mãn và suy giảm niềm tin vào HTCT cơ sở. Trong một địa bàn đa dân

tộc, giàu ký ức cộng đồng và nhạy cảm về lịch sử như Tây Nguyên, những mâu thuẫn ấy càng dễ bị chính trị hóa và lợi dụng.

Tính chất phức tạp của vấn đề càng rõ hơn khi hiện nay toàn vùng có 180 công ty nông, lâm nghiệp và ban quản lý rừng đang quản lý 2.655.063,77 ha đất, chiếm 48,59% diện tích tự nhiên. Trong khi đó, Tây Nguyên vẫn còn khoảng 52.940 hộ thiếu đất sản xuất, trong đó có 32.006 hộ là đồng bào dân tộc thiểu số [15, tr 80 - 81]. Sự tương phản này cho thấy cốt lõi của vấn đề không chỉ nằm ở sự khan hiếm tuyệt đối của đất đai, mà chủ yếu nằm ở cơ chế quản lý, phân bổ và điều tiết lợi ích từ đất đai. Chính sự thiếu rõ ràng về quyền sử dụng, sự chồng lấn lịch sử trong nguồn gốc đất, cùng với việc giải quyết tranh chấp kéo dài đã làm cho lĩnh vực đất đai trở thành điểm xung yếu về ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

Cùng với đất đai, suy giảm tài nguyên rừng và rủi ro môi trường cũng là những nhân tố làm gia tăng tính dễ tổn thương của xã hội. Tây Nguyên hiện còn khoảng 2.246.068 ha rừng tự nhiên; giai đoạn 2016-2020 diện tích có rừng giảm 312.416 ha, độ che phủ giảm 5,8%, tỷ lệ rừng giàu chỉ còn 10,4%, trữ lượng rừng giảm hơn 25,5 triệu m<sup>3</sup> [15, tr.85 - 89]. Đó không chỉ là một chỉ dấu sinh thái, mà còn là chỉ báo CT-XH quan trọng, bởi suy thoái rừng kéo theo suy giảm sinh kế, gia tăng tranh chấp đất rừng, vi phạm lâm luật, tội phạm môi trường và khiếu kiện xã hội. Khi các yếu tố đó cộng hưởng với nghèo đói, thiếu đất sản xuất và quản trị yếu kém, nguy cơ hình thành các điểm nóng về ANCT là điều không thể xem nhẹ.

Có thể thấy, quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường có tác động trực tiếp và sâu sắc đến ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Đất đai gắn chặt với sinh kế, nơi cư trú và không gian văn hóa của người dân, đặc biệt là đồng bào DTTS. Vì vậy, khi các hoạt động thu hồi đất, giao đất, bố trí tái định cư, giải quyết đất tranh chấp hoặc đất có nguồn gốc lịch sử được thực hiện thiếu minh bạch, thiếu thuyết phục hoặc chậm trễ, các mâu thuẫn lợi ích kinh tế rất dễ tích tụ, chuyên hóa thành tâm lý bất mãn và làm suy giảm niềm tin vào HTCT cơ sở.

Trong bối cảnh Tây Nguyên là địa bàn đa dân tộc, giàu ký ức cộng đồng và có tính nhạy cảm về lịch sử - xã hội, những mâu thuẫn này không chỉ dừng lại ở phạm vi kinh tế mà còn có khả năng bị diễn giải, xuyên tạc và lợi dụng, từ đó làm gia tăng tính chất phức tạp của các vấn đề ANCT. Đồng thời, sự suy giảm tài nguyên rừng và các rủi ro môi trường đã làm gia tăng tính dễ tổn thương của xã hội. Suy thoái rừng kéo theo suy giảm sinh kế, gia tăng tranh chấp đất rừng, vi phạm lâm luật, tội phạm môi trường

và khiếu kiện xã hội. Khi các yếu tố này kết hợp với tình trạng thiếu đất sản xuất, nghèo đói và những hạn chế trong quản trị, nguy cơ hình thành các điểm nóng về ANCT là hiện hữu.

### **2.3.6. Chất lượng lãnh đạo, hiệu lực quản lý nhà nước và sự phối hợp lực lượng**

Chất lượng lãnh đạo của cấp ủy, hiệu lực quản lý nhà nước và cơ chế phối hợp giữa các lực lượng hợp thành nhân tố mang tính quyết định đối với bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Trong cấu trúc các yếu tố tác động đến ANCT, đây là nhóm yếu tố chủ quan, nhưng có khả năng chi phối, điều tiết và hóa giải các tác động khách quan từ điều kiện tự nhiên, cơ cấu xã hội, trình độ phát triển và các nguy cơ ANPTT. Đối với Tây Nguyên, vai trò quyết định này càng thể hiện rõ nét trong thực tiễn giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

*Thứ nhất, chất lượng lãnh đạo của cấp ủy Đảng là yếu tố định hướng và giữ vai trò trung tâm trong bảo đảm ANCT*

Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng quyết định phương hướng, mục tiêu và phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ANCT. Chất lượng lãnh đạo thể hiện ở khả năng quán triệt và cụ thể hóa đường lối của Đảng thành các chương trình, kế hoạch phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Đồng thời thể hiện ở năng lực nắm chắc tình hình, dự báo sớm nguy cơ và xử lý kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh trong đời sống xã hội. Đối với Tây Nguyên, vai trò lãnh đạo của cấp ủy càng có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng phát triển KT-XH gắn với giữ vững ổn định chính trị.

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển KT-XH và bảo đảm QP-AN vùng Tây Nguyên đã khẳng định yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao năng lực của HTCT các cấp nhằm giữ vững ổn định chính trị, xã hội của địa bàn [19]. Thực tiễn ở các tỉnh Tây Nguyên cho thấy, những thành tựu đạt được trong việc duy trì ổn định chính trị đều gắn liền với sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy và sự vào cuộc đồng bộ của HTCT. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã chỉ rõ rằng một trong những nguyên nhân quan trọng tạo nên những kết quả phát triển của địa phương là sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Trung ương và sự đoàn kết, thống nhất trong cấp ủy địa phương cùng với sự tham gia của nhân dân [119, tr.1]. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy ở một số địa bàn, năng lực lãnh đạo của cấp ủy cơ sở vẫn còn hạn chế. Ở một số nơi, việc dự báo tình hình và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách còn chưa kịp thời, dẫn đến hiệu quả quản lý chưa cao và làm phát sinh những bức xúc trong xã hội [139]. Điều này cho thấy trong

điều kiện Tây Nguyên, chất lượng lãnh đạo của cấp ủy không chỉ thể hiện ở việc ban hành chủ trương mà còn ở khả năng gắn bó với cơ sở, nắm chắc tình hình nhân dân và giải quyết kịp thời các mâu thuẫn xã hội.

*Thứ hai, hiệu lực quản lý nhà nước là công cụ trực tiếp điều tiết lợi ích xã hội và phòng ngừa các nguy cơ gây mất ổn định chính trị.*

Nếu sự lãnh đạo của cấp ủy giữ vai trò định hướng thì quản lý nhà nước là khâu trực tiếp tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội. Hiệu lực quản lý nhà nước ở Tây Nguyên thể hiện rõ nhất trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài nguyên, tôn giáo, di cư và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đây là những lĩnh vực có tác động trực tiếp đến đời sống của người dân và nếu không được quản lý tốt có thể trở thành nguyên nhân dẫn đến bất ổn xã hội. Thực tế cho thấy nhiều vụ việc phức tạp về ANCT địa bàn Tây Nguyên thường bắt đầu từ những bức xúc dân sinh kéo dài, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai và sinh kế. Những hạn chế trong công tác quản lý đất đai ở một số địa phương đã tạo ra những bức xúc trong dư luận và đặt ra yêu cầu phải tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này [139]. Ngược lại, khi chính quyền địa phương quản lý tốt và giải quyết kịp thời các nhu cầu chính đáng của người dân, tình hình ANCT sẽ được củng cố. Báo cáo công tác dân tộc của tỉnh Đắk Lắk cho thấy việc tăng cường quản lý nhà nước, chăm lo đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số và giải quyết kịp thời các nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật đã góp phần ổn định tình hình ANCT và hạn chế sự phát sinh của các hoạt động tà đạo trên địa bàn [132]. Điều này cho thấy hiệu lực quản lý nhà nước không chỉ là việc thực thi pháp luật mà còn là khả năng giải quyết hài hòa các lợi ích xã hội và ngăn ngừa những mâu thuẫn phát sinh từ cơ sở.

*Thứ ba, sự phối hợp giữa các lực lượng trong HTCT tạo nên sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm ANCT.*

Bảo đảm ANCT là nhiệm vụ của toàn bộ HTCT và của nhân dân, trong đó lực lượng Công an giữ vai trò nòng cốt, QĐND và các lực lượng liên quan tăng cường phối hợp nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp trong việc bảo đảm ANCT tại cơ sở. Cơ chế phối hợp này được quy định trong nhiều văn bản pháp luật, trong đó có Nghị định số 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Thực tiễn ở Tây Nguyên cho thấy sự phối hợp giữa các lực lượng đã góp phần quan trọng trong việc xử lý các tình huống phức tạp về ANCT. Vụ việc tấn công trụ sở hai xã tại huyện Cư Kuin

(tỉnh Đắk Lắk) năm 2023 là minh chứng rõ nét cho hiệu quả của sự phối hợp giữa lực lượng công an, chính quyền địa phương và sự hỗ trợ của nhân dân trong quá trình truy bắt các đối tượng, nhanh chóng ổn định tình hình và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn [132], [133]. Bên cạnh đó, việc phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn và người có uy tín trong cộng đồng cũng giúp tăng cường khả năng nắm tình hình và giải quyết mâu thuẫn ngay từ cơ sở.

Có thể khẳng định rằng chất lượng lãnh đạo của cấp ủy, hiệu lực quản lý nhà nước và sự phối hợp giữa các lực lượng tạo thành ba trụ cột cơ bản của hệ thống bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Ba yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau: sự lãnh đạo của cấp ủy định hướng cho hoạt động quản lý nhà nước; hiệu lực quản lý nhà nước tạo điều kiện thực hiện các chủ trương của Đảng; còn sự phối hợp giữa các lực lượng giúp huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong việc giữ vững ổn định chính trị. Vì vậy, việc củng cố HTCT cơ sở, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng là điều kiện có ý nghĩa chiến lược để bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

### **2.3.7. Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch đối với bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên**

Với đặc điểm địa bàn rộng, địa hình phức tạp, dân cư phân tán, đồng bào DTTS chiếm tỷ lệ lớn, Tây Nguyên từ lâu luôn là địa bàn trọng điểm mà các TLTD, phản động tập trung chống phá nhằm thực hiện âm mưu gây mất ổn định CT-XH, tiến tới hình thành cái gọi là “Nhà nước Đê ga tự trị”, từng bước tách Tây Nguyên khỏi sự quản lý của Nhà nước Việt Nam. Thực tiễn nhiều năm qua cho thấy hoạt động chống phá đối với nhiệm vụ bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên diễn ra liên tục, dai dẳng, với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có sự kết hợp giữa chiến tranh tâm lý, chiến tranh thông tin, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo với kích động bạo loạn, khủng bố vũ trang và chống phá trên KGM.

Sau thất bại của các vụ gây rối, bạo loạn vào các năm 2001 và 2004, các tổ chức phản động lưu vong như FULRO, “Tin lành Đê ga”, “Nhà nước Đê ga độc lập”, “Hội thánh Tin lành đảng Christ Tây Nguyên”, “Người Thượng vì công lý” (MSFJ)... không từ bỏ âm mưu chống phá mà chuyển sang phương thức hoạt động bí mật, phân tán, lấy tuyên truyền tư tưởng cực đoan, xuyên tạc chính sách dân tộc, tôn giáo làm trọng tâm. Trong giai đoạn 2010 - 2015, các đối tượng phản động tập trung lợi dụng những khó

khăn về đời sống KT-XH, hạn chế về trình độ dân trí, nhận thức pháp luật của một bộ phận đồng bào DTTS để truyền bá “tà đạo”, kích động ly khai dân tộc, chống đối chính quyền cơ sở. Nổi lên trong giai đoạn này là hoạt động của “tà đạo Hà Môn” tại Kon Tum, Gia Lai và một số địa bàn giáp ranh. Mặc dù xuất hiện từ cuối những năm 1990, song từ năm 2010 đến năm 2013, tổ chức này phát triển nhanh chóng, có thời điểm lôi kéo hơn 2.500 người tại 14 xã của tỉnh Kon Tum tham gia sinh hoạt trái phép, từ bỏ hoạt động tôn giáo chính thống. Các đối tượng cầm đầu tuyên truyền mê tín dị đoan, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kích động người dân bỏ lao động sản xuất, không chữa bệnh, chờ đợi “Đức Mẹ hiện hình cứu rỗi”, làm phát sinh nhiều hệ lụy nghiêm trọng đối với đời sống xã hội, gây chia rẽ trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng trực tiếp đến ANTT ở cơ sở. Trước tình hình đó, cấp ủy, chính quyền địa phương cùng lực lượng CAND đã triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, đẩy mạnh công tác dân vận, tranh thủ người có uy tín trong đồng bào DTTS, qua đó vận động hơn 1.800 người từ bỏ “tà đạo Hà Môn”, từng bước ổn định tình hình địa bàn.

Song song với hoạt động lợi dụng tôn giáo, các tổ chức phản động lưu vong còn gia tăng kích động vượt biên trái phép sang Campuchia, Thái Lan dưới chiêu bài “tị nạn chính trị”, “tự do tôn giáo”. Các đối tượng dựng lên luận điệu về một “miền đất hứa”, hứa hẹn cuộc sống giàu sang, cơ hội định cư tại Mỹ hoặc các nước phương Tây nhằm lôi kéo đồng bào DTTS rời bỏ buôn làng vượt biên trái phép. Từ năm 2010 đến năm 2015, lực lượng chức năng đã phát hiện, ngăn chặn hàng trăm vụ vượt biên trái phép với hàng nghìn lượt người tham gia. Thực chất đây là âm mưu đưa người ra nước ngoài để huấn luyện chống đối, xây dựng lực lượng cơ sở phục vụ hoạt động chống phá lâu dài, đồng thời tạo dựng các “hồ sơ nhân quyền” nhằm vu cáo Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế. Đây là thủ đoạn đặc biệt nguy hiểm bởi không chỉ gây mất ổn định ANCT tại địa bàn Tây Nguyên mà còn tác động tiêu cực đến hình ảnh, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Từ năm 2016 trở lại đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của internet và mạng xã hội, hoạt động chống phá của các TLTĐ đối với Tây Nguyên có sự chuyển hướng rõ rệt sang KGM. Nếu trước đây chúng chủ yếu tuyên truyền trực tiếp, móc nối bí mật hoặc sử dụng phân tử cầm đầu tại địa bàn thì nay chuyển sang phương thức “tẩy não từ xa”, sử dụng Facebook, YouTube, TikTok, Telegram và các nền tảng truyền thông xuyên biên giới để phát tán thông tin xấu độc, xuyên tạc tình hình dân tộc, tôn giáo, nhân quyền tại Tây Nguyên. Hàng trăm tài khoản, hội nhóm phản động được

lập ra với nội dung kích động chống đối, kêu gọi “ly khai dân tộc”, “tự trị Tây Nguyên”, xuyên tạc chính sách phát triển KT-XH của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS. Theo thống kê của lực lượng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, mỗi quý xuất hiện hàng vạn lượt tin, bài, video có nội dung xấu độc liên quan trực tiếp đến vấn đề dân tộc, tôn giáo tại Tây Nguyên. Nhiều đối tượng phản động ở nước ngoài thường xuyên tổ chức livestream, móc nối với số cực đoan trong nước để chỉ đạo hoạt động chống phá, hình thành phương thức hoạt động kiểu “không tiếp xúc trực tiếp”, gây nhiều khó khăn cho công tác phát hiện, đấu tranh của lực lượng chức năng.

Đáng chú ý, năm 2019, tổ chức “Người Thượng vì công lý” (MSFJ) được thành lập tại Thái Lan đã trở thành đầu mối quan trọng trong việc thu thập, bóp méo thông tin liên quan đến tranh chấp đất đai, khiếu kiện và hoạt động tôn giáo tại Tây Nguyên để gửi cho các tổ chức quốc tế, cơ quan ngoại giao nước ngoài nhằm xuyên tạc tình hình nhân quyền ở Việt Nam. Các đối tượng triệt để lợi dụng những vụ việc liên quan đến giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, tranh chấp dân sự để kích động tâm lý bất mãn trong nhân dân, vu cáo chính quyền “cướp đất”, “đàn áp DTTS”. Một số vụ việc phức tạp về ANTT tại Đăk Nông, Đăk Lăk, Gia Lai đã bị các tổ chức phản động lợi dụng nhằm kích động chống người thi hành công vụ, chống đối chính quyền cơ sở. Điển hình là vụ việc tại xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, các đối tượng cực đoan sử dụng súng tự chế, hung khí nguy hiểm tấn công lực lượng chức năng khi thi hành nhiệm vụ, cho thấy tính chất manh động, cực đoan và xu hướng bạo lực hóa hoạt động chống phá.

Đặc biệt, từ sau năm 2020, hoạt động chống phá tại Tây Nguyên không chỉ dừng lại ở tuyên truyền, kích động tư tưởng mà đã chuyển dần sang xu hướng khủng bố vũ trang, kết hợp giữa hoạt động thực địa với hỗ trợ từ KGM. Các tổ chức phản động ở nước ngoài tăng cường móc nối, chỉ đạo số đối tượng cực đoan trong nước chế tạo, tàng trữ vũ khí quân dụng, vũ khí tự chế, tích trữ hung khí nhằm chuẩn bị cho các hoạt động phá hoại, tấn công cơ quan công quyền. Chúng triệt để lợi dụng những vấn đề phức tạp về đời sống dân sinh, tranh chấp đất đai, chênh lệch phát triển vùng miền để kích động tư tưởng chống đối trong một bộ phận thanh niên DTTS. Phương thức hoạt động của các đối tượng thể hiện rõ tính chất “chiến tranh tâm lý” kết hợp “bạo lực cực đoan”, sử dụng internet để lan truyền tư tưởng ly khai, gieo rắc tâm lý hoài nghi,

kích động hận thù dân tộc, đồng thời bí mật chuẩn bị điều kiện vật chất cho hoạt động khủng bố.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, KGM đang trở thành một môi trường quan trọng của đời sống CT-XH, tác động trực tiếp đến nhận thức xã hội, tâm lý cộng đồng và trạng thái ổn định chính trị. Đối với Tây Nguyên, KGM không chỉ mở ra cơ hội thúc đẩy phát triển KT-XH mà đồng thời cũng trở thành “địa bàn mới” trong hoạt động chống phá của các TLTĐ. Thông qua mạng xã hội và các nền tảng số, các tổ chức phản động gia tăng phát tán thông tin sai lệch, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo, đất đai và phát triển vùng đồng bào DTTS. Các nội dung chống phá thường tập trung khoét sâu những vấn đề nhạy cảm như tranh chấp đất đai, khiếu kiện kéo dài, chênh lệch mức sống, khó khăn sinh kế hoặc những vụ việc phức tạp về ANTT nhằm kích động tâm lý bất mãn, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đáng chú ý, các thông tin sai lệch trên KGM hiện nay không còn được truyền tải theo phương thức tuyên truyền đơn tuyến mà được xây dựng với hình thức ngày càng tinh vi, đa dạng và có tính “ngụy trang xã hội” cao. Nhiều bài viết, video, livestream được lồng ghép dưới danh nghĩa “bảo vệ quyền con người”, “đòi công bằng xã hội”, “bảo vệ người yếu thế”, song thực chất nhằm bóp méo bản chất sự việc, xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước, kích động tư tưởng ly khai dân tộc, tự trị tôn giáo và chống đối chính quyền. Một số đối tượng còn lợi dụng tâm lý hiếu kỳ, hạn chế về kỹ năng tiếp nhận thông tin của người dân để phát tán các luận điệu sai trái theo kiểu “mưa dầm thấm lâu”, từng bước làm suy giảm niềm tin chính trị, tạo ra trạng thái hoài nghi xã hội. Đây là đặc điểm rất đáng chú ý bởi tác động của hoạt động chống phá trên KGM không biểu hiện ngay bằng hành vi bạo lực trực tiếp mà chủ yếu diễn ra ở bình diện nhận thức, tâm lý và thái độ chính trị của quần chúng nhân dân.

Thực tiễn tại Tây Nguyên cho thấy sự phát triển của KGM đã làm thay đổi đáng kể phương thức hoạt động chống phá của các TLTĐ trên ba phương diện chủ yếu. Thứ nhất, tốc độ lan truyền thông tin trên KGM diễn ra rất nhanh, vượt xa khả năng kiểm chứng và phản hồi của nhiều chủ thể ở cơ sở. Chỉ trong thời gian ngắn, một thông tin sai lệch hoặc xuyên tạc có thể được chia sẻ đồng thời trên nhiều nền tảng, tạo hiệu ứng cộng hưởng trong nhận thức xã hội và hình thành các luồng dư luận tiêu cực. Thứ hai, hoạt động chống phá ngày càng mang tính phân tán, đa nền tảng và khó nhận diện. Các

thông tin chống phá không tập trung vào một kênh truyền thông cụ thể mà được lan truyền đồng thời trên Facebook, YouTube, TikTok, Telegram hoặc các hội nhóm kín, gây nhiều khó khăn cho công tác phát hiện, xác minh và xử lý. Thứ ba, tác động của thông tin xấu độc trên KGM chủ yếu diễn ra ở bình diện nhận thức và tâm lý xã hội. Thay vì trực tiếp kích động bạo loạn hoặc hành vi chống đối công khai, nhiều thông tin hiện nay được thiết kế theo hướng tạo ra tâm lý hoài nghi, dao động và suy giảm niềm tin của một bộ phận nhân dân đối với HTCT. Đây là quá trình xói mòn niềm tin diễn ra âm thầm nhưng có khả năng gây tác động lâu dài đối với ổn định chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong khi đó, điều kiện tiếp cận và năng lực sử dụng KGM của một bộ phận người dân Tây Nguyên còn nhiều hạn chế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2023 tỷ lệ hộ gia đình có internet trên phạm vi cả nước đạt trên 75%, trong khi tại khu vực Tây Nguyên chỉ khoảng 63 - 65%. Đối với đồng bào DTTS, mức độ tiếp cận còn thấp hơn đáng kể, với tỷ lệ hộ có internet khoảng 46% và tỷ lệ hộ có máy tính dưới 6%. Sự chênh lệch này tạo ra khoảng cách lớn giữa tốc độ lan truyền thông tin trên KGM với năng lực tiếp nhận, sàng lọc và kiểm chứng thông tin của người dân, làm gia tăng nguy cơ bị tác động bởi các luận điệu xuyên tạc, kích động của các TLTD.

Một minh chứng điển hình cho xu hướng kết hợp giữa hoạt động chống phá truyền thống với hỗ trợ của KGM là vụ tấn công trụ sở hai xã tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk ngày 11/6/2023. Vụ việc cho thấy sự móc nối giữa các tổ chức phản động lưu vong ở nước ngoài với số đối tượng cực đoan trong nước thông qua việc sử dụng các nền tảng số để liên lạc, tuyên truyền và điều phối hoạt động. Sau vụ việc, nhiều tài khoản phản động trên mạng xã hội đồng loạt đăng tải thông tin xuyên tạc, bóp méo bản chất vụ án nhằm kích động tâm lý chống đối và gây hoang mang dư luận. Điều này phản ánh rõ xu hướng chuyển dịch hoạt động chống phá từ phương thức truyền thống sang phương thức có sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ và mạng xã hội.

Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm tăng cường bảo đảm ANCT, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và chủ động phòng ngừa nguy cơ từ sớm, từ xa. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc xác định vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời là nhiệm vụ cấp bách hiện nay. Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị tiếp tục nhấn

mạnh yêu cầu chăm lo phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển KT-XH với bảo đảm QP-AN. Đặc biệt, Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đã tạo cơ sở chính trị quan trọng để lực lượng CAND chủ động đấu tranh trên KGM, ngăn chặn âm mưu “diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa”, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Thực tiễn đấu tranh bảo vệ ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong nhiều năm qua tiếp tục khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của lực lượng CAND, nhất là lực lượng An ninh nhân dân. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, lực lượng CAND luôn là nòng cốt trong tham mưu chiến lược cho Đảng, Nhà nước; chủ động nắm tình hình từ sớm, từ xa; phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hóa các âm mưu chống phá của các TLTĐ. Đồng thời, lực lượng CAND đã phát huy hiệu quả phương châm “bám dân, bám địa bàn, bám cơ sở”, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với “thế trận lòng dân” vững chắc, tạo nền tảng giữ vững ổn định CT-XH, bảo vệ vững chắc ANQG trên địa bàn Tây Nguyên trong tình hình mới.

## **Tiểu kết Chương 2**

Chương 2 đã xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Trên nền tảng tiếp cận của khoa học chính trị, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước, luận án làm rõ các khái niệm cơ bản như an ninh, ANQG, ANCT, bảo đảm ANCT và bảo đảm ANCT trên địa bàn tây nguyên. qua đó cho thấy, bảo đảm ANCT không chỉ là hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý các nguy cơ xâm hại, mà còn là quá trình CT-XH tổng hợp nhằm giữ vững nền tảng tư tưởng, ổn định thể chế chính trị, bảo đảm sự vận hành hiệu lực, hiệu quả của cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, duy trì ổn định CT-XH và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

Từ việc xác lập khái niệm trung tâm, Chương 2 đã làm rõ chủ thể, nội dung, phương thức và tiêu chí đánh giá bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Theo đó, bảo đảm ANCT là trách nhiệm của toàn bộ HTCT và Nhân dân, được tổ chức từ Trung ương đến cơ sở, trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước quản lý thống nhất, LLVT mà nòng cốt là CAND trực tiếp tham mưu và xử lý các nguy cơ, MTTQ, các tổ chức CT-XH và Nhân dân tham gia xây dựng đồng thuận xã hội, củng cố thế trận lòng dân. Nội dung bảo đảm ANCT vì vậy không chỉ giới hạn ở đấu tranh với các hoạt động

chống phá trực tiếp, mà còn bao gồm bảo đảm an ninh thể chế, an ninh tư tưởng, nâng cao hiệu lực quản lý, quản trị, giữ vững ổn định CT-XH ở cơ sở, giải quyết hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo, sinh kế, đất đai, môi trường và chủ động phòng ngừa các nguy cơ truyền thông, ANPTT, nhất là trên KGM.

Chương 2 cũng phân tích các yếu tố tác động đến bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, gồm những biến động của tình hình thế giới, khu vực và các thách thức ANPTT; vị trí địa - chiến lược, điều kiện tự nhiên và không gian quản trị; đặc điểm dân cư, dân tộc, tôn giáo và di cư; trình độ phát triển KT-XH, chênh lệch phát triển và vấn đề sinh kế; quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường; chất lượng lãnh đạo, hiệu lực quản lý nhà nước và sự phối hợp lực lượng; hoạt động chống phá của các TLĐ. Các yếu tố này tác động đan xen, vừa khách quan vừa chủ quan, vừa trực tiếp vừa gián tiếp, làm cho bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trở thành nhiệm vụ có tính tổng hợp, lâu dài và phức tạp.

Từ những phân tích đó có thể khẳng định, các yếu tố khách quan chỉ trở thành nguy cơ nghiêm trọng đối với ANCT khi năng lực lãnh đạo, quản lý, quản trị và phối hợp của HTCT không đủ mạnh để nhận diện, điều tiết và hóa giải các mâu thuẫn xã hội. Ngược lại, khi HTCT vận hành thông suốt, gắn bó với Nhân dân, xử lý hiệu quả các vấn đề từ cơ sở và củng cố được niềm tin xã hội, thì ANCT trên địa bàn Tây Nguyên có cơ sở vững chắc để được giữ vững. Đây là tiền đề lý luận và phương pháp luận để Chương 3 tiếp tục phân tích thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thời gian tới.

### Chương 3

## THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG THỜI GIAN QUA

### 3.1. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

#### 3.1.1. Những kết quả đạt được trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

##### 3.1.1.1. Kết quả về phát huy vai trò của các chủ thể trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

*- Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng và hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên*

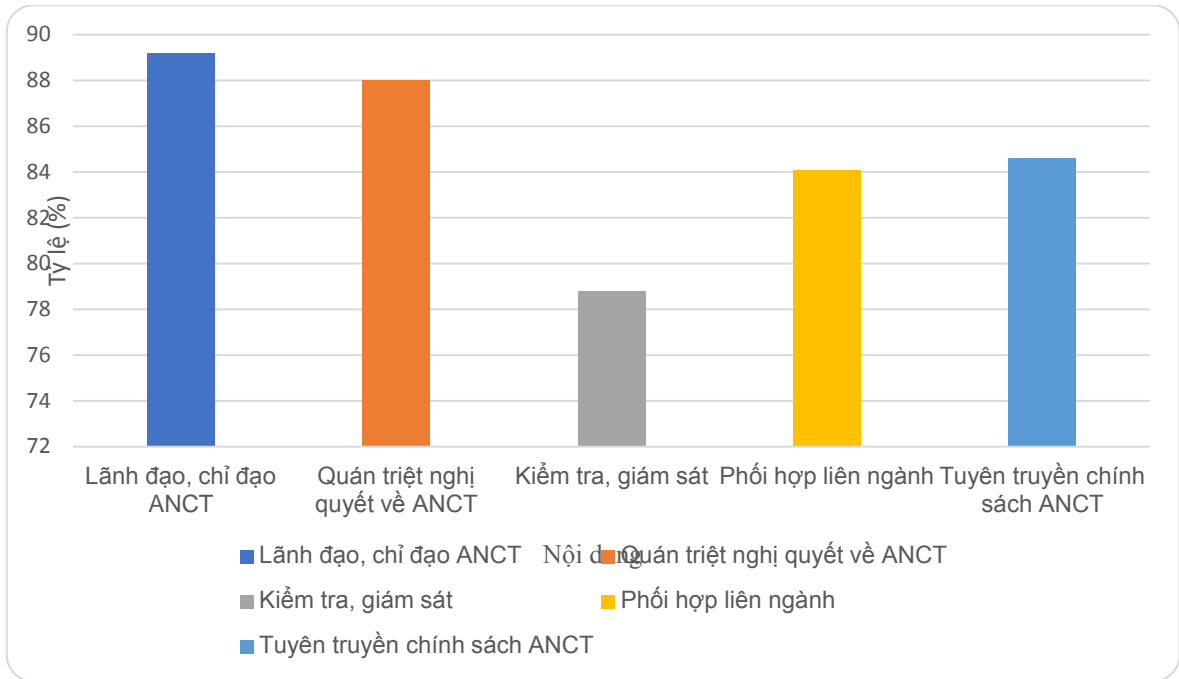
Thực tiễn cho thấy, trong điều kiện Tây Nguyên là địa bàn chiến lược, đa dân tộc, đa tôn giáo và tiềm ẩn nhiều yếu tố nhạy cảm, vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp giữ vị trí trung tâm, có ý nghĩa quyết định đối với ổn định CT - XH. Đây là trụ cột bảo đảm sự vận hành thống nhất của HTCT theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, đồng thời chi phối trực tiếp năng lực phát hiện, phòng ngừa và xử lý các yếu tố tác động đến ANCT.

Nghị quyết số 23-NQ/TW (06/10/2022) của Bộ Chính trị xác định rõ yêu cầu gắn phát triển KT-XH với bảo đảm QP-AN, củng cố HTCT cơ sở và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở đó, các địa phương đã chủ động thể chế hóa thành nghị quyết và chương trình hành động phù hợp với điều kiện cụ thể. Tại Lâm Đồng, các nghị quyết 14-NQ/TU (2018), 16-NQ/TU (2022) và các chương trình 48-CTr/TU (2022), 75-CTr/TU (2024) đều nhấn mạnh kết hợp phát triển KT-XH với củng cố HTCT và đoàn kết dân tộc; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiếp tục khẳng định yêu cầu “kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh” [119, tr.3-4]. Tại Đắk Nông, Nghị quyết 13-NQ/TU (2021) gắn giảm nghèo với phát triển vùng DTTS và củng cố HTCT cơ sở [134]. Đắk Lắk ban hành nhiều văn bản về nguồn nhân lực, dân vận, giải quyết khiếu nại, công tác tôn giáo, dân tộc và kiện toàn cơ chế phối hợp liên ngành [132]. Gia Lai và Kon Tum tập trung củng cố HTCT cơ sở, tăng cường dân vận [138, tr.1], phát huy dân chủ và triển khai hiệu quả chính sách dân tộc [136, tr.1] Hiệu lực quản lý nhà nước được nâng lên thông

qua chuẩn hóa quy trình điều hành và tăng cường phối hợp. Chỉ số PAR Index năm 2024 của các tỉnh Tây Nguyên đạt trung bình 85,63%, tăng 0,21 điểm so với năm 2023; riêng chỉ số chỉ đạo, điều hành đạt 97,72%, xếp thứ 3/6 vùng KT-XH [23, tr.30 - 34]. Thực tiễn cho thấy ANCT cơ bản ổn định, không phát sinh “điểm nóng” [113, tr.1]; nhiều địa phương như Lâm Đồng, Kon Tum duy trì tốt ổn định CT-XH, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP-AN [119 tr.1], [139, tr.1-2].

Cùng với đó, chất lượng đội ngũ cán bộ từng bước được chuẩn hóa. Khoảng 67,1% cán bộ có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, gần 60% sử dụng được tiếng DTTS. Tại Kon Tum, 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn chuyên môn; tỷ lệ cán bộ DTTS trong cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh đạt 38,89% [139, tr.4-5]. Ở Đắk Nông, giai đoạn 2020 - 2023 đã tuyển dụng 32 cán bộ cấp xã là người DTTS, bồi dưỡng 87 lượt cán bộ và bổ nhiệm 15 cán bộ DTTS [134]. Những kết quả này góp phần nâng cao năng lực vận hành của HTCT cơ sở và hiệu quả công tác dân vận. Việc triển khai chính sách dân tộc, giảm nghèo và an sinh xã hội cũng tạo nền tảng quan trọng cho ổn định CT-XH. Tại Kon Tum, Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2018 đạt tỷ lệ giải ngân 94,57%, hỗ trợ 100.118 lượt hộ, đầu tư 2.035 công trình và đào tạo 18.580 lượt người; các chính sách đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt hỗ trợ 23.851 lượt hộ với tổng kinh phí 145.247,2 triệu đồng [137 tr.1-3]. Những kết quả này góp phần cải thiện đời sống Nhân dân và củng cố niềm tin xã hội.

Kết quả khảo sát xã hội học của luận án phản ánh khá rõ hiệu quả của vai trò này. Có 89,2% cán bộ đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong bảo đảm ANCT đạt mức “khá tốt” và “rất tốt”, trong đó 30,8% đánh giá ở mức “rất tốt” [A1.1, PL3]. Đồng thời 88,0% cán bộ cho rằng việc quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị về ANCT được thực hiện hiệu quả [A1.2, PL3]. Bên cạnh đó, 78,8% cán bộ đánh giá tích cực công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền trong lĩnh vực ANCT [A1.3, PL3]; 84,1% ghi nhận hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành và các lực lượng trong bảo đảm ANCT [A1.4, PL3]; 84,6% đánh giá tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về ANCT đến người dân [A1.6, PL3]. Các số liệu này phản ánh vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước đã được chuyên hóa thành năng lực điều hành thực tiễn, không chỉ ở cấp tỉnh mà còn ở cấp cơ sở. Điều đó phù hợp với nhận định của chuyên gia rằng chính năng lực tổ chức thực hiện và phối hợp liên ngành là yếu tố quan trọng tạo nên sự ổn định và tính bền vững của cơ chế bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên [M3.1, PL 7].



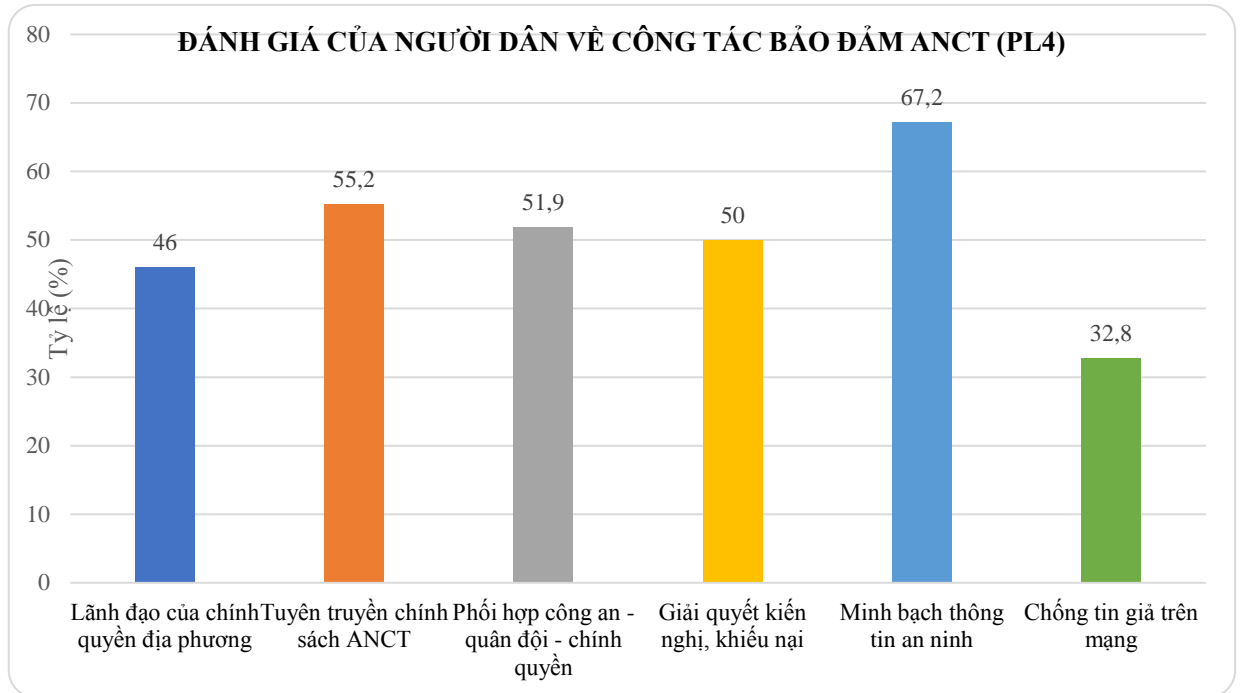
**Biểu đồ 2. Đánh giá của cán bộ về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý ANCT**

(Nguồn: A1, PL3)

Ở góc độ xã hội, đánh giá của người dân cũng phản ánh xu hướng ghi nhận tích cực đối với vai trò của chính quyền địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy 46,0% người dân đánh giá “tốt” và “rất tốt” đối với sự quan tâm, lãnh đạo của chính quyền địa phương trong bảo đảm ANCT [A1.1, PL4]. Đối với công tác tuyên truyền chính sách và pháp luật về an ninh, 55,2% người dân đánh giá tích cực (tốt và rất tốt), 27,2% đánh giá ở mức trung bình và 16,0% cho rằng hiệu quả chưa cao [A1.2, PL4]. Đồng thời 69,2% cho biết họ thường xuyên hoặc rất thường xuyên nắm được các chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước liên quan đến ANCT, phản ánh mức độ lan tỏa tương đối rộng của hệ thống thông tin chính sách ở địa phương [A2.3, PL4]. Khảo sát cũng cho thấy 62,0% người dân đánh giá việc thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc và tôn giáo ở địa phương đạt mức “khá tốt”, và 33,9% đánh giá “rất tốt”, phản ánh sự đồng thuận xã hội tương đối cao đối với chính sách dân tộc và tôn giáo hiện nay [D1, PL4].

Khảo sát cũng cho thấy hệ thống kênh truyền thông chính sách ở địa phương đã bước đầu phát huy hiệu quả. Người dân tiếp cận thông tin về ANCT chủ yếu thông qua truyền hình và phát thanh trung ương (64,8%), mạng xã hội (59,6% - chỉ đứng sau truyền hình và phát thanh trung ương), báo chí (53,6%), các cuộc họp thôn, buôn và sinh hoạt cộng đồng (50,8%) và tuyên truyền trực tiếp của cán bộ cơ sở (43,2%) [A4,

PL4]. Điều này cho thấy chính quyền địa phương đã hình thành được các kênh lan tỏa thông tin tương đối phù hợp với đặc điểm xã hội và văn hóa của địa bàn Tây Nguyên.



**Biểu đồ 3. Đánh giá của người dân về công tác bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên (Nguồn: AI, PL4).**

Như vậy, từ những dữ liệu trên có thể thấy vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền ở Tây Nguyên không chỉ thể hiện ở bảo vệ chế độ và HTCT mà còn ở năng lực tổ chức phát triển, giải quyết các vấn đề dân sinh và thu hẹp khoảng cách phát triển. Qua đó, phát triển KT-XH, nhất là ở vùng DTTS, vùng sâu, vùng xa, trở thành phương thức căn bản để bảo đảm ANCT từ gốc, phản ánh sự chuyển dịch từ quản lý hành chính sang quản trị chủ động, lấy phòng ngừa và ổn định bền vững làm trọng tâm. Những kết quả này cho thấy vai trò lãnh đạo, quản lý trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên không chỉ biểu hiện ở bảo vệ chế độ, bảo vệ HTCT, mà còn ở năng lực tổ chức phát triển, giải quyết các vấn đề dân sinh, thu hẹp khoảng cách phát triển và củng cố nền tảng xã hội của ổn định chính trị. Nói cách khác, phát triển KT-XH vùng DTTS, vùng sâu, vùng xa chính là một phương thức quan trọng để bảo đảm ANCT từ cơ sở.

*- Vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên*

Trên địa bàn Tây Nguyên, LLVT, trong đó lực lượng CAND giữ vai trò nòng cốt, trực tiếp trong bảo đảm ANCT. Vai trò này không chỉ thể hiện ở thực hiện nhiệm

vụ QP-AN, mà còn ở tham gia củng cố HTCT cơ sở, xây dựng thể trận lòng dân và giữ ổn định CT-XH trên địa bàn chiến lược, đa dân tộc, đa tôn giáo.

Trước hết, vai trò của LLVT được bảo đảm bởi khuôn khổ pháp lý và cơ chế phối hợp ngày càng chặt chẽ. Việc triển khai Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ đã tạo cơ sở cho sự hiệp đồng giữa CAND và QĐND trong nắm tình hình, tuần tra, kiểm soát, đấu tranh phòng, chống tội phạm và xử lý các tình huống phức tạp về ANCT. Trên nền tảng đó, CAND, QĐND, Bộ đội Biên phòng và dân quân tự vệ từng bước hình thành cơ chế phối hợp đồng bộ trong quản lý địa bàn, bảo vệ biên giới và giữ gìn TTATXH.

Trong cơ chế phối hợp ấy, tiêu biểu là Binh đoàn 15, lực lượng kinh tế - quốc phòng chủ lực trên địa bàn. Năm 2024, Binh đoàn đạt giá trị sản xuất 2.950 tỉ đồng, doanh thu 2.764 tỉ đồng, thu nhập bình quân trên 7,5 triệu đồng/người/tháng; tạo việc làm cho gần 15.000 lao động, trong đó có 9.330 lao động DTTS; góp phần ổn định đời sống hơn 13.000 hộ dân với gần 52.000 nhân khẩu ở khu vực biên giới; duy trì 11 trường mầm non, 01 bệnh viện quân y hạng 3 và 11 bệnh xá quân - dân y [88]. Những kết quả này cho thấy LLVT không chỉ bảo vệ địa bàn, mà còn trực tiếp tạo nền tảng xã hội cho ổn định ANCT từ cơ sở. Hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng được phản ánh khá rõ qua khảo sát. Có 95,6% cán bộ đánh giá sự phối hợp giữa Công an - Quân đội - Dân quân tự vệ trong giữ gìn ANCT ở mức “khá tốt” và “rất tốt”, trong đó 39,2% đánh giá “rất tốt” [B1.4, PL3]. Đồng thời, 79,0% cán bộ cho biết đã “nắm vững” hoặc “nắm vững và đã triển khai” quy chế phối hợp trong thực tiễn [B3.3, PL3]. Điều này cho thấy cơ chế phối hợp không chỉ dừng ở quy định, mà đã chuyên hóa thành năng lực hành động của LLVT ở cơ sở.

Ở cấp địa phương, các chủ trương về QP-AN tiếp tục được thể chế hóa trong nghị quyết đại hội Đảng bộ. Nghị quyết 01-NQ/ĐH của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025 - 2030 khẳng định giai đoạn 2020 - 2025, địa phương giữ vững ổn định CT-XH, QP-AN và TTATXH được bảo đảm, HTCT được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả [119].

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và giữ gìn TTATXH tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt của LLVT. Tại Đắk Lắk, năm 2025, tội phạm về trật tự xã hội giảm 32,94% so với năm 2024; tỷ lệ điều tra, khám phá án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 94%. Lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở được xây dựng với 2.797 tổ, 9.151 thành viên, tổ chức 48.716 lượt tuần tra, giải quyết 1.045 vụ việc và cung cấp

1.456 nguồn tin [25]. Tại Đắk Nông, năm 2024, tội phạm trật tự xã hội giảm 11,47%, tỷ lệ làm rõ án hình sự đạt 82,39%, riêng án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 96,96% [26]. Tại Gia Lai, tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm đạt 97,3%; toàn tỉnh duy trì 300 mô hình tự quản và 2.693 tổ bảo đảm ANTT với 9.270 thành viên [27]. Tại Kon Tum, 766 cán bộ công an chính quy được bố trí tại 100% xã; thành lập 756 tổ bảo vệ ANTT với 2.380 thành viên, tiếp nhận 551 nguồn tin có giá trị, góp phần khám phá 101 vụ án [28]. Những kết quả này cho thấy cơ chế phối hợp giữa các lực lượng không chỉ được thiết lập về mặt thể chế mà đã vận hành hiệu quả trong thực tiễn, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong kiểm soát địa bàn và xử lý các vấn đề phức tạp về ANCT.

Ở góc độ xã hội, sự gắn bó giữa LLVT với nhân dân là yếu tố quan trọng củng cố hiệu quả bảo đảm ANCT. Kết quả khảo sát cho thấy 78,5% người dân đánh giá sự phối hợp giữa các lực lượng trong giữ gìn ANCT ở mức “tốt” và “rất tốt” [B1.4, PL4]; 68,8% cho rằng LLVT là lực lượng nòng cốt, đáng tin cậy trong bảo đảm an ninh tại địa phương [B1.10, PL4]. Mối quan hệ gắn bó này còn thể hiện ở mức độ tiếp xúc và tương tác thường xuyên giữa LLVT với cộng đồng: 68,4% người dân tiếp xúc trực tiếp; 56,0% thông qua các hoạt động giúp dân; 46,0% qua tuyên truyền tại thôn, buôn và 51,6% qua các phương tiện truyền thông [B2, PL4]. Đồng thời, 55,1% người dân đánh giá LLVT gần gũi với nhân dân; 71,2% đánh giá tích cực khả năng nắm bắt sớm tình hình; và 57,6% cho rằng LLVT xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp [B1.1; B1.2; B1.3, PL4]. Nếu xét riêng hoạt động của lực lượng tại cơ sở, tỷ lệ đánh giá “tốt” và “rất tốt” đạt 66,8% [B1.6, PL4]. Ở phía cán bộ, 93,5% đánh giá LLVT gần dân và hỗ trợ hiệu quả trong bảo đảm ANCT, trong đó 49,8% ở mức “rất tốt”; 89,0% đánh giá cao năng lực nắm tình hình và dự báo sớm các nguy cơ phức tạp [B1.1; B1.2, PL3]. Điều này cho thấy LLVT không chỉ có năng lực chuyên môn mà còn có uy tín CT-XH cao trong cộng đồng.

Từ thực tiễn trên có thể khẳng định rằng, LLVT ở Tây Nguyên không chỉ là lực lượng nòng cốt trong bảo vệ ANQG và giữ gìn TTATXH, mà còn là chủ thể trung tâm trong việc củng cố HTCT cơ sở và xây dựng thế trận lòng dân. Sự thống nhất giữa đánh giá của cán bộ và cảm nhận của người dân cho thấy hiệu quả hoạt động của LLVT không chỉ thể hiện ở năng lực chuyên môn mà còn ở uy tín xã hội, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho việc giữ vững ổn định CT-XH và phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nguyên trong giai đoạn tới.

*- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên*

MTTQ và các tổ chức CT-XH giữ vai trò quan trọng trong huy động Nhân dân tham gia bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Với đặc điểm đa dân tộc, đa tôn giáo, còn nhiều vấn đề nhạy cảm về đất đai, di cư, dân tộc và tôn giáo, vai trò của MTTQ không chỉ là vận động quần chúng mà còn góp phần củng cố thể trận lòng dân, tạo nên tảng xã hội cho ổn định CT-XH.

Về thể chế, Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư đã xác định trách nhiệm của MTTQ và các đoàn thể trong vận động Nhân dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng thể trận ANND. Trên cơ sở đó, các địa phương đã cụ thể hóa thành chương trình, nghị quyết phù hợp yêu cầu “thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân thông qua đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc”, qua đó tăng cường đoàn kết và đồng thuận xã hội [119, tr.3-4]. Trong thực tiễn, MTTQ và các tổ chức CT-XH phát huy vai trò thông qua vận động xã hội, tuyên truyền pháp luật, hòa giải cơ sở, phát triển cộng đồng và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANCT. Giai đoạn 2019 - 2024, MTTQ các tỉnh Tây Nguyên đã huy động Quỹ “Vì người nghèo” và nhiều nguồn lực xã hội hỗ trợ sinh kế, xây dựng nhà Đại đoàn kết, góp phần giảm nghèo và củng cố niềm tin của Nhân dân. Tại Đắk Lắk, Nhân dân đóng góp gần 393,8 tỷ đồng, hiến hơn 454.000 m<sup>2</sup> đất, vận động hơn 88,7 tỷ đồng hỗ trợ gần 2.000 hộ nghèo. Tại Gia Lai, hàng trăm mô hình cộng đồng được triển khai, gắn phát triển KT-XH với củng cố QP-AN. Ở Lâm Đồng, MTTQ được đánh giá đã phát huy tốt vai trò tổ chức diễn đàn, tạo điều kiện để Nhân dân góp ý, phản ánh kiến nghị với cấp ủy, chính quyền.

Tại Kon Tum, MTTQ và các tổ chức CT-XH tham gia tích cực vào công tác dân tộc, chính sách dân tộc và tuyên truyền pháp luật. UBND tỉnh Kon Tum đánh giá sự phối hợp giữa Mặt trận, đoàn thể và các cấp, các ngành đã góp phần chuyển tải chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân [138, tr.1]. Giai đoạn 2020 - 2025, tỉnh Lâm Đồng tổ chức hàng nghìn đợt tuyên truyền với gần 280.000 lượt người tham gia, qua đó Nhân dân cung cấp nhiều nguồn tin có giá trị phục vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm [29]. Hoạt động hòa giải ở cơ sở đạt tỷ lệ hòa giải thành trên 80%, góp phần giải quyết mâu thuẫn tại cộng đồng, hạn chế nguy cơ phát sinh “điểm nóng” [28].

Đáng chú ý, MTTQ và các tổ chức CT-XH đã phát huy hiệu quả vai trò của già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo. Toàn vùng có gần 6.000 già làng, trưởng

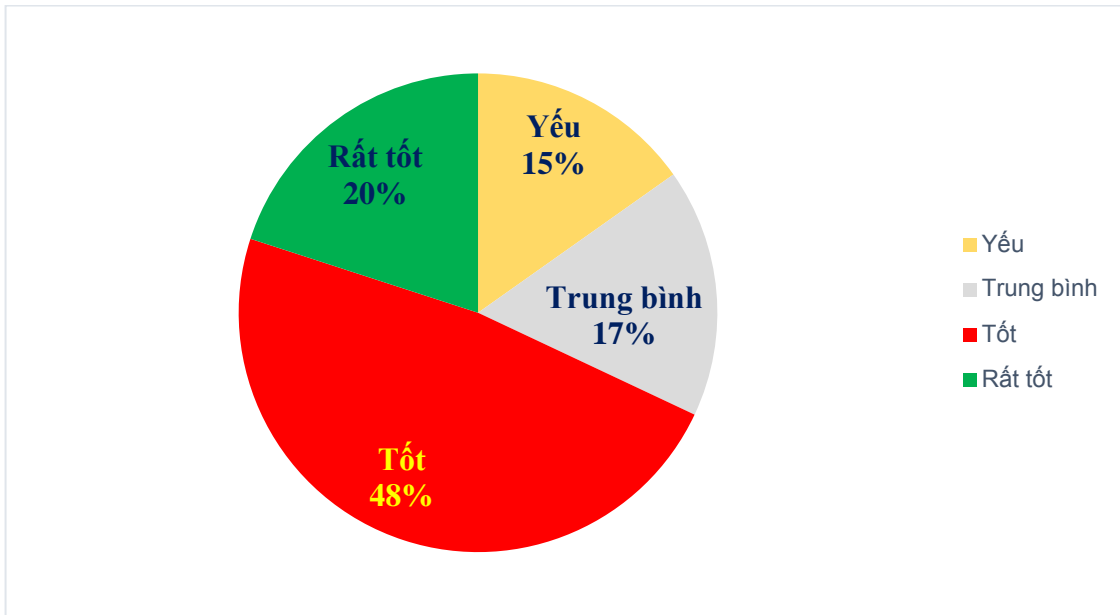
bản, chức sắc tôn giáo tham gia vận động Nhân dân chấp hành pháp luật, hòa giải mâu thuẫn và xây dựng mô hình tự quản. Riêng tại Kon Tum, giai đoạn 2012 - 2018, chính sách đối với người có uy tín được triển khai với tổng kinh phí 11.859,7 triệu đồng; tập huấn cho 1.748 lượt người; tổ chức cho 182 người đi tham quan, học tập kinh nghiệm và thăm hỏi 11.861 lượt người [137, tr.4].

Kết quả khảo sát cũng cho thấy vai trò của MTTQ và các tổ chức CT-XH được ghi nhận khá rõ. Từ phía cán bộ, 74,4% đánh giá vai trò chung của MTTQ và các tổ chức CT-XH ở mức “khá tốt” và “rất tốt”; 95,2% đánh giá cao uy tín của già làng, người có uy tín trong cộng đồng DTTS; 87,2% ghi nhận khả năng hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp; 81,7% đánh giá tích cực vai trò của chức sắc tôn giáo chính thống trong vận động tín đồ “sống tốt đời, đẹp đạo” [C1.1, C1.2, C1.3, C1.4, PL3]. Từ phía người dân, 68,0% đánh giá vai trò chung của MTTQ và các tổ chức CT-XH trong bảo đảm ANCT ở mức “tốt” và “rất tốt”; 73,2% đánh giá tích cực uy tín của già làng, người có uy tín; 72,8% ghi nhận vai trò của chức sắc tôn giáo chính thống; 68,8% bày tỏ niềm tin vào MTTQ, đoàn thể, già làng và chức sắc tôn giáo trong giữ gìn ổn định cộng đồng [C1.1, C1.2, C1.4, C1.9, PL4].

Phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức CT-XH ngày càng dựa nhiều hơn vào thiết chế cộng đồng và tương tác trực tiếp. Có 79,6% người dân cho biết thường nhận thông tin hoặc sự giúp đỡ thông qua sinh hoạt cộng đồng; 51,9% qua các tổ chức đoàn thể; 41,3% qua già làng, trưởng buôn và 39,1% qua chức sắc tôn giáo [C2.1, C2.2, C2.3, C2.4, PL4]. Điều này cho thấy bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên ngày càng gắn với phương thức xã hội hóa, dựa vào cộng đồng và các chủ thể trung gian có uy tín.

Từ phía cán bộ, đánh giá về vai trò của MTTQ và các tổ chức CT-XH trong bảo đảm ANCT khá rõ. Có 74,4% cán bộ đánh giá vai trò chung ở mức “khá tốt” và “rất tốt”; 83,8% ghi nhận niềm tin của Nhân dân đối với MTTQ, đoàn thể, già làng, chức sắc tôn giáo trong giữ gìn ổn định cộng đồng ở mức tích cực [C1.1, C1.6, PL3]. Về định hướng nâng cao hiệu quả, cán bộ ưu tiên trước hết là nâng cao năng lực, trình độ và nhận thức CT-XH (32,3%), tiếp đến là tăng cường hoạt động thiết thực, gần dân, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân (28,1%) và đẩy mạnh giám sát, phản biện xã hội, công tác dân vận (28,1%) [C2.4, C2.1, C2.2, PL3]. Ở bình diện yêu cầu đổi mới, đa số cán bộ nhấn mạnh cần tăng cường đối thoại giữa chính quyền, MTTQ và Nhân dân (50,4%); phát huy vai trò già làng, người có uy tín trong hòa giải (55,0%);

đẩy mạnh phối hợp giữa chức sắc tôn giáo với chính quyền trong tuyên truyền (53,2%); tăng cường truyền thông trực tiếp qua người có uy tín (56,6%); đồng thời lồng ghép vai trò của MTTQ và đoàn thể trong các chương trình phát triển KT-XH ở cộng đồng (57,6%) [C3.1, C3.2, C3.4, C3.6, C3.7, PL3].



**Biểu đồ 4. Đánh giá của người dân về vai trò của MTTQ**

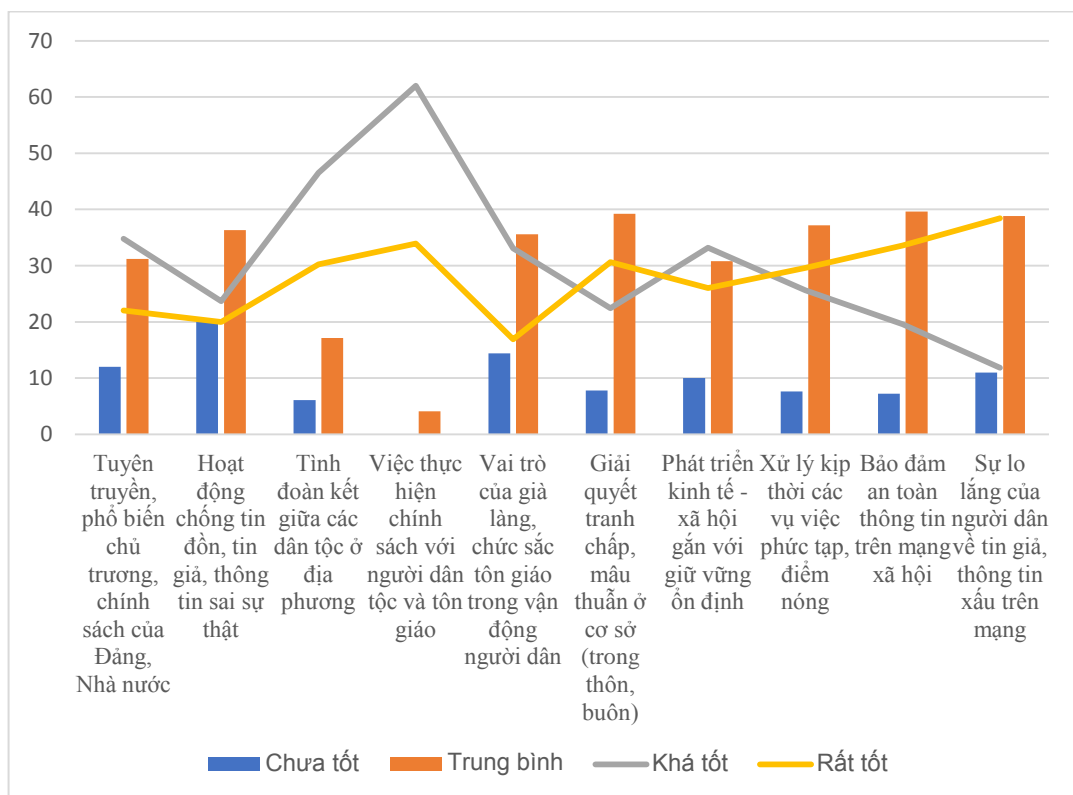
**và các tổ chức CT-XH trong bảo đảm ANCT ở địa phương. Nguồn: [C1, PL4]**

Từ các dữ liệu thực tiễn có thể thấy, vai trò của MTTQ và các tổ chức CT-XH trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên thể hiện trên bốn phương diện chủ yếu: *một là*, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tạo đồng thuận xã hội; *hai là*, tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật; *ba là*, phối hợp hòa giải, giải quyết mâu thuẫn ngay từ cơ sở, hạn chế hình thành “điểm nóng”; *bốn là*, kết nối các chủ thể trung gian xã hội như già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo vào cơ chế bảo đảm ANCT ở cộng đồng. Có thể thấy rằng trong giai đoạn 2011- 2025, MTTQ và các tổ chức CT-XH ở Tây Nguyên không chỉ thực hiện chức năng vận động quần chúng theo nghĩa truyền thống mà còn ngày càng tham gia sâu hơn vào quá trình quản trị xã hội, điều tiết lợi ích cộng đồng và phòng ngừa rủi ro chính trị từ cơ sở. Thông qua việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, thúc đẩy đồng thuận xã hội, tham gia giám sát chính sách và giải quyết mâu thuẫn cộng đồng, các tổ chức này đã góp phần trực tiếp xây dựng và củng cố thể trận lòng dân - yếu tố nền tảng, mang tính quyết định đối với bảo đảm ANCT trên địa bàn chiến lược, đa dân tộc và nhạy cảm như Tây Nguyên.

- Vai trò của Nhân dân, già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên

Nhân dân là chủ thể nền tảng của “thể trận an ninh nhân dân”, giữ vai trò quyết định trong bảo đảm ANCT từ cơ sở. Quan điểm này phù hợp với yêu cầu “xây dựng thể trận lòng dân vững chắc” được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng [44, tr.78]. Trong điều kiện Tây Nguyên là địa bàn đa dân tộc, đa tôn giáo và còn nhiều yếu tố nhạy cảm, bảo đảm ANCT không thể chỉ dựa vào thiết chế công quyền mà phải dựa chắc vào Nhân dân, đặc biệt là các chủ thể có uy tín trong cộng đồng.

Trong thực tiễn, Nhân dân trực tiếp tham gia bảo vệ ANTT thông qua các mô hình tự quản ở cơ sở. Tại Đắk Lắk năm 2025 đã thành lập 2.797 tổ bảo vệ ANTT với 9.151 thành viên, tổ chức 48.716 lượt tuần tra, giải quyết hơn 1.000 vụ việc và thu hồi 1.117 vũ khí, vật liệu nổ [33]. Tại Gia Lai duy trì 871 tổ an ninh nhân dân, 605 tổ tự quản, 1.457 tổ hòa giải và 100 tổ dân phòng. Kon Tum thành lập 756 tổ bảo vệ ANTT với 2.380 thành viên [32]. Các mô hình này góp phần xử lý mâu thuẫn ngay tại cộng đồng, hạn chế phát sinh “điểm nóng”. Khảo sát cho thấy 60,8% người dân khẳng định sự tham gia của Nhân dân là yếu tố trực tiếp tạo nên kết quả tích cực trong bảo đảm ANCT [E2.2, PL4].



**Biểu đồ 5. Đánh giá của người dân về thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên (N = 250) [D1, PL4]**

Nhân dân đồng thời là nguồn cung cấp thông tin quan trọng. Tại Kon Tum, người dân đã cung cấp 551 nguồn tin, trong đó 486 tin có giá trị, giúp khám phá 101 vụ án và bắt giữ 120 đối tượng [32]. Về nhận thức, 69,2% người dân thường xuyên tiếp cận chủ trương, chính sách về ANCT; 67,6% tham gia sinh hoạt chính trị, tuyên truyền pháp luật; 54,8% tiếp nhận thông tin phản bác luận điệu sai trái [A2.3, A2.2, A2.4, PL4]. Đồng thời, 76,7% đánh giá tích cực tình đoàn kết dân tộc và 95,9% ghi nhận hiệu quả chính sách dân tộc, tôn giáo [D1.3, D1.4, PL4]. Điều này cho thấy thế trận lòng dân được hình thành cả từ thiết chế tổ chức và từ mức độ thâm nhập của thông tin chính thống. Những dữ liệu này cho thấy thế trận lòng dân không chỉ được hình thành từ các thiết chế tổ chức, mà còn từ mức độ thâm nhập của thông tin chính thống và sự gắn kết xã hội trong cộng đồng.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tiếp tục là cơ chế huy động xã hội quan trọng. Tại Gia Lai đã có 303.217 lượt người tham gia phong trào; tại Kon Tum năm 2024 có 279.978 lượt người tham gia các đợt phát động [31],[33]. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTO ở Tây Nguyên được triển khai khá rộng khắp với nhiều mô hình tự quản phù hợp điều kiện từng địa phương như “Khu trọ bình yên”, “Cụm doanh nghiệp an ninh, an toàn”, “Tổ tự quản về an ninh trật tự trong khu kinh tế”, “Mỗi người dân là một người lính bảo vệ biên giới”, “Đồng bào DTTS giữ vững biên giới”. Điều đó cho thấy vai trò của Nhân dân trong bảo đảm ANCT không chỉ thể hiện ở sự tham gia trực tiếp vào các hoạt động giữ gìn ANTT, mà còn ở khả năng hình thành mạng lưới tự quản xã hội ngay từ cơ sở.

Khảo sát cho thấy Nhân dân tham gia bảo đảm ANCT không chỉ bằng hành vi mà còn bằng nhận thức chính trị và khả năng tiếp cận thông tin. Có 69,2% người dân thường xuyên nắm được chủ trương, chính sách về ANCT; 67,6% tham gia sinh hoạt chính trị, học tập nghị quyết; 50,4% tiếp cận thông tin chính thống; 54,8% tiếp nhận thông tin phản bác luận điệu sai trái [A2.3, A2.2, A2.1, A2.4, PL4]. Từ phía cán bộ, 71,1% đánh giá công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng ở mức tích cực [D1.1, PL3]. Những số liệu này cho thấy thế trận lòng dân không chỉ dựa vào mô hình tự quản mà còn được củng cố bởi nhận thức chính trị và thông tin chính thống.

Phong trào toàn dân bảo vệ ANTO tiếp tục là cơ chế huy động xã hội quan trọng. Tại Gia Lai có 303.217 lượt người tham gia; Kon Tum năm 2024 có 279.978 lượt người; Đắk Nông xây dựng 3.400 mô hình với gần 9.200 thành viên, đồng thời số địa bàn phức tạp về ANTT giảm từ 43 xuống còn 14 giai đoạn 2011 - 2024 [146].

Khảo sát cho thấy 52,6% người dân và 93,8% cán bộ đánh giá tích cực hiệu quả phong trào; 60,8% khẳng định sự tham gia của Nhân dân là yếu tố quan trọng tạo nên kết quả bảo đảm ANCT [E1.5, E2.2, PL4; E1.5, PL3]. Điều này cho thấy phong trào quần chúng đã trở thành nguồn lực xã hội thực chất trong phòng ngừa từ cơ sở.

Vai trò của Nhân dân được phát huy rõ qua các chủ thể trung gian như già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo. Tại Kon Tum, giai đoạn 2012 - 2018 đã triển khai chính sách với kinh phí 11.859,7 triệu đồng, bồi dưỡng 1.748 lượt người, tổ chức cho 182 người tham quan, học tập và thăm hỏi 11.861 lượt người [137, tr.4]. Thực tiễn cho thấy lực lượng này giữ vai trò kết nối giữa chính sách và cộng đồng, góp phần hòa giải mâu thuẫn và củng cố đoàn kết dân tộc. UBND tỉnh Kon Tum (2022) cũng nhấn mạnh việc phối hợp với người có uy tín để nắm tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh và vận động đồng bào DTTS chấp hành pháp luật [138, tr.3].

Trong bối cảnh KGM, vai trò của Nhân dân thể hiện rõ ở khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin. Có 40,8% người dân từng tiếp cận tin sai; khi gặp tin giả, 40,8% tự kiểm chứng, 37,2% báo cho chính quyền, nhưng 47,6% vẫn chia sẻ lại và 13,6% thừa nhận từng chia sẻ tin giả [D2, PL4]. Ở chiều tích cực, 53,2% đánh giá tốt công tác bảo đảm an toàn thông tin, trong khi 57,6% cán bộ cho rằng cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý ANCT [D1.9, PL4; D4.1, PL3]. Điều này cho thấy Nhân dân vừa là đối tượng chịu tác động, vừa là chủ thể tham gia bảo vệ ANCT trên KGM. Ở cơ sở, việc bố trí CAND chính quy tại 100% xã tạo điều kiện gắn kết chặt chẽ giữa lực lượng chức năng với Nhân dân trong nắm tình hình và xử lý sớm các vấn đề phát sinh. Có 79,0% cán bộ đánh giá mức độ ổn định CT-XH ở mức tích cực; 88,7% ghi nhận hiệu quả xử lý các vụ việc phức tạp; 85,4% cho rằng phát triển KT-XH góp phần củng cố ANCT [E1.1, E1.2, E1.3, PL3].

Từ các dữ liệu trên có thể thấy vai trò của Nhân dân, già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo trong bảo đảm ANCT thể hiện ở bốn phương diện. Một là tham gia trực tiếp phòng ngừa, phát hiện, cung cấp thông tin. Hai là hòa giải mâu thuẫn, ổn định cộng đồng. Ba là lan tỏa thông tin chính thống, hạn chế tác động tiêu cực trên KGM. Bốn là củng cố đồng thuận xã hội và niềm tin vào HTCT.

Xu hướng nổi bật là vai trò của Nhân dân đang chuyển từ tham gia phong trào sang tham gia quản trị. Từ góc nhìn cán bộ, 51,7% cho rằng cần mở rộng xã hội hóa bảo đảm ANCT; 51,6% nhấn mạnh hoàn thiện cơ chế phối hợp; 54,1% đề cao đối thoại

công khai với Nhân dân [D4.2, D4.3, D4.5, PL3]. Điều này cho thấy Nhân dân ngày càng trở thành một bộ phận cấu thành của cơ chế giữ vững ổn định CT-XH từ cơ sở.

### **3.1.1.2. Kết quả về nội dung bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên**

#### *Thứ nhất, bảo đảm an ninh thể chế địa bàn Tây Nguyên*

Bảo đảm an ninh thể chế là nội dung trọng yếu của bảo đảm ANCT, thể hiện ở khả năng duy trì sự ổn định, thống nhất và hiệu lực vận hành của HTCT, đồng thời bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền và sự bền vững của thể trận lòng dân. Đối với Tây Nguyên, yêu cầu này càng cấp thiết do tính chất địa bàn chiến lược, nhiều yếu tố nhạy cảm đan xen.

Về định hướng chính trị - pháp lý, công tác này được đặt trong khuôn khổ các nghị quyết, chỉ thị quan trọng của Trung ương như Nghị quyết 23-NQ/TW (2022) về phát triển KT-XH gắn với bảo đảm QP-AN, Nghị quyết 12-NQ/TW về xây dựng lực lượng CAND, cùng các đề án, kế hoạch về sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Ở địa phương, Lâm Đồng nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã giữ vững ổn định CT-XH, đồng thời hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp [119, tr.1].

Thực tiễn cho thấy HTCT ở Tây Nguyên được củng cố theo hướng rõ trách nhiệm, linh hoạt trong phối hợp và bám sát cơ sở, qua đó không phát sinh “điểm nóng”. Tại Kon Tum, chính quyền các cấp triển khai hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, đồng thời bảo đảm quản lý địa giới hành chính, góp phần giữ vững trật tự quản lý nhà nước [140, tr.1-2].

Khảo sát cán bộ phản ánh khá rõ hiệu quả này. Có 88,4% đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo đạt mức “khá tốt” và “rất tốt”; 88,0% đánh giá việc triển khai nghị quyết hiệu quả; 93,6% ghi nhận sự phối hợp giữa các lực lượng đạt kết quả tích cực [A1.1, PL3]. Công tác kiểm tra, giám sát và phối hợp liên ngành cũng được đánh giá cao, với 78,8% ý kiến tích cực về kiểm tra, giám sát; 84,1% về phối hợp liên ngành; 94,8% về khả năng xử lý tình huống phức tạp; 93,7% về phối hợp giữa CAND, QĐND và dân quân tự vệ [A1.1, A1.4, A1.6, A1.7, PL3]. Những số liệu này cho thấy năng lực điều hành và khả năng phản ứng của HTCT được nâng lên rõ rệt.

Ở góc độ xã hội, an ninh thể chế được củng cố thông qua mức độ thấm thấu chính sách và sự tham gia của Nhân dân. Có 69,2% người dân thường xuyên nắm được chủ trương, chính sách; 46,0% tham gia sinh hoạt chính trị, học tập nghị quyết; 60,4% đánh giá tích cực việc giải quyết mâu thuẫn tại cộng đồng [A2.2, A2.3, D1, PL4]. Các

kênh thông tin như truyền hình (64,8%), mạng xã hội (59,6%) và sinh hoạt cộng đồng (50,8%) góp phần lan tỏa chính sách và củng cố đồng thuận xã hội [A4, PL4].

Năng lực thể chế còn thể hiện ở chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở. Tại Kon Tum, đến tháng 10/2023 có 2.026 cán bộ, công chức cấp xã, 100% đạt chuẩn trình độ; tỷ lệ cán bộ DTTS trong cơ quan công tác dân tộc đạt 38,89% [140, tr.4-5]. Đây là yếu tố quan trọng bảo đảm khả năng xử lý các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai và an ninh cộng đồng ngay từ cơ sở.

An ninh thể chế ở Tây Nguyên được củng cố trên ba phương diện gắn kết. Thứ nhất, tổ chức bộ máy được sắp xếp tinh gọn, rõ trách nhiệm và bám cơ sở. Thứ hai, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT ngày càng đồng bộ, với 88,9% cán bộ đánh giá tích cực hiệu quả phối hợp [E1, PL3]. Thứ ba, hoạt động của thể chế gắn chặt với ổn định xã hội, thể hiện ở 97,0% cán bộ đánh giá mức độ ổn định CT-XH ở địa phương đạt mức “khá tốt” và “rất tốt” [E1, PL3]. Từ đó có thể khẳng định, bảo đảm an ninh thể chế ở Tây Nguyên không chỉ là bảo vệ bộ máy, mà là bảo đảm sự vận hành thông suốt, khả năng tự điều chỉnh và thích ứng của HTCT. Đây là nền tảng quan trọng để giữ vững ANCT và ổn định CT-XH trong bối cảnh mới..

*Thứ hai, bảo đảm an ninh tư tưởng trên địa bàn Tây Nguyên*

Bảo đảm an ninh tư tưởng là nội dung cốt lõi của ANCT, gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin chính trị và chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các luận điệu sai trái của TLTD. Đối với Tây Nguyên, đây là điều kiện trực tiếp để giữ vững ổn định CT-XH và thế trận lòng dân, phù hợp với tinh thần Nghị quyết 35-NQ/TW (2018). Về định hướng, công tác này được triển khai đồng bộ thông qua các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, XIII; Chỉ thị 05-CT/TW và Kết luận 01-KL/TW. Ở địa phương, Lâm Đồng xác định yêu cầu “đổi mới mạnh mẽ công tác tư tưởng”, nâng cao tính thuyết phục và tính chiến đấu trong tuyên truyền [119]. Thực tiễn cho thấy công tác tư tưởng ngày càng gắn với dân vận, công tác DTTS và ổn định xã hội. Tại Kon Tum, năm 2023 đã đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS chấp hành pháp luật, nâng cao cảnh giác, đồng thời triển khai các cuộc vận động thay đổi nếp nghĩ, xóa bỏ hủ tục [139, tr.2].

Kết quả khảo sát cho thấy công tác này đạt hiệu quả tương đối rõ. Có 86,9% cán bộ đánh giá hoạt động đấu tranh phản bác quan điểm sai trái đạt mức “khá tốt” và “rất tốt”; 90,9% đánh giá công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng đạt mức tích

cực [D1.2, D1.1, PL3]. Từ phía người dân, 46,0% đánh giá sự quan tâm của chính quyền đối với ANCT ở mức “tốt” và “rất tốt” [A1.1, PL4].

Nền tảng tiếp nhận thông tin chính trị ở Tây Nguyên vẫn dựa chủ yếu vào kênh chính thống, dù chịu tác động ngày càng rõ của KGM. Có 69,2% người dân thường xuyên nắm được chủ trương, chính sách về ANCT; 40,8% thường xuyên tiếp cận thông tin chính thống từ chính quyền, đoàn thể [A2.3, A2.1, PL4]. Các kênh truyền thống như truyền hình, phát thanh chiếm 64,8%, báo chí 53,6%, sinh hoạt cộng đồng 50,8%, trong khi mạng xã hội đã đạt 59,6% [A4, PL4]. Điều này cho thấy không gian tư tưởng đang chuyển dịch theo hướng đa kênh, vừa mở rộng khả năng tuyên truyền, vừa đặt ra thách thức đối với định hướng dư luận.

Đại đoàn kết toàn dân tộc và hiệu quả chính sách tôn giáo góp phần bảo đảm ANCT trên địa bàn này. Có 89,7% cán bộ và 76,7% người dân đánh giá tích cực tình đoàn kết dân tộc; 83,8% cán bộ và 95,9% người dân ghi nhận hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo [D1.3, D1.4, PL3; PL4]. Đồng thời, 82,5% cán bộ đánh giá cao vai trò của chức sắc tôn giáo trong vận động tín đồ “sống tốt đời, đẹp đạo” [D1.5, PL3]. Đây là yếu tố xã hội quan trọng giúp hạn chế khả năng xâm nhập của các luận điệu chia rẽ.

Trong bối cảnh KGM, yêu cầu đổi mới phương thức bảo đảm an ninh tư tưởng trở nên rõ rệt. Có 94,8% cán bộ cho rằng cần bồi dưỡng kiến thức về an ninh mạng; 96,8% đề cao ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn; 96,0% nhấn mạnh nâng cao kỹ năng bảo đảm ANCT trên KGM [B4.2, D4.1, F5.5, PL3]. Điều này cho thấy nhận thức về chuyển đổi phương thức bảo đảm an ninh tư tưởng đã khá thống nhất trong đội ngũ cán bộ.

Đặc biệt, vai trò của già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo tiếp tục được phát huy. Tại Kon Tum, giai đoạn 2012 - 2018 đã triển khai chính sách với kinh phí 11.859,7 triệu đồng, bồi dưỡng 1.748 lượt người và thăm hỏi 11.861 lượt người [137, tr.4]. Đây là lực lượng có khả năng chuyển tải thông tin chính thống, hóa giải tâm lý xã hội và củng cố đồng thuận trong cộng đồng.

Nhưng năm qua, an ninh tư tưởng trên địa bàn Tây Nguyên cơ bản được giữ vững. Nền tảng tư tưởng của Đảng tiếp tục được củng cố; hoạt động đấu tranh với quan điểm sai trái được triển khai chủ động; công tác tuyên truyền gắn chặt với dân vận và phát triển KT-XH vùng DTTS. Sự kết hợp giữa “xây” và “chống” đã góp phần duy trì

ổn định đời sống tư tưởng - chính trị, tạo nền tảng vững chắc cho bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới.

*Thứ ba, bảo đảm ổn định KT-XH gắn với ANCT trên địa bàn Tây Nguyên*

Ổn định KT-XH gắn với bảo đảm ANCT là một trong những nội dung có ý nghĩa nền tảng trong thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Thực tiễn cho thấy, phát triển KT- XH ở Tây Nguyên ngày càng được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với yêu cầu giữ vững ổn định CT-XH, củng cố QP-AN và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc ngay từ cơ sở. Tinh thần này phù hợp với Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ, trong đó nhấn mạnh yêu cầu phát triển nhanh, bền vững Tây Nguyên phải gắn chặt với bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định CT-XH. Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I xác định yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh trong mọi tình huống. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2025 - 2030 cũng nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của địa phương. Điều đó cho thấy ở Tây Nguyên, bảo đảm ANCT không còn được nhìn nhận đơn thuần như nhiệm vụ bảo vệ, mà đã trở thành một bộ phận hữu cơ của quản trị phát triển vùng.

Thành tựu nổi bật trước hết thể hiện ở việc duy trì ổn định ANCT và trật tự an toàn xã hội, qua đó tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, phát triển hạ tầng, mở rộng sản xuất, dịch vụ và nâng cao đời sống Nhân dân. Kết quả khảo sát cán bộ cho thấy 86,0% ý kiến đánh giá mức độ phát triển KT-XH góp phần củng cố ANCT ở mức “khá tốt” và “rất tốt” (64,2% và 21,8%) [Bảng D1, PL3]. Điều này phản ánh nhận thức khá thống nhất trong đội ngũ cán bộ về vai trò của phát triển KT-XH như một nhân tố nền tảng bảo đảm ổn định chính trị ở địa phương. Ở phía người dân, đánh giá cũng thể hiện xu hướng tương tự khi 59,2% người dân cho rằng phát triển KT-XH ở địa phương góp phần giữ vững ổn định chính trị ở mức “khá tốt” và “rất tốt” (33,2% và 26,0%) [Bảng D1, PL4]. Mặc dù mức đánh giá của người dân thận trọng hơn so với cán bộ, song tỷ lệ đồng thuận tương đối cao này vẫn cho thấy phát triển KT-XH đã được nhìn nhận như một điều kiện quan trọng củng cố ổn định xã hội và tăng cường niềm tin trong cộng đồng.

Trong thực tiễn địa phương, thành tựu này được thể hiện khá rõ. Tại Lâm Đồng, việc tiếp tục giữ vững ổn định CT-XH đã tạo điều kiện để triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm và thúc đẩy liên kết vùng. Cuối năm 2025, dự án cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc

đã được phê duyệt nhà đầu tư, ký hợp đồng BOT và khởi công, từng bước hiện thực hóa mục tiêu hoàn thiện tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương. Đây là minh chứng cho thấy ổn định CT-XH đã trở thành điều kiện quan trọng bảo đảm cho phát triển dài hạn của địa phương. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 cũng xác định các dự án trọng điểm như cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, Nha Trang - Liên Khương, Gia Nghĩa - Phan Thiết, Gia Nghĩa - Chơn Thành, trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh và các dự án hạ tầng logistics, cảng biển, cảng cạn, hàng không [119, tr.5]. Điều này cho thấy ổn định chính trị - xã hội và an ninh thể chế là điều kiện nền tảng để mở rộng không gian phát triển, kết nối cao nguyên - trung du - duyên hải trong giai đoạn mới.

Ở Gia Lai, sự gắn kết giữa ổn định ANCT với phát triển KT-XH thể hiện rõ qua năng lực xử lý các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, không để hình thành “điểm nóng”, đồng thời bảo đảm an toàn cho các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các hoạt động phát triển của địa phương. Đáng chú ý, “Chiến dịch Quang Trung” của Công an tỉnh đã hỗ trợ xây dựng hoàn thành 87 căn nhà cho người dân bị thiệt hại do bão lũ, góp phần giúp người dân sớm ổn định cuộc sống, phục hồi sinh kế và củng cố niềm tin xã hội. Kết quả này cho thấy bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên ngày càng gắn với giải quyết dân sinh, an sinh và phục hồi cộng đồng từ cơ sở.

Tại Kon Tum, sự gắn kết giữa ổn định KT-XH với ANCT được thể hiện qua việc lồng ghép công tác dân vận, bảo đảm an ninh với các chương trình giảm nghèo, thay đổi tập quán sản xuất và nâng cao năng lực tự vươn lên của đồng bào DTTS. Cách tiếp cận này phù hợp với thực tế xã hội Tây Nguyên, nơi các yếu tố sinh kế, trình độ dân trí và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến ổn định chính trị cơ sở. Giai đoạn 2006 đến nay, Chương trình 135 tại Kon Tum được giao 1.049.687 triệu đồng, thực hiện 992.736 triệu đồng, đạt 94,57%; đã hỗ trợ 100.118 lượt hộ, đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, duy tu 2.035 công trình và đào tạo, tập huấn cho 18.580 lượt người. Các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt đã hỗ trợ 23.851 lượt hộ, xây dựng 107 công trình nước sinh hoạt tập trung, với tổng kinh phí 145.247,2 triệu đồng, góp phần ổn định đời sống đồng bào DTTS, giải quyết tình trạng thiếu nước mùa khô và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước [137, tr.2-3]. Đến năm 2023, Kon Tum tiếp tục duy trì tăng trưởng khá, GRDP ước đạt 19.100 tỷ đồng, tăng 8,33% so với cùng kỳ; GRDP bình quân đầu người đạt

khoảng 58,8 triệu đồng/người, đạt 103,1% kế hoạch, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước [140, tr.4-5]. Công tác an sinh xã hội cũng được triển khai cụ thể: hỗ trợ nhà ở cho 27 hộ gia đình chính sách, người có công thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ khó khăn về nhà ở; cấp 60.321 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ kinh phí tiền điện cho 21.988 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; tỷ lệ hộ gia đình vùng đồng bào DTTS sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 88,1% [141, tr.6]. Những kết quả này cho thấy bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên ngày càng gắn với bảo đảm sinh kế, an sinh và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản của người dân.

Trên phương diện xã hội học chính trị, một yếu tố quan trọng góp phần củng cố ổn định KT-XH gắn với ANCT địa bàn Tây Nguyên là vai trò của các chủ thể xã hội có uy tín trong cộng đồng. Khảo sát cán bộ cho thấy 95,2% ý kiến đánh giá uy tín, ảnh hưởng của già làng và người có uy tín trong cộng đồng ở mức “khá tốt” và “rất tốt” (58,0% và 37,2%) [Bảng C1, PL3], đồng thời 87,7% cán bộ đánh giá khả năng hòa giải mâu thuẫn của lực lượng này ở mức tích cực [Bảng C1, PL3]. Ở phía người dân, mức đánh giá tích cực đối với vai trò của già làng và người có uy tín cũng đạt 73,2% ở mức “tốt” và “rất tốt” (41,2% và 32,0%) [Bảng C1, PL4]. Đối với chức sắc tôn giáo, khảo sát cán bộ cho thấy 81,7% đánh giá vai trò của chức sắc tôn giáo trong vận động tín đồ “sống tốt đời, đẹp đạo” ở mức “khá tốt” và “rất tốt” [Bảng C1, PL3], trong khi phía người dân cũng có 72,8% đánh giá tích cực đối với vai trò này [Bảng C1, PL4]. Những số liệu này cho thấy thành tựu ổn định chính trị ở Tây Nguyên không chỉ dựa trên tăng trưởng kinh tế mà còn được củng cố bởi sự đồng thuận xã hội và mạng lưới các chủ thể xã hội có ảnh hưởng trong cộng đồng.

Từ những kết quả trên có thể khẳng định rằng, trong những năm qua, bảo đảm ổn định KT-XH gắn với ANCT trên địa bàn Tây Nguyên đã đạt được những thành tựu tương đối toàn diện. Phát triển KT-XH không chỉ góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân mà còn trực tiếp làm giảm các nguy cơ phát sinh bất ổn. Ngược lại, giữ vững ANCT đã tạo môi trường ổn định, an toàn cho đầu tư, tăng trưởng, an sinh và liên kết vùng. Kết quả khảo sát cán bộ cho thấy 97,0% ý kiến đánh giá mức độ ổn định CT-XH tại địa phương ở mức “khá tốt” và “rất tốt” (57,9% và 39,1%) [Bảng E1, PL3], qua đó củng cố nhận định rằng sự gắn kết giữa phát triển KT-XH với bảo đảm ANCT đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng của ổn định vùng Tây Nguyên hiện nay.

*Thứ tư, bảo đảm an ninh dân tộc và an ninh tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên*

Bảo đảm an ninh dân tộc và an ninh tôn giáo là một bộ phận trọng yếu của bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên - khu vực có đặc trưng đa tộc người, đa tôn giáo, phân bố dân cư không đồng đều và từng bị các TLTD lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá. Do đó, nhiệm vụ này không chỉ nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, mà còn hướng tới củng cố quan hệ dân tộc, quan hệ lương - giáo, tăng cường niềm tin chính trị và giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quan điểm này phù hợp với hệ thống chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước như Nghị quyết số 24-NQ/TW, Kết luận số 65-KL/TW, Nghị quyết số 25-NQ/TW, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP và Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 về phát triển KT-XH gắn với bảo đảm QP-AN vùng Tây Nguyên.

Trên cơ sở định hướng của Trung ương, các địa phương trong vùng đã cụ thể hóa bằng nghị quyết và chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tiêu biểu, Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/10/2025 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định rõ yêu cầu tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo gắn với củng cố đoàn kết xã hội và giữ vững ổn định CT-XH. Đồng thời, Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư tiếp tục tạo cơ sở chính trị quan trọng để phát huy vai trò của HTCT và Nhân dân trong giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo ngay từ cơ sở.

Thực tiễn cho thấy, an ninh dân tộc và an ninh tôn giáo ở Tây Nguyên được bảo đảm trên nền tảng nhận diện đúng đặc điểm dân tộc - tôn giáo của vùng. Hiện nay, khu vực này có tín đồ của 13/16 tôn giáo được Nhà nước công nhận, với gần 2,3 triệu người, chiếm khoảng 38,5% dân số toàn vùng. Trong đó, Công giáo có khoảng 1,18 triệu giáo dân, Tin lành khoảng 580 nghìn người, Phật giáo 460.770 người, Cao Đài 53.104 người; toàn vùng có gần 2.900 chức sắc và khoảng 2.300 cơ sở thờ tự. Riêng Công giáo được tổ chức theo 3 giáo phận (Kon Tum, Ban Mê Thuột, Đà Lạt), với khoảng 520.399 giáo dân là người DTTS, chiếm 44,08%; trong đó Kon Tum có tỷ lệ cao nhất, khoảng 83,77% [22]. Cấu trúc dân tộc - tôn giáo đan xen này cho thấy bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên gắn chặt với bảo đảm an ninh dân tộc và an ninh tôn giáo. Các dữ liệu địa phương cũng cho thấy tính đặc thù của vấn đề dân tộc ở Tây Nguyên. Tại Kon Tum, năm 2017, DTTS chiếm 53,25% dân số, có 28 dân tộc cùng

sinh sống xen kẽ, trong đó có 7 dân tộc tại chỗ [137, tr.1]. Tại Đắk Nông năm 2023, toàn tỉnh có 40 dân tộc cùng sinh sống, đồng bào DTTS có 63.526 hộ với 292.852 người, chiếm 42,3% dân số toàn tỉnh; có 143 thôn đặc biệt khó khăn và 07 xã biên giới giáp Campuchia với chiều dài đường biên giới 141,045 km [134, tr.3]. Những đặc điểm này cho thấy bảo đảm an ninh dân tộc, tôn giáo ở Tây Nguyên phải được đặt trong tổng thể quản trị phát triển, quản lý biên giới, giảm nghèo và củng cố niềm tin chính trị ở vùng đồng bào DTTS.

Trên cơ sở quản lý xã hội, việc giải quyết các xung đột liên quan đến đất đai, môi trường, tộc người, tôn giáo, tín ngưỡng và đấu tranh phòng, chống các tổ chức phản động như Fulro, “Tin lành Đê ga” đạt nhiều kết quả quan trọng. HTCT cơ sở đã phối hợp giải quyết nhà ở cho 56.268 hộ, đất ở cho 17.907 hộ với diện tích 713,38 ha, đất sản xuất cho 72.695 hộ với diện tích 35.447,53 ha; bố trí ổn định cho 13.968 hộ di cư tự phát. Đồng thời, lực lượng chức năng đã phát hiện, đấu tranh xóa bỏ 158 khung tổ chức “Tin lành Đêga” ngầm, 372 điểm nhóm sinh hoạt và trên 200 Ban chấp sự tự phong, vận động hơn 30.000 người từ bỏ “Tin lành Đêga” quay lại sinh hoạt tôn giáo hợp pháp [22, tr.71, 81]. Những kết quả này góp phần quan trọng trong kiểm soát xung đột xã hội và giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở.

Quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên trong những năm qua cơ bản ổn định, đời sống xã hội giữa các cộng đồng dân tộc được duy trì trong trạng thái hòa hợp và gắn kết. Việc triển khai đồng bộ các chính sách dân tộc, phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS, cùng với công tác dân vận đã góp phần củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước. Số liệu khảo sát cho thấy 97,0% cán bộ đánh giá mức độ đoàn kết giữa các dân tộc ở mức “khá tốt” và “rất tốt” (63,4% khá tốt; 26,3% rất tốt) [D1.3, PL3]; từ phía người dân, 76,7% có đánh giá tương tự (46,5% khá tốt; 30,2% rất tốt) [D1.3, PL4]. Điều này khẳng định nền tảng đoàn kết dân tộc được duy trì tương đối vững chắc. Tại Kon Tum, các chính sách dân tộc được triển khai trong thời gian dài đã góp phần cải thiện đời sống đồng bào DTTS và củng cố niềm tin chính trị. Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2018 đã hỗ trợ 100.118 lượt hộ, đầu tư 2.035 công trình và tập huấn 18.580 lượt người; chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt đã hỗ trợ 23.851 lượt hộ, xây dựng 107 công trình nước sinh hoạt tập trung [137, tr.1-3]. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo trong đồng bào DTTS vẫn còn cao, cho thấy bảo đảm an ninh dân tộc phải tiếp tục gắn với giảm nghèo bền vững. Năm 2023, tại Kon Tum, hộ nghèo

DTTS chiếm 95,43% tổng số hộ nghèo toàn tỉnh, hộ cận nghèo DTTS chiếm 89,60% tổng số hộ cận nghèo [141, tr.5]. Dữ kiện này cho thấy chính sách dân tộc không chỉ có ý nghĩa an sinh mà còn là một nội dung trực tiếp của bảo đảm ANCT.

Bảo đảm an ninh dân tộc còn gắn chặt với việc phát huy vai trò của các thiết chế xã hội truyền thống. Với gần 6.000 già làng, người có uy tín, lực lượng này đã trở thành cầu nối quan trọng giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, góp phần truyền tải chủ trương, chính sách và tham gia hòa giải mâu thuẫn tại cơ sở. Khảo sát cho thấy 95,2% cán bộ đánh giá uy tín của lực lượng này ở mức “khá tốt” và “rất tốt” [C1.2, PL3], và 87,2% đánh giá cao khả năng hòa giải mâu thuẫn [C1.3, PL3]. Từ phía người dân, các tỷ lệ tương ứng là 73,2% và 60,4% [C1.2; C1.3, PL4], cho thấy vai trò thực chất của các thiết chế truyền thống trong duy trì ổn định xã hội. Cùng với đó, các mô hình tự quản cộng đồng như “Ba phòng, ba chống”, “Ba tự quản”, “Khu dân cư an toàn”, “Tiếng keng an ninh”, “Liên gia tự quản” đã phát huy hiệu quả trong phòng ngừa và xử lý sớm các nguy cơ bất ổn. Khảo sát cho thấy 62,8% người dân đánh giá các mô hình này hoạt động “khá hiệu quả” và “rất hiệu quả” [A1.10, PL4], góp phần củng cố thể trận lòng dân ngay từ cơ sở.

Bên cạnh yếu tố dân tộc, an ninh tôn giáo là nội dung quan trọng trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Thực tiễn cho thấy đời sống tôn giáo cơ bản ổn định, các hoạt động tôn giáo diễn ra trong khuôn khổ pháp luật, phù hợp với Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Nghị định số 95/2023/NĐ-CP. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp ngày càng tích cực tham gia hoạt động xã hội, từ thiện và vận động tín đồ “sống tốt đời, đẹp đạo”. Khảo sát cho thấy 81,7% cán bộ đánh giá vai trò của chức sắc tôn giáo trong vận động tín đồ ở mức “khá tốt” và “rất tốt” [C1.4, PL3]. Từ phía người dân, 72,8% đánh giá tích cực vai trò này; trong đó 51,2% đánh giá ở mức “tốt” và 15,6% ở mức “rất tốt” trong việc củng cố niềm tin và tăng cường đoàn kết cộng đồng [C1.4; C1.5, PL4]. Song song với việc phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo hợp pháp, các lực lượng chức năng đã chủ động đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tôn giáo để chống phá. Từ năm 2001 đến nay, đã phát hiện và bóc gỡ 300 khung tổ chức, 439 điểm nhóm “Tin lành Đêga” tại Gia Lai và Đắk Lắk; xóa bỏ 28 khung FULRO và vận động 572 người từ bỏ “Tin lành Đêga” [22, tr.14]. Việc xử lý kịp thời vụ tấn công tại Cư Kuin (Đắk Lắk) năm 2023 tiếp tục cho thấy năng lực phát hiện, đấu tranh và xử lý các hoạt động chống phá ngày càng được nâng cao.

Có thể thấy, an ninh dân tộc và an ninh tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên trong những năm qua cơ bản được bảo đảm. Quan hệ dân tộc ổn định, đời sống tôn giáo diễn ra trong khuôn khổ pháp luật; các chủ thể xã hội như già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo ngày càng phát huy vai trò tích cực trong củng cố đoàn kết cộng đồng. Sự tương đồng giữa đánh giá của cán bộ và cảm nhận của người dân trong các khảo sát [PL3; PL4] cho thấy việc kết hợp giữa quản lý nhà nước bằng pháp luật với công tác dân vận, phát triển KT-XH và phát huy vai trò xã hội tại cơ sở là hướng đi phù hợp để bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên.

*Thứ năm, bảo đảm ANCT trước hoạt động chống phá của các TLTĐ, các thách thức ANPTT và những vấn đề nảy sinh trên KGM*

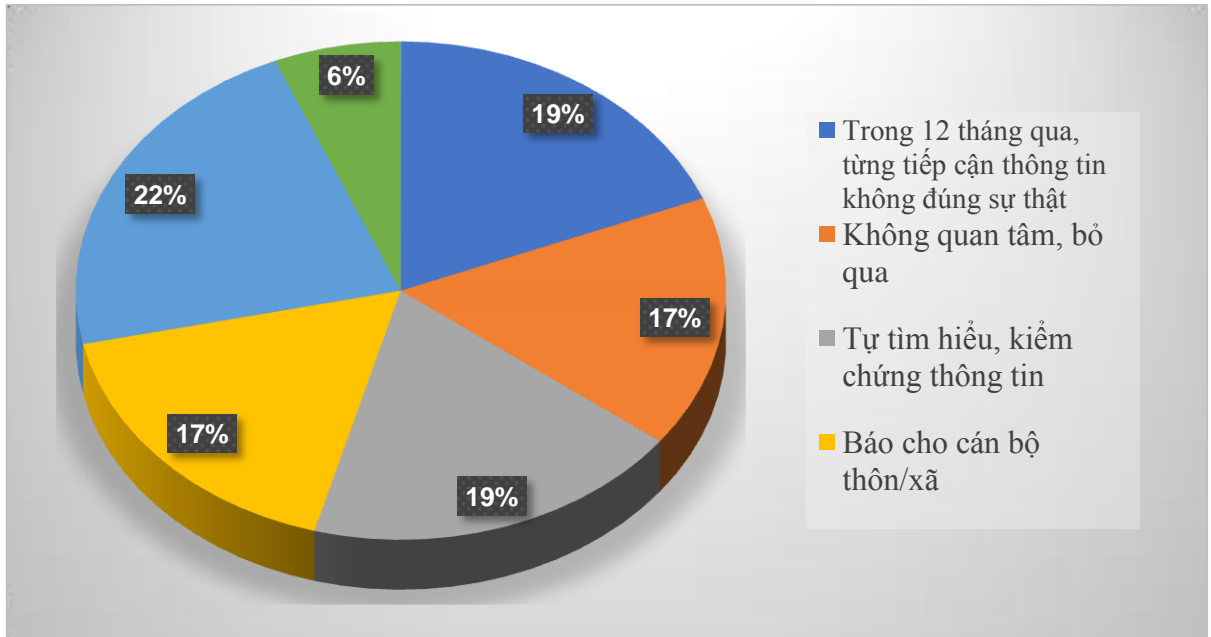
Trong bối cảnh chuyển đổi số, KGM trở thành không gian xã hội - chính trị có tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ và hành vi chính trị của cán bộ, đảng viên, Nhân dân. Đối với Tây Nguyên, địa bàn chiến lược, đa dân tộc, đa tôn giáo và từng là trọng điểm chống phá của TLTĐ, bảo đảm ANCT trên KGM không còn là vấn đề kỹ thuật đơn thuần, mà là một bộ phận quan trọng của bảo đảm ANCT.

Về cơ sở pháp lý, Luật An ninh mạng năm 2018 và các văn bản liên quan đã tạo hành lang cho phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi lợi dụng KGM để xâm phạm ANQG, tán phát tin giả, kích động chia rẽ dân tộc, tôn giáo và gây rối trật tự xã hội. Các chủ trương về chuyển đổi số quốc gia cũng đặt ra yêu cầu phát triển hạ tầng số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

Thực tiễn cho thấy nguy cơ chống phá trên KGM ở Tây Nguyên có xu hướng gia tăng. TLTĐ, tổ chức phản động và tội phạm công nghệ cao lợi dụng mạng xã hội, nền tảng truyền thông số để xuyên tạc, kích động, lôi kéo và gây hoang mang dư luận. Vụ tấn công trụ sở hai xã tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk ngày 11/6/2023 cho thấy sự kết hợp giữa tổ chức phản động lưu vong, đối tượng cực đoan trong nước và việc sử dụng nền tảng số để liên lạc, tuyên truyền, điều phối hoạt động. Điều đó phản ánh sự chuyển dịch của hoạt động chống phá từ phương thức truyền thống sang phương thức có hỗ trợ của công nghệ và mạng xã hội.

Kết quả khảo sát cán bộ cho thấy công tác bảo đảm ANCT trên KGM bước đầu đạt kết quả tích cực. Có 75,7% cán bộ đánh giá hiệu quả bảo đảm an ninh trên KGM ở mức “khá tốt” và “rất tốt”; 72,8% đánh giá tích cực công tác phòng, chống tin giả, thông tin xấu độc trên mạng xã hội [D1.9, D1.10, PL3]. Về năng lực số, 96,8% cán bộ đánh giá tích cực hoạt động đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ số phục vụ bảo đảm

ANCT, 95,2% đánh giá tích cực kỹ năng nhận diện và xử lý tin giả [F5.5; F5.6, PL3]. Những số liệu này cho thấy HTCT cơ sở đang từng bước thích ứng với môi trường quản trị số.



**Biểu đồ 6. Hành vi của người dân khi tiếp cận và xử lý thông tin sai sự thật**

Từ phía người dân, 53,2% đánh giá tích cực mức độ bảo đảm an toàn thông tin trên mạng xã hội [D1.9, PL4]. Tuy nhiên, trong 12 tháng qua, 40,8% người dân từng tiếp cận thông tin không đúng sự thật; khi gặp tin giả, 37,2% phản ánh với cán bộ thôn, xã hoặc tổ chức địa phương, nhưng 13,6% thừa nhận từng chia sẻ thông tin sai lệch [D2, PL4]. Điều này cho thấy xã hội đã hình thành phản ứng thận trọng hơn trước tin giả, song rủi ro lan truyền thông tin sai lệch vẫn còn đáng chú ý. KGM hiện đã trở thành kênh tác động lớn đến nhận thức xã hội ở Tây Nguyên. Có 59,6% người dân tiếp cận thông tin liên quan đến ANCT qua mạng xã hội, chỉ sau truyền hình, phát thanh trung ương với 64,8%; các kênh khác gồm báo chí 53,6%, họp thôn, buôn và sinh hoạt cộng đồng 50,8%, tuyên truyền trực tiếp của cán bộ cơ sở 43,2% [A4, PL4]. Do đó, bảo đảm ANCT trên KGM phải gắn với truyền thông chính sách, tuyên truyền cơ sở và nâng cao khả năng tự kiểm chứng thông tin của người dân.

Một số địa phương đã có cách làm phù hợp. Tại Gia Lai, lực lượng CAND triển khai cảnh báo an ninh mạng trên nền tảng Zalo để hỗ trợ người dân nhận diện thủ đoạn lừa đảo và phản ánh thông tin. Tại Đắk Lắk, nhiều vụ lừa đảo công nghệ cao được phát hiện, xử lý kịp thời. Những kinh nghiệm này cho thấy bảo đảm ANCT trên KGM cần

kết hợp biện pháp nghiệp vụ với cơ chế tương tác giữa chính quyền và Nhân dân trong môi trường số.

Bên cạnh KGM, các thách thức ANPTT như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu cũng tác động trực tiếp đến ổn định CT-XH. Năm 2025, Đắk Lắk ghi nhận khoảng 08 đợt thiên tai, làm hư hại 18 nhà, thiệt hại ước khoảng 70 tỷ đồng. Bão số 13 làm 05 người chết tại Đắk Lắk và Gia Lai, hàng nghìn nhà bị hư hỏng; riêng Gia Lai có 2.412 nhà bị tốc mái. Tại Đắk Lắk, bão làm sập 12 nhà, tốc mái 326 nhà, ngập 147 nhà và gây thiệt hại khoảng 54.000 lồng bè nuôi trồng thủy sản. Lâm Đồng có 8.304 ha lúa, hoa màu bị ngập, hư hại và 04 người chết. Những tác động này cho thấy bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới phải gắn với ứng phó thiên tai, phục hồi sinh kế, ổn định đời sống dân cư và củng cố niềm tin xã hội.

Thực trạng bảo đảm ANCT trên KGM ở Tây Nguyên hiện nay có thể nhận diện qua ba phương diện chủ yếu: *Thứ nhất*, phương diện thể chế - pháp lý, thể hiện ở việc hình thành khung pháp luật và các chủ trương liên quan đến an ninh mạng và chuyển đổi số. *Thứ hai*, phương diện năng lực quản trị của HTCT địa phương, thể hiện qua hiệu quả phòng, chống tin giả, đào tạo cán bộ và ứng dụng công nghệ số trong quản lý thông tin. *Thứ ba*, phương diện xã hội, tức mức độ tham gia của người dân trong việc tiếp nhận, kiểm chứng và phản ánh thông tin sai lệch. Nhìn chung, thực trạng bảo đảm ANCT trên KGM ở Tây Nguyên trong thời gian qua cho thấy những chuyển biến tích cực bước đầu, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực quản trị của HTCT và hình thành các phản ứng xã hội trước thông tin sai lệch. Tuy nhiên, đây vẫn là lĩnh vực tiềm ẩn nhiều thách thức, đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực công nghệ và tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng cũng như sự tham gia của cộng đồng trong thời gian tới.

### ***3.1.1.3. Kết quả về phương thức bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên thời gian qua***

*Thứ nhất, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và quản lý, điều hành của Nhà nước*

Điểm nổi bật là sự kết hợp giữa lãnh đạo chính trị với quản trị nhà nước, giữa ban hành chủ trương với kiểm tra, giám sát, giữa định hướng chiến lược với tổ chức thực thi ở từng địa bàn cụ thể. Trong điều kiện Tây Nguyên là vùng chiến lược, đa dân tộc, đa tôn giáo, còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp về đất đai, di cư, tôn giáo, KGM và

ANPTT, phương thức lãnh đạo, quản lý này có ý nghĩa trực tiếp đối với việc giữ vững ổn định CT-XH và phòng ngừa nguy cơ mất ANCT từ sớm, từ xa.

Trước hết, phương thức lãnh đạo của Đảng thể hiện ở việc quán triệt và cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương thành chương trình, kế hoạch cụ thể ở địa phương. Khảo sát cho thấy 88,0% cán bộ đánh giá việc quán triệt, triển khai các nghị quyết về ANCT đạt mức “khá tốt” và “rất tốt”, trong đó 34,4% “rất tốt” [A1.2, PL3]; đồng thời 89,2% đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đạt mức tích cực [A1.1, PL3]. Điều này cho thấy phương thức lãnh đạo không chỉ dừng ở định hướng mà đã được chuyển hóa thành năng lực tổ chức thực hiện trong HTCT. Việc cụ thể hóa chủ trương được triển khai khá rõ ở các địa phương. Tại Đắk Nông, các cơ quan đã tập trung triển khai Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 gắn với các quyết định của Thủ tướng Chính phủ [Báo cáo Ban Dân tộc Đắk Nông 2022; 2023]. Ở Gia Lai, Chương trình số 29-CTr/TU (2022) và Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND đã cụ thể hóa cơ chế phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình [135]. Điều này phản ánh rõ sự chuyển hóa từ chủ trương chính trị sang chính sách và nguồn lực thực thi cụ thể.

Một biểu hiện quan trọng của phương thức lãnh đạo, quản lý là gắn chỉ đạo với kế hoạch hóa và phân công thực hiện. Trong 12 tháng khảo sát, 58,0% cán bộ cho biết đơn vị ban hành kế hoạch hóa nghị quyết từ 3 lần trở lên [A2.1, PL3], cho thấy nghị quyết đã được đưa vào quy trình công tác thường xuyên. Ở Đắk Nông, Kế hoạch số 637/KH-UBND và 660/KH-UBND đã cụ thể hóa triển khai và kiểm tra Chương trình MTQG; tổng nguồn vốn phân bổ giai đoạn 2022 - 2023 đạt 768.180 triệu đồng [133]. Tại Kon Tum, tổng dự toán ngân sách Trung ương cho các Chương trình MTQG năm 2022 - 2023 đạt 2.076,12 tỷ đồng [141]. Những số liệu này cho thấy phương thức lãnh đạo đã gắn chặt với phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện.

Cùng với đó, công tác kiểm tra, giám sát ngày càng được chú trọng. Có 78,8% cán bộ đánh giá hoạt động này đạt mức “khá tốt” và “rất tốt” [A1.3, PL3]. Tại Gia Lai, các đoàn kiểm tra đã triển khai giám sát Chương trình MTQG tại 14 huyện [135]. Ở Kon Tum, từ năm 2021 đến thời điểm báo cáo đã thực hiện 401 cuộc thanh tra, phát hiện sai phạm trên 44 tỷ đồng và 4.190 ha đất, kiến nghị thu hồi trên 21,1 tỷ đồng [141]. Điều này cho thấy phương thức bảo đảm ANCT không chỉ dựa vào tuyên truyền, vận động mà còn gắn với kiểm soát quyền lực và kỷ luật hành chính.

Phương thức quản lý, điều hành của Nhà nước cũng chuyển biến theo hướng tăng cường phối hợp và minh bạch. Có 84,1% cán bộ đánh giá hiệu quả phối hợp giữa các cấp, ngành trong bảo đảm ANCT ở mức tích cực [A1.4, PL3]; 80,6% đánh giá cao tính minh bạch trong xử lý các vấn đề phức tạp [A1.5, PL3]. Thực tiễn tại Gia Lai và Kon Tum cho thấy chính quyền các cấp đã chú trọng cải cách hành chính, nâng cao kỷ luật công vụ, tăng cường đối thoại và cung cấp dịch vụ công, qua đó nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước [136], [141]. Tuy nhiên, phương thức đối thoại với Nhân dân vẫn cần được tăng cường. Trong 12 tháng, chỉ 43,6% cán bộ cho biết đơn vị tổ chức đối thoại công khai từ 3 lần trở lên [A2.2, PL3]; từ phía người dân, 47,2% chưa từng tham gia đối thoại và chỉ 6,0% tham gia từ 3 - 5 lần [A3, PL4]. Điều này cho thấy đối thoại đã được chú ý nhưng chưa trở thành phương thức thường xuyên trong quản trị ANCT ở cơ sở.

Một điểm nổi bật khác là phương thức tuyên truyền ngày càng đa dạng. Có 84,6% cán bộ đánh giá công tác tuyên truyền chính sách ANCT đạt mức tích cực [A1.6, PL3]; từ phía người dân, 55,2% đánh giá hiệu quả tuyên truyền ở mức “tốt” và “rất tốt”, 69,2% thường xuyên nắm được chủ trương, chính sách [A1.2; A2.3, PL4]. Các kênh tiếp cận thông tin tương đối đa dạng, gồm truyền hình (64,8%), mạng xã hội (59,6%), báo chí (53,6%), sinh hoạt cộng đồng (50,8%) và tuyên truyền trực tiếp (43,2%) [A4, PL4]. Điều này cho thấy phương thức tuyên truyền đã kết hợp giữa kênh chính thống, kênh cộng đồng và kênh số.

Đáng chú ý, phương thức lãnh đạo, quản lý bước đầu gắn với chuyển đổi số. Có 42,0% cán bộ nắm cơ bản, 28,0% nắm vững và 14,0% đã triển khai nội dung chuyển đổi số trong quản lý ANCT [A3.4, PL3]; 57,6% cho rằng ứng dụng công nghệ số là “rất cần thiết” [D5.1, PL3]. Thực tiễn tại Kon Tum cho thấy 100% cơ quan được trang bị hạ tầng CNTT, 97% văn bản trao đổi dưới dạng điện tử và 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng [141]. Đây là nền tảng quan trọng để chuyển sang quản trị ANCT dựa trên dữ liệu và dự báo.

Ở góc độ xã hội, niềm tin đối với cấp ủy, chính quyền phản ánh hiệu quả phương thức lãnh đạo, quản lý. Có 93,4% cán bộ đánh giá mức độ tin cậy ở mức “khá” và “rất cao” [F2.1, PL3]; từ phía người dân, 73,2% đánh giá thủ tục hành chính thuận tiện, 50,8% cho rằng cải cách hành chính góp phần củng cố niềm tin [A1.11; A1.12,

PL4]. Điều này cho thấy hiệu quả quản lý đã tác động tích cực đến niềm tin xã hội, dù mức độ đánh giá của người dân còn thận trọng.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên đã có bước chuyển theo hướng chủ động, đồng bộ và hiện đại hơn. Trọng tâm là kết hợp chặt chẽ giữa định hướng chính trị, kế hoạch hóa thực thi, kiểm tra giám sát, phối hợp liên ngành, tuyên truyền chính sách và từng bước ứng dụng công nghệ số. Qua đó, phương thức bảo đảm ANCT đã chuyển từ xử lý tình huống sang quản trị chủ động, phòng ngừa rủi ro và củng cố nền tảng xã hội từ cơ sở, tạo tiền đề vững chắc cho giữ vững ổn định CT-XH trong bối cảnh mới..

*Thứ hai, phương thức phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT, đặc biệt là giữa các LLVT, được xác lập và vận hành ngày càng hiệu quả.*

Phương thức phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT là một điểm nổi bật trong bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Trong điều kiện địa bàn rộng, dân cư phân tán, có nhiều yếu tố nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư và KGM, bảo đảm ANCT không thể chỉ dựa vào một lực lượng riêng lẻ, mà đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa cấp ủy, chính quyền, CAND, QĐND, Bộ đội Biên phòng, Dân quân tự vệ, MTTQ, các tổ chức CT-XH và Nhân dân. Vì vậy, phương thức phối hợp liên ngành, liên lực lượng vừa là yêu cầu khách quan, vừa là cơ chế tổ chức thực tiễn nhằm tạo sức mạnh tổng hợp trong phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ mất ổn định từ cơ sở.

Trước hết, cơ chế phối hợp giữa các LLVT được xác lập ngày càng rõ trên nền tảng các quy định của Đảng, Nhà nước, trực tiếp là Nghị định số 03/2019/NĐ-CP về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Trên cơ sở đó, việc phối hợp giữa CAND, QĐND, Bộ đội Biên phòng và Dân quân tự vệ ở Tây Nguyên không chỉ dừng lại ở nguyên tắc thể chế, mà đã trở thành phương thức hành động thường xuyên trong nắm tình hình, trao đổi thông tin, tuần tra kiểm soát, bảo vệ biên giới, xử lý tình huống phức tạp và giữ gìn TTATXH. Kết quả khảo sát cán bộ cho thấy 95,6% đánh giá mức độ phối hợp giữa Công an - Quân đội - Dân quân tự vệ trong giữ gìn ANCT ở mức “khá tốt” và “rất tốt”, trong đó 39,2% đánh giá “rất tốt” [B1.4, PL3]. Đồng thời, 79,0% cán bộ cho biết đã “nắm vững” hoặc “nắm vững và đã triển khai trong công tác” quy chế phối hợp Công an - Quân đội - Dân quân tự vệ [B3.3, PL3]. Đây là

chỉ báo quan trọng cho thấy phối hợp liên lực lượng đã được chuyển hóa thành năng lực thực thi ở cơ sở.

Các báo cáo địa phương cũng phản ánh khá rõ hiệu quả phối hợp trong giữ vững ổn định. Tại Đắk Nông, năm 2022 và 2023, tình hình ANCT, TTATXH trong vùng đồng bào DTTS được đánh giá “được đảm bảo, không phát sinh vấn đề an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội nổi cộm vùng đồng bào DTTS” [133]. Gia Lai năm 2022 cũng đánh giá công tác ANCT, TTATXH trong vùng đồng bào DTTS “được giữ vững, ổn định, không để xảy ra những vụ việc phức tạp gây mất ANCT, trật tự an toàn xã hội” [135]. Kon Tum khẳng định QP-AN được giữ vững, ổn định; ANCT, TTATXH được bảo đảm; công tác đấu tranh ngăn chặn, xử lý các loại tội phạm được chỉ đạo quyết liệt [139].

Không chỉ trong nội bộ LLVT, phương thức phối hợp còn được mở rộng giữa LLVT với các cấp, ngành, MTTQ và đoàn thể. Khảo sát cán bộ cho thấy 84,1% đánh giá hiệu quả phối hợp giữa các cấp, ngành, lực lượng trong bảo đảm ANCT ở mức “khá tốt” và “rất tốt” [A1.4, PL3]. Ở phần đánh giá chung, 88,9% cán bộ đánh giá hiệu quả phối hợp giữa LLVT, ngành chức năng và các đoàn thể CT-XH đạt mức “khá tốt” và “rất tốt”, trong đó 36,2% đánh giá “rất tốt” [E1.6, PL3]. Điều này cho thấy phương thức bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên đã từng bước hình thành cơ chế phối hợp đa chủ thể, trong đó LLVT giữ vai trò nòng cốt, còn MTTQ, đoàn thể và cộng đồng dân cư là lực lượng hỗ trợ, bổ sung và tạo nền tảng xã hội cho công tác bảo đảm ANCT. Ở Gia Lai, số liệu năm 2023 cho thấy UBND các cấp thường xuyên chỉ đạo, chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, đồng thời thực hiện tốt công tác phối hợp giữa UBND với MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH các cấp [136]. Kon Tum cũng ghi nhận chính quyền cấp xã tiếp tục thực hiện Quy chế phối hợp giữa UBND với MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH cùng cấp, huy động sức mạnh tổng hợp của cả HTCT, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đề cao vai trò giám sát của Nhân dân đối với hoạt động công chức, công vụ [140].

Phương thức phối hợp được thể hiện thông qua các quy trình, phương án xử lý tình huống cụ thể. Có 89,1% cán bộ cho biết nắm vững hoặc đã triển khai phương án “bốn tại chỗ” trong bảo đảm ANCT [B3.4, PL3]; 89,3% nắm vững hoặc đã triển khai phương án phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn âm mưu “diễn biến hòa bình” [B3.7, PL3]; 72,4% nắm vững hoặc đã triển khai quy trình thu thập và phản ánh tình hình dư

luận xã hội ở cơ sở [B3.5, PL3]. Những số liệu này cho thấy phương thức phối hợp không chỉ biểu hiện ở các cuộc họp hay văn bản liên ngành, mà đã được cụ thể hóa thành năng lực nhận diện, dự báo và phản ứng trước các nguy cơ phức tạp.

Hiệu quả phối hợp còn được phản ánh qua đánh giá của người dân. Có 78,5% người dân đánh giá sự phối hợp giữa Công an, Quân đội và Dân quân tự vệ trong giữ gìn ANCT ở mức “tốt” và “rất tốt” [B1.4, PL4]. Đồng thời, 66,8% người dân đánh giá hoạt động của lực lượng tại cơ sở như Công an xã, Bộ đội Biên phòng, Dân quân tự vệ ở mức “tốt” và “rất tốt” [B1.6, PL4]; 85,2% đánh giá lực lượng có khả năng sẵn sàng ứng phó nhanh khi có sự việc bất thường xảy ra [B1.7, PL4]. Các chỉ báo này cho thấy sự phối hợp giữa các lực lượng đã được người dân cảm nhận qua hoạt động thực tiễn, nhất là trong xử lý tình huống, hỗ trợ cộng đồng và duy trì trật tự tại cơ sở. Tuy nhiên, khảo sát cũng cho thấy phương thức phối hợp vẫn còn những điểm cần tiếp tục hoàn thiện. Có 53,2% cán bộ cho rằng khó khăn trong phối hợp xuất phát từ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; 55,3% cho rằng thiếu cơ chế chia sẻ, phối hợp; 57,4% cho rằng thiếu tập huấn, bồi dưỡng; 55,8% cho rằng nhận thức, trách nhiệm chưa đồng đều; 43,8% cho rằng chưa có quy trình phối hợp cụ thể [E3, PL3]. Những số liệu này không phủ nhận kết quả tích cực, mà cho thấy yêu cầu nâng cấp phương thức phối hợp từ phối hợp theo kinh nghiệm, theo vụ việc sang phối hợp bằng quy trình, dữ liệu, trách nhiệm và cơ chế chia sẻ thông tin rõ ràng hơn.

Từ thực tiễn đó, nhu cầu hoàn thiện phương thức phối hợp được cán bộ đánh giá rất cao. Có 97,2% cán bộ cho rằng cần thiết và rất cần thiết phải hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa Công an - Quân đội - đoàn thể [D5.2, PL3]; 100% cho rằng cần ban hành quy chế phối hợp rõ ràng, phân định trách nhiệm cụ thể, trong đó 40,6% đánh giá “rất cần thiết” [E5.3, PL3]; 96,8% cho rằng cần xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành, kịp thời, thống nhất [E5.1, PL3]; 95,5% cho rằng cần tổ chức diễn tập, thực hành phối hợp giữa các lực lượng tại cơ sở [E5.2, PL3]. Điều này phản ánh xu hướng tất yếu: bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới đòi hỏi phối hợp không chỉ bằng mệnh lệnh hành chính, mà bằng cơ chế liên thông, dữ liệu chung, diễn tập thực tế và phân định rõ trách nhiệm giữa các chủ thể.

Như vậy, phương thức phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT, đặc biệt giữa các LLVT, đã trở thành phương thức then chốt trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Điểm mạnh của phương thức này là tạo được sức mạnh tổng hợp, kết nối giữa lực

lượng chuyên trách với chính quyền, đoàn thể và Nhân dân, qua đó nâng cao khả năng nắm tình hình, dự báo, xử lý tình huống và giữ vững ổn định từ cơ sở. Tuy còn những bất cập về cơ chế chia sẻ thông tin, phân định trách nhiệm và điều kiện bảo đảm, nhưng nhìn tổng thể, phối hợp liên ngành, liên lực lượng đã góp phần quan trọng hình thành cơ chế bảo đảm ANCT đa tầng, linh hoạt và phù hợp với đặc thù Tây Nguyên.

*Thứ ba, phương thức vận động quần chúng, phát huy vai trò Nhân dân*

Phương thức vận động quần chúng có ý nghĩa nền tảng trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Đây là địa bàn đa dân tộc, đa tôn giáo, nơi quan hệ xã hội ở thôn, buôn, bon, làng chịu ảnh hưởng lớn của uy tín cộng đồng, phong tục, tập quán và vai trò của già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo. Vì vậy, bảo đảm ANCT không thể chỉ dựa vào biện pháp hành chính hoặc nghiệp vụ, mà phải dựa vào sự đồng thuận xã hội, cơ chế tự quản và khả năng vận động, thuyết phục Nhân dân tham gia giữ gìn ổn định ngay từ cơ sở.

Thực tiễn cho thấy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS được duy trì và phát huy khá rõ. Tại Đắk Nông, năm 2022 có 295 người có uy tín, được thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán với tổng kinh phí 147,5 triệu đồng; đến năm 2023, số người có uy tín tăng lên 309 người. Việc thực hiện chính sách đối với lực lượng này được đánh giá đã góp phần “phát huy vai trò tại cơ sở, thực hiện hiệu quả công tác vận động nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn ANCT, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS” [133]. Tại Gia Lai, năm 2022 có 955 người có uy tín được thăm hỏi, hỗ trợ; 97 người được cấp điện thoại, khoảng 148.980 tờ báo được cấp cho 955 người có uy tín, đồng thời tổ chức hội thảo phát huy vai trò người có uy tín với 100 lượt người tham dự [135]. Những số liệu này cho thấy vận động quần chúng đã được tổ chức thành chính sách, có nguồn lực hỗ trợ và có cơ chế cung cấp thông tin, bồi dưỡng, động viên phù hợp.

Cùng với đội ngũ người có uy tín, các mô hình tự quản cộng đồng, hoạt động hòa giải ở cơ sở, sinh hoạt thôn, buôn, bon, làng và hoạt động của MTTQ, các tổ chức CT-XH đã góp phần củng cố đoàn kết xã hội, giảm nguy cơ hình thành mâu thuẫn kéo dài. Phương thức này có ưu điểm mềm dẻo, gần dân, phù hợp với đặc điểm xã hội Tây Nguyên. Thông qua vận động, giải thích, thuyết phục, nhiều vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư và đời sống dân sinh được xử lý từ sớm, hạn chế chuyển hóa thành “điểm nóng” ANCT. Ở Kon Tum, thôn, tổ dân phố được xác định là nơi

“thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi”, phát huy các hình thức tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước [140]. Toàn tỉnh có 756 thôn, tổ dân phố, gồm 658 thôn và 98 tổ dân phố; 590/658 trưởng thôn là đảng viên, chiếm 89,67%; 94/98 tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên, chiếm 95,92%; trong đó có 316/658 bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn và 13/98 bí thư chi bộ đồng thời là tổ trưởng tổ dân phố [140]. Đây là cơ sở quan trọng để gắn phương thức lãnh đạo của Đảng với tự quản cộng đồng trong bảo đảm ANCT ở cơ sở.

Phương thức vận động quần chúng còn gắn chặt với tuyên truyền, phổ biến pháp luật, phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức. Năm 2023, Đắk Nông tổ chức tuyên truyền giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại 8 trường PTDTNT THCS&THPT và 11 xã vùng đồng bào DTTS, với 1.654 học sinh và 636 học viên tham gia, tổng kinh phí 351 triệu đồng; đồng thời tổ chức 14 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 758 học viên tại 7 huyện và thành phố, tổng kinh phí 1,5 tỷ đồng [133]. Tại Gia Lai, năm 2022 tổ chức 05 lớp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật với gần 500 học viên là trưởng thôn, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, chức việc, thanh niên, mặt trận, đoàn thể thôn, làng; đồng thời in 24.000 tờ rơi tuyên truyền về Chương trình MTQG [135].

Từ thực tiễn trên có thể khẳng định, phương thức vận động quần chúng, phát huy vai trò Nhân dân trong bảo đảm ANCT Tây Nguyên đã được triển khai trên nhiều tầng nấc, từ người có uy tín, già làng, trưởng thôn, chức sắc tôn giáo đến MTTQ, đoàn thể, tổ chức tự quản cộng đồng và đội ngũ cán bộ cơ sở. Điểm nổi bật của phương thức này là không chỉ phục vụ tuyên truyền chính sách, mà còn trực tiếp góp phần hòa giải mâu thuẫn, củng cố khối đại đoàn kết, tăng cường đồng thuận xã hội và nâng cao khả năng tự phòng ngừa nguy cơ mất ổn định từ bên trong cộng đồng.

*Thứ tư, phương thức truyền thông, đấu tranh tư tưởng và quản lý thông tin trên KGM*

Phương thức tuyên truyền, giáo dục và đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng từng bước được đổi mới theo hướng kết hợp giữa “xây” và “chống”, giữa tuyên truyền truyền thống với truyền thông hiện đại. Hệ thống thông tin chính thống vẫn giữ vai trò chủ đạo, đồng thời từng bước thích ứng với sự phát triển của KGM. Việc nâng cao nhận thức chính trị, định hướng dư luận và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái được triển khai tương đối chủ động, góp phần giữ vững ổn định tư tưởng trong xã hội.

Kết quả khảo sát cho thấy các kênh tiếp cận thông tin của người dân khá đa dạng: truyền hình, phát thanh trung ương chiếm 64,8%; mạng xã hội 59,6%; báo chí 53,6%; họp thôn, buôn và sinh hoạt cộng đồng 50,8%; tuyên truyền trực tiếp của cán bộ cơ sở 43,2% [A4, PL4]. Điều này phản ánh đặc điểm mới trong bảo đảm ANCT Tây Nguyên: người dân không chỉ tiếp nhận thông tin qua kênh chính thống truyền thống, mà còn qua mạng xã hội và các nền tảng số. Do đó, phương thức truyền thông về ANCT phải chuyển từ một chiều sang đa kênh, từ thông báo hành chính sang đối thoại, giải thích, định hướng, phản bác kịp thời.

Gia Lai năm 2022 đã triển khai Kế hoạch số 2209/KH-UBND ngày 29/9/2022 về truyền thông Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời làm 03 cụm pa-nô tuyên truyền, cấp phát 24.000 tờ rơi về nội dung Chương trình [135]. Đắk Nông tiếp tục cấp phát Báo Đắk Nông, Báo Dân tộc và Phát triển cho người có uy tín trong năm 2022 và 2023, qua đó tăng khả năng tiếp cận thông tin chính thống ở vùng đồng bào DTTS [133]. Tại Kon Tum, hạ tầng thông tin - truyền thông được củng cố theo hướng phục vụ cả quản lý nhà nước và định hướng xã hội. Tinh duy trì chương trình phát thanh - truyền hình bằng tiếng DTTS Ba Na, Xơ Đăng, Jê - Triêng; chất lượng và nội dung chương trình từng bước được cải tiến, nâng cao [139]. Việc sử dụng ngôn ngữ DTTS trong truyền thông chính sách có ý nghĩa trực tiếp đối với bảo đảm ANCT, bởi nó giúp thông tin chính thống đến đúng nhóm cộng đồng, giảm khoảng trống truyền thông mà TLTĐ có thể lợi dụng.

Trong bối cảnh KGM trở thành môi trường mới tác động đến tư tưởng, nhận thức và hành vi xã hội, phương thức truyền thông, đấu tranh tư tưởng cần được đặt trong mối quan hệ với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phòng chống tin giả, thông tin xấu độc, xuyên tạc chính sách dân tộc, tôn giáo, đất đai và QP-AN. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định yêu cầu “kịp thời nắm bắt, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội”, “bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, đồng thời đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và phong trào bình dân học vụ số [119]. Đây là định hướng quan trọng để đổi mới phương thức bảo đảm ANCT trên KGM trong không gian phát triển mới của Tây Nguyên.

*Thứ năm, phương thức ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong bảo đảm ANCT bước đầu đạt kết quả tích cực.*

Việc sử dụng các nền tảng số, công cụ truyền thông và dữ liệu trong quản lý địa bàn, phát hiện và xử lý thông tin xấu độc, phòng chống tội phạm công nghệ cao ngày càng được chú trọng. Nhận thức của đội ngũ cán bộ về yêu cầu nâng cao năng lực số, bảo đảm ANCT trên KGM đạt mức cao, cho thấy xu hướng chuyển dịch từ phương thức truyền thống sang phương thức quản trị hiện đại. Khảo sát cán bộ cho thấy 42,0% nắm cơ bản, 28,0% nắm vững và 14,0% đã nắm vững, triển khai trong công tác nội dung chuyển đổi số trong quản lý và bảo đảm ANCT [A3.4, PL3]. Đồng thời, 57,6% cán bộ cho rằng tăng cường ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn trong quản lý ANCT là “rất cần thiết”, 40,8% đánh giá “cần thiết” [D5.1, PL3]. Đây là cơ sở để khẳng định chuyển đổi số đã trở thành một yêu cầu thực tiễn trong đổi mới phương thức bảo đảm ANCT.

Kon Tum là ví dụ rõ về nền tảng chuyển đổi số trong quản trị địa phương. Tỉnh đã cung cấp 1.170 dịch vụ công toàn trình, 169 dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tích hợp 1.283/1.750 thủ tục hành chính lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt 73,31%. Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh trong năm 2022 đã ghi nhận, cảnh báo và xử lý 17 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin của tỉnh [139]. Những số liệu này cho thấy chuyển đổi số không chỉ phục vụ cải cách hành chính, mà còn trực tiếp liên quan đến bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và năng lực phòng ngừa rủi ro ANPTT.

Báo cáo của Sở Nội vụ Gia Lai năm 2023 cũng nhấn mạnh việc nâng cao tính công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp, coi đây là một bộ phận của nâng cao hiệu quả hoạt động bộ máy nhà nước và củng cố niềm tin của Nhân dân [136]. Trong khi đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I xác định chuyển đổi số là một trụ cột phát triển, yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, kết nối đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, doanh nghiệp, đất đai, tài nguyên [119]. Đây là điều kiện quan trọng để hình thành phương thức bảo đảm ANCT dựa trên dữ liệu, dự báo và phản ứng nhanh.

Tuy nhiên, phương thức này mới ở giai đoạn đầu. Việc ứng dụng dữ liệu lớn, chia sẻ dữ liệu liên ngành, kết nối thông tin giữa các lực lượng và quản lý rủi ro trên KGM vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Do vậy, trong thời gian tới, ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số không chỉ là yêu cầu kỹ thuật, mà phải được xem là một phương thức bảo đảm ANCT mới, gắn với cải cách hành chính, hiện đại hóa nền quản trị, bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin và nâng cao năng lực dự báo của HTCT.

*Thứ sáu, phương thức kết hợp giữa phát triển KT-XH với bảo đảm ANCT tiếp tục được khẳng định là cách tiếp cận hiệu quả và phù hợp với đặc thù Tây Nguyên.*

Việc gắn bảo đảm ANCT với giải quyết dân sinh, giảm nghèo, phát triển hạ tầng và ổn định đời sống Nhân dân không chỉ làm giảm nguy cơ bất ổn từ gốc mà còn tạo nền tảng xã hội bền vững cho ổn định chính trị lâu dài. Đây là phương thức có ý nghĩa chiến lược đối với Tây Nguyên, bởi nhiều vấn đề ANCT trên địa bàn thường có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với đất đai, sinh kế, nghèo đói, chênh lệch phát triển, chất lượng dịch vụ xã hội và khả năng tiếp cận chính sách của đồng bào DTTS.

Các số liệu thực tiễn cho thấy sự gắn kết giữa phát triển KT-XH và ổn định ANCT khá rõ. Đắk Nông năm 2023 có 40 dân tộc cùng sinh sống, dân số 167.434 hộ với 691.506 người; đồng bào DTTS có 63.526 hộ với 292.852 người, chiếm 42,3% dân số toàn tỉnh. Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 13.342 hộ, chiếm 7,97%; trong đó hộ nghèo đồng bào DTTS là 9.589 hộ, chiếm 20,11% tổng số hộ DTTS; hộ nghèo DTTS tại chỗ là 3.892 hộ, chiếm 24,56% tổng số hộ DTTS tại chỗ [133]. Điều này cho thấy nhiệm vụ bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên không thể tách rời chính sách giảm nghèo, sinh kế, đất ở, đất sản xuất, giáo dục, y tế và hạ tầng cơ sở.

Tại Đắk Nông, chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào DTTS tại chỗ năm 2023 đã phân bổ 9.705,186 triệu đồng, hỗ trợ 1.271 hộ với số tiền 7.249,625 triệu đồng [Báo cáo số 1336/BC-BDT, Ban Dân tộc Đắk Nông, năm 2023]. Đây là dẫn chứng cụ thể cho thấy bảo đảm ANCT được triển khai bằng phương thức hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm, ổn định đời sống, qua đó giảm nguy cơ bị kích động, lôi kéo trong vùng đồng bào DTTS. Ở Kon Tum, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 43,2 triệu đồng năm 2020 lên 53,2 triệu đồng năm 2022, ước đạt 57,8

triệu đồng năm 2023; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025 năm 2022 còn 10,86%, giảm 4,46% so với năm 2021; tỷ lệ hộ DTTS có đất ở đạt 98,17%, tỷ lệ hộ DTTS có đất sản xuất đạt 97,89%, tỷ lệ hộ DTTS tham gia hợp tác xã đạt 17,3% [139]. Đây là những chỉ báo quan trọng cho thấy phát triển KT-XH, giải quyết đất ở, đất sản xuất và tổ chức sinh kế cộng đồng có tác động trực tiếp đến củng cố nền tảng xã hội của ANCT. Cũng tại Kon Tum, các chính sách an sinh xã hội được triển khai tương đối kịp thời: giai đoạn 2021 - 2023 hỗ trợ 527,115 tấn gạo dự trữ cho Nhân dân có nguy cơ thiếu đói dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt; thực hiện chi trả cho 5.272 người có công và thân nhân; tặng 53.067 suất quà cho người có công với kinh phí khoảng 15.973 triệu đồng [139]. Những chính sách này góp phần củng cố niềm tin xã hội, hạn chế những tác nhân có thể bị TLTD lợi dụng để kích động, chia rẽ.

Phương thức kết hợp phát triển KT-XH với bảo đảm ANCT còn thể hiện ở đầu tư giáo dục, y tế, văn hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS. Đăk Nông năm học 2022 - 2023 có 368 cơ sở giáo dục, trong đó có 08 trường phổ thông dân tộc nội trú và 02 trường phổ thông dân tộc bán trú, với 176.191 học sinh, trong đó 55.830 học sinh DTTS, chiếm 31,68% [133]. Về y tế, 71/71 xã, phường, thị trấn của Đăk Nông có trạm y tế, đạt 100%; 100% trạm y tế có bác sĩ, nữ hộ sinh hoặc y sĩ chuyên ngành sản nhi; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 90% [133]. Đây là nền tảng quan trọng để giảm chênh lệch phát triển, củng cố ổn định xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiếp tục khẳng định định hướng này khi xác định mục tiêu “lấy ổn định làm nền tảng, lấy phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, lấy hạnh phúc và ấm no của Nhân dân là mục tiêu phấn đấu”; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu quan tâm đầu tư, nâng cấp hạ tầng KT-XH, văn hóa cho vùng DTTS, giải quyết các vấn đề về đất đai và di cư tự do nhằm nâng cao đời sống và phát triển bền vững [119]. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để tiếp tục đặt bảo đảm ANCT trong chính thể phát triển bền vững của Tây Nguyên.

Từ những kết quả trên có thể khẳng định rằng, phương thức bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên thời gian qua đã có bước chuyển quan trọng từ cách tiếp cận thiên về xử lý tình huống sang cách tiếp cận chủ động phòng ngừa,

quản trị rủi ro và củng cố nền tảng xã hội. Sự kết hợp giữa lãnh đạo chính trị, quản lý nhà nước, hoạt động của LLVT, công tác vận động Nhân dân, truyền thông chính sách, chuyển đổi số và phát triển KT-XH đã hình thành một cơ chế bảo đảm ANCT đa tầng, linh hoạt và ngày càng thích ứng với bối cảnh mới. Điểm đáng chú ý là các phương thức này không tồn tại riêng rẽ, mà bổ sung cho nhau: lãnh đạo, quản lý tạo định hướng; phối hợp liên lực lượng tạo sức mạnh tổ chức; vận động quần chúng tạo đồng thuận xã hội; truyền thông và chuyển đổi số tạo năng lực nhận diện, dự báo; phát triển KT-XH giải quyết căn nguyên xã hội của bất ổn. Chính sự kết hợp đó làm nên đặc trưng cơ bản của phương thức bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên hiện nay.

### **3.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên**

*Thứ nhất, sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của cấp ủy Đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp là nguyên nhân có ý nghĩa quyết định.*

Thực tiễn giai đoạn 2011 - 2025 cho thấy, các chủ trương của Trung ương, đặc biệt Nghị quyết số 23-NQ/TW (2022), đã được quán triệt và cụ thể hóa tương đối đồng bộ ở địa phương, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển KT-XH với bảo đảm QP-AN. Kết quả khảo sát phản ánh rõ hiệu quả này khi 89,2% cán bộ đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo đạt mức “khá tốt” và “rất tốt”, 88,0% đánh giá việc triển khai nghị quyết hiệu quả [A1.1; A1.2, PL3]. Phương thức lãnh đạo từng bước chuyển từ xử lý tình huống sang quản trị chủ động, chú trọng dân vận, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo và củng cố HTCT cơ sở. Nhờ đó, nhiều vấn đề phát sinh được xử lý từ gốc, không để hình thành “điểm nóng”, tạo nền tảng ổn định CT-XH bền vững.

*Thứ hai, vai trò nòng cốt của LLVT, đặc biệt là CAND và QĐND, là nhân tố trực tiếp bảo đảm ANCT.*

LLVT đã phát huy hiệu quả trong nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các yếu tố phức tạp liên quan đến ANCT, nhất là trên địa bàn nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo và biên giới. Cơ chế phối hợp theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày càng đi vào thực chất, thể hiện qua 95,6% cán bộ đánh giá sự phối hợp giữa các lực lượng ở mức tích cực [B1.4, PL3]. Trên thực tế, LLVT không chỉ thực hiện chức năng bảo vệ ANQG mà còn tham gia phát triển KT-XH, củng cố HTCT cơ sở và xây dựng thể trận lòng dân, qua đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa từ sớm, từ xa. Trên tuyến biên

giới, công tác phân giới, cắm mốc đạt kết quả quan trọng (81 cột mốc tuyến Việt Nam - Lào; 159/160 cột mốc tuyến Việt Nam - Campuchia [130, tr.15], góp phần giữ vững chủ quyền và ổn định khu vực.

*Thứ ba, việc kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở là nguyên nhân trực tiếp nâng cao năng lực bảo đảm ANCT từ cơ sở.*

Hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể được củng cố theo hướng bám sát địa bàn, gần dân và xử lý vấn đề ngay tại cộng đồng. Ở nhiều địa phương, Kon Tum đạt 100% xã có tổ chức đảng, tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn chuyên môn cao [140, tr.4-5], tạo điều kiện để triển khai chính sách hiệu quả. Cải cách hành chính, nâng cao kỷ luật công vụ và cung cấp dịch vụ công minh bạch đã góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân. Đây là yếu tố quan trọng giúp HTCT nâng cao khả năng tự điều chỉnh, thích ứng và xử lý các vấn đề phức tạp về ANCT ngay từ cơ sở.

*Thứ tư, phát triển KT-XH gắn với bảo đảm ANCT là nền tảng căn bản của ổn định CT-XH.*

Thực tiễn cho thấy phát triển KT-XH đã trực tiếp cải thiện đời sống Nhân dân, qua đó giảm các điều kiện xã hội có thể bị TLTĐ lợi dụng. Khảo sát cho thấy 86,0% cán bộ và 59,2% người dân đánh giá phát triển KT-XH góp phần củng cố ANCT [D1, PL3; PL4]. Nhiều chương trình như Chương trình 135, chính sách đất ở, đất sản xuất, an sinh xã hội đã hỗ trợ hàng trăm nghìn lượt hộ DTTS, góp phần ổn định sinh kế và củng cố niềm tin xã hội. Như vậy, phát triển KT-XH không chỉ là mục tiêu mà còn là phương thức quan trọng bảo đảm ANCT từ gốc.

*Thứ năm, phát huy thế trận lòng dân và vai trò của các chủ thể xã hội trong cộng đồng là nền tảng xã hội bền vững của bảo đảm ANCT.*

Với đặc thù Tây Nguyên, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo giữ vai trò kết nối giữa HTCT với Nhân dân. Toàn vùng có gần 6.000 người có uy tín, tham gia tích cực vào vận động quần chúng, hòa giải mâu thuẫn và giữ gìn ANTT. Khảo sát cho thấy 95,2% cán bộ và trên 70% người dân đánh giá cao vai trò của lực lượng này [C1.2, PL3; PL4]. Các mô hình tự quản như tổ hòa giải, tổ an ninh, phong trào toàn dân bảo vệ ANTT được triển khai rộng khắp, góp phần phát hiện và xử lý sớm các nguy cơ bất ổn. Đồng thời, việc duy trì các thiết chế văn hóa cộng đồng đã tăng cường gắn kết xã hội, củng cố đồng thuận và niềm tin chính trị.

*Thứ sáu, đổi mới phương thức bảo đảm ANCT theo hướng quản trị chủ động, kết hợp truyền thống với hiện đại là nguyên nhân quan trọng nâng cao hiệu quả thực tiễn.*

Các phương thức như phối hợp liên ngành, vận động quần chúng, truyền thông đa kênh và bước đầu ứng dụng chuyển đổi số đã tạo ra cơ chế bảo đảm ANCT đa tầng. Khảo sát cho thấy 84,1% cán bộ đánh giá tích cực hiệu quả phối hợp liên ngành; 96,8% đánh giá cao yêu cầu ứng dụng công nghệ số trong bảo đảm ANCT [A1.4; D4.1, PL3]. Việc kết hợp giữa “xây” và “chống”, giữa quản lý nhà nước với quản trị xã hội và giữa phát triển KT-XH với bảo đảm ANCT đã hình thành cách tiếp cận toàn diện, phù hợp với bối cảnh mới, đặc biệt trong điều kiện KGM và các thách thức ANPTT gia tăng.

Những kết quả bảo đảm ANCT Tây Nguyên thời gian qua là sự kết hợp của nhiều yếu tố khác nhau. Trước hết là vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, giúp định hướng rõ ràng và tổ chức thực hiện thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Cùng với đó, LLVT giữ vai trò nòng cốt trong nắm tình hình, xử lý các vấn đề phức tạp, nhất là ở vùng biên giới, vùng đồng bào DTTS và những nơi nhạy cảm về tôn giáo. Song song, phát triển KT-XH, giảm nghèo và cải thiện đời sống người dân đã góp phần làm giảm những nguyên nhân dễ phát sinh bất ổn ngay từ gốc. Bên cạnh đó, sự tham gia của Nhân dân và các lực lượng tại cộng đồng giữ vai trò rất quan trọng. Già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, cùng với MTTQ và các đoàn thể đã góp phần đưa chủ trương, chính sách đi vào thực tế và hỗ trợ giải quyết mâu thuẫn ngay từ cơ sở. Nhờ sự phối hợp tương đối đồng bộ giữa các lực lượng, cùng với cách làm ngày càng linh hoạt, kết hợp giữa kinh nghiệm thực tiễn với các phương thức mới như truyền thông và công nghệ, công tác bảo đảm ANCT Tây Nguyên cơ bản giữ được ổn định và từng bước thích ứng với những yêu cầu mới.

## **3.2. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN**

### **3.2.1. Những hạn chế chủ yếu trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên**

#### ***3.2.1.1. Hạn chế về chủ thể bảo đảm an ninh chính trị***

Bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực của một số chủ thể trong bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên còn chưa đồng đều, nhất là ở cấp cơ sở. Trong điều kiện địa bàn rộng, đa dân tộc, đa tôn giáo, dân cư phân tán, nhiều vấn đề xã hội nhạy

cảm, HTCT cơ sở giữ vai trò trực tiếp trong chuyển tải chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào đời sống, đồng thời nắm tình hình và xử lý các vấn đề phát sinh từ địa bàn. Tuy nhiên, ở một số nơi, HTCT cơ sở còn thiếu chủ động trong nhận diện, dự báo và xử lý các nguy cơ liên quan đến dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư tự do và KGM. Phương thức lãnh đạo, điều hành còn thiên về hành chính, xử lý sự vụ, chưa chuyển mạnh sang quản trị chủ động, phòng ngừa từ sớm, từ xa.

Thực tiễn cho thấy, các vụ việc nghiêm trọng như bạo loạn chính trị các năm 2001, 2004 và vụ việc ngày 11/6/2023 tại hai xã Ea Tiêu, Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk là những cảnh báo rõ về hạn chế trong nắm tình hình, phát hiện sớm và xử lý nguy cơ từ cơ sở. Ở một số địa bàn vẫn còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác, thiếu sâu sát; một bộ phận cán bộ chưa kịp thời nhận diện các mâu thuẫn xã hội tích tụ liên quan đến đất đai, tôn giáo, di cư và phân hóa lợi ích. Đây là hạn chế đáng chú ý trong năng lực “phòng ngừa từ sớm, từ cơ sở” của HTCT.

Hạn chế này còn thể hiện ở cơ cấu và chất lượng đội ngũ cán bộ. Mặc dù đồng bào DTTS chiếm khoảng 37,65% dân số toàn vùng, nhưng tỷ lệ cán bộ DTTS ở cấp xã chỉ khoảng 26%, trong đó một bộ phận chưa đạt chuẩn về trình độ chuyên môn. Sự chênh lệch này làm giảm khả năng “bản địa hóa” trong quản trị xã hội, ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền, vận động và xử lý các vấn đề đặc thù ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS. Khảo sát cho thấy 10,8% cán bộ đánh giá việc quán triệt nghị quyết, chỉ thị về ANCT ở mức “trung bình”, 1,6% ở mức “yếu” [A1.2, PL3]; đối với công tác kiểm tra, giám sát, 17,9% đánh giá “trung bình” và 3,3% đánh giá “yếu” [A1.3, PL3]. Điều đó cho thấy chất lượng hoạt động của HTCT cơ sở chưa thật đồng đều.

Đáng chú ý, có tới 91,8% cán bộ được khảo sát đồng tình hoặc hoàn toàn đồng tình với nhận định năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ cơ sở còn hạn chế [E2.1, PL3], trong đó 58,9% đánh giá mức độ ảnh hưởng là “đáng kể” hoặc “rất đáng kể” [F1.1, PL3]. Về khả năng sử dụng tiếng dân tộc của cán bộ, 16,0% người dân đánh giá ở mức “yếu” và 38,8% không có ý kiến [F1.2, PL4]. Những số liệu này cho thấy hạn chế về năng lực cán bộ không phải hiện tượng cá biệt, mà là vấn đề có tác động trực tiếp đến hiệu quả vận hành của HTCT cơ sở.

Bên cạnh hạn chế về con người, cơ chế và điều kiện bảo đảm cũng còn bất cập. Có 82,6% cán bộ phản ánh thiếu kinh phí; 57,4% cho rằng thiếu tập huấn, bồi dưỡng; 55,3% cho rằng thiếu cơ chế chia sẻ, phối hợp; 53,2% cho rằng còn chồng chéo chức

năng, nhiệm vụ [E3, PL3]. Ngoài ra, 46,8% cán bộ gặp khó khăn do chưa am hiểu phong tục, tập quán của đồng bào DTTS [F5, PL3]; 50,0% người dân đồng tình hoặc hoàn toàn đồng tình rằng cán bộ tăng cường từ nơi khác về chưa hiểu rõ phong tục, ngôn ngữ của đồng bào [E3.4, PL4]. Đây là những yếu tố làm giảm hiệu quả dân vận, hòa giải, tuyên truyền và củng cố thể trận lòng dân.

Phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT tuy có chuyển biến nhưng chưa thật chặt chẽ, nhất là trong chia sẻ thông tin, phân định trách nhiệm và xử lý các tình huống liên ngành. Khảo sát cho thấy 53,2% cán bộ cho rằng khó khăn trong phối hợp xuất phát từ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; 55,3% cho rằng thiếu cơ chế chia sẻ, phối hợp; 43,8% cho rằng chưa có quy trình phối hợp cụ thể [E3, PL3]. Điều này cho thấy phối hợp liên ngành, liên lực lượng vẫn còn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm và quan hệ công tác, chưa vận hành đầy đủ theo cơ chế liên thông, thống nhất, có dữ liệu chung.

Vai trò của MTTQ, các đoàn thể CT-XH và các thiết chế tự quản ở cơ sở cũng chưa đồng đều. Ở một số nơi, hoạt động vận động, tuyên truyền, hòa giải, nắm tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân còn hình thức, chưa theo kịp sự biến đổi của đời sống xã hội. Trong 12 tháng khảo sát, chỉ 43,6% cán bộ cho biết đơn vị tổ chức đối thoại công khai từ 3 lần trở lên [A2.2, PL3]. Từ phía người dân, 47,2% không tham gia đối thoại công khai lần nào, 46,8% tham gia 1 - 2 lần và chỉ 6,0% tham gia 3 - 5 lần [A3, PL4]. Điều này cho thấy đối thoại với Nhân dân tuy đã được quan tâm nhưng chưa trở thành phương thức thường xuyên, rộng khắp trong quản trị ANCT ở cơ sở.

Như vậy, hạn chế về chất lượng và tính đồng đều của các chủ thể, nhất là HTCT cơ sở, là hạn chế có tính chi phối đối với bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Khi năng lực cán bộ chưa đồng đều, cơ chế phối hợp còn bất cập, điều kiện bảo đảm còn thiếu và khả năng thích ứng với đặc thù văn hóa - xã hội còn hạn chế, hiệu quả bảo đảm ANCT ở cơ sở khó đạt được tính bền vững.

### **3.2.1.2. Hạn chế về nội dung bảo đảm an ninh chính trị**

Trước hết, an ninh thể chế ở cơ sở vẫn còn những điểm yếu nhất định. Ở một số nơi, việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế phối hợp, dân chủ cơ sở, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa kịp thời, chưa đủ sức thuyết phục. Khi các vấn đề dân sinh, đất đai, bồi thường, tái định cư, di cư tự do, tôn giáo và chính sách DTTS chưa được xử lý minh bạch, dứt điểm, niềm tin xã hội dễ bị suy giảm, tạo điều kiện để các nguy cơ mất ổn định ANCT phát sinh từ cơ sở.

Một hạn chế nổi bật là phát triển KT-XH ở Tây Nguyên chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng, do đó chưa tạo được nền tảng vật chất - xã hội đủ vững chắc cho bảo đảm ANCT. Giai đoạn 2020 đến tháng 5/2025, tăng trưởng GRDP bình quân của vùng chỉ đạt khoảng 4,6 - 6%/năm, thấp hơn mục tiêu quốc gia 6,5 - 7%. Quy mô GRDP tăng từ 287 nghìn tỷ đồng năm 2020 lên khoảng 484 nghìn tỷ đồng năm 2024, nhưng cơ cấu kinh tế vẫn phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp thô; giá trị gia tăng nông sản chỉ khoảng 15 - 20%, trong khi xuất khẩu thô còn chiếm 70 - 80%. Diện tích cà phê đạt 582.149 ha, vượt mức quy hoạch 530.000 ha. Điều đó cho thấy tăng trưởng của vùng chủ yếu mở rộng về lượng, chuyển dịch về chất còn chậm, sức chống chịu trước biến động thị trường và thiên tai còn hạn chế.

Hạn chế này thể hiện khá rõ ở từng địa phương. Kon Tum có nhiều chỉ tiêu giữa kỳ giai đoạn 2021 - 2025 chưa đạt tiến độ; năm 2024 GRDP tăng 8,02% nhưng bình quân giai đoạn 2020 - 2024 chỉ khoảng 7 - 8%, thấp hơn mục tiêu 10%. Lâm Đồng năm 2025 đạt GRDP 6,42%, giải ngân đầu tư công dưới 50%, vi phạm đất lâm nghiệp trên 600 ha. Đắk Nông có GRDP năm 2023 đạt 5,08%, năm 2024 còn 4,87%, quý I/2025 giải ngân đầu tư công mới đạt 4,76% kế hoạch. Đắk Lắk đạt GRDP 9 tháng năm 2025 là 6,9%, thấp hơn mục tiêu 8%; Gia Lai còn tình trạng nhiều dự án trọng điểm chậm 20 - 30% tiến độ. Những số liệu này cho thấy hạn chế phát triển KT-XH không còn là hiện tượng cục bộ, mà là vấn đề có tính vùng, tác động trực tiếp đến năng lực tạo lập ổn định CT-XH bền vững.

Các điều kiện bảo đảm phát triển cũng còn nhiều điểm nghẽn. Giải ngân đầu tư công của vùng thường chỉ đạt dưới 50 - 60% kế hoạch; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 25 - 30%; tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp dưới 40%; khoảng 20 - 30% đường bộ nông thôn xuống cấp nghiêm trọng. Hạ tầng yếu, liên kết vùng lỏng lẻo, chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ chậm phát triển đã làm tăng chi phí sản xuất, hạn chế thu hút đầu tư, thu hẹp cơ hội việc làm và kéo dài tình trạng sinh kế bấp bênh ở một bộ phận dân cư. Đây không chỉ là hạn chế kinh tế, mà còn là áp lực xã hội đối với bảo đảm ANCT.

Trên bình diện xã hội, tình trạng nghèo trong đồng bào DTTS vẫn là vấn đề đáng chú ý. Năm 2023, tỷ trọng hộ nghèo là người DTTS trong tổng số hộ nghèo đạt 67,76% tại Đắk Lắk, 72,63% tại Đắk Nông, 89,43% tại Gia Lai, 95,06% tại Kon Tum và 67,53% tại Lâm Đồng; bình quân toàn khu vực là 77,74%. Điều này cho thấy vấn đề dân tộc ở Tây Nguyên gắn chặt với nghèo đói, bất bình đẳng và hạn chế trong tiếp cận

nguồn lực phát triển. Khảo sát của luận án cũng phản ánh điều đó: chỉ 59,2% người dân đánh giá phát triển KT-XH gắn với giữ vững ổn định ở mức “khá tốt” và “rất tốt”, trong khi 30,8% đánh giá “trung bình” và 10,0% đánh giá “chưa tốt” [D1.7, PL4].

Trong các lĩnh vực nhạy cảm, đất đai tiếp tục là nguồn gốc của nhiều nguy cơ bất ổn. Khiếu kiện đất đai chiếm khoảng 95% tổng số đơn thư khiếu nại, tố cáo trong khu vực; giai đoạn 2001 - 2018 toàn vùng xảy ra gần 400 vụ việc phức tạp, trong đó Kon Tum có 28 vụ, Gia Lai 184 vụ, Đắk Lắk 58 vụ, Đắk Nông 58 vụ và Lâm Đồng 68 vụ. Nhiều vụ việc liên quan đến đất rừng, đất nông - lâm trường và đất của các dự án phát triển kinh tế; có vụ chuyển hóa thành xung đột xã hội nghiêm trọng, như vụ việc tại xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông ngày 23/10/2016 làm 03 người chết và 16 người bị thương [15, tr.80-81]. Khảo sát cho thấy 86,9% cán bộ đồng tình rằng quản lý đất đai, di dân và tôn giáo còn nhiều bất cập [E2.2, PL3]; từ phía người dân, chỉ 47,6% đánh giá quản lý đất đai minh bạch, hợp lý, không gây bức xúc ở mức “tốt” và “rất tốt” [A1.7, PL4].

Các vấn đề dân tộc, tôn giáo tiếp tục nhạy cảm, tiềm ẩn phức tạp và dễ bị TLTĐ lợi dụng. Toàn vùng hiện còn hơn 144 điểm sinh hoạt tôn giáo chưa được công nhận, tập trung chủ yếu tại Kon Tum và Đắk Lắk; tình trạng sinh hoạt tôn giáo không đăng ký, truyền đạo trái phép, phong chức, phong phẩm, xây dựng cơ sở thờ tự trái quy định vẫn diễn ra ở một số nơi. Một số “tà đạo”, “đạo lạ” gia tăng hoạt động, làm nảy sinh yếu tố phức tạp về ANCT và TTATXH. Khảo sát cán bộ cho thấy 16,2% đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo chỉ ở mức “trung bình” [D1.4, PL3]. Đáng chú ý, nguy cơ phục hồi FULRO, “Tin lành Đêga” dưới hình thức mới vẫn hiện hữu, với 9.828 đối tượng FULRO cũ, 1.537 đối tượng “Tin lành Đêga”, 242 đối tượng theo “Tin lành Đấng Christ”; 69 xã, phường, thị trấn thuộc 17 huyện, thành phố của 3 tỉnh có hoạt động phục hồi FULRO [22].

Di cư tự do cũng tiếp tục là vấn đề phức tạp trong quản lý xã hội. Năm 2022, Đắk Lắk ghi nhận 15 hộ với 59 khẩu di cư tự do từ 7 tỉnh phía Bắc và lân cận đến cư trú tại các huyện Lắk, Ea Súp, Krông Pắc và Cư M'gar, trong đó 100% là người H'Mông [131, tr.11]. Đến năm 2023, tiến độ bố trí, sắp xếp dân cư vẫn chậm; tại huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum, cả năm chỉ tiếp nhận thêm 26 hộ/105 khẩu, lũy kế đạt 100 hộ/302 khẩu tại điểm dân cư số 64 [141, tr.13]. Khảo sát cho thấy 76,3% cán bộ và

62,4% người dân đồng tình rằng tình trạng di cư tự do, vượt biên trái phép còn diễn biến phức tạp [E2.5, PL3; E3.5, PL4].

Công tác tư tưởng, truyền thông chính sách và đấu tranh trên KGM chưa theo kịp tốc độ biến đổi của môi trường thông tin. Trong 12 tháng qua, 40,8% người dân cho biết từng tiếp cận thông tin không đúng sự thật hoặc sai lệch; khi gặp tin giả, chỉ 40,8% tự tìm hiểu, kiểm chứng, 35,2% bỏ qua và 13,6% từng chia sẻ tin giả [D1.1; D1.2, PL4]. Về phía cán bộ, 79,1% đồng tình hoặc hoàn toàn đồng tình rằng việc xử lý tin giả, thông tin xấu độc trên mạng chưa hiệu quả [E2.3, PL3]. Đây là hạn chế đáng chú ý, bởi nhiều vấn đề xã hội truyền thống như dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư đang bị “mạng hóa”, bóp méo hoặc cực đoan hóa trên KGM.

Bên cạnh đó, các thách thức ANPTT như KGM, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, tội phạm công nghệ cao, ma túy và tội phạm xuyên biên giới đang tạo thêm áp lực đối với bảo đảm ANCT. Năm 2022, hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng của Kon Tum đã cảnh báo và xử lý 17 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin của tỉnh [139]. Điều đó cho thấy nội dung bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên đã mở rộng hơn trước, không chỉ là giữ ổn định chính trị theo nghĩa truyền thống, mà còn là quản trị tổng hợp các rủi ro ANPTT trong bối cảnh mới.

### ***3.2.1.3. Hạn chế về phương thức bảo đảm an ninh chính trị***

Phương thức bảo đảm ANCT ở một số nơi trên địa bàn Tây Nguyên còn chậm đổi mới, vẫn nặng về quản lý hành chính và xử lý tình huống sau khi vụ việc phát sinh, chưa thật sự lấy phòng ngừa, đối thoại, tham vấn cộng đồng và giải quyết căn nguyên xã hội làm trọng tâm. Trong khi đó, nhiều nguy cơ ANCT địa bàn Tây Nguyên không bắt đầu từ hành vi vi phạm pháp luật trực tiếp, mà hình thành từ những bất cập kéo dài về phát triển KT-XH, đất đai, an sinh, di cư, tôn giáo và sự suy giảm niềm tin xã hội, nhất là khi bị khuếch đại bởi thông tin sai lệch trên KGM.

*Thứ nhất*, quản lý nhà nước trong một số lĩnh vực nhạy cảm còn chậm đổi mới, nhất là quản lý đất đai, rừng, quy hoạch, đầu tư công, chính sách DTTS và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tại Đắk Nông, năm 2023 nhiều công trình, dự án thuộc 03 Chương trình MTQG gặp vướng mắc do nằm trong ranh quy hoạch bê-xít, quy hoạch ba loại rừng; nhiều huyện còn thiếu quy hoạch chung cấp huyện, cấp xã, quy hoạch nông thôn mới, khu dân cư tập trung, quy hoạch đô thị và các quy hoạch liên quan, làm cho việc

thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư gặp khó khăn [133]. Ở Gia Lai, năm 2022 nhiều tiêu dự án của Chương trình MTQG chưa triển khai được do thiếu định mức hỗ trợ, thiếu cơ sở pháp lý, chưa có hướng dẫn hoặc chưa có cơ chế ủy thác nguồn vốn [135]. Những vướng mắc này cho thấy phương thức quản lý còn thiếu tính liên thông, dự báo và tháo gỡ kịp thời từ cơ sở.

*Thứ hai*, phương thức phối hợp giữa các lực lượng tuy đã có chuyển biến nhưng chưa thật linh hoạt trong các tình huống đòi hỏi phản ứng nhanh, chia sẻ thông tin kịp thời và xử lý đồng bộ giữa chính quyền, LLVT, MTTQ, đoàn thể và người có uy tín. Dù 95,6% cán bộ đánh giá phối hợp Công an - Quân đội - Dân quân tự vệ ở mức “khá tốt” và “rất tốt” [B1.4, PL3], vẫn có 53,2% phản ánh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; 55,3% cho rằng thiếu cơ chế chia sẻ, phối hợp; 57,4% cho rằng thiếu tập huấn, bồi dưỡng; 55,8% cho rằng nhận thức, trách nhiệm chưa đồng đều [E3, PL3]. Điều này cho thấy phối hợp liên ngành đã được ghi nhận về hiệu quả, nhưng mức độ thể chế hóa, liên thông và chuyên nghiệp hóa vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu mới.

*Thứ ba*, công tác dân vận, vận động quần chúng ở một số địa bàn chưa thật sâu, chưa bám sát biến động tâm lý xã hội và chưa tạo được cơ chế phản hồi thường xuyên từ Nhân dân. Các mâu thuẫn xã hội ở Tây Nguyên không chỉ là xung đột lợi ích vật chất, mà còn gắn với danh dự cộng đồng, niềm tin, phong tục, tập quán và quan hệ xã hội truyền thống. Vì vậy, nếu chính sách về đất đai, sinh kế, an sinh xã hội thiếu minh bạch, thiếu tham vấn cộng đồng sẽ dễ bị diễn giải sai lệch, bị “chính trị hóa” và chuyển hóa thành nguy cơ mất ổn định ANCT ở cơ sở.

*Thứ tư*, quản lý thông tin trên KGM còn có mặt bị động. Các TLTĐ ngày càng chuyển phương thức chống phá sang phi truyền thống, phân tán, gián tiếp, tập trung làm suy giảm niềm tin và phá vỡ đồng thuận xã hội. Những vấn đề nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, đất đai thường bị lồng ghép vào các diễn ngôn về “nhân quyền”, “tự do tôn giáo”, “quyền người bản địa” nhằm tạo cách hiểu sai lệch về tình hình địa bàn. Trong khi đó, ở một số nơi, công tác đấu tranh, phản bác thông tin sai trái còn chậm, thiếu tính dự báo và chưa huy động hiệu quả các chủ thể xã hội tại cơ sở.

*Thứ năm*, ứng dụng công nghệ số trong bảo đảm ANCT chưa đồng đều giữa các địa phương. Dù Kon Tum đã có 100% hồ sơ công việc của cấp tỉnh, huyện, xã được xử lý trên môi trường mạng và 100% dịch vụ công đủ điều kiện được đưa lên trực tuyến mức độ 4 [139], nhưng toàn vùng vẫn còn chênh lệch về hạ tầng, nhân lực số

và cơ chế chia sẻ dữ liệu. Đối với nội dung “phương án bảo vệ an ninh mạng, phòng chống tin giả”, chỉ 26,9% cán bộ cho biết đã nắm vững và triển khai trong công tác, trong khi 27,3% mới nắm cơ bản và 3,3% chưa nắm [B3.2, PL3]. Trong 12 tháng qua, 47,1% đơn vị chưa tổ chức tập huấn xử lý tin giả, khủng hoảng truyền thông; 33,7% chưa thực hiện hoạt động xử lý tin giả, tin xấu độc trên mạng xã hội [D2, PL3]. Điều này cho thấy phương thức bảo đảm ANCT trên KGM ở một số nơi vẫn thiên về phản ứng sau sự việc, chưa hình thành rõ cơ chế cảnh báo sớm, quản trị rủi ro và truyền thông dự phòng.

Tóm lại, hạn chế về phương thức bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên tập trung ở sự chậm chuyển đổi từ quản lý hành chính sang quản trị an ninh hiện đại; từ xử lý tình huống sang phòng ngừa rủi ro; từ tuyên truyền một chiều sang đối thoại, tham vấn, củng cố niềm tin xã hội; từ phối hợp thủ công sang phối hợp liên thông, dựa trên dữ liệu và trách nhiệm rõ ràng. Đây là những điểm nghẽn cần được tháo gỡ để nâng cao hiệu quả bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới..

### **3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên thời gian qua**

#### ***3.2.2.1. Nguyên nhân chủ quan***

*Thứ nhất*, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên về bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới chưa thật đầy đủ. Có nơi vẫn nhìn nhận ANCT chủ yếu dưới góc độ giữ gìn trật tự, xử lý vụ việc, chưa đặt ANCT trong chính thể quản trị phát triển, quản trị rủi ro, bảo đảm an sinh, củng cố niềm tin xã hội và xây dựng thể trận lòng dân. Vì vậy, cách tiếp cận ở một số địa bàn còn nặng về hành chính, chưa chú trọng đầy đủ đến đối thoại, tham vấn cộng đồng, truyền thông chính sách và phòng ngừa nguy cơ từ gốc.

*Thứ hai*, năng lực của một bộ phận cán bộ, nhất là ở cơ sở, chưa đáp ứng yêu cầu mới. Báo cáo của Gia Lai năm 2023 cho thấy vẫn còn một số ít cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt chuẩn theo quy định, chưa nhiệt tình trong công tác, giải quyết công việc chậm trễ, gây bức xúc trong Nhân dân; công tác đánh giá, xếp loại công chức có lúc, có nơi còn hình thức, dĩ hòa vi quý [136]. Kon Tum cũng chỉ rõ năng lực lãnh đạo, điều hành của một số lãnh đạo chủ chốt cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới; một số cán bộ, công chức còn tư tưởng trông chờ, lè lói cũ, chậm được khắc phục [140].

*Thứ ba*, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách chưa đồng bộ, còn chậm, thiếu quyết liệt ở một số nơi. Đắc Nông năm 2023 chỉ rõ công tác quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình MTQG của một số đơn vị, địa phương chưa thật sự quyết liệt; một số đơn vị, địa phương chưa chủ động nghiên cứu kỹ văn bản hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh để triển khai; cán bộ phụ trách Chương trình MTQG ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chủ yếu kiêm nhiệm nên việc theo dõi, tổng hợp, báo cáo, tham mưu chỉ đạo, điều hành còn hạn chế [133].

*Thứ tư*, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể bảo đảm ANCT chưa thật chặt chẽ, chưa đủ rõ về trách nhiệm, dữ liệu và quy trình. Các số liệu khảo sát về chồng chéo chức năng, thiếu cơ chế chia sẻ, thiếu tập huấn, nhận thức không đồng đều cho thấy đây không chỉ là hạn chế kỹ thuật, mà là vấn đề về tổ chức thực thi [E3, PL3]. Trong khi ANCT địa bàn Tây Nguyên ngày càng mang tính liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực, nếu thiếu cơ chế phối hợp linh hoạt, các chủ thể dễ rơi vào tình trạng xử lý phân tán, chậm phản ứng hoặc đùn đẩy trách nhiệm.

*Thứ năm*, công tác dân vận, truyền thông chính sách và quản lý thông tin trên KGM chưa theo kịp sự thay đổi của xã hội. Ở một số nơi, tuyên truyền còn thiên về phổ biến một chiều, chưa chú trọng giải thích, đối thoại, phản hồi và xử lý thông tin sai lệch ngay từ cộng đồng. Trong khi đó, TLTĐ ngày càng sử dụng KGM để lan truyền thông tin sai lệch, khoét sâu mâu thuẫn đất đai, dân tộc, tôn giáo, làm suy giảm niềm tin của người dân đối với HTCT.

### **3.2.2.2. Nguyên nhân khách quan**

*Thứ nhất*, Tây Nguyên là địa bàn chiến lược, rộng lớn, địa hình chia cắt, dân cư phân tán, có nhiều vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào DTTS. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý nhà nước, nắm tình hình, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm an sinh và triển khai chính sách gặp nhiều khó khăn. Đắc Nông có 07 xã biên giới thuộc 4 huyện giáp tỉnh Mondulkiri của Campuchia với đường biên giới dài 141,045 km; toàn tỉnh có 46 xã thuộc vùng DTTS được phân định khu vực, gồm 29 xã khu vực I, 05 xã khu vực II và 12 xã khu vực III; có 347/713 thôn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN [133].

*Thứ hai*, vấn đề dân tộc, tôn giáo, di cư tự do, đất đai và sinh kế có tính lịch sử, phức tạp, không thể giải quyết trong thời gian ngắn. Tồn tại về đất cộng đồng, đất nông

- lâm trường, quy hoạch rừng, quy hoạch khoáng sản, bồi thường, tái định cư, thiếu đất ở, đất sản xuất tiếp tục là nguyên nhân khách quan làm phát sinh bức xúc xã hội. Đắc Nông năm 2023 ghi nhận nhiều dự án thuộc Chương trình MTQG vương quy hoạch bê-xít, quy hoạch đất rừng và thiếu các quy hoạch chuyên ngành. Riêng Dự án 2 về quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư có tổng vốn đã phân bổ trên 274 tỷ đồng nhưng mới giải ngân 79,38 tỷ đồng, đạt 28,93%, còn 194,9 tỷ đồng chưa thực hiện do vướng mắc [133].

*Thứ ba*, tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và KGM làm môi trường ANCT địa bàn Tây Nguyên phức tạp hơn. Toàn cầu hóa làm gia tăng mức độ mở của địa bàn, khiến các biến động thị trường, truyền thông quốc tế, dòng thông tin xuyên biên giới, vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc tác động nhanh hơn đến tâm lý xã hội. KGM làm cho các vấn đề xã hội truyền thống bị khuếch đại, bóp méo và lan truyền với tốc độ nhanh. Trong khi đó, trình độ tiếp nhận thông tin, năng lực phản biện và kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, tạo điều kiện để tin giả, thông tin xấu độc và luận điệu xuyên tạc len lỏi vào cộng đồng.

*Thứ tư*, các thách thức ANPTT như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh môi trường, ma túy, tội phạm xuyên biên giới và an ninh mạng ngày càng rõ. Những yếu tố này không chỉ tác động đến đời sống KT-XH, mà còn làm gia tăng áp lực lên quản trị địa phương, sinh kế, di cư, trật tự xã hội và niềm tin của Nhân dân. Kon Tum cho biết tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, đại dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến hầu hết các ngành, lĩnh vực; địa bàn rộng và chia cắt, quy mô nền kinh tế nhỏ, thu ngân sách còn thấp, phụ thuộc lớn vào thiên nhiên và chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như hạn hán, lũ lụt [139].

Từ các hạn chế và nguyên nhân trên có thể thấy, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không chỉ là nhiệm vụ của LLVT hay của riêng cơ quan quản lý nhà nước, mà là yêu cầu tổng hợp của toàn HTCT, gắn chặt với phát triển KT-XH, dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư, KGM và ANPTT. Vấn đề đặt ra trong thời gian tới là phải chuyển mạnh từ tư duy “giữ an ninh” sang tư duy “quản trị an ninh”, từ xử lý tình huống sang phòng ngừa rủi ro, từ quản lý hành chính đơn tuyến sang phối hợp đa chủ thể, từ tuyên truyền một chiều sang đối thoại, thuyết phục và củng cố niềm tin xã hội.

### **3.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG THỜI GIAN TỚI**

#### **3.3.1. Vấn đề về hiệu quả thực hiện vai trò của các chủ thể trong bảo đảm an ninh chính trị**

Một trong những vấn đề nổi lên từ thực trạng là hiệu quả thực hiện vai trò của các chủ thể trong bảo đảm ANCT chưa đồng đều và chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra trong bối cảnh mới. Ở một số địa bàn, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với nhiệm vụ bảo đảm ANCT còn hạn chế; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền chưa cao; sự phối hợp giữa các cơ quan trong HTCT có lúc, có nơi chưa thật chặt chẽ, thiếu tính chủ động và đồng bộ. Từ những hạn chế đã phân tích, vấn đề nổi lên trước hết là hiệu quả thực hiện vai trò của các chủ thể trong bảo đảm ANCT chưa thật sự đồng đều và chưa đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới. Điều này thể hiện rõ ở cấp cơ sở, nơi HTCT trực tiếp vận hành cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, CAND làm nòng cốt”. Dù đa số cán bộ đánh giá tích cực, với 89,2% nhận định công tác lãnh đạo, chỉ đạo đạt mức “khá tốt” và “rất tốt” [A1.1, PL3], nhưng vẫn còn 10,8% đánh giá việc quán triệt nghị quyết ở mức “trung bình” và 1,6% ở mức “yếu” [A1.2, PL3]. Thực tiễn địa phương cũng ghi nhận tình trạng quản lý còn “trì trệ, chậm đổi mới, thiếu quyết liệt” [Báo cáo số 50/BC-SNV, 2023]. Điều đó cho thấy khâu tổ chức thực hiện chưa thật vững chắc, đặt ra yêu cầu chuyển từ lãnh đạo theo kinh nghiệm sang lãnh đạo dựa trên quy trình, gắn trách nhiệm với kết quả.

Chất lượng đội ngũ cán bộ tiếp tục là điểm nghẽn đáng chú ý. Có tới 91,8% cán bộ thừa nhận năng lực một bộ phận còn hạn chế [E2.1, PL3], trong khi 46,0% người dân đánh giá năng lực cán bộ ở mức “trung bình” và 7,9% ở mức “yếu” [F1, PL4]. Ở cơ sở vẫn còn tình trạng cán bộ giải quyết công việc chậm, gây bức xúc trong Nhân dân [Báo cáo số 50/BC-SNV, 2023]. Vì vậy, vấn đề đặt ra không chỉ là chuẩn hóa trình độ mà còn phải nâng cao năng lực quản trị CT-XH, khả năng đối thoại, nắm tình hình và xử lý mâu thuẫn, nhất là ở vùng DTTS. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT còn bất cập. Khảo sát cho thấy 53,2% ý kiến phản ánh chồng chéo chức năng, 55,3% cho rằng thiếu cơ chế phối hợp và 43,8% cho rằng chưa có quy trình cụ thể [E3, PL3]. Thực tiễn cũng cho thấy sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc còn hạn chế, thiếu đồng bộ [Báo cáo số 50/BC-SNV, 2023]. Điều này đòi hỏi phải

hoàn thiện cơ chế phối hợp theo hướng rõ trách nhiệm, liên thông thông tin và tăng cường chia sẻ dữ liệu giữa các chủ thể.

Vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và Nhân dân chưa được phát huy đầy đủ. Tỷ lệ đơn vị tổ chức đối thoại công khai còn thấp, chỉ 43,6% đạt từ 3 lần trở lên [A2.2, PL3], trong khi 47,2% người dân chưa từng tham gia đối thoại [A3, PL4]. Trong bối cảnh ANCT ở vùng DTTS “cơ bản ổn định nhưng còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp” [Báo cáo Ban Dân tộc Đắk Nông, 2023], nếu không phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân thì khó phòng ngừa từ sớm. Do đó, cần chuyển từ huy động hình thức sang tạo cơ chế tham gia thực chất, qua đó củng cố thể trận lòng dân. Mặt khác, phương thức vận hành của HTCT ở một số nơi còn thiếu minh bạch và trách nhiệm giải trình. Hoạt động giám sát còn trùng lặp, đánh giá cán bộ có lúc hình thức [Báo cáo số 50/BC-SNV, 2023], dẫn đến tâm lý ỷ lại trong thực thi nhiệm vụ. Điều này đặt ra yêu cầu lấy hiệu quả thực chất và mức độ hài lòng của Nhân dân làm thước đo, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong toàn HTCT. vì vậy, cần bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, xác định rõ vai trò, trách nhiệm giữa các chủ thể, đồng thời từng bước ứng dụng công nghệ số, xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ dự báo và cảnh báo sớm, qua đó chuyển dần từ quản lý hành chính sang quản trị ANCT chủ động, phù hợp với bối cảnh mới.

### **3.3.2. Vấn đề gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh chính trị và ổn định xã hội**

Mối quan hệ giữa phát triển KT-XH với bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên chưa được gắn kết một cách chặt chẽ, đồng bộ và thực chất. Mối quan hệ giữa phát triển KT-XH với bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên chưa thật sự chặt chẽ và đồng bộ. Nhiều nguy cơ mất ổn định không xuất phát trực tiếp từ vi phạm pháp luật mà tích tụ từ những bất cập kéo dài về đất đai, sinh kế, di cư và an sinh xã hội.

*Thứ nhất*, chất lượng tăng trưởng còn hạn chế. Giai đoạn 2020 - 2025, GRDP chỉ đạt khoảng 4,6 - 6%/năm, cơ cấu kinh tế còn phụ thuộc vào nông nghiệp thô, xuất khẩu thô chiếm 70 - 80%. Điều này cho thấy tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, chưa tạo nền tảng vững chắc cho ổn định CT-XH, đồng thời làm gia tăng tính dễ tổn thương trước biến động thị trường.

*Thứ hai*, các điều kiện phát triển còn nhiều điểm nghẽn. Tỷ lệ giải ngân đầu tư công chỉ đạt khoảng 50 - 60%, đô thị hóa ở mức 25 - 30%, hạ tầng thiếu đồng bộ và

liên kết vùng còn yếu. Những hạn chế này vừa kìm hãm phát triển vừa làm gia tăng áp lực xã hội, nhất là về việc làm, dịch chuyển dân cư và tiếp cận dịch vụ cơ bản.

*Thứ ba*, nghèo đói và chênh lệch trong vùng DTTS vẫn là vấn đề nổi bật. Năm 2023, hộ nghèo DTTS chiếm 77,74% tổng số hộ nghèo toàn vùng, riêng Kon Tum là 95,06% và Gia Lai 89,43%. Thực trạng này cho thấy nếu không cải thiện sinh kế bền vững, khoảng cách phát triển sẽ tiếp tục kéo dài và tích tụ thành yếu tố gây mất ổn định.

*Thứ tư*, hiệu quả gắn kết chính sách phát triển với ổn định CT-XH chưa cao. Vẫn còn 14,0% cán bộ và 40,8% người dân đánh giá tác động của phát triển KT-XH đối với ANCT ở mức “trung bình” hoặc “chưa tốt” [D1.7, PL3; PL4]. Điều này phản ánh niềm tin xã hội chưa được củng cố tương xứng với kết quả phát triển kinh tế.

*Thứ năm*, mối quan hệ giữa phát triển với các lĩnh vực nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo, đất đai và di cư còn tiềm ẩn rủi ro. Nếu thiếu công bằng và minh bạch, quá trình phát triển có thể làm gia tăng khoảng cách xã hội và bị các TLTĐ lợi dụng, từ đó tác động trực tiếp đến ANCT.

Vấn đề cốt lõi là phải xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển và ổn định theo hướng phát triển để tạo nền tảng ổn định, đồng thời ổn định để bảo đảm phát triển bền vững. Điều này đòi hỏi phải chuyển từ tư duy phát triển thuần túy sang tư duy phát triển gắn với quản trị ANCT, trong đó mọi chính sách KT-XH đều cần được thiết kế theo hướng phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu bất ổn và củng cố niềm tin xã hội, qua đó bảo đảm ANCT một cách thực chất và lâu dài..

### **3.3.3. Vấn đề kiểm soát các yếu tố rủi ro từ đất đai, tài nguyên và các lĩnh vực nhạy cảm**

Một trong những vấn đề nổi bật trong bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là việc kiểm soát các yếu tố rủi ro phát sinh từ quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường và các lĩnh vực nhạy cảm còn nhiều hạn chế. Thực tiễn cho thấy, nhiều vụ việc phức tạp liên quan đến khiếu kiện, tranh chấp đất đai, đặc biệt là đất rừng, đất có nguồn gốc lịch sử, đã kéo dài trong nhiều năm, chưa được giải quyết dứt điểm, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh “điểm nóng” phức tạp về ANCT nếu không được xử lý kịp thời, căn cơ.

Đất đai là lĩnh vực nổi lên như “điểm nghẽn” trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Khiếu kiện đất đai chiếm khoảng 95% tổng số đơn thư, với gần 400 vụ việc

phức tạp giai đoạn 2001 - 2018 [18]. Nhiều tranh chấp liên quan đất rừng, đất nông - lâm trường và đất có nguồn gốc lịch sử kéo dài, không chỉ dừng ở quan hệ dân sự mà đã chuyển thành mâu thuẫn xã hội. Điều này cho thấy quản lý đất đai gắn trực tiếp với ổn định CT-XH và ANCT ở cơ sở. Khảo sát cũng cho thấy 86,9% cán bộ đánh giá công tác quản lý đất đai, di dân và tôn giáo còn bất cập [E2.2, PL3], trong khi chỉ 47,6% người dân đánh giá ở mức “tốt” và “rất tốt” [A1.7, PL4]. Khoảng cách này phản ánh hạn chế về minh bạch và đồng thuận xã hội, đòi hỏi phải tăng cường công khai thông tin, giải thích chính sách và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân.

Cùng với đó, các yếu tố dân tộc, tôn giáo và di cư tiếp tục đặt ra áp lực đối với ANCT. Toàn vùng còn hơn 144 điểm sinh hoạt tôn giáo chưa được công nhận, cùng với tình trạng truyền đạo trái phép và sự xuất hiện của “tà đạo” [22]. Nguy cơ phục hồi FULRO vẫn tồn tại với hàng nghìn đối tượng và hàng trăm địa bàn liên quan [22], cho thấy khả năng bị TLTĐ lợi dụng vẫn hiện hữu. Đồng thời, 76,3% cán bộ và 62,4% người dân cho rằng di cư tự do, vượt biên trái phép còn phức tạp [E2.5, PL3; E3.5, PL4], trong khi việc bố trí dân cư còn chậm và thiếu liên kết. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu phải chuyển từ xử lý vụ việc sang quản trị rủi ro, thiết lập cơ chế phát hiện sớm, cảnh báo sớm và can thiệp kịp thời ngay từ cơ sở để hạn chế tích tụ mâu thuẫn và ngăn ngừa các “điểm nóng” về ANCT”.

#### **3.3.4. Vấn đề đổi mới phương thức bảo đảm an ninh chính trị trong điều kiện gia tăng thách thức an ninh phi truyền thống và không gian mạng**

Trong bối cảnh mới, phương thức bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên đang đứng trước yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ. Thực tiễn cho thấy, ở một số nơi, phương thức lãnh đạo, quản lý vẫn còn mang tính hành chính hóa; công tác nắm tình hình, dự báo chưa theo kịp diễn biến thực tế; việc xử lý các vấn đề phát sinh còn mang tính bị động, thiếu tính phòng ngừa từ sớm, từ xa.

*Thứ nhất*, phải khắc phục tình trạng phương thức lãnh đạo, quản lý còn nặng về hành chính, thiếu tính chủ động và dự báo. Thực tiễn cho thấy ở một số nơi, công tác nắm tình hình, dự báo chưa theo kịp diễn biến thực tế, việc xử lý các vấn đề phát sinh còn mang tính bị động, thiên về xử lý sau khi sự việc xảy ra. Điều này không còn phù hợp trong bối cảnh các nguy cơ ANCT ngày càng mang tính phi truyền thống, diễn biến nhanh, khó nhận diện và có độ lan tỏa rộng.

*Thứ hai*, phải nhận diện đầy đủ tác động của KGM đối với ANCT và nâng cao năng lực quản trị trong môi trường số. Kết quả khảo sát cho thấy trong 12 tháng qua, có 40,8% người dân từng tiếp cận thông tin sai lệch và 13,6% đã từng chia sẻ tin giả [D1.1; D1.2, PL4]. Đồng thời, 79,1% cán bộ cho rằng việc xử lý thông tin xấu, độc trên KGM chưa hiệu quả [E2.3, PL3]. Những số liệu này cho thấy KGM không còn là không gian hỗ trợ, mà đã trở thành môi trường tác động trực tiếp đến nhận thức, tâm lý xã hội và từ đó ảnh hưởng đến ANCT. Vấn đề đặt ra là phải chuyển từ quản lý thông tin đơn thuần sang quản trị thông tin, trong đó chú trọng định hướng, dẫn dắt và tạo lập niềm tin xã hội trên KGM.

*Thứ ba*, phải nâng cao năng lực phòng ngừa, thay vì chủ yếu phản ứng sau sự việc. Thực tế cho thấy 47,1% đơn vị chưa tổ chức tập huấn xử lý tin giả và 33,7% chưa triển khai hoạt động xử lý thông tin xấu, độc trong năm [D2, PL3]. Điều này phản ánh rõ sự thiếu chuẩn bị về kỹ năng, phương án và cơ chế ứng phó trong môi trường an ninh mới. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo sớm và chuẩn hóa quy trình ứng phó, không để bị động trước các tình huống phát sinh trên KGM.

*Thứ tư*, phải thích ứng với sự gia tăng của các thách thức ANPTT trong bảo đảm ANCT. Các yếu tố như tội phạm công nghệ cao, ma túy, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và an ninh môi trường đang tạo áp lực ngày càng lớn đối với quản trị địa phương. Việc tỉnh Kon Tum ghi nhận 17 cuộc tấn công mạng trong năm 2022 [140] là minh chứng rõ cho tính chất phức tạp của môi trường an ninh hiện nay. Điều này đòi hỏi phải mở rộng nội hàm bảo đảm ANCT, không chỉ dừng ở giữ ổn định chính trị theo nghĩa truyền thống mà phải bao gồm quản trị tổng hợp các rủi ro ANPTT.

*Thứ năm*, từ những hạn chế nêu trên cho thấy một yêu cầu có tính phương thức là phải đổi mới toàn diện cách tiếp cận trong bảo đảm ANCT. Không thể chỉ dựa vào các biện pháp hành chính hay lực lượng chuyên trách, mà cần kết hợp chặt chẽ giữa CAND, LLVT với công tác dân vận, truyền thông chính sách và sự tham gia của Nhân dân. Vấn đề đặt ra là phải chuyển từ xử lý thông tin sang quản trị thông tin, từ phản ứng bị động sang phòng ngừa chủ động, từ phương thức đơn tuyến sang phối hợp đa chủ thể, dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

Yêu cầu đổi mới phương thức bảo đảm ANCT là tất yếu trong bối cảnh mới. trọng tâm là xây dựng năng lực quản trị ANCT theo hướng hiện đại, dựa trên dự báo, kiểm soát rủi ro và ứng dụng công nghệ số, đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa bảo đảm ANCT với củng cố niềm tin xã hội, qua đó nâng cao khả năng thích ứng của HTCT trước các thách thức ANPTT và KGM trong thời gian tới.

### **3.3.5. Vấn đề về chất lượng đội ngũ cán bộ và điều kiện bảo đảm cho hoạt động bảo đảm an ninh chính trị**

Những hạn chế trong năng lực, trình độ và kỹ năng của một bộ phận cán bộ, nhất là ở cơ sở, đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Trong điều kiện địa bàn có đặc thù về dân tộc, tôn giáo, văn hóa và những biến động xã hội nhanh chóng, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ không chỉ dừng lại ở năng lực quản lý hành chính, mà còn đòi hỏi năng lực quản trị xã hội, kỹ năng đối thoại, hòa giải, xử lý tình huống và khả năng thích ứng với môi trường số. Chất lượng đội ngũ cán bộ tiếp tục là vấn đề có tính nền tảng trong bảo đảm ANCT. Tỷ lệ cán bộ DTTS chưa tương xứng với cơ cấu dân cư, trong khi năng lực chuyên môn và kỹ năng quản trị của một bộ phận còn hạn chế.

*Thứ nhất*, phải nâng cao toàn diện chất lượng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Thực tiễn cho thấy năng lực, trình độ và kỹ năng của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện địa bàn có đặc thù về dân tộc, tôn giáo và biến động CT-XH nhanh. Có tới 91,8% cán bộ thừa nhận năng lực của một bộ phận cán bộ còn hạn chế [E2.1, PL3], cho thấy đây không phải hiện tượng cá biệt mà mang tính phổ biến. Bên cạnh đó, cơ cấu đội ngũ cán bộ DTTS chưa tương xứng với cơ cấu dân cư, làm hạn chế khả năng “bản địa hóa” trong quản trị xã hội. Điều này đặt ra yêu cầu không chỉ chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, mà còn phải nâng cao năng lực quản trị CT-XH, kỹ năng đối thoại, hòa giải và xử lý tình huống ngay từ cơ sở.

*Thứ hai*, cấp ủy, chính quyền các cấp cần đặc biệt quan tâm bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trong thích ứng với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán và môi trường xã hội đặc thù của địa bàn Tây Nguyên. Kết quả khảo sát cho thấy 46,8% cán bộ gặp khó khăn do chưa am hiểu phong tục, tập quán của đồng bào DTTS [F5, PL3]. Trong khi đó, đây lại là điều kiện quan trọng để thực hiện hiệu quả công tác dân vận, tuyên truyền và xử lý các mâu thuẫn xã hội. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải tăng

cường đào tạo, bồi dưỡng theo hướng “gần dân, hiểu dân”, coi năng lực thích ứng văn hóa là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá cán bộ ở địa bàn Tây Nguyên.

*Thứ ba*, phải nâng cao năng lực thích ứng với môi trường số và yêu cầu bảo đảm ANCT trên KGM. Thực tế cho thấy chỉ 26,9% cán bộ nắm vững phương án bảo vệ an ninh mạng [B3.2, PL3], trong khi các nguy cơ từ KGM ngày càng gia tăng và tác động trực tiếp đến ANCT. Điều này cho thấy yêu cầu cấp thiết phải trang bị kỹ năng số, năng lực quản trị thông tin và khả năng xử lý các tình huống phát sinh trên KGM cho đội ngũ cán bộ, nhất là lực lượng trực tiếp ở cơ sở.

*Thứ tư*, phải hoàn thiện các điều kiện bảo đảm cho hoạt động bảo đảm ANCT theo hướng đồng bộ và hiệu quả. Kết quả khảo sát cho thấy 82,6% cán bộ phản ánh thiếu kinh phí, 57,4% thiếu tập huấn, 55,3% thiếu cơ chế phối hợp [E3, PL3]. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai nhiệm vụ, mà còn làm giảm khả năng chủ động trong xử lý các tình huống phức tạp. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải bảo đảm đầy đủ nguồn lực, tăng cường đào tạo, hoàn thiện cơ chế phối hợp và từng bước xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ công tác quản trị ANCT.

*Thứ năm*, từ thực tiễn trên cho thấy cần đổi mới cách tiếp cận trong xây dựng đội ngũ cán bộ và bảo đảm điều kiện hoạt động. Không thể chỉ dừng ở đào tạo theo chuẩn hành chính, mà phải hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực quản trị tổng hợp, thích ứng với môi trường đa dạng và biến động. Đồng thời, cần hoàn thiện cơ chế chính sách đối với cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ, cải thiện môi trường làm việc, bảo đảm tính ổn định và chuyên nghiệp trong hoạt động của HTCT. như vậy, chất lượng đội ngũ cán bộ và điều kiện bảo đảm là yếu tố quyết định đến hiệu quả bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ một cách toàn diện, gắn với hoàn thiện các điều kiện bảo đảm cần thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới.

### **Tiểu kết Chương 3**

Chương 3 đã phân tích thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong mối quan hệ với đặc điểm lịch sử, địa - chính trị, dân tộc, tôn giáo, trình độ phát triển KT-XH và những biến đổi của bối cảnh mới. Trên cơ sở đó, chương làm rõ kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra đối với bảo đảm ANCT trên địa bàn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong thời gian qua, công tác bảo đảm

ANCT địa bàn Tây Nguyên đạt được nhiều kết quả quan trọng. Vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò nòng cốt của LLVT tiếp tục được khẳng định. MTTQ, các tổ chức CT-XH, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo và Nhân dân ngày càng tham gia sâu hơn vào giữ gìn ổn định từ cơ sở. Sự phối hợp giữa các chủ thể đã góp phần hình thành cơ chế bảo đảm ANCT phù hợp với đặc thù Tây Nguyên, kết hợp giữa quản lý nhà nước, dân vận, đối thoại, hòa giải cộng đồng và xây dựng thể trận lòng dân.

Về nội dung, bảo đảm ANCT được triển khai trên nhiều phương diện như an ninh thể chế, an ninh tư tưởng, ổn định KT-XH, an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo, đấu tranh với hoạt động chống phá của TLTĐ, ứng phó các thách thức ANPTT và những vấn đề nảy sinh trên KGM. Trong đó, mối quan hệ giữa phát triển KT-XH với bảo đảm ANCT ngày càng được nhận thức rõ hơn. Phát triển, giảm nghèo, bảo đảm sinh kế và an sinh xã hội đã góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, làm giảm các yếu tố dễ phát sinh bất ổn từ gốc.

Tuy nhiên, Chương 3 cũng chỉ ra một số hạn chế đáng chú ý. Năng lực của một bộ phận chủ thể, nhất là HTCT cơ sở, còn chưa đồng đều. Công tác quản lý đất đai, dân tộc, tôn giáo, di cư và một số lĩnh vực nhạy cảm còn nhiều vướng mắc. Phương thức bảo đảm ANCT ở một số nơi còn nặng về hành chính, chậm chuyển sang phòng ngừa, dự báo và quản trị rủi ro. KGM, truyền thông số và các thách thức ANPTT làm cho nguy cơ mất ổn định trở nên phức tạp hơn, có khả năng lan truyền nhanh hơn và khó nhận diện hơn. Từ thực trạng trên có thể khẳng định, bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới phải được đặt trong tư duy quản trị tổng hợp, không chỉ là xử lý vụ việc khi phát sinh. Trọng tâm là nâng cao chất lượng HTCT cơ sở, phát huy vai trò Nhân dân, kiểm soát tốt các lĩnh vực nhạy cảm, gắn phát triển KT-XH với ổn định CT-XH, đổi mới phương thức bảo đảm ANCT trên KGM và trước các thách thức ANPTT. Đây là cơ sở thực tiễn để Chương 4 đề xuất phương hướng và giải pháp bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên theo hướng chủ động, bền vững và phù hợp với bối cảnh mới.

## Chương 4

### QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

#### 4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

##### 4.1.1. Dự báo tình hình và xu thế quốc tế tác động đến bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên

Trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường. Cục diện quốc tế chuyển mạnh theo hướng đa cực, đa trung tâm. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn không chỉ diễn ra trên lĩnh vực quân sự, kinh tế, thương mại, mà còn mở rộng sang khoa học công nghệ, dữ liệu, chuỗi cung ứng, hệ giá trị và KGM. Trong bối cảnh đó, các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo”, “tự do ngôn luận” tiếp tục có thể bị lợi dụng để gây sức ép, can thiệp, kích động bất ổn ở những địa bàn nhạy cảm.

Bất ổn kinh tế toàn cầu, cạnh tranh thương mại, biến động tài chính và đứt gãy chuỗi cung ứng sẽ tác động trực tiếp đến các nền kinh tế có độ mở lớn như Việt Nam. Đối với Tây Nguyên, tác động này có thể biểu hiện qua biến động giá nông sản, thị trường lao động, thu nhập, sinh kế và khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển. Khi khó khăn kinh tế kéo dài, nhất là trong vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa, nguy cơ phát sinh khiếu kiện, mâu thuẫn lợi ích và tâm lý bất an xã hội có thể gia tăng nếu chính sách điều tiết, hỗ trợ và truyền thông không kịp thời.

Các thách thức ANPTT tiếp tục nổi lên gay gắt hơn, nhất là biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, an ninh nguồn nước, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, di cư tự do và tội phạm công nghệ cao. Những yếu tố này thường không gây bất ổn tức thời, nhưng có khả năng tích tụ lâu dài, tác động trực tiếp đến sinh kế, an sinh và niềm tin xã hội. Đối với Tây Nguyên, nơi vấn đề đất đai, rừng, nguồn nước, dân tộc, tôn giáo và di cư có quan hệ chặt chẽ với nhau, ANPTT có thể chuyển hóa thành rủi ro ANCT nếu không được nhận diện và xử lý từ sớm.

KGM sẽ trở thành môi trường tác động trực tiếp đến ANCT, sự lan truyền nhanh của thông tin sai lệch, tin giả, luận điệu xuyên tạc và hoạt động kích động chia rẽ có thể tác động đến nhận thức, cảm xúc và thái độ chính trị của người dân. Nguy cơ lớn

nhất không chỉ là rối loạn thông tin, mà là sự xói mòn niềm tin nếu thông tin sai lệch được lặp lại, khuếch đại trong thời gian dài, nhất là đối với các vấn đề nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, đất đai và chính sách phát triển.

Từ tinh thần Nghị quyết số 59-NQ/TW, bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới phải đặt trong tư duy bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, gắn chặt đối ngoại, QP-AN và phát triển. Hội nhập quốc tế vừa tạo điều kiện thu hút nguồn lực bên ngoài, mở rộng liên kết phát triển, vừa đặt ra yêu cầu kiểm soát rủi ro xuyên biên giới, cả trên đất liền và trên biển sau điều chỉnh không gian phát triển. Vì vậy, dự báo ANCT địa bàn Tây Nguyên không thể chỉ nhìn trong phạm vi địa bàn hành chính, mà cần đặt trong quan hệ liên vùng, xuyên biên giới, liên kết với Lào, Campuchia, duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và các tuyến giao thương quốc tế.

Như vậy, tác động quốc tế đối với ANCT Tây Nguyên thời gian tới chủ yếu diễn ra theo cơ chế gián tiếp, tích tụ và lan tỏa. Cạnh tranh chiến lược, bất ổn kinh tế, ANPTT, KGM và quan hệ xuyên biên giới có thể cộng hưởng với những hạn chế nội tại của địa bàn, tạo ra các điểm nghẽn về sinh kế, niềm tin và quản trị xã hội. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải nâng cao năng lực dự báo chiến lược, chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa, kết hợp chặt chẽ phát triển KT-XH, QP-AN, đối ngoại và xây dựng thể trận lòng dân vững chắc. Nhận diện đúng cơ chế tác động mang tính tích tụ của các yếu tố kinh tế, môi trường, thông tin và tâm lý xã hội là điều kiện tiên quyết để phòng ngừa từ sớm, từ xa, giữ vững ổn định chính trị xã hội và bảo đảm vững chắc ANCT trong bối cảnh toàn cầu biến động nhanh và khó lường.

#### **4.1.2. Dự báo tình hình trong nước tác động đến bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên**

Trong nước, giai đoạn tới là thời kỳ đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, hướng tới mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Các định hướng lớn của Đảng và Nhà nước, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024), 59-NQ/TW (2025), 66-NQ/TW (2025), 68-NQ/TW (2025), 80-NQ/TW (2026) và Văn kiện Đại hội XIV, sẽ là nền tảng cho mô hình phát triển, phương thức quản trị và yêu cầu bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

*Thứ nhất*, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW sẽ làm thay đổi căn bản phương thức quản lý xã hội và bảo đảm ANCT. Quản trị dựa trên dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến, cơ sở dữ liệu liên

thông, giám sát thông minh, cảnh báo sớm rủi ro sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng làm xuất hiện rủi ro mới về an ninh mạng, an ninh dữ liệu, lừa đảo trực tuyến, thông tin xấu độc và khoảng cách năng lực số giữa các nhóm dân cư. Với Tây Nguyên, nơi một bộ phận người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS còn hạn chế về kỹ năng số, KGM có thể trở thành môi trường dễ TLTD xuyên tạc chính sách, kích động chia rẽ và làm suy giảm niềm tin.

*Thứ hai*, đổi mới xây dựng và thi hành pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW (2025) sẽ đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị pháp quyền ở cơ sở. Các vấn đề đất đai, rừng, di cư, dân tộc, tôn giáo, đầu tư, khiếu nại, tố cáo nếu được điều chỉnh bằng thể chế minh bạch, khả thi và thực thi nghiêm minh sẽ góp phần củng cố niềm tin xã hội. Ngược lại, nếu còn khoảng trống pháp lý, chông chéo thẩm quyền, lợi ích nhóm, những nhiễu, thiếu trách nhiệm hoặc truyền thông chính sách yếu, các bức xúc dân sinh có thể chuyển hóa thành điểm nóng ANCT. Vì vậy, bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên phải gắn với xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS và kiểm soát quyền lực trong thực thi công vụ.

*Thứ ba*, phát triển kinh tế thị trường theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW (2025) mở ra khả năng huy động mạnh hơn nguồn lực xã hội, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cộng đồng cư dân tại chỗ vào phát triển Tây Nguyên. Đây là cơ sở quan trọng để tạo việc làm, chuyển đổi sinh kế, giảm nghèo, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chế biến, logistics, du lịch, kinh tế xanh và kinh tế số. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra yêu cầu quản trị công bằng trong tiếp cận đất đai, vốn, tài nguyên, dữ liệu và cơ hội kinh doanh. Nếu cải cách thủ tục, minh bạch hóa chính sách và điều tiết lợi ích không tốt, phát triển có thể tạo ra chênh lệch mới, khiếu kiện mới và nguy cơ bị lợi dụng để gây bất ổn. Do đó, luận điểm “phát triển để ổn định, ổn định để phát triển bền vững” cần được xem là trực dự báo chiến lược đặc biệt quan trọng đối với ANCT Tây Nguyên.

*Thứ tư*, phát triển văn hóa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026) có ý nghĩa đặc biệt đối với Tây Nguyên. Văn hóa là nguồn lực nội sinh, là nền tảng của thể trận lòng dân, nhất là trong vùng đồng bào DTTS, vùng tôn giáo, vùng biên giới. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, vai trò của già làng, người có uy tín, nghệ nhân, chức sắc tôn giáo và thiết chế tự quản cộng đồng sẽ góp phần tăng sức đề kháng xã hội trước các luận điệu chia rẽ, ly khai, xuyên tạc lịch sử, xuyên tạc chính sách dân tộc, tôn giáo. Trong thời gian tới, an ninh văn hóa, an ninh con

người và chủ quyền văn hóa số sẽ trở thành bộ phận quan trọng của bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên.

*Thứ năm*, việc điều chỉnh địa giới hành chính cấp tỉnh, cấp xã và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp sẽ tác động trực tiếp đến ANCT ở cơ sở. Về mặt tích cực, sắp xếp tổ chức bộ máy giúp tinh gọn đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực điều hành và tạo không gian phát triển mới. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuyển tiếp có thể phát sinh độ trễ quản lý, thay đổi thẩm quyền, xáo trộn cán bộ, gián đoạn giải quyết thủ tục, khiếu nại, tố cáo và truyền thông chính sách. Với Tây Nguyên, địa bàn rộng, dân cư phân tán, nhiều khu vực có đặc thù dân tộc, tôn giáo, nếu không bảo đảm vận hành thông suốt, không để trống địa bàn, không đứt gãy kênh tiếp xúc với Nhân dân, những xáo trộn hành chính có thể bị khai thác để phát tán tin đồn, kích động tâm lý bất an và làm suy giảm niềm tin.

*Thứ sáu*, quan hệ giữa nội lực và ngoại lực sẽ trở thành vấn đề cần dự báo rõ hơn. Nội lực, trước hết là cộng đồng cư dân tại chỗ, đội ngũ cán bộ cơ sở, già làng, người có uy tín, doanh nghiệp địa phương, MTTQ và các tổ chức CT-XH, giữ vai trò quyết định đối với ổn định lâu dài. Ngoại lực, gồm vốn đầu tư, công nghệ, thị trường, hợp tác quốc tế, liên kết vùng và nguồn lực từ hội nhập, có ý nghĩa bổ sung quan trọng. Nếu kết hợp tốt, Tây Nguyên có thể chuyên hóa tiềm năng thành động lực phát triển bền vững. Nếu lệ thuộc vào ngoại lực, coi nhẹ lợi ích cộng đồng tại chỗ hoặc không xử lý hài hòa quan hệ đất đai, sinh kế, văn hóa và môi trường, phát triển có thể tạo ra mâu thuẫn xã hội mới.

Như vậy, tình hình trong nước tác động đến ANCT Tây Nguyên thời gian tới nổi bật ở sự đan xen giữa đổi mới thể chế, chuyển đổi số, phát triển KTTT, phát triển văn hóa, hội nhập quốc tế và tổ chức lại không gian hành chính. Những tiến trình này vừa mở ra cơ hội củng cố ổn định từ nền tảng phát triển, vừa làm xuất hiện rủi ro mới nếu quản trị không theo kịp. Yêu cầu chiến lược là phải bảo đảm không tạo khoảng trống quản trị, không làm suy giảm niềm tin cộng đồng, lấy phát triển KT-XH, văn hóa, pháp quyền và thể trận lòng dân làm nền tảng bền vững của ANCT.

#### **4.1.3. Dự báo xu thế chuyển đổi phương thức bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên**

Những biến đổi của bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước cho thấy phương thức bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên thời gian tới khó có thể tiếp tục dựa chủ yếu vào mô hình truyền thống thiên về quản lý hành chính và xử lý tình huống phát sinh.

Một xu thế chuyển đổi mang tính tất yếu đang hình thành, phản ánh yêu cầu thích ứng của quản trị ANCT trong một không gian xã hội đa dân tộc, đa tôn giáo, địa bàn rộng, đồng thời chịu tác động ngày càng sâu của chuyển đổi số. Xu thế này có thể dự báo nổi lên theo các hướng chủ đạo sau đây.

*Thứ nhất*, phương thức bảo đảm ANCT sẽ chuyển từ tư duy “giữ ổn định” sang tư duy quản trị rủi ro CT-XH. Ổn định không còn được hiểu là trạng thái tĩnh, mà là kết quả của quá trình nhận diện, dự báo và điều tiết liên tục các mâu thuẫn trong cộng đồng. Ở Tây Nguyên, rủi ro ANCT thường không bộc lộ ngay thành xung đột công khai, mà tích tụ từ đất đai, sinh kế, dân tộc, tôn giáo, di cư, bất bình đẳng phát triển và thông tin sai lệch trên KGM. Do đó, trọng tâm bảo đảm ANCT phải chuyển sang phát hiện sớm dấu hiệu bất ổn, đánh giá đúng mức độ rủi ro và xử lý từ khi mâu thuẫn còn ở cấp độ xã hội, chưa bị chính trị hóa.

*Thứ hai*, phương thức bảo đảm ANCT sẽ chuyển từ xử lý vụ việc sang phòng ngừa, đối thoại và quản trị xung đột từ sớm, từ xa. Nhiều vấn đề ở Tây Nguyên như khiếu kiện đất đai, tranh chấp tài nguyên, va chạm tôn giáo, di cư tự do, bức xúc về chính sách nếu không được giải quyết kịp thời có thể bị khuếch đại trên KGM. Vì vậy, bảo đảm ANCT cần coi trọng đối thoại, hòa giải, truyền thông chính sách, điều hòa lợi ích và trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở. Đây là sự chuyển dịch từ “quản lý khủng hoảng” sang “quản trị quá trình”.

*Thứ ba*, phương thức bảo đảm ANCT sẽ chuyển mạnh sang quản trị ANCT trên KGM. Trong điều kiện chuyển đổi số, ANCT không chỉ diễn ra trên địa bàn vật lý, mà còn trên địa bàn nhận thức xã hội. Tin giả, thông tin xấu độc, xuyên tạc chính sách dân tộc, tôn giáo, đất đai, lịch sử và quan hệ quốc tế có thể tác động nhanh đến tâm lý cộng đồng. Do đó, cần tăng cường năng lực phát hiện, phản ứng nhanh, cung cấp thông tin chính thống, nâng cao “sức đề kháng thông tin” của người dân, nhất là đồng bào DTTS, thanh niên, tín đồ tôn giáo và người dân vùng sâu, vùng xa.

*Thứ tư*, phương thức bảo đảm ANCT sẽ chuyển từ quản lý đơn ngành sang quản trị liên ngành, liên vùng và xuyên biên giới. các vấn đề ANCT địa bàn Tây Nguyên ngày càng liên thông: đất đai gắn với sinh kế và di cư; tôn giáo gắn với văn hóa và quản trị cộng đồng; tài nguyên gắn với môi trường và an ninh nguồn nước; KGM gắn với tư tưởng, dư luận và trật tự xã hội. Vì vậy, cần hình thành cơ chế phối hợp thường xuyên giữa cấp ủy, chính quyền, CAND, QĐND, MTTQ, các tổ chức CT-XH và các địa phương liên quan. Đồng thời, phải đặt Tây Nguyên trong quan hệ với

duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ, Lào, Campuchia và các tuyến kết nối biên để kiểm soát hiệu quả di cư, tội phạm xuyên quốc gia, buôn lậu, ma túy, truyền đạo trái pháp luật và rủi ro thông tin xuyên biên giới.

*Thứ năm*, phương thức bảo đảm ANCT sẽ dựa nhiều hơn vào dữ liệu, khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Dữ liệu dân cư, đất đai, tôn giáo, di cư, an sinh, khiếu kiện, tài nguyên, môi trường và dư luận xã hội nếu được kết nối, chia sẻ, bảo mật và khai thác đúng sẽ trở thành công cụ quan trọng trong dự báo sớm rủi ro. Đây là yêu cầu phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW. Tuy nhiên, chuyển đổi số trong ANCT phải đi đôi với bảo đảm an ninh dữ liệu, bí mật nhà nước, quyền lợi hợp pháp của người dân và khả năng tiếp cận bình đẳng của đồng bào DTTS.

*Thứ sáu*, phương thức bảo đảm ANCT sẽ phát huy mạnh hơn vai trò của Nhân dân và các thiết chế xã hội truyền thống. Trong bối cảnh rủi ro ANCT phân tán, phi truyền thống và khó nhận diện, không lực lượng chuyên trách nào có thể kiểm soát toàn bộ không gian xã hội. Ở Tây Nguyên, già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, nghệ nhân, doanh nhân địa phương và các tổ chức cộng đồng có vai trò quan trọng trong nắm tình hình, hòa giải, vận động, định hướng dư luận và giải độc thông tin. Do đó, cần chuyển từ cách nhìn Nhân dân là “đối tượng quản lý” sang Nhân dân là chủ thể đồng quản trị ANCT.

*Thứ bảy*, phương thức bảo đảm ANCT sẽ gắn chặt hơn với phát triển KT-XH, văn hóa và nâng cao đời sống Nhân dân. Đây là xu thế có tính nền tảng, phù hợp với luận điểm “phát triển để ổn định, ổn định để phát triển bền vững”. Phát triển KTTT, kinh tế số, nông nghiệp thông minh, du lịch văn hóa, công nghiệp chế biến, logistics, hạ tầng và dịch vụ công sẽ góp phần tạo việc làm, giảm nghèo, thu hẹp chênh lệch vùng miền. Nhưng phát triển chỉ trở thành nền tảng của ANCT khi bảo đảm công bằng lợi ích, tôn trọng văn hóa bản địa, bảo vệ môi trường, kiểm soát tham nhũng, lợi ích nhóm và tạo điều kiện để người dân tham gia, giám sát, thụ hưởng.

## **4.2. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI**

**4.2.1. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy, tổ chức đảng gắn liền với sự quản lý, điều hành thống nhất, hiệu quả của chính quyền các cấp**

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trước hết phải quán triệt đầy đủ cơ chế vận hành “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, CAND làm nòng

cốt”. Đây là nguyên tắc chính trị nền tảng, chi phối toàn bộ quá trình nhận diện, dự báo, phòng ngừa và xử lý các vấn đề ANCT trên địa bàn. Hiến pháp năm 2013 khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội, qua đó xác lập nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ như trục vận hành cơ bản của quyền lực chính trị. Trên nền tảng đó, văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân và sự nghiệp QP-AN, bảo vệ Tổ quốc [44, tr.36]. Đại hội đồng thời yêu cầu chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình; xử lý kịp thời các tình huống, không để bị động, bất ngờ; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để xác định nhiệm vụ bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên phải đặt trong mối quan hệ thống nhất giữa sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Trong đó, sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò định hướng chiến lược, huy động sức mạnh tổng hợp; quản lý của Nhà nước là quá trình cụ thể hóa bằng pháp luật, chính sách và tổ chức thực hiện. Thiếu một trong hai yếu tố này sẽ dẫn đến mất định hướng chính trị, hoặc suy giảm hiệu lực, hiệu quả quản trị.

Đối với Tây Nguyên, yêu cầu này càng cấp thiết do tính nhạy cảm của các vấn đề đất đai, tài nguyên, di cư, dân tộc, tôn giáo. Nghị quyết số 23-NQ/TW (2022) nhấn mạnh phát triển bền vững gắn với ổn định chính trị và tăng cường quản trị vùng. Vì vậy, bảo đảm ANCT không chỉ dừng ở xử lý sự vụ mà phải chuyển sang quản trị nguyên nhân và điều hòa lợi ích xã hội từ cơ sở. Trong bối cảnh đó, vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng ở Tây Nguyên cần được thể hiện ở ba phương diện cơ bản:

*Thứ nhất* là năng lực dự báo và nhận diện sớm nguy cơ từ những lĩnh vực dễ phát sinh mâu thuẫn. Các vấn đề về đất đai, tài nguyên, di cư, dân tộc, tôn giáo nếu không được theo dõi sát sao và giải quyết kịp thời rất dễ bị kích động, xuyên tạc trên KGM, làm gia tăng tâm lý bức xúc trong cộng đồng. Vì vậy, lãnh đạo hiệu quả không chỉ dừng lại ở ban hành nghị quyết, mà phải thể hiện ở khả năng nắm chắc tình hình cơ sở, phát hiện sớm dấu hiệu bất ổn và chủ động định hướng giải quyết.

*Thứ hai* là năng lực điều hòa lợi ích và xử lý quan hệ giữa chính quyền và cộng đồng bằng đối thoại, thuyết phục và tạo đồng thuận xã hội. Ổn định chính trị bền vững ở Tây Nguyên không thể dựa chủ yếu vào biện pháp hành chính, mà phải dựa vào niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền. Khi người dân được lắng nghe, được

giải thích rõ ràng, được bảo đảm quyền lợi chính đáng thông qua cơ chế minh bạch và công bằng, mâu thuẫn xã hội sẽ được giải quyết trong khuôn khổ pháp luật, không bị đẩy thành xung đột chính trị.

*Thứ ba* là kiểm soát chặt chẽ quá trình thực thi thông qua công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Trong thực tiễn, nhiều chủ trương đúng đắn có thể bị giảm hiệu quả do chậm triển khai, thiếu trách nhiệm hoặc thực hiện không đúng tinh thần nghị quyết. Nếu sự chậm trễ trong thực thi chính sách kéo dài, mâu thuẫn xã hội có thể gia tăng và tác động tiêu cực đến ổn định chính trị. Vì vậy, bảo đảm ANCT đòi hỏi sự gắn kết chặt chẽ giữa ban hành chủ trương và tổ chức thực hiện, giữa chỉ đạo và kiểm tra, giữa trách nhiệm tập thể và trách nhiệm người đứng đầu.

Cùng với sự lãnh đạo của Đảng, quản trị của chính quyền phải chuyển từ xử lý vụ việc sang quản trị rủi ro và phòng ngừa từ sớm; coi trọng minh bạch thông tin, nâng cao chất lượng tiếp dân, giải quyết khiếu nại và phối hợp liên ngành. Trong bối cảnh chuyển đổi số, bảo đảm ANCT cần gắn với hiện đại hóa quản trị và quản lý thông tin, sử dụng KGM vừa như công cụ cảnh báo sớm, vừa là môi trường cần kiểm soát.

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới đòi hỏi sự thống nhất chặt chẽ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Sự thống nhất đó phải được cụ thể hóa bằng đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng định hướng chiến lược, chủ động phòng ngừa và kiểm soát thực thi; đồng thời bằng hiện đại hóa quản trị nhà nước, nâng cao kỷ cương pháp luật và tăng cường phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng. Khi sự lãnh đạo của Đảng đủ tầm chiến lược và sự quản lý của chính quyền đủ hiệu lực, ổn định chính trị ở Tây Nguyên sẽ không chỉ là kết quả sau cùng của xử lý tình huống, mà trở thành tiêu chí phản ánh chất lượng quản trị và sức mạnh của HTCT trên địa bàn.

#### **4.2.2. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải được thực hiện toàn diện, đồng bộ, gắn với phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo**

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới không thể tiếp cận theo cách thuần túy hành chính hoặc xử lý tình huống riêng lẻ, mà phải được đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng HTCT vững mạnh và giải quyết hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo. Đây là quan điểm có cơ sở tư tưởng vững chắc trong đường lối của Đảng, đồng thời là yêu cầu thực tiễn xuất phát từ đặc thù địa - chính trị, kinh tế - xã hội của vùng. Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm “kết

hợp chặt chẽ, hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”[44, tr.5]. Quan điểm này thể hiện bước phát triển mới trong tư duy an ninh của Đảng, theo đó an ninh không chỉ là bảo vệ chế độ và trật tự xã hội, mà còn là bảo đảm điều kiện phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. ANCT phải được nhìn nhận như một bộ phận cấu thành của chiến lược phát triển vùng, chuyển từ tư duy “giữ ổn định” sang “quản trị ổn định bằng phát triển bao trùm, công bằng”.

Trong bối cảnh mới, quan điểm này cần được đặt trong tổng thể các định hướng lớn của Đảng: Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024) về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; Nghị quyết số 59-NQ/TW (2025) về hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 66-NQ/TW (2025) về xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW (2025) về phát triển KTTT; Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026) về phát triển văn hóa Việt Nam. Những định hướng này vừa mở ra nguồn lực phát triển mới, vừa đặt ra yêu cầu quản trị chặt chẽ hơn đối với đất đai, tài nguyên, dữ liệu, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, KGM và quan hệ xuyên biên giới. bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên phải được lồng ghép ngay từ khâu hoạch định và tổ chức thực thi chính sách phát triển. Mọi chương trình, dự án liên quan đến quy hoạch sử dụng đất, thu hồi đất, tái định cư, khai thác tài nguyên, phát triển hạ tầng, chuyển đổi sinh kế, giảm nghèo và cung cấp dịch vụ công cần được đánh giá đồng thời trên ba phương diện. *Một là*, tác động kinh tế, bao gồm hiệu quả đầu tư, tăng trưởng và tạo việc làm. *Hai là*, tác động xã hội và cộng đồng, đặc biệt đối với các nhóm dân cư yếu thế, đồng bào DTTS và khu vực có đông tín đồ tôn giáo. *Ba là*, tác động đối với niềm tin chính trị ở cơ sở, tức là mức độ đồng thuận, sự ủng hộ của người dân và khả năng duy trì ổn định lâu dài. Chỉ khi ba phương diện này được xem xét đồng bộ, chính sách phát triển mới không tạo ra những khoảng trống dễ dẫn đến bất ổn.

Tính toàn diện còn thể hiện ở xử lý hài hòa vấn đề dân tộc, tôn giáo. Quan điểm nhất quán của Đảng là tôn trọng tự do tín ngưỡng, bảo đảm bình đẳng, đoàn kết, phát triển toàn diện vùng DTTS. Do đó, bảo đảm ANCT không phải là hạn chế hoạt động tôn giáo, văn hóa, mà thông qua phát triển, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống để củng cố niềm tin xã hội. Về nguyên tắc, bảo đảm ANCT phải gắn với cơ chế phát triển có tham vấn cộng đồng, đánh giá tác động xã hội và bảo đảm minh bạch, trách nhiệm giải trình. Khi lợi ích chính đáng của người dân được tôn trọng và tiếng nói được lắng nghe, mâu thuẫn xã hội sẽ được giải quyết trong khuôn khổ pháp luật, không chuyển hóa

thành xung đột chính trị. Như vậy, bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên phải được thực hiện trên nền tảng phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ KT-XH với QP-AN, giữa chính sách dân tộc, tôn giáo với củng cố khối đại đoàn kết. Khi phát triển theo hướng bao trùm, công bằng và minh bạch, ổn định chính trị không chỉ là mục tiêu mà trở thành kết quả tất yếu của một quá trình quản trị xã hội hiệu quả.

#### **4.2.3. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải chủ động, từ sớm, từ xa, lấy phòng ngừa, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống**

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới phải được triển khai theo phương châm chủ động, từ sớm, từ xa, lấy phòng ngừa là chính; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Đây không chỉ là sự điều chỉnh về biện pháp tổ chức thực hiện, mà là sự chuyển đổi có tính nền tảng về tư duy bảo vệ ANQG, phù hợp với bước phát triển mới trong nhận thức lý luận của Đảng về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, mất an ninh, trật tự từ sớm, từ xa.” [44, tr.36]. Luật ANQG (2004) cũng xác định rõ nhiệm vụ chủ động phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn các nguy cơ xâm phạm ANQG. Như vậy, phòng ngừa từ sớm, từ xa là nguyên tắc chỉ đạo có tính chiến lược.

Đối với Tây Nguyên, yêu cầu này có ý nghĩa đặc biệt do các nguy cơ ANCT thường hình thành từ quá trình tích tụ mâu thuẫn xã hội. Những vấn đề về đất đai, sinh kế, dân tộc, tôn giáo nếu không được giải quyết kịp thời dễ lan truyền qua dư luận và KGM, bị TLTD lợi dụng, kích động. Vì vậy, trọng tâm không phải là xử lý sự kiện đã phát sinh, mà là nhận diện sớm nguy cơ ngay từ cơ sở. Các chỉ báo cần theo dõi gồm xu hướng gia tăng khiếu kiện, biểu hiện suy giảm niềm tin, sự lan rộng thông tin sai lệch và dấu hiệu cực đoan hóa trong cộng đồng. Khi phát hiện kịp thời, có thể xử lý bằng đối thoại, điều chỉnh chính sách hoặc biện pháp pháp luật phù hợp, không để chuyển hóa thành bất ổn chính trị.

HTCT giữ vai trò trung tâm trong thực hiện phương châm này. Cấp ủy phải coi dự báo và phòng ngừa rủi ro ANCT là nội dung thường xuyên trong lãnh đạo. Chính quyền nâng cao năng lực quản trị, nhất là trong quản lý đất đai, tài nguyên, chính sách dân tộc, tôn giáo và giải quyết kiến nghị của Nhân dân. LLVT làm nòng cốt trong nắm

tình hình, tham mưu và xử lý tình huống. MTTQ và các tổ chức CT-XH thực hiện chức năng vận động, hòa giải, giám sát xã hội.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, KGM trở thành không gian tác động trực tiếp đến ANCT. Do đó, cùng với xử lý căn nguyên xã hội, cần thiết lập năng lực cảnh báo sớm trên môi trường số, kịp thời phát hiện và ngăn chặn thông tin sai lệch, đồng thời tăng cường truyền thông chính sách minh bạch để củng cố niềm tin xã hội. Bảo đảm ANCT vì vậy phải gắn với quy trình liên thông giữa dự báo, phòng ngừa, xử lý và củng cố niềm tin. Bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên theo phương châm chủ động, từ sớm, từ xa, lấy phòng ngừa là chính và không để bị động, bất ngờ là yêu cầu có tính chiến lược, phù hợp với tư duy mới về bảo vệ ANQG trong các văn kiện Đại hội XIV, đồng thời đáp ứng đòi hỏi thực tiễn của một địa bàn có độ nhạy cảm xã hội cao. Khi HTCT đủ năng lực dự báo, đủ bản lĩnh phòng ngừa và đủ hiệu lực xử lý, ổn định chính trị ở Tây Nguyên sẽ được duy trì một cách chủ động, vững chắc và lâu dài, tạo nền tảng an toàn cho phát triển KT-XH và củng cố QP-AN trong giai đoạn mới.

#### **4.2.4. Bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và vai trò của Nhân dân**

Bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới không thể chỉ dựa vào nỗ lực của một lực lượng chuyên trách hay một cấp chính quyền nhất định, mà phải được đặt trong tổng thể phát huy sức mạnh của cả HTCT và vai trò chủ thể của Nhân dân. Đây là yêu cầu có cơ sở lý luận và thực tiễn sâu sắc, xuất phát từ tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng, đồng thời phù hợp với đặc thù xã hội của Tây Nguyên với cấu trúc cộng đồng truyền thống, vai trò của già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo có ảnh hưởng trực tiếp, sâu rộng đến đời sống CT-XH ở cơ sở.

Về cơ sở tư tưởng, Đảng ta nhất quán xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược lâu dài, là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng Việt Nam. Hiến pháp năm 2013 khẳng định Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước, Nhà nước là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc; bảo đảm giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; [44, tr.261]. Điều đó cho thấy bảo đảm ANCT không chỉ là nhiệm vụ của LLVT mà là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; trong đó Nhân dân vừa là mục tiêu, vừa

là chủ thể tham gia trực tiếp. Đối với Tây Nguyên, ổn định chính trị phụ thuộc trước hết vào mức độ đồng thuận xã hội và niềm tin của cộng đồng. Khi quyền lợi chính đáng được bảo đảm, thông tin minh bạch và tiếng nói của người dân được lắng nghe, mâu thuẫn sẽ được giải quyết từ cơ sở. Ngược lại, nếu niềm tin suy giảm, khoảng cách giữa chính quyền và Nhân dân gia tăng thì nguy cơ bất ổn sẽ tích tụ.

Thực tiễn cho thấy Nhân dân tham gia bảo đảm ANCT thông qua cung cấp thông tin, tự quản cộng đồng, hòa giải mâu thuẫn, giám sát chính sách và phản bác thông tin sai lệch. Đặc biệt, già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo giữ vai trò quan trọng trong tạo đồng thuận xã hội. Vì vậy, phát huy sức mạnh Nhân dân không dừng ở vận động mà phải được thể chế hóa thành cơ chế cụ thể, bảo đảm tham gia thực chất.

Theo đó, cấp ủy giữ vai trò lãnh đạo toàn diện; chính quyền bảo đảm minh bạch, trách nhiệm giải trình; MTTQ và các tổ chức CT-XH thực hiện dân vận, giám sát, phản biện; LLVT làm nòng cốt trong nắm tình hình và xử lý tình huống. Trong bối cảnh KGM phát triển, phát huy vai trò Nhân dân còn gắn với nâng cao khả năng tiếp cận thông tin chính thống và tăng sức đề kháng trước thông tin sai lệch. Như vậy, bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên phải dựa trên sự kết hợp giữa sức mạnh tổ chức của HTCT và sức mạnh xã hội từ Nhân dân, lấy “thế trận lòng dân” làm nền tảng. Khi niềm tin và đồng thuận xã hội được củng cố, ANCT sẽ có nền tảng vững chắc, đủ khả năng ứng phó với các thách thức trong giai đoạn phát triển mới.

#### **4.2.5. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải được tiếp cận tích hợp giữa an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống và quản trị không gian số**

Trong bối cảnh môi trường an ninh biến đổi nhanh, các nguy cơ đối với ANCT địa bàn Tây Nguyên không còn tồn tại riêng lẻ mà hình thành từ sự giao thoa giữa các vấn đề truyền thống như dân tộc, tôn giáo, đất đai với các yếu tố mới như biến đổi khí hậu, di cư, bất ổn kinh tế, an ninh mạng và chiến tranh thông tin. Do đó, tiếp cận tích hợp giữa an ninh truyền thống, ANPTT và quản trị KGM là yêu cầu có tính phương pháp luận, phù hợp với đặc thù địa bàn và xu thế phát triển. Quan điểm này dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, đồng thời quán triệt sâu sắc các văn kiện Đại hội XIII và Đại hội XIV của Đảng. Đại hội XIV nhấn mạnh nhận thức lý luận về ANQG và bảo vệ ANQG có sự phát triển: Từ nhận thức ANQG chủ yếu là vấn đề nội bộ đến an ninh tổng hợp, toàn diện [44, tr.71]. Đối với Tây Nguyên - địa bàn chiến lược đặc thù, nơi các yếu tố

dân tộc, tôn giáo, tài nguyên và biên giới đan xen - việc tích hợp các phương diện an ninh là tất yếu để tránh cách tiếp cận đơn tuyến, cục bộ và bị động.

Quan điểm này nhấn mạnh yêu cầu chuyển từ tư duy xử lý từng loại nguy cơ riêng lẻ sang tư duy quản trị tổng hợp các điểm giao thoa rủi ro. An ninh truyền thống như vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai vẫn giữ vai trò nền tảng và lâu dài; song phương thức biểu hiện và lan tỏa của chúng đã thay đổi dưới tác động của ANPTT và không gian số. Một tranh chấp đất đai hoặc bất cập trong quản lý tài nguyên có thể nhanh chóng bị khuếch đại trên mạng xã hội, gắn với các diễn ngôn nhân quyền, từ đó vượt ra khỏi phạm vi xử lý hành chính thông thường để trở thành thách thức ANCT phức hợp. do đó, bảo đảm ANCT phải đồng thời gắn với quản trị tài nguyên, an sinh xã hội, an ninh mạng và truyền thông chính sách. Không gian số cần được nhìn nhận như một môi trường chính trị mở rộng, nơi các mâu thuẫn xã hội có thể bị lợi dụng, nhưng cũng là nơi phát hiện sớm và hóa giải rủi ro nếu được quản trị hiệu quả. Trọng tâm chỉ đạo vì vậy không chỉ là tăng cường biện pháp chuyên trách, mà là xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, chia sẻ dữ liệu, cảnh báo sớm và phản ứng nhanh, bảo đảm không để các rủi ro phi truyền thống chuyển hóa thành bất ổn chính trị.

Trong bối cảnh đó, KGM cần được nhìn nhận như một không gian chính trị mở rộng, nơi các mâu thuẫn xã hội có thể bị các TLTĐ lợi dụng để kích động, chống phá, nhưng đồng thời cũng là môi trường quan trọng để phát hiện sớm, cảnh báo và hóa giải nguy cơ nếu được quản trị hiệu quả. Do đó, trọng tâm đặt ra không chỉ là tăng cường các biện pháp chuyên trách, mà còn phải xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên thông dữ liệu, nâng cao năng lực cảnh báo sớm và phản ứng nhanh, không để các nguy cơ ANPTT chuyển hóa thành điểm nóng về ANCT.

Yêu cầu này đặt ra trách nhiệm trực tiếp đối với cấp ủy, chính quyền các cấp ở Tây Nguyên trong hoạch định và tổ chức thực thi chính sách, đổi mới tư duy lãnh đạo theo hướng liên thông, coi bảo đảm ANCT là kết quả của quản trị phát triển tổng hợp. Đồng thời, cần nâng cao năng lực tiếp nhận, sàng lọc thông tin cho người dân, nhất là đồng bào DTTS, để người dân trở thành chủ thể tham gia bảo vệ ANCT trong môi trường số. Việc kết hợp giữa bảo đảm an ninh truyền thống với ANPTT và quản trị KGM vì vậy không chỉ là yêu cầu về mặt kỹ thuật, mà còn là bước chuyển quan trọng về tư duy chiến lược trong bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Đây cũng là cơ sở quan trọng để hoàn thiện nền tảng lý luận và thực tiễn về bảo đảm ANCT trên địa

bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới, phù hợp với tinh thần Đại hội XIV của Đảng và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, chủ động và bền vững.

### **4.3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI**

#### **4.3.1. Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong bảo đảm an ninh chính trị**

##### ***4.3.1.1. Nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới***

Nâng cao chất lượng lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng là giải pháp then chốt trong bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Xuất phát từ thực trạng năng lực lãnh đạo, dự báo, phát hiện sớm và xử lý rủi ro ANCT ở một số nơi còn chưa đồng đều, nhất là ở cơ sở. Trong bối cảnh các vấn đề đất đai, rừng, di cư, dân tộc, tôn giáo, sinh kế, KGM và ANPTT ngày càng đan xen, sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ bảo vệ ANQG nói chung, ANCT nói riêng phải được đổi mới theo hướng chủ động, thực chất và dựa trên năng lực quản trị rủi ro. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “bảo vệ vững chắc ANQG, an ninh chế độ, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh dữ liệu, an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực...; giữ vững ANCT, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước” [44, tr.381]. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để xác định vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy các cấp trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên.

*Thứ nhất, đổi mới tư duy lãnh đạo theo hướng quản trị rủi ro, chủ động phòng ngừa từ cơ sở.* Cấp ủy các cấp cần chuyển từ tư duy “xử lý khi đã thành điểm nóng” sang tư duy “nhận diện, kiểm soát và hóa giải rủi ro từ tín hiệu ban đầu”. Những mâu thuẫn về đất đai, bồi thường, tái định cư, sinh kế, tôn giáo, di cư nếu không được phát hiện sớm rất dễ bị TLTĐ lợi dụng, kích động trên KGM, làm phức tạp tình hình ANCT. Vì vậy, giai đoạn 2026 - 2030, các tỉnh Tây Nguyên cần có nghị quyết hoặc kết luận chuyên đề về quản trị rủi ro ANCT, tổ chức giao ban phân tích rủi ro định kỳ ở cấp tỉnh, cấp xã, nhất là địa bàn trọng điểm. Nội dung giao ban cần tập trung vào bốn vấn đề: mâu thuẫn nổi lên là gì?, nhóm liên quan là ai?, dự báo diễn biến ra sao?, phương án xử lý thế nào?. CAND giữ vai trò tham mưu nòng cốt, Ban Nội chính, UBND, MTTQ và các cơ quan liên quan phối hợp thực hiện.

*Thứ hai, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết theo hướng “bám địa bàn, trúng vấn đề, rõ trách nhiệm, đo được kết quả”.* Nghị quyết về ANCT không nên dừng ở định hướng chung, mà phải dựa trên khảo sát thực tiễn, dữ liệu về khiếu kiện, đất đai, dân cư, tôn giáo, di cư và dư luận xã hội. Mỗi nghị quyết cần xác định rõ nhóm rủi ro trọng điểm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn hoàn thành và tiêu chí đánh giá. Trong giai đoạn 2026 - 2030, cần rà soát các nghị quyết, chương trình liên quan đến ANCT để loại bỏ trùng lặp, khắc phục chồng chéo, đồng thời quy định chế độ sơ kết 6 tháng, tổng kết hằng năm và điều chỉnh linh hoạt khi tình hình thay đổi. Đến năm 2045, hệ thống nghị quyết phải gắn chặt giữa phát triển KT-XH, bảo đảm ANCT và củng cố QP-AN, trong đó ổn định xã hội và niềm tin của Nhân dân là tiêu chí quan trọng khi hoạch định chính sách.

*Thứ ba, gắn lãnh đạo bảo đảm ANCT với lãnh đạo phát triển KT-XH, củng cố QP-AN và thực hiện các định hướng lớn của Đảng trong kỷ nguyên mới.* Từ tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết số 59-NQ/TW (2025) về hội nhập quốc tế, Nghị quyết số 66-NQ/TW (2025) về hoàn thiện thể chế và pháp luật, Nghị quyết số 68-NQ/TW (2025) về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026) về phát triển văn hóa Việt Nam, cấp ủy các tỉnh Tây Nguyên cần lãnh đạo phát triển theo hướng “phát triển để ổn định, ổn định để phát triển bền vững”. Các dự án lớn về đất đai, rừng, tái định cư, tài nguyên, hạ tầng, du lịch, năng lượng, nông nghiệp công nghệ cao phải được đánh giá tác động xã hội và tác động ANCT ngay từ khâu chuẩn bị. Nếu phát triển thiếu minh bạch, thiếu đồng thuận, không bảo đảm sinh kế thì có thể tạo điểm nghẽn xã hội, làm phát sinh rủi ro ANCT.

*Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhất là ở cơ sở.* Tây Nguyên cần đội ngũ cán bộ không chỉ nắm vững đường lối, pháp luật, mà còn có năng lực quản trị xã hội trong môi trường đa dân tộc, đa tôn giáo và chịu tác động mạnh của ANPTT, KGM. Trọng tâm là bồi dưỡng kỹ năng đối thoại, hòa giải, giải quyết xung đột cộng đồng, truyền thông chính sách, quản trị dữ liệu, hiểu biết pháp luật về đất đai, dân tộc, tôn giáo và an ninh mạng. Cần ưu tiên đào tạo, bố trí cán bộ là người DTTS hoặc cán bộ am hiểu phong tục, ngôn ngữ, văn hóa địa phương để tăng tính đại diện, tạo cầu nối tin cậy giữa chính quyền và Nhân dân. Luân chuyển cán bộ phải bảo đảm kế thừa, tránh làm đứt mạch xử lý các vấn đề nhạy cảm ở cơ sở.

*Thứ năm, tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình trong lãnh đạo bảo đảm ANCT.* Kiểm tra không nhằm tìm lỗi, mà nhằm bảo đảm nghị quyết được thực hiện đúng, kịp thời và có hiệu quả. Cấp ủy cần thiết lập cơ chế giải trình bắt buộc khi địa bàn xảy ra vụ việc đông người, khiếu kiện kéo dài, xung đột phức tạp hoặc đề thông tin sai lệch lan rộng trên KGM. Chỉ số ổn định địa bàn, mức độ hài lòng của Nhân dân, tỷ lệ vụ việc được giải quyết bằng đối thoại, số vụ khiếu kiện kéo dài giảm dần phải được đưa vào đánh giá tổ chức đảng và người đứng đầu. Chủ thể thực hiện giải pháp này là tỉnh ủy, đảng ủy xã, các ban xây dựng Đảng, Ban Nội chính, Ủy ban Kiểm tra, chính quyền các cấp, MTTQ, các tổ chức CT-XH. Nguồn lực bảo đảm gồm đội ngũ cán bộ có bản lĩnh và năng lực dự báo, hệ thống dữ liệu địa bàn, cơ chế giao ban liên ngành, công cụ kiểm tra giám sát, nguồn lực khoa học - công nghệ và cơ chế phối hợp thường xuyên giữa các chủ thể trong HTCT.

Như vậy, nâng cao chất lượng lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên không chỉ là yêu cầu về tổ chức, mà là quá trình đổi mới tư duy, phương thức và năng lực cầm quyền trong điều kiện mới. Khi cấp ủy lãnh đạo bằng dự báo, bằng dữ liệu, bằng kiểm tra thực tiễn và bằng niềm tin xã hội, ANCT sẽ được bảo đảm chủ yếu từ sự đồng thuận của Nhân dân, từ hiệu quả vận hành của HTCT và từ khả năng phòng ngừa rủi ro ngay từ cơ sở.

#### ***4.3.1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên***

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp là giải pháp trực tiếp nhằm khắc phục những hạn chế trong quản trị nhà nước ở cơ sở, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài nguyên, dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện và quản lý thông tin trên KGM. Thực tiễn cho thấy, nhiều nguy cơ ANCT địa bàn Tây Nguyên không phát sinh tức thời, mà tích tụ từ những bất cập trong thực thi chính sách, chậm giải quyết kiến nghị của Nhân dân, thiếu minh bạch trong quản lý đất đai, rừng, tái định cư, sinh kế và những khoảng trống trong quản trị cơ sở. Vì vậy, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền không chỉ nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ công, mà còn là điều kiện để củng cố niềm tin xã hội, phòng ngừa rủi ro CT-XH và bảo đảm ANCT từ cơ sở.

Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chủ động phòng ngừa, không để bị động, bất ngờ về ANQG, xử lý từ sớm, từ xa các nguy cơ mất ổn định từ bên trong. Quán triệt tinh thần đó, chính quyền các cấp ở Tây Nguyên phải chuyển từ quản lý hành chính nặng về xử lý sự vụ sang quản trị xã hội chủ động, minh bạch, dựa trên dữ liệu, đối thoại và phục vụ Nhân dân. Giải pháp này cần được triển khai theo năm nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất, đổi mới quản lý các lĩnh vực nhạy cảm theo hướng công khai, minh bạch, đối thoại và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.* Đất đai, rừng, dân tộc, tôn giáo, di cư, bồi thường, tái định cư và khiếu kiện là những lĩnh vực dễ phát sinh mâu thuẫn xã hội, nếu xử lý chậm hoặc thiếu thuyết phục có thể chuyển hóa thành vấn đề ANCT. Cốt lõi của quản trị tốt ở Tây Nguyên là giải quyết đúng pháp luật, đúng thực tiễn và giải thích thuyết phục cho người dân. Vì vậy, chính quyền các cấp, nhất là cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp, phải chuẩn hóa quy trình tham vấn cộng đồng trước các quyết định có tác động lớn đến đời sống dân cư. Các phương án quy hoạch, thu hồi đất, bồi thường, tái định cư, chuyển đổi sinh kế, hỗ trợ an sinh phải được công khai bằng hình thức dễ hiểu, phù hợp với vùng DTTS. Đối thoại định kỳ với Nhân dân cần trở thành nền nếp quản trị, có sự tham gia của MTTQ, người có uy tín, già làng, chức sắc tôn giáo và các tổ chức CT-XH.

*Thứ hai, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản trị và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ các cấp ở cơ sở.* Ở Tây Nguyên, chính sách đúng nhưng cán bộ thực thi yếu, thiếu hiểu biết phong tục, thiếu kỹ năng đối thoại hoặc ứng xử hành chính cứng nhắc vẫn có thể làm phát sinh bức xúc. Do đó, cần đào tạo cán bộ theo tình huống thực tiễn, tập trung vào kỹ năng tiếp dân, hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu kiện, truyền thông chính sách, quản trị hành chính số và xử lý các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, đất đai, KGM. Đồng thời, phải siết chặt kỷ luật, kỷ cương công vụ, kiên quyết xử lý hành vi quan liêu, nhũng nhiễu, né tránh trách nhiệm, vì đây là nguyên nhân trực tiếp làm suy giảm niềm tin của Nhân dân. Việc đánh giá cán bộ cần gắn với kết quả cụ thể như giảm đơn thư tôn đong, giảm mâu thuẫn tái phát, nâng mức độ hài lòng của người dân và chất lượng giải quyết công việc ở cơ sở.

*Thứ ba, hiện đại hóa quản trị nhà nước gắn với chuyển đổi số, an ninh dữ liệu và quản lý KGM theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024).* Chuyển đổi số trong

bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên không chỉ là số hóa thủ tục hành chính, mà phải trở thành phương thức quản trị rủi ro. Chính quyền các cấp cần xây dựng, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, rừng, an sinh, khiếu nại, tôn giáo, di cư và dư luận xã hội. Dữ liệu phải “đúng, đủ, sạch, sống”, có phân quyền khai thác, bảo đảm an toàn thông tin và phục vụ trực tiếp cho phát hiện sớm nguy cơ. Đến năm 2030, cần hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý địa bàn, vận hành hiệu quả các cổng tiếp nhận, xử lý phản ánh của Nhân dân, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính, hạn chế khoảng trống thông tin để TLTĐ lợi dụng xuyên tạc, kích động trên KGM.

*Thứ tư, tăng cường phối hợp liên ngành trong xử lý các vụ việc phức tạp, nhạy cảm.* Các vấn đề ANCT địa bàn Tây Nguyên thường không thuộc riêng một ngành, mà liên quan đồng thời đến đất đai, dân tộc, tôn giáo, an sinh, tư pháp, thông tin và an ninh trật tự. Vì vậy, cần xây dựng quy trình xử lý thống nhất theo các bước: tiếp nhận, xác minh, đối thoại, kết luận, tổ chức thực hiện và theo dõi sau xử lý. Trong mỗi vụ việc phải xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn xử lý và trách nhiệm giải trình. UBND các cấp giữ vai trò tổ chức thực thi, CAND tham mưu và xử lý các yếu tố liên quan ANCT, cơ quan tư pháp bảo đảm căn cứ pháp lý, MTTQ và các tổ chức CT-XH tham gia giám sát, phản biện, vận động Nhân dân. Cách làm này vừa bảo đảm kỷ cương pháp luật, vừa hạn chế tình trạng đùn đẩy, né tránh hoặc xử lý thiếu thống nhất.

*Thứ năm, xây dựng cơ chế cảnh báo sớm rủi ro ANCT từ cơ sở.* Đây là công cụ quản trị tổng hợp, không chỉ là biện pháp nghiệp vụ của LLVT. Do đó, hệ thống cảnh báo cần dựa trên các chỉ báo cụ thể như gia tăng đơn thư kéo dài, tranh chấp đất đai liên quan đông người, biến động trong sinh hoạt tôn giáo, mâu thuẫn cộng đồng, di cư tự do, lao động - việc làm, thông tin xấu độc trên KGM. Các chỉ báo này phải được cập nhật thường xuyên từ cấp thôn, buôn, xã, có kênh báo cáo rõ ràng và cơ chế phản hồi nhanh. Cán bộ cơ sở, Công an, Ban chỉ huy quân sự, MTTQ, đoàn thể, già làng, người có uy tín cần được đặt trong cùng một mạng lưới phát hiện, phản ánh và xử lý sớm. Tránh tình trạng “biết nhưng không báo, báo nhưng không xử lý, xử lý nhưng không theo dõi kết quả”.

Chủ thể thực hiện giải pháp này là UBND các cấp, các sở, ngành chức năng, chính quyền cấp xã, phối hợp chặt chẽ với CAND, QĐND đang đóng quân trên địa bàn, Ban chỉ huy quân sự xã, MTTQ và các tổ chức CT-XH. Nguồn lực bảo đảm gồm

ngân sách cải cách hành chính, hạ tầng số, cơ sở dữ liệu liên thông, đội ngũ cán bộ có năng lực quản trị và năng lực số, cùng cơ chế phối hợp rõ trách nhiệm. Khi chính quyền các cấp ở Tây Nguyên vận hành minh bạch, gần dân, hiểu dân, phục vụ dân và chủ động phòng ngừa rủi ro, ANCT sẽ được bảo đảm không chỉ bằng biện pháp hành chính, mà chủ yếu bằng niềm tin và sự đồng lòng của quần chúng nhân dân.

***4.3.1.3. Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật theo hướng quản trị, phòng ngừa từ sớm, từ cơ sở***

Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật là giải pháp có ý nghĩa trực tiếp đối với việc bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, nhất là trong điều kiện nhiều nguy cơ mất ổn định không bộc lộ ngay thành vụ việc công khai, mà tích tụ âm thầm qua các mâu thuẫn về đất đai, tài nguyên, dân tộc, tôn giáo, di cư, sinh kế, khiếu kiện và thông tin trên KGM. Thực tiễn đã cho thấy, công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi còn nặng về hậu kiểm, chưa thật sự gắn với phòng ngừa rủi ro, chưa kịp thời phát hiện sai lệch trong thực thi chính sách và trách nhiệm của người đứng đầu chưa được xác định rõ. Vì vậy, kiểm tra, giám sát trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên cần chuyển từ cách tiếp cận xử lý sau vi phạm sang quản trị rủi ro, phòng ngừa từ sớm, từ cơ sở. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm, nâng cao hiệu quả phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, xác định rõ trách nhiệm giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương, thực hiện nguyên tắc “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm [44, tr.266]; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, kiên quyết phòng ngừa và xử lý vi phạm từ sớm, từ xa. Quán triệt tinh thần đó, công tác kiểm tra, giám sát trong bảo đảm ANCT không chỉ nhằm phát hiện sai phạm, mà còn phải trở thành công cụ kiểm soát quyền lực, điều chỉnh quá trình thực thi chính sách, củng cố niềm tin của Nhân dân và ngăn ngừa nguy cơ hình thành điểm nóng CT-XH.

*Thứ nhất, chuyển trọng tâm từ kiểm tra theo vụ việc sang kiểm tra theo điểm rủi ro.* Ở Tây Nguyên, các lĩnh vực dễ phát sinh nguy cơ ANCT thường tập trung vào quản lý đất đai, rừng, đầu tư công, bồi thường, tái định cư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, quản lý hoạt động tôn giáo, di cư tự do, kỷ luật công vụ và quản lý thông tin trên KGM. Nếu chỉ kiểm tra khi vụ việc đã xảy ra thì bản chất vẫn là xử lý phần ngọn. Vì vậy, Ủy ban Kiểm tra, thanh tra, chính quyền và CAND cần xây dựng danh mục địa bàn, lĩnh vực, dự án có nguy cơ cao để đưa vào kế hoạch kiểm tra hằng năm. Cơ sở lựa chọn không

chỉ dựa vào báo cáo hành chính, mà còn phải dựa trên dữ liệu đơn thư, phản ánh của Nhân dân, tình hình dư luận, kết quả tiếp dân, biến động dân cư và các dấu hiệu bất thường ở cơ sở. Cách làm này giúp kiểm tra đi trước một bước, phát hiện sớm sai lệch, không để mâu thuẫn nhỏ tích tụ thành điểm nóng ANCT.

*Thứ hai, gắn trách nhiệm người đứng đầu với mức độ ổn định địa bàn và hiệu quả xử lý các vấn đề phát sinh.* Một hạn chế đáng chú ý là có nơi để xảy ra khiếu kiện kéo dài, mâu thuẫn tái phát, phối hợp chậm hoặc xử lý thiếu dứt điểm nhưng trách nhiệm cá nhân chưa được xem xét tương xứng. Do đó, cần xây dựng bộ chỉ số ổn định địa bàn làm căn cứ đánh giá cán bộ, nhất là bí thư cấp ủy, chủ tịch UBND và người đứng đầu cơ quan chức năng. Các chỉ số cần bao gồm: số vụ khiếu kiện kéo dài trên 12 tháng, tỷ lệ vụ việc tái phát, thời gian trung bình xử lý kiến nghị, mức độ hài lòng của người dân sau giải quyết, số vụ việc phải xử lý vượt cấp, hiệu quả khắc phục sau kiểm tra. Khi ổn định địa bàn trở thành tiêu chí đánh giá cán bộ, trách nhiệm phòng ngừa ANCT sẽ được đặt đúng vị trí, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy hoặc xử lý hình thức.

*Thứ ba, bảo đảm đồng bộ giữa kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính và xử lý theo pháp luật.* Trong các vụ việc liên quan ANCT, nếu xử lý chỉ dừng ở kiểm điểm, rút kinh nghiệm sẽ làm giảm tính răn đe. Ngược lại, nếu nhiều cơ quan cùng xử lý nhưng thiếu thống nhất sẽ gây chông chéo, làm suy giảm hiệu lực quản lý. Vì vậy, cần thiết lập quy chế phối hợp rõ ràng giữa Ủy ban Kiểm tra, thanh tra, cơ quan nội vụ, tư pháp, CAND, MTTQ và chính quyền cơ sở. Khi phát hiện sai phạm, phải phân loại đúng tính chất: vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm hành chính, vi phạm pháp luật hay có dấu hiệu hình sự. Trình tự xử lý phải thống nhất, có đầu mối chịu trách nhiệm, có thời hạn rõ ràng và có cơ chế giám sát việc khắc phục. Đây là yêu cầu phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, trong đó nhấn mạnh kỷ cương, trách nhiệm, kiểm soát quyền lực và nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật.

*Thứ tư, theo dõi thực chất việc khắc phục sau kiểm tra, lấy niềm tin xã hội và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo.* Kiểm tra chỉ có ý nghĩa khi kết luận kiểm tra được thực hiện nghiêm túc và tạo chuyển biến thật ở cơ sở. Mỗi kết luận kiểm tra cần kèm theo kế hoạch khắc phục cụ thể, xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm, mốc thời gian hoàn thành và tiêu chí đánh giá kết quả. Sau thời hạn quy định, phải kiểm tra lại việc thực hiện, nếu không đạt yêu cầu thì tiếp tục xem xét trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan. Đối với những nội dung có tác động trực tiếp đến quyền lợi của người dân,

cần công khai kết quả ở mức phù hợp để Nhân dân biết, giám sát và phản hồi. Khi người dân thấy sai phạm được xử lý nghiêm, chính sách được điều chỉnh kịp thời, quyền lợi chính đáng được bảo vệ, niềm tin vào HTCT sẽ được củng cố, qua đó góp phần bảo đảm ANCT từ gốc.

*Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong kiểm tra, giám sát.* Theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, công tác kiểm tra, giám sát cần từng bước chuyển sang vận hành trên nền tảng dữ liệu. Các tỉnh Tây Nguyên cần xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ kiểm tra, giám sát, kết nối thông tin giữa Ủy ban Kiểm tra, thanh tra, tư pháp, nội vụ, CAND và chính quyền cơ sở. Dữ liệu về đơn thư, đất đai, dự án, dân cư, an sinh, tôn giáo, xử lý kỷ luật và phản ánh của Nhân dân cần được cập nhật thường xuyên, phân quyền khai thác rõ ràng, bảo đảm an toàn thông tin. Đồng thời, cần số hóa quy trình kiểm tra từ lập kế hoạch, thu thập tài liệu, kết luận đến theo dõi khắc phục. Khi mọi mốc thời gian, trách nhiệm và kết quả xử lý được lưu vết điện tử, tình trạng trì hoãn, can thiệp không đúng hoặc xử lý thiếu minh bạch sẽ được hạn chế.

Chủ thể thực hiện giải pháp này là cấp ủy các cấp, Ủy ban Kiểm tra, thanh tra, cơ quan tư pháp, nội vụ, CAND, chính quyền cơ sở, MTTQ và các tổ chức CT-XH. Trong đó, cấp ủy giữ vai trò lãnh đạo, định hướng và kiểm soát quyền lực. Ủy ban Kiểm tra và thanh tra là lực lượng trực tiếp tổ chức kiểm tra, giám sát. CAND tham mưu, cung cấp thông tin, đánh giá rủi ro ANCT và phối hợp xử lý các yếu tố phức tạp. MTTQ và các tổ chức CT-XH tham gia giám sát xã hội, phản ánh ý kiến Nhân dân, góp phần bảo đảm tính khách quan và thực chất.

Nguồn lực bảo đảm gồm đội ngũ cán bộ kiểm tra có bản lĩnh, am hiểu địa bàn, có năng lực pháp lý và năng lực số; hệ thống dữ liệu liên thông; kinh phí cho chuyển đổi số trong kiểm tra, giám sát; cơ chế phối hợp rõ trách nhiệm giữa các cơ quan trong HTCT. Khi kiểm tra, giám sát được thực hiện chủ động, kỷ luật được thực thi nghiêm minh, trách nhiệm người đứng đầu được xác lập rõ và kết quả khắc phục được theo dõi thực chất, HTCT ở Tây Nguyên sẽ hình thành cơ chế tự điều chỉnh hiệu quả. Đây là điều kiện quan trọng để giảm nguy cơ phát sinh điểm nóng, giữ vững ANQG, củng cố niềm tin của Nhân dân và tạo môi trường ổn định cho phát triển KT-XH gắn với QP-AN đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

### **4.3.2. Gắn bảo đảm an ninh chính trị với phát triển bền vững kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng quản trị cơ sở và xử lý các vấn đề xã hội nhạy cảm từ sớm, từ xa**

#### ***4.3.2.1. Kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm an ninh chính trị với phát triển kinh tế - xã hội bền vững***

Kết hợp bảo đảm ANCT với phát triển KT-XH bền vững là giải pháp có tính nền tảng đối với Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Đánh giá thực tiễn cho thấy, nhiều nguy cơ tác động đến ổn định chính trị ở Tây Nguyên không phát sinh riêng lẻ, mà thường tích tụ từ các vấn đề và chất lượng quản trị phát triển ở cơ sở. Sau thay đổi địa giới hành chính không gian Tây Nguyên rộng hơn làm cho yêu cầu bảo đảm ANCT càng phải gắn chặt với phát triển bền vững. Vì vậy, phát triển phải tạo nền tảng ổn định, đồng thời, bảo đảm ANCT phải được đặt ngay trong quá trình hoạch định, tổ chức thực hiện và giám sát phát triển.

*Thứ nhất, đưa yêu cầu bảo đảm ANCT vào quy hoạch, kế hoạch và các chương trình, dự án phát triển KT-XH.* Đây là khâu phòng ngừa từ sớm, bởi nhiều mâu thuẫn xã hội thường bắt đầu từ quy hoạch thiếu tham vấn, bồi thường chưa thỏa đáng, tái định cư chưa ổn định, chuyển đổi sinh kế chậm hoặc thông tin chính sách chưa minh bạch. Các dự án liên quan đến đất đai, rừng, khai thác tài nguyên, năng lượng, giao thông, đô thị, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, cảng biển, logistics, khu kinh tế phải được đánh giá đồng thời về hiệu quả kinh tế, tác động xã hội, sinh kế, văn hóa cộng đồng, môi trường và QP-AN. Đến năm 2030, các dự án trọng điểm cần có đánh giá tác động xã hội, đánh giá nguy cơ ANCT, cơ chế tham vấn cộng đồng và kênh phản hồi của người dân, không để “dự án mới” trở thành “điểm nóng mới”. Cấp ủy giữ vai trò lãnh đạo, định hướng phát triển gắn với ổn định chính trị; chính quyền cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm giải trình; CAND tham mưu nhận diện, dự báo nguy cơ ANCT; LLVT phối hợp thẩm định yếu tố QP-AN; MTTQ, HĐND và các tổ chức CT-XH giám sát, phản biện, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của Nhân dân.

*Thứ hai, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về đất đai, rừng, tài nguyên và sinh kế của Nhân dân.* Đây là nhóm vấn đề tác động trực tiếp đến đời sống, niềm tin và ổn định xã hội ở cơ sở, nhất là trong vùng DTTS, vùng biên giới, vùng tôn giáo và địa bàn có dự án lớn. Cần rà soát, phân loại các vụ việc tồn đọng như tranh chấp giữa người dân với doanh nghiệp, nông, lâm trường, đất cộng đồng, đất rừng chồng lấn,

đất có nguồn gốc lịch sử phức tạp; đồng thời nhận diện các vấn đề mới ở vùng ven biển, đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế và các dự án hạ tầng liên vùng. Việc xử lý phải công khai, có đối thoại, có thời hạn, đúng pháp luật và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân. Giải quyết đất đai không thể dừng ở phân xử hành chính, mà phải gắn với tạo sinh kế lâu dài như kinh tế rừng, nông-lâm kết hợp, hợp tác xã, chế biến nông sản, du lịch cộng đồng, kinh tế biển, dịch vụ logistics và liên kết thị trường. Nguồn lực bảo đảm gồm cơ sở dữ liệu đất đai, ngân sách hỗ trợ sinh kế, chương trình phát triển vùng DTTS, nguồn lực doanh nghiệp, cơ chế giám sát xã hội và đội ngũ cán bộ am hiểu địa bàn.

*Thứ ba, gắn phát triển KT-XH với thực hiện dân chủ cơ sở, công khai chính sách và củng cố niềm tin của Nhân dân.* Phát triển chỉ trở thành nền tảng của ANCT khi người dân được thông tin đầy đủ, được tham gia, được giám sát và được thụ hưởng công bằng. Những chính sách tác động trực tiếp đến đời sống như quy hoạch sử dụng đất, bồi thường, tái định cư, phân bổ nguồn lực, tiêu chí thụ hưởng chính sách, sắp xếp đơn vị hành chính, thay đổi đầu mối giải quyết thủ tục phải được công khai bằng hình thức dễ hiểu, phù hợp với đồng bào DTTS, cư dân vùng biên giới, vùng ven biển, lao động di cư và cư dân đô thị mới. Chính quyền cơ sở cần duy trì đối thoại định kỳ, nhất là ở địa bàn có dự án lớn, tranh chấp đất đai, biến động dân cư, vấn đề dân tộc, tôn giáo, môi trường hoặc biển đảo phức tạp. MTTQ, các tổ chức CT-XH, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo cần được phát huy trong tuyên truyền, hòa giải, giám sát chính sách và phản ánh tâm tư của Nhân dân. Khi mâu thuẫn được xử lý triệt để, nguy cơ bị TLTĐ xuyên tạc, kích động trên KGM và ngoài thực địa sẽ giảm.

*Thứ tư, phát huy vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong tạo việc làm, mở rộng sinh kế và thu hẹp chênh lệch phát triển.* Theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW (2025), kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của phát triển. Đối với Tây Nguyên, cần khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, logistics, du lịch văn hóa, năng lượng tái tạo, kinh tế số, kinh tế biển và dịch vụ thiết yếu ở vùng khó khăn. Tuy nhiên, thu hút đầu tư phải đi đôi với trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, tôn trọng văn hóa bản địa và bảo đảm lợi ích chính đáng của cộng đồng dân cư tại chỗ. Chính quyền cần cải thiện môi trường đầu tư theo hướng minh bạch, bình đẳng, giảm cơ chế xin - cho, đồng thời kiểm soát chặt các dự án có nguy cơ tác động đến đất đai, rừng, nguồn nước, môi trường, sinh kế và đời sống

cộng đồng. Doanh nghiệp không chỉ là chủ thể kinh tế, mà còn là lực lượng tham gia củng cố nền tảng xã hội của ANCT thông qua tạo việc làm tại chỗ, ổn định thu nhập, giảm nghèo, đào tạo nghề, tham gia an sinh xã hội và hạn chế di cư tự do.

*Thứ năm, lấy an ninh con người và thể trận lòng dân làm nền tảng lâu dài của ổn định chính trị.* Phát triển KT-XH ở Tây Nguyên phải hướng trực tiếp vào nâng cao chất lượng sống của Nhân dân, nhất là đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng ven biển mới sáp nhập và các địa bàn chịu tác động mạnh của đô thị hóa, công nghiệp hóa. Cần ưu tiên y tế cơ sở, nước sạch, giáo dục, giao thông liên thôn, nhà ở, hạ tầng số, thông tin cơ sở, giảm nghèo đa chiều và dịch vụ công thiết yếu. Các công trình hạ tầng quan trọng cần được thiết kế theo hướng lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển KT-XH, vừa đáp ứng yêu cầu QP-AN. CAND, QĐND cần phối hợp với chính quyền trong xây dựng cơ sở, hỗ trợ địa bàn khó khăn, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, ứng phó ANPTT, qua đó củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và HTCT. Đến năm 2030, cần hình thành cơ chế lồng ghép yêu cầu ANCT vào phát triển KT-XH ở các địa bàn trọng điểm; tầm nhìn 2045, phát triển phải trở thành nền tảng xã hội bền vững của ANCT.

Như vậy, kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm ANCT với phát triển KT-XH bền vững không chỉ là yêu cầu về định hướng, mà là phương thức xử lý từ gốc các nguy cơ mất ổn định ở Tây Nguyên. Khi phát triển được tổ chức bao trùm, công bằng, minh bạch, có trách nhiệm và gắn với lợi ích thiết thực của Nhân dân, ANCT sẽ được củng cố bằng nền tảng xã hội vững chắc, tạo điều kiện để Tây Nguyên phát triển nhanh, ổn định đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

#### ***4.3.2.2. Nâng cao chất lượng quản trị xã hội và giải quyết các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở***

Nâng cao chất lượng quản trị xã hội ở cơ sở là giải pháp có ý nghĩa phòng ngừa trực tiếp đối với các nguy cơ ANCT. Thực tiễn ở Tây Nguyên cho thấy, nhiều vụ việc phức tạp thường bắt đầu từ những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống cộng đồng. Nếu chậm phát hiện, thiếu đối thoại hoặc giải quyết không thấu tình đạt lý, các mâu thuẫn này dễ tích tụ thành khiếu kiện, tranh chấp, điểm nóng, thậm chí bị TLTĐ lợi dụng. Trong kỷ nguyên mới, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN với nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm

minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân càng đặt ra đòi hỏi phải củng cố năng lực quản trị ngay từ cơ sở.

*Thứ nhất, xây dựng cơ chế quản trị xã hội chủ động, phát hiện và xử lý sớm vấn đề từ cơ sở.* Cơ chế này không chỉ dừng ở nắm tình hình, mà quan trọng hơn là tổ chức rõ trách nhiệm trong toàn bộ quá trình xử lý. Mỗi vấn đề phát sinh phải có nơi tiếp nhận, có người chủ trì, có thời hạn giải quyết, có lực lượng phối hợp và có cơ chế giám sát kết quả. Giai đoạn 2026 - 2027, cần kiện toàn tổ công tác liên ngành ở cấp xã, phường, nhất là tại các địa bàn trọng điểm về đất đai, tôn giáo, di cư, ven biển, đô thị hóa, khu công nghiệp và vùng DTTS. Trong cơ chế đó, cấp ủy lãnh đạo, chính quyền điều hành, CAND giữ vai trò nòng cốt trong tham mưu phòng ngừa nguy cơ ANCT, LLVT phối hợp ở địa bàn biên giới, ven biển, vùng trọng điểm, MTTQ và các tổ chức CT-XH tham gia vận động, giám sát, phản ánh kịp thời những vấn đề phát sinh trong Nhân dân.

*Thứ hai, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, phân loại và giải quyết kiến nghị, khiếu nại của Nhân dân.* Một trong những nguyên nhân làm cho vụ việc kéo dài là người dân không rõ phản ánh ở đâu, ai chịu trách nhiệm, bao lâu có kết quả và kết quả được giải thích như thế nào. Vì vậy, cần thống nhất đầu mối tiếp nhận ở cơ sở, công khai quy trình, thời hạn, trách nhiệm xử lý và kết quả giải quyết. Những vụ việc đơn giản phải được xử lý nhanh tại cơ sở. Những vụ việc phức tạp phải được phân loại đúng thẩm quyền, có lộ trình giải quyết và có thông tin thường xuyên cho người dân. Đến năm 2030, phấn đấu trên 90% vụ việc được giải quyết đúng hạn, giảm rõ tình trạng đơn thư kéo dài và khiếu kiện vượt cấp. Chuyển đổi số cần được sử dụng để hỗ trợ người dân theo dõi tiến độ xử lý, nhưng phải phù hợp với điều kiện vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS, ven biển và lao động di cư.

*Thứ ba, phát huy thiết chế cộng đồng trong hòa giải, vận động và củng cố đồng thuận xã hội.* Ở Tây Nguyên, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, trưởng thôn, trưởng buôn, tổ trưởng dân phố, hạt nhân trong làng biển và khu công nhân có vai trò quan trọng trong ổn định cộng đồng. Nhiều mâu thuẫn nếu chỉ giải quyết bằng văn bản hành chính sẽ khó thuyết phục. Ngược lại, nếu kết hợp pháp luật với uy tín cộng đồng, hiệu quả xử lý sẽ cao hơn và đồng thuận xã hội cũng bền vững hơn. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên giữa chính quyền cơ sở, MTTQ, CAND với các lực lượng này. Đồng thời, cần bồi dưỡng cho họ kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải,

kỹ năng truyền thông chính sách và khả năng nhận diện thông tin xấu độc trên KGM. Đến năm 2030, phần đầu trên 80% mâu thuẫn dân sự, tranh chấp nhỏ được hòa giải tại cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp phong tục, giữ vững đoàn kết cộng đồng.

*Thứ tư, nâng cao năng lực cán bộ cấp xã, nhất là năng lực đối thoại, xử lý tình huống và quản trị rủi ro xã hội.* Cán bộ cơ sở là người trực tiếp tiếp xúc với dân, giải thích chính sách, tiếp nhận phản ánh và xử lý mâu thuẫn ban đầu. Do đó, ngoài phẩm chất chính trị và kiến thức pháp luật, cán bộ phải am hiểu phong tục, ngôn ngữ, tâm lý đồng bào DTTS, đặc điểm cư dân ven biển, lao động di cư, tôn giáo, đô thị và KGM. Theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024) và Nghị quyết số 66-NQ/TW (2025), cần xây dựng dữ liệu phục vụ quản trị cơ sở theo hướng đúng, đủ, sạch, sống, an toàn và liên thông, nhất là dữ liệu dân cư, đất đai, an sinh, khiếu nại, tôn giáo, di cư, doanh nghiệp và lao động. Đến năm 2030, cán bộ chủ chốt cấp xã ở địa bàn trọng điểm phải được bồi dưỡng thường xuyên về quản trị rủi ro xã hội, chuyển đổi số và phòng ngừa nguy cơ ANCT.

*Thứ năm, Đổi mới quản trị, quản lý địa bàn cơ sở gắn với trách nhiệm giải trình và phát triển bền vững.* Mỗi quyết định ở cơ sở liên quan đến đất đai, quy hoạch, tái định cư, sinh kế, tôn giáo, văn hóa, môi trường, biển, cảng, khu kinh tế và dịch vụ công đều có thể tác động đến ổn định xã hội. Vì vậy, chính quyền cơ sở phải công khai căn cứ, quy trình, kết quả và trách nhiệm thực hiện. Các dự án trọng điểm cần có tham vấn cộng đồng, đánh giá rủi ro xã hội và cơ chế giám sát của MTTQ, các tổ chức CT-XH, HĐND và Nhân dân. Nguồn lực bảo đảm gồm đội ngũ cán bộ cơ sở, hòa giải viên, người có uy tín, hạ tầng số, hệ thống tiếp nhận phản ánh, kinh phí đào tạo, cơ sở dữ liệu và cơ chế phối hợp liên ngành từ tỉnh đến cơ sở. Tầm nhìn 2045, quản trị cơ sở ở Tây Nguyên phải vận hành dựa trên dữ liệu, có trách nhiệm giải trình, kết hợp hài hòa giữa thiết chế truyền thống với công cụ quản trị hiện đại, qua đó góp phần phòng ngừa từ sớm các nguy cơ tác động đến ANCT.

#### ***4.3.2.3 Kiểm soát rủi ro trong các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, tài nguyên, di cư và khiếu kiện***

Kiểm soát rủi ro trong các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, tài nguyên, di cư và khiếu kiện là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Đây là những lĩnh vực nhạy cảm, có quan hệ đan xen, không thể xử lý tách rời. Tranh chấp đất đai có thể liên quan đến sinh kế của đồng bào DTTS, rừng, di cư tự

do, tín ngưỡng, quan hệ cộng đồng và tâm lý lịch sử. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, và các chính sách dân tộc, tôn giáo” [44, tr.276]. Đây là căn cứ quan trọng để xử lý các lĩnh vực nhạy cảm bằng cách tiếp cận tổng hợp, vừa bảo đảm quyền lợi chính đáng của Nhân dân, vừa giữ vững kỷ cương pháp luật và ANCT.

*Thứ nhất, đặt công tác dân tộc, tôn giáo trong tổng thể phát triển KT-XH, văn hóa và QP-AN.* Ổn định quan hệ dân tộc, tôn giáo không chỉ là nhiệm vụ quản lý nhà nước, mà còn là vấn đề đoàn kết cộng đồng, niềm tin chính trị và thể trận lòng dân. Cấp ủy các cấp cần đưa công tác dân tộc, tôn giáo vào chương trình thường xuyên, có kiểm tra, đánh giá định kỳ, tránh làm theo phong trào hoặc chỉ xử lý khi phát sinh vụ việc. Chính quyền thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. CAND chủ động tham mưu phòng ngừa hoạt động lợi dụng dân tộc, tôn giáo xâm phạm ANQG. QĐND phối hợp giữ vững địa bàn chiến lược, nhất là vùng biên giới, ven biển, vùng trọng điểm. MTTQ và các tổ chức CT-XH vận động Nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc.

*Thứ hai, xử lý minh bạch, có lộ trình các vấn đề đất đai, rừng, tài nguyên và khiếu kiện kéo dài.* Đây là điểm nghẽn tác động trực tiếp đến niềm tin xã hội và ổn định chính trị ở cơ sở. Cần công khai thông tin quy hoạch, nguồn gốc đất, phương án bồi thường, tái định cư, giao đất, giao rừng, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền. Với vụ việc có yếu tố lịch sử, liên quan cộng đồng DTTS, phải kết hợp căn cứ pháp lý với điều kiện sinh kế, phong tục và ổn định cộng đồng. Với địa bàn ven biển, khu kinh tế, đô thị mới, dự án hạ tầng lớn, cần chú ý tác động đến sinh kế, môi trường, nghề nghiệp, di cư lao động và an ninh biển. MTTQ, HĐND, các tổ chức CT-XH và Nhân dân tham gia giám sát. CAND phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, kịp thời ngăn chặn việc TLTD lợi dụng khiếu kiện để kích động chống phá.

*Thứ ba, thực hiện chính sách dân tộc theo hướng bao trùm, tự lực và bền vững.* Chính sách đối với đồng bào DTTS cần chuyển mạnh từ hỗ trợ đơn lẻ sang nâng cao năng lực phát triển, tạo sinh kế ổn định, gắn sản xuất với thị trường và bảo tồn văn hóa. Cần ưu tiên giáo dục, y tế, nước sạch, nhà ở, giao thông, hạ tầng số, đào tạo nghề, hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển hợp tác xã và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026), văn hóa phải được coi là nguồn lực nội sinh của phát triển và nền tảng của thể trận lòng dân. Vì vậy, phát triển sinh kế cần gắn với bảo tồn bản sắc, du lịch cộng đồng, nghề truyền thống, thiết chế văn hóa cơ sở và môi trường văn hóa lành mạnh trên KGM. Khi đời sống được nâng lên, bản sắc được tôn trọng, người dân có điều kiện tham gia phát triển, nguy cơ bị lôi kéo, kích động sẽ giảm.

*Thứ tư, kiểm soát di cư tự do, lao động nhập cư và các vấn đề xã hội phát sinh bằng giải pháp nhân văn, mềm dẻo nhưng nghiêm minh.* Di cư ở Tây Nguyên hiện không chỉ là di cư vào vùng rừng, đất sản xuất, mà còn có dòng dịch chuyển lao động đến đô thị, khu công nghiệp, cảng biển, du lịch và dịch vụ. Cần quản lý chặt biến động dân cư, cư trú, đất ở, đất sản xuất, việc làm, giáo dục, y tế và an sinh của người di cư. Với các trường hợp khó khăn, cần hỗ trợ ổn định đời sống, hướng nghiệp và hòa nhập cộng đồng. Với hành vi phá rừng, lấn chiếm đất, kích động khiếu kiện, lợi dụng dân tộc, tôn giáo, môi trường, biển đảo hoặc KGM để vi phạm pháp luật, phải xử lý nghiêm minh, công bằng, không để hình thành tâm lý coi thường kỷ cương.

*Thứ năm, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp, liên địa bàn trong xử lý các lĩnh vực nhạy cảm.* Các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, tài nguyên, di cư và khiếu kiện phải được quản lý bằng cơ chế thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, có chia sẻ dữ liệu, phân công trách nhiệm rõ và kiểm tra định kỳ. Cơ quan dân tộc, tôn giáo, tài nguyên môi trường, tư pháp, lao động, nông nghiệp, CAND, QĐND, MTTQ và các tổ chức CT-XH cần có quy chế phối hợp cụ thể trong nắm tình hình, đối thoại, giải quyết khiếu nại, truyền thông chính sách và xử lý vụ việc phức tạp. Nguồn lực bảo đảm gồm ngân sách phát triển vùng DTTS, giảm nghèo bền vững, cơ sở dữ liệu đất đai, dân cư, tôn giáo, di cư, khiếu kiện, hạ tầng số, đội ngũ cán bộ am hiểu địa bàn, nguồn lực doanh nghiệp, cơ chế giám sát xã hội và công cụ khoa học - công nghệ phục vụ dự báo, cảnh báo sớm nguy cơ ANCT. Đến năm 2030, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp liên thông trong xử lý các vấn đề xã hội nhạy cảm. Tầm nhìn 2045 là hình thành mô hình quản trị đa chủ thể, dựa trên pháp luật, dữ liệu, văn hóa cộng đồng và thể trận lòng dân.

Như vậy, gắn bảo đảm ANCT với phát triển KT-XH bền vững, nâng cao chất lượng quản trị cơ sở và xử lý các vấn đề xã hội nhạy cảm là nhóm giải pháp vừa có tính nền tảng, vừa có tính trực tiếp đối với Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Khi phát triển

được tổ chức bao trùm, quản trị được thực hiện minh bạch, pháp luật được giữ nghiêm, văn hóa cộng đồng được tôn trọng, quyền lợi chính đáng của Nhân dân được bảo đảm và các lực lượng trong HTCT phối hợp chặt chẽ, ANCT sẽ được củng cố bằng sự ổn định bền vững từ cơ sở.

### **4.3.3. Đổi mới phương thức bảo đảm an ninh chính trị theo hướng chủ động, hiện đại, dựa trên dữ liệu và thích ứng với không gian mạng**

#### ***4.3.3.1. Nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình, phân tích, dự báo và tham mưu chiến lược về an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên***

Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm, từ xa các nhân tố gây mất ổn định; không để bị động, bất ngờ” [44, tr.279]. Yêu cầu này càng cấp thiết trong bối cảnh không gian Tây Nguyên đã thay đổi căn bản, mở rộng từ cao nguyên, biên giới, rừng, vùng DTTS sang cả địa bàn có yếu tố biển, đô thị, cảng biển, logistics, khu kinh tế, du lịch, năng lượng và các hành lang kết nối liên vùng. Do đó, công tác nắm tình hình ANCT không thể bó hẹp trong tư duy địa bàn truyền thống, mà phải bao quát không gian phát triển mới, nơi các nguy cơ ANCT, ANQG, QP-AN, ANPTT và KGM đan xen, chuyển hóa nhanh hơn, phức tạp hơn.

*Thứ nhất, đổi mới cách tiếp cận nắm tình hình theo hướng đa nguồn, đa tầng, liên thông và theo chuỗi diễn biến.* Công tác nắm tình hình ở Tây Nguyên phải chuyển từ ghi nhận hiện tượng sang nhận diện quá trình tích tụ rủi ro. Những biến động nhỏ về đất đai, rừng, di cư, sinh kế, dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện, quan hệ cộng đồng, lao động nhập cư, đô thị hóa, môi trường, cảng biển, du lịch, logistics hoặc dư luận trên KGM đều có thể là dấu hiệu ban đầu của nguy cơ ANCT. Giai đoạn 2026-2027, các tỉnh cần rà soát lại bản đồ nguy cơ ANCT theo không gian mới, phân loại rõ vùng cao nguyên, vùng biên giới, vùng rừng, vùng DTTS, vùng ven biển, khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, tuyến giao thông trọng yếu và địa bàn giáp ranh. Giai đoạn 2028-2030, cần hình thành cơ chế nắm tình hình theo tuyến, theo lĩnh vực và theo địa bàn trọng điểm, bảo đảm thông tin được cập nhật thường xuyên, có đối chiếu, có kiểm chứng, không phụ thuộc vào cảm tính hoặc kinh nghiệm cá nhân.

*Thứ hai, xây dựng năng lực phân tích, dự báo chiến lược dựa trên dữ liệu liên thông.* Dữ liệu phải trở thành hạ tầng của sự chủ động. Dự báo ANCT không thể chỉ dựa vào các báo cáo hành chính rời rạc, mà cần kết nối dữ liệu về khiếu kiện, đất đai,

rừng, dân cư, di cư, an sinh, tôn giáo, doanh nghiệp, lao động, môi trường, cảng biển, du lịch, tội phạm, dư luận xã hội và KGM. Giai đoạn 2026 - 2027, cần chuẩn hóa tối thiểu ba nhóm dữ liệu nền gồm khiếu nại, tố cáo; đất đai, rừng, tài nguyên; dư luận xã hội và KGM. Giai đoạn 2028 - 2030, mở rộng liên thông với dữ liệu dân cư, an sinh, tôn giáo, lao động, doanh nghiệp, cảng biển và địa bàn trọng điểm. Trên cơ sở đó, từng bước hình thành năng lực dự báo ba cấp: ngắn hạn để xử lý tình huống trước mắt, trung hạn để quản trị địa bàn, dài hạn để tham mưu chiến lược phát triển KT-XH gắn với bảo vệ ANQG.

*Thứ ba, chuẩn hóa quy trình tham mưu chiến lược theo hướng cụ thể, khả thi, có phương án và có trách nhiệm giải trình.* Tham mưu về ANCT phải trả lời được các câu hỏi cơ bản: rủi ro gì, hình thành từ đâu, có thể diễn biến theo kịch bản nào, tác động đến nhóm dân cư nào, liên quan đến địa bàn cao nguyên, biên giới, ven biển hay KGM, cần can thiệp bằng phát triển, quản trị, pháp luật hay biện pháp an ninh. Giai đoạn 2026 - 2027, cần ban hành khung tham mưu thống nhất gồm nhận diện nguy cơ, phân tích nguyên nhân, xác định cấp độ rủi ro, đề xuất phương án xử lý, đánh giá tác động xã hội, xây dựng phương án truyền thông và phân công trách nhiệm. Giai đoạn 2028 - 2030, đối với các vấn đề nhạy cảm như đất đai, tôn giáo, dân tộc, di cư, khiếu kiện đông người, môi trường, dự án ven biển, cảng biển, logistics và KGM, cần có cơ chế phản biện liên ngành trước khi trình cấp có thẩm quyền.

*Thứ tư, làm rõ chủ thể và trách nhiệm trong công tác phân tích, dự báo, tham mưu.* Cấp ủy lãnh đạo thống nhất định hướng bảo đảm ANCT. Chính quyền tổ chức điều hành, cung cấp dữ liệu quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm giải trình. Lực lượng CAND giữ vai trò nòng cốt trong tổng hợp, phân tích, dự báo nguy cơ ANCT. QĐND phối hợp với các đơn vị ở địa bàn biên giới, ven biển, cảng biển, khu vực trọng yếu. MTTQ, các tổ chức CT-XH, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, doanh nghiệp và Nhân dân cung cấp thông tin xã hội, phản ánh tâm tư từ cơ sở. Cách tổ chức này bảo đảm đúng nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, CAND làm nòng cốt, LLVT phối hợp, MTTQ và các tổ chức CT-XH tham gia vận động, giám sát, củng cố đồng thuận xã hội.

*Thứ năm, bảo đảm nguồn lực và lộ trình thực hiện phù hợp với yêu cầu quản trị địa bàn mới.* Trước mắt, giai đoạn 2026 - 2027 cần rà soát, đào tạo lại đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, nhất là ở các địa bàn sau sáp nhập, địa bàn ven biển, vùng biên

giới, vùng DTTS, khu kinh tế, khu công nghiệp và điểm nóng KGM. Giai đoạn 2028 - 2030, cần hình thành các tổ phân tích liên ngành cấp tỉnh do CAND chủ trì chuyên môn, có sự tham gia của cơ quan thông tin - truyền thông, tài nguyên môi trường, dân tộc, tôn giáo, lao động, tư pháp, nông nghiệp, MTTQ và các tổ chức CT-XH. Tầm nhìn 2045, cần xây dựng nền tảng dự báo vùng dựa trên dữ liệu lớn, mô hình hóa xu hướng, phục vụ ra quyết định nhanh, đúng, sát thực tiễn.

Như vậy, nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình, phân tích, dự báo và tham mưu chiến lược về ANCT địa bàn Tây Nguyên là yêu cầu có tính nền tảng trong đổi mới phương thức bảo đảm ANCT. Khi công tác này được tổ chức theo hướng đa nguồn, dựa trên dữ liệu, có phân công trách nhiệm rõ ràng và có lộ trình thực hiện phù hợp, HTCT sẽ chủ động hơn trong nhận diện nguy cơ, xử lý tình huống và phòng ngừa từ sớm, từ xa, không để bị động, bất ngờ trước những biến động của địa bàn trong bối cảnh mới.

#### ***4.3.3.2. Tăng cường cơ chế phát hiện sớm, xử lý kịp thời các nguy cơ, yếu tố phức tạp có thể tác động đến an ninh chính trị***

Phát hiện sớm, xử lý kịp thời là điều kiện để không cho các nguy cơ nhỏ chuyển hóa thành “điểm nóng” ANCT. Trên địa bàn Tây Nguyên, dấu hiệu ban đầu của vụ việc phức tạp có thể chỉ là khiếu kiện kéo dài, tranh chấp đất rừng, mâu thuẫn cộng đồng, biến động sinh hoạt tôn giáo, áp lực di cư, lao động nhập cư, ô nhiễm môi trường, sự cố dự án, tin giả trên KGM hoặc tâm lý bức xúc sau thay đổi đơn vị hành chính. Trong không gian Tây Nguyên mới, rủi ro còn có thể lan theo tuyến rừng - biên, biên giới - nội địa - đô thị - KGM. Vì vậy, cơ chế phát hiện sớm phải gắn với cảnh báo sớm, xác định đúng ngưỡng rủi ro, kích hoạt xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật và hợp lòng dân.

*Thứ nhất, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm ANCT dựa trên các chỉ báo rủi ro cụ thể.* Các địa phương cần xác định bộ chỉ báo phù hợp với từng nhóm địa bàn và từng nhóm nguy cơ: gia tăng bất thường đơn thư khiếu kiện; tranh chấp đất đai, đất rừng, bồi thường, tái định cư; mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo có dấu hiệu lan rộng; di cư tự do, lao động nhập cư gây áp lực xã hội; phá rừng, lấn chiếm đất; tranh chấp tài nguyên, môi trường, nguồn nước; rủi ro tại khu công nghiệp, khu kinh tế, cảng biển, đô thị ven biển; thông tin sai lệch lan truyền nhanh trên KGM. Giai đoạn 2026 - 2027, mỗi tỉnh cần xây dựng bảng theo dõi rủi ro ANCT cấp tỉnh do CAND chủ trì tham mưu.

Giai đoạn 2028 - 2030, cần mở rộng hệ thống đến xã, phường, đặc khu, khu kinh tế, cảng biển, địa bàn biên giới, vùng DTTS và các điểm có nguy cơ cao.

*Thứ hai, xác định rõ ngưỡng rủi ro và các giải pháp xử lý ngay từ khi mới phát sinh ở cơ sở.* Một hạn chế cần khắc phục là có nơi phát hiện dấu hiệu phức tạp nhưng chậm đánh giá mức độ, chậm phân công trách nhiệm hoặc xử lý chưa đúng thời điểm. Vì vậy, mỗi nhóm rủi ro phải có ngưỡng cảnh báo rõ. Khiếu kiện kéo dài đến mức nào thì phải đối thoại. Thông tin sai lệch lan truyền ở mức nào thì phải phản ứng truyền thông. Tụ tập đông người đến mức nào thì kích hoạt phương án bảo đảm an ninh, trật tự. Xung đột tôn giáo, dân tộc hoặc môi trường đến mức nào thì báo cáo cấp có thẩm quyền. Mỗi ngưỡng rủi ro phải gắn với câu trả lời cụ thể: ai chủ trì?, ai phối hợp?, thời hạn xử lý?, thông điệp truyền thông?, phương án bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân? và tiêu chí kết thúc sớm những phát sinh khi xảy ra tình huống?. Cách làm này giúp chuyển từ xử lý bị động sang can thiệp sớm, không để tình huống nhỏ kéo dài, tích tụ và chuyển hóa thành vấn đề ANCT phức tạp.

*Thứ ba, thống nhất đầu mối chỉ đạo, phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp khi phát sinh vụ việc phức tạp.* Địa bàn rộng hơn để phát sinh khoảng trống phối hợp giữa địa bàn cũ và mới, giữa miền núi với ven biển, giữa chính quyền cơ sở với cơ quan chuyên ngành. Vì vậy, cấp ủy phải lãnh đạo thống nhất. Chính quyền chịu trách nhiệm điều hành. CAND giữ vai trò nòng cốt trong tham mưu, phòng ngừa, bảo đảm an ninh, trật tự. QĐND, cụ thể là Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và dân quân tự vệ phối hợp ở biên giới, ven biển, cảng biển, khu vực trọng yếu. MTTQ, tổ chức CT-XH, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo tham gia vận động, hòa giải, giám sát. Giai đoạn 2026 - 2027, cần ban hành quy trình phối hợp xử lý vụ việc phức tạp ở cấp tỉnh và cấp xã. Giai đoạn 2028 - 2030, cần tổ chức tập huấn, kiểm tra, diễn tập liên ngành, liên địa bàn đối với các tình huống khiếu kiện đông người, sự cố môi trường, tôn giáo bất thường, tội phạm xuyên biên giới, xuyên biển và thông tin kích động trên KGM.

*Thứ tư, ưu tiên đối thoại, hòa giải, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của Nhân dân, đồng thời giữ nghiêm kỷ cương pháp luật.* Những vấn đề liên quan đất đai, sinh kế, tôn giáo, dân tộc, di cư, môi trường, nghề biển, lao động và dịch vụ công nếu xử lý thiếu đối thoại sẽ dễ tạo tâm lý bức xúc. Do đó, mọi vụ việc phức tạp liên quan đông người cần có phương án đối thoại, công khai thông tin, giải thích chính sách, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, hỗ trợ sinh kế và truyền thông kịp thời trước khi áp dụng biện pháp

mạnh. Đây là cách giữ ổn định từ gốc, không tạo khoảng trống để TLTD khai thác. Tuy nhiên, mềm dẻo không có nghĩa là buông lỏng. Các hành vi lợi dụng dân chủ, dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện, môi trường, biển đảo hoặc KGM để xâm phạm ANQG phải được xử lý nghiêm minh, công bằng, đúng pháp luật.

*Thứ năm, tổng kết bắt buộc sau mỗi vụ việc để hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro.* Mỗi vụ việc liên quan ANCT cần được coi là một dữ liệu quản trị. Giai đoạn 2026 - 2027, cần ban hành quy định tổng kết bắt buộc sau vụ việc phức tạp, làm rõ ba vấn đề: phát hiện có sớm không, can thiệp có đúng ngưỡng không, truyền thông có kịp thời không. Giai đoạn 2028 - 2030, cần xây dựng kho dữ liệu tình huống theo nhóm địa bàn cao nguyên, biên giới, ven biển, đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế và KGM để phục vụ đào tạo, diễn tập, hoàn thiện quy trình. Tầm nhìn 2045, HTCT ở Tây Nguyên phải hình thành năng lực tự học, tự điều chỉnh, không lặp lại sai sót trong phát hiện, dự báo, phối hợp, truyền thông và xử lý vụ việc.

Tăng cường cơ chế phát hiện sớm, xử lý kịp thời các nguy cơ, yếu tố phức tạp có thể tác động đến ANCT là giải pháp trực tiếp nhằm chuyển phương thức bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên từ phản ứng sau vụ việc sang quản trị rủi ro từ cơ sở. Khi hệ thống cảnh báo sớm được vận hành thực chất, ngưỡng rủi ro được xác định rõ, trách nhiệm phối hợp được phân công cụ thể, đối thoại được coi trọng và tổng kết sau vụ việc được thực hiện nghiêm túc, các địa phương sẽ chủ động hơn trong phòng ngừa, xử lý tình huống, không để các mâu thuẫn xã hội chuyển hóa thành điểm nóng ANCT trong bối cảnh mới.

#### ***4.3.3.3. Bảo đảm an ninh chính trị trên không gian mạng gắn với nâng cao dân trí cho đồng bào Tây Nguyên***

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, KGM đã trở thành không gian chiến lược của đời sống CT-XH, tác động trực tiếp đến ANCT và ANQG. Đối với Tây Nguyên sau sắp xếp địa giới hành chính, các vấn đề đất đai, rừng, dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện, môi trường, cảng biển, du lịch, lao động, di cư, an sinh, sắp xếp đơn vị hành chính, dịch vụ công và chủ trương phát triển mới đều có thể bị xuyên tạc, kích động trên mạng. Vì vậy, bảo đảm ANCT trên KGM không chỉ là xử lý kỹ thuật, mà là nhiệm vụ CT-XH tổng hợp. Nhiệm vụ này phải gắn với quản trị thông tin, nâng cao dân trí số, bảo vệ dữ liệu, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và củng cố thể trận lòng dân trên môi trường số.

*Thứ nhất, chuyển từ xử lý tin xấu độc đơn lẻ sang quản trị tổng hợp KGM trong bảo đảm ANCT.* Nếu chỉ gỡ bỏ hoặc phản bác từng thông tin sai lệch mà không chủ động xây dựng nguồn thông tin chính thống, không tổ chức truyền thông chính sách và không nâng cao năng lực tiếp nhận thông tin của người dân, nguy cơ sẽ tiếp tục tái diễn. Giai đoạn 2026 - 2027, các tỉnh cần rà soát những chủ đề thường bị lợi dụng trên KGM như đất đai, tôn giáo, dân tộc, di cư, môi trường, cảng biển, năng lượng, sắp xếp đơn vị hành chính, khiếu kiện, an sinh và chính sách phát triển. Giai đoạn 2028 - 2030, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa CAND, cơ quan thông tin - truyền thông, tuyên giáo, giáo dục, MTTQ, đoàn thể, chính quyền cơ sở và doanh nghiệp nền tảng số trong phát hiện, đánh giá, xử lý và truyền thông lại thông tin chính thống.

*Thứ hai, chủ động cung cấp thông tin chính thống, kịp thời, minh bạch khi xuất hiện vấn đề nhạy cảm.* Thực tiễn cho thấy, khi các vấn đề liên quan đất đai, tôn giáo, chính sách dân tộc, bồi thường, tái định cư, môi trường, biển, dự án lớn hoặc sắp xếp hành chính xuất hiện trên mạng, nếu thông tin chính thống chậm, khoảng trống thông tin sẽ bị tin giả, suy diễn, xuyên tạc lấp đầy. Vì vậy, cần xây dựng quy trình phản ứng thông tin theo các bước: phát hiện, xác minh, công bố, định hướng và theo dõi phản hồi. Giai đoạn 2026 - 2027, mỗi tỉnh cần có cơ chế phát ngôn nhanh đối với vụ việc nhạy cảm. Giai đoạn 2028 - 2030, cần hình thành nhóm thông tin chính thống ở cấp tỉnh và các địa bàn trọng điểm, bảo đảm thông tin đến người dân bằng ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với đồng bào DTTS, cư dân ven biển, lao động di cư, thanh niên và người dân vùng dự án.

*Thứ ba, nâng cao dân trí số cho Nhân dân, nhất là đồng bào DTTS và các nhóm dễ bị tác động bởi thông tin xấu độc.* Dân trí số không chỉ là biết sử dụng thiết bị, mà là năng lực nhận diện tin giả, bảo vệ dữ liệu cá nhân, không chia sẻ thông tin kích động, hiểu quyền và nghĩa vụ trên KGM, biết sử dụng dịch vụ công trực tuyến, khai thác mạng để học tập, sản xuất, kinh doanh, quảng bá nông sản, du lịch và văn hóa địa phương. Giai đoạn 2026 - 2027, cần tổ chức tập huấn kỹ năng số ở cấp xã cho thanh niên, phụ nữ, người lao động di cư, đồng bào DTTS, ngư dân, cư dân vùng dự án, chức sắc tôn giáo, già làng, người có uy tín. Giai đoạn 2028 - 2030, cần mở rộng xuống thôn, buôn, tổ dân phố, làng biển, khu công nhân và địa bàn trọng điểm. Tầm nhìn 2045, cần hình thành lớp công dân số Tây Nguyên có ý thức pháp luật, năng lực tự bảo vệ và trách nhiệm xã hội trên KGM.

*Thứ tư, phát huy vai trò của già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, cán bộ cơ sở và các hạt nhân cộng đồng trong định hướng dư luận số.* Ở Tây Nguyên, tiếng nói của các hạt nhân cộng đồng có sức thuyết phục sâu rộng. Khi được trang bị kiến thức pháp luật, kỹ năng số và thông tin chính thống, họ có thể trở thành cầu nối giữa chính quyền với Nhân dân trên cả không gian thực và KGM. Giai đoạn 2026 - 2027, cần bồi dưỡng kỹ năng nhận diện tin giả, truyền thông cộng đồng, ứng xử trên mạng cho lực lượng này. Giai đoạn 2028 - 2030, cần hình thành mạng lưới cộng tác viên dư luận xã hội ở thôn, buôn, tổ dân phố, làng biển, khu công nhân và địa bàn trọng điểm về dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư. MTTQ và các tổ chức CT-XH giữ vai trò kết nối. CAND và cơ quan thông tin - truyền thông có trách nhiệm cung cấp thông tin, hướng dẫn kỹ năng phù hợp, bảo đảm việc định hướng dư luận số được thực hiện kịp thời, đúng pháp luật và sát với đặc điểm từng cộng đồng.

*Thứ năm, xây dựng cộng đồng an toàn trên KGM gắn với bảo đảm an ninh mạng của HTCT.* bảo đảm ANCT trên KGM chỉ bền vững khi người dân thấy rõ lợi ích thiết thực như phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ tài khoản cá nhân, tiếp cận dịch vụ công, tìm việc làm, bán nông sản, quảng bá du lịch, bảo tồn văn hóa và giám sát chính sách. Giai đoạn 2026 - 2027, cần thí điểm mô hình “thôn, buôn, làng biển, khu dân cư an toàn trên KGM” ở địa bàn trọng điểm. Giai đoạn 2028 - 2030, cần nhân rộng mô hình, lồng ghép với phong trào toàn dân bảo vệ ANQG, xây dựng đời sống văn hóa và chuyển đổi số cộng đồng. Đồng thời, cần rà soát, nâng cấp an toàn thông tin của cơ quan Đảng, chính quyền, CAND, QĐND, MTTQ và tổ chức CT-XH. Trọng tâm là bảo vệ dữ liệu dân cư, đất đai, tôn giáo, khiếu kiện, an sinh, doanh nghiệp và dữ liệu nội bộ. Nguồn lực bảo đảm gồm hạ tầng số, nhân lực số, kinh phí đào tạo, cơ sở dữ liệu an toàn, công cụ giám sát thông tin, cơ chế phối hợp liên ngành và sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ.

Đổi mới phương thức bảo đảm ANCT theo hướng chủ động, hiện đại, dựa trên dữ liệu và thích ứng với KGM là yêu cầu phù hợp với thực tiễn Tây Nguyên trong bối cảnh mới, đồng thời quán triệt tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Khi công tác nắm tình hình được chuẩn hóa, cảnh báo sớm vận hành thực chất, xử lý vụ việc có đối thoại và trách nhiệm, quản trị KGM chủ động, dân trí số được nâng cao, ANCT địa bàn Tây Nguyên sẽ được bảo

đảm bằng phương thức khoa học, linh hoạt, gần dân và bền vững hơn đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

#### **4.3.4. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang và Nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị**

##### **4.3.4.1. Tăng cường phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị và lực lượng vũ trang trong bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên**

Trong bối cảnh Tây Nguyên sau sắp xếp địa giới hành chính có không gian phát triển rộng hơn, gắn kết cao nguyên - biên giới - nội địa - đô thị - biển - KGM, các nguy cơ ANCT không còn bó hẹp trong từng địa bàn, từng ngành, từng lĩnh vực. Những vấn đề về đất đai, rừng, dân tộc, tôn giáo, di cư, lao động, biển, logistics, môi trường, đô thị hóa, ANPTT và KGM đều có thể tác động qua lại, lan rộng nhanh, nếu thiếu cơ chế phối hợp thống nhất. Vì vậy, phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT, LLVT và Nhân dân phải bắt đầu từ việc xác lập rõ vai trò, trách nhiệm, cơ chế phối hợp và nguồn lực thực hiện.

*Thứ nhất, xác lập rõ vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể trên nền tảng lãnh đạo thống nhất của cấp ủy.* Cấp ủy lãnh đạo toàn diện, quyết định chủ trương và chịu trách nhiệm chính trị về bảo đảm ANCT trên địa bàn. Chính quyền tổ chức thực hiện, quản lý nhà nước, điều hành nguồn lực và chịu trách nhiệm hành chính. CAND giữ vai trò nòng cốt trong tham mưu, phòng ngừa, phát hiện, xử lý nguy cơ ANCT. QĐND và LLVT phối hợp giữ vững địa bàn chiến lược, nhất là vùng biên giới, ven biển, khu vực trọng yếu. MTTQ, các tổ chức CT-XH vận động, giám sát, phản biện xã hội. Bên cạnh đó, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, trưởng thôn, trưởng buôn là cầu nối quan trọng trong hòa giải, định hướng dư luận và ổn định cộng đồng. Giai đoạn 2026 - 2027, cần rà soát toàn bộ quy chế phối hợp hiện hành, loại bỏ chồng chéo, bổ sung khoảng trống trách nhiệm theo từng nhóm vấn đề nhạy cảm. Đến năm 2030, cơ chế phân vai phải vận hành ổn định, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, hạn chế tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

*Thứ hai, chuyển từ phối hợp theo vụ việc sang phối hợp thường xuyên, theo địa bàn và theo nhóm vấn đề.* Phối hợp khi vụ việc đã phát sinh chỉ giải quyết được phần ngọn. Muốn giữ ổn định lâu dài, các chủ thể phải có nhịp phối hợp định kỳ, trao đổi thông tin thường xuyên và hình thành nhận định chung trước khi tình huống phức tạp xảy ra. Từ năm 2026, cần thiết lập giao ban liên ngành ở cấp tỉnh, cấp xã theo hai trục.

Trục thứ nhất là địa bàn trọng điểm. Trục thứ hai là nhóm vấn đề trọng yếu, gồm đất đai - rừng, dân tộc - tôn giáo, di cư - lao động, an sinh, môi trường, biển, đô thị, KGM. Giai đoạn 2028 - 2030, cần chuyển từ “hợp phối hợp” sang “vận hành phối hợp”, thống nhất biểu mẫu thông tin, quy trình chuyển giao nhiệm vụ, cơ chế phản hồi bắt buộc và thời hạn xử lý. Tầm nhìn 2045, phối hợp phải dựa trên nền tảng dữ liệu liên thông, giúp các chủ thể trong HTCT có chung một bức tranh tình hình, không để mỗi ngành nhìn vấn đề theo một lăng kính riêng.

*Thứ ba, chuẩn hóa quy chế phối hợp theo hướng trách nhiệm hóa và minh bạch hóa.* Quy chế phối hợp không thể dừng ở nguyên tắc chung, mà phải trả lời rõ: ai chủ trì, ai phối hợp, phối hợp ở khâu nào, thời hạn ra sao, tiêu chí kết thúc vụ việc là gì. Giai đoạn 2026 - 2027, cần ban hành hoặc điều chỉnh quy chế phối hợp đối với các vụ việc liên quan nhiều cơ quan, nhất là khiếu kiện đông người, tranh chấp đất rừng, sinh hoạt tôn giáo bất thường, di cư tự do, thông tin kích động trên KGM, sự cố môi trường, an ninh biển và các dự án lớn. Giai đoạn 2028 - 2030, cần tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy chế, đánh giá bằng chỉ số cụ thể như thời gian xử lý vụ việc liên ngành, tỷ lệ vụ việc có đầu mối rõ ràng, tỷ lệ vụ việc được phản hồi đúng hạn. Đến năm 2045, cơ chế phối hợp phải trở thành tiêu chí đánh giá năng lực quản trị của địa phương, qua đó thúc đẩy các chủ thể trong HTCT chủ động phối hợp, chủ động chịu trách nhiệm và chủ động điều chỉnh cách làm khi thực tiễn thay đổi.

*Thứ tư, tăng cường liên kết vùng, liên địa bàn trong nhận diện và xử lý nguy cơ ANCT.* Nhiều vấn đề ở Tây Nguyên có tính lan tỏa vượt ranh giới hành chính, nhất là di cư, tôn giáo, tranh chấp đất rừng, tội phạm xuyên biên giới, xuyên biển và thông tin trên KGM. Sau sắp xếp địa giới, yêu cầu phối hợp liên tỉnh, liên vùng càng trở nên cấp thiết. Từ năm 2026, cần thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin định kỳ giữa các tỉnh trong không gian Tây Nguyên mới và các địa bàn giáp ranh. Giai đoạn 2028 - 2030, cần xây dựng phương án xử lý liên tỉnh đối với vụ việc có yếu tố lan tỏa, bảo đảm không để nguy cơ chuyển dịch từ địa bàn này sang địa bàn khác. Tầm nhìn 2045, cần hình thành cơ chế điều phối vùng bền vững, phù hợp với yêu cầu liên kết phát triển, QP-AN và đối ngoại theo tinh thần Nghị quyết số 59-NQ/TW (2025).

*Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và tổng kết thực tiễn để hoàn thiện cơ chế vận hành.* Giai đoạn 2026 - 2027, cần số hóa lịch phối hợp, đầu mối liên ngành, kho tài liệu quy chế, nhật ký xử lý vụ việc. Giai đoạn 2028 - 2030, cần tiến tới xây

dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu phân quyền, an toàn, bảo mật giữa các cơ quan có thẩm quyền, quán triệt tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024). Sau mỗi vụ việc phức tạp phải tổng kết bắt buộc, làm rõ khâu phát hiện, tham mưu, phối hợp, truyền thông, xử lý và trách nhiệm từng chủ thể. Nguồn lực bảo đảm gồm đội ngũ cán bộ có tư duy liên ngành, kinh phí đào tạo, hạ tầng số, cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên. Khi cơ chế phối hợp được số hóa, lưu vết và kiểm tra định kỳ, việc xử lý các vấn đề ANCT sẽ giảm độ trễ, hạn chế chòng chẹo, nâng cao trách nhiệm và tạo nền tảng cho quản trị an ninh hiện đại ở Tây Nguyên.

***4.3.4.2. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và người có uy tín ở cơ sở trong tuyên truyền, vận động, hòa giải, định hướng dư luận, củng cố thế trận lòng dân***

Bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách, mà còn là quá trình xây dựng đồng thuận xã hội ngay từ cộng đồng dân cư. Ở những địa bàn có cấu trúc xã hội đa dân tộc, đa tôn giáo, nhiều thôn, buôn, làng, khu dân cư mới, làng biển, khu công nhân và dòng di cư phức tạp, hiệu quả tuyên truyền, vận động, hòa giải, định hướng dư luận phụ thuộc rất lớn vào mức độ gắn bó giữa HTCT với Nhân dân. Vì vậy, MTTQ, các tổ chức CT-XH, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo cần được phát huy như những chủ thể xã hội quan trọng trong củng cố thế trận lòng dân. Nhân dân vừa là chủ thể tham gia, vừa là đối tượng được bảo vệ trong bảo đảm ANCT. Nhiều vấn đề nếu chỉ giải quyết bằng mệnh lệnh hành chính sẽ khó thuyết phục; ngược lại, nếu kết hợp pháp luật, dân vận, uy tín cộng đồng và lợi ích thiết thực của người dân, đồng thuận xã hội sẽ được củng cố bền vững.

*Thứ nhất, đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, vận động theo hướng sát dân, thiết thực, gắn với lợi ích cụ thể.* Tuyên truyền chỉ có hiệu quả khi giải đáp đúng điều người dân quan tâm, như đất đai, rừng, sinh kế, tôn giáo, an sinh, dịch vụ công, bồi thường, tái định cư, sắp xếp đơn vị hành chính, quyền lợi của người dân vùng DTTS, vùng biên giới, vùng ven biển và lao động di cư. Giai đoạn 2026 - 2027, MTTQ và các đoàn thể cần chuyển mạnh từ tuyên truyền một chiều sang đối thoại, lắng nghe, giải thích chính sách theo chuyên đề tại thôn, buôn, tổ dân phố, làng biển, khu công nhân. Giai đoạn 2028 - 2030, cần xây dựng các mô hình “tổ tự quản”, “câu lạc bộ pháp luật”, “nhóm đồng hành sinh kế”, “điểm tư vấn chính sách cộng đồng” ở địa bàn trọng điểm. Hiệu quả tuyên truyền phải đo bằng mức độ đồng thuận, số vụ việc được giải

quyết tại cơ sở, mức giảm khiếu kiện kéo dài, không chỉ bằng số cuộc họp hay số tài liệu phát ra.

*Thứ hai, phát huy già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, trưởng thôn, trưởng buôn như lực lượng nòng cốt trong hòa giải và định hướng dư luận.* Đây là nguồn lực xã hội đặc biệt của Tây Nguyên. Khi xảy ra tranh chấp đất đai, mâu thuẫn cộng đồng, biến động tôn giáo hoặc tin đồn trên KGM, tiếng nói của họ có thể góp phần ổn định tâm lý xã hội, giảm căng thẳng, ngăn ngừa kích động. Giai đoạn 2026 - 2027, cần bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải, kỹ năng truyền thông chính sách và kỹ năng số cho lực lượng này. Trên nền tảng đó, giai đoạn 2028 - 2030, cần xây dựng mạng lưới người có uy tín tham gia nắm tình hình xã hội, định hướng dư luận, hòa giải mâu thuẫn, phối hợp với chính quyền, MTTQ, CAND ở cơ sở. Tầm nhìn 2045, cần hình thành cơ chế phối hợp bền vững để họ thực sự là cầu nối tin cậy giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

*Thứ ba, gắn vận động quần chúng với giải quyết kịp thời kiến nghị, khiếu nại chính đáng của Nhân dân.* Niềm tin xã hội không thể củng cố bằng lời nói chung chung, mà phải bằng việc quyền lợi hợp pháp của người dân được tôn trọng và giải quyết công bằng. Từ năm 2026, cần thiết lập cơ chế phối hợp giữa MTTQ, các tổ chức CT-XH với UBND cấp xã trong tiếp nhận, theo dõi, giám sát giải quyết kiến nghị. Đồng thời, cần duy trì đối thoại định kỳ ở địa bàn có nguy cơ. Giai đoạn 2028 - 2030, cần công khai tiến độ xử lý trên các kênh thông tin phù hợp, kết hợp trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm người dân biết vụ việc đang ở đâu, ai xử lý, bao giờ có kết quả. Đến năm 2030, phấn đấu giảm rõ khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp. Từ tầm nhìn 2045, cần xây dựng văn hóa đối thoại và trách nhiệm giải trình, nhất là với vụ việc nhạy cảm.

*Thứ tư, mở rộng vận động quần chúng sang KGM, chủ động định hướng dư luận số.* Trong bối cảnh chuyển đổi số, nhiều vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, môi trường, biển, di cư, sắp xếp hành chính và chính sách phát triển có thể bị xuyên tạc trên KGM. Vì vậy, MTTQ, đoàn thể và người có uy tín phải tham gia xây dựng môi trường thông tin tích cực, gần dân, dễ hiểu, kịp thời. Giai đoạn 2026 - 2027, cần tổ chức tập huấn kỹ năng sử dụng mạng xã hội an toàn, nhận diện tin giả, phản bác thông tin sai lệch cho cán bộ MTTQ, đoàn thể và người có uy tín. Giai đoạn 2028 - 2030, cần xây dựng các nhóm cộng đồng trực tuyến ở thôn, buôn, tổ dân phố, làng biển, khu công

nhân để lan tỏa thông tin chính thống. Tầm nhìn 2045, thế trận lòng dân phải được mở rộng vững chắc trên KGM, bảo đảm người dân không chỉ tiếp nhận thông tin chính thống mà còn có khả năng tự bảo vệ trước thông tin sai lệch, kích động.

*Thứ năm, củng cố thế trận lòng dân bằng phát triển, văn hóa và các phong trào cộng đồng thiết thực.* Theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026), văn hóa là nguồn lực nội sinh, là nền tảng của đồng thuận xã hội. Vì vậy, MTTQ và các tổ chức CT-XH cần gắn vận động quần chúng với giảm nghèo bền vững, bảo vệ rừng, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, làng biển an toàn, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội. Giai đoạn 2026 - 2030, cần lồng ghép mục tiêu bảo đảm ANCT vào các phong trào quần chúng. Cùng với đó, cần tổng kết, nhân rộng mô hình hòa giải, tự quản, đồng hành sinh kế hiệu quả. Tầm nhìn 2045, cần hướng tới xây dựng cộng đồng dân cư phát triển bền vững, có ý thức trách nhiệm cao trong bảo vệ ANQG, giữ gìn ổn định địa bàn.

Đây là giải pháp trực tiếp củng cố thế trận lòng dân trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Khi công tác tuyên truyền, vận động gắn với lợi ích thiết thực, hòa giải dựa trên uy tín cộng đồng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân được giải quyết kịp thời, dư luận số được định hướng đúng và các phong trào cộng đồng đi vào thực chất, đồng thuận xã hội sẽ được tăng cường, tạo nền tảng ổn định bền vững từ cơ sở.

#### ***4.3.4.3. Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với đặc thù địa bàn và các nhóm vấn đề nhạy cảm***

Đổi mới phong trào toàn dân bảo vệ ANCT ở Tây Nguyên phải bắt đầu từ yêu cầu đưa phong trào trở về đúng bản chất là phong trào của Nhân dân, do Nhân dân tham gia và phục vụ trực tiếp cho sự ổn định của cộng đồng. Trong bối cảnh không gian Tây Nguyên mở rộng, có sự đan xen giữa thôn, buôn, làng, tổ dân phố, làng biển, khu công nhân, vùng DTTS, vùng tôn giáo, vùng biên giới, vùng ven biển và KGM, phong trào chỉ có sức sống khi gắn với đặc thù từng địa bàn, từng nhóm dân cư và từng vấn đề nhạy cảm. Vì vậy, không thể tổ chức phong trào theo lối hành chính, hình thức, phát động nhiều nhưng hiệu quả ít. Thước đo đúng phải là mức độ ổn định ở cơ sở, khả năng phòng ngừa mâu thuẫn từ sớm, sự tham gia tự giác của Nhân dân và sức bền của thế trận lòng dân.

*Thứ nhất, lấy hiệu quả giữ vững ANCT ở cơ sở làm thước đo chất lượng phong trào.* Giai đoạn 2026 - 2027, các tỉnh cần rà soát toàn bộ mô hình phong trào hiện có,

loại bỏ mô hình hình thức, trùng lặp, dàn trải. Trên cơ sở đó, cần tập trung nguồn lực cho những mô hình có hiệu quả thực tế trong phòng ngừa tranh chấp, khiếu kiện, tội phạm, thông tin xấu độc và mâu thuẫn cộng đồng. Giai đoạn 2028 - 2030, cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phong trào dựa trên kết quả cụ thể như giảm tranh chấp, giảm khiếu kiện kéo dài, giảm vi phạm pháp luật, tăng hòa giải thành công, tăng mức độ hài lòng của Nhân dân. Tầm nhìn 2045, phong trào phải trở thành cơ chế tự vận hành của cộng đồng, không phụ thuộc hoàn toàn vào phát động hành chính.

*Thứ hai, thiết kế mô hình phong trào phù hợp từng địa bàn và từng nhóm vấn đề nhạy cảm.* Ở Tây Nguyên, mỗi địa bàn có đặc điểm khác nhau về dân tộc, tôn giáo, sinh kế, lịch sử mâu thuẫn, mức độ đô thị hóa, yếu tố biển và tác động KGM. Vì vậy, không thể áp dụng một mô hình chung cho mọi nơi. Từ năm 2026, cần phân loại địa bàn theo nhóm vấn đề nổi bật như đất đai - rừng, tôn giáo, di cư, lao động nhập cư, môi trường, biển, KGM. Giai đoạn 2028 - 2030, cần xây dựng các mô hình chuyên đề như “buôn làng không tranh chấp đất rừng”, “cộng đồng tôn giáo đồng hành giữ gìn an ninh, trật tự”, “làng biển an toàn”, “khu công nhân tự quản”, “thôn, buôn an toàn trên KGM”. Tầm nhìn 2045, cần hình thành hệ sinh thái phong trào đa dạng, linh hoạt, gắn chặt với đặc điểm xã hội từng địa bàn.

*Thứ ba, nhân rộng các mô hình tự quản gắn với giải quyết vấn đề đất đai, dân tộc, tôn giáo, di cư và dư luận xã hội.* Phong trào chỉ bền vững khi Nhân dân là chủ thể trung tâm, tự giác tham gia phòng ngừa và xử lý mâu thuẫn từ đầu. Giai đoạn 2026 - 2027, cần tập trung củng cố các tổ tự quản, tổ hòa giải, nhóm nòng cốt ở thôn, buôn, làng, tổ dân phố, làng biển và khu công nhân. Trọng tâm là đào tạo kỹ năng hòa giải, nắm bắt tình hình cơ sở, nhận diện tin giả, xử lý thông tin xấu độc và phối hợp thường xuyên với Công an cơ sở. Giai đoạn 2028 - 2030, cần lựa chọn, đánh giá và nhân rộng các mô hình tự quản hiệu quả. Các mô hình này cần được lồng ghép với phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, giảm nghèo bền vững, bảo vệ rừng, bảo vệ biển, bảo vệ môi trường và giữ gìn ANTT tại cơ sở. Đến năm 2045, phần đầu mỗi cộng đồng dân cư trọng điểm đều có cơ chế tự quản ổn định, hoạt động thực chất, có khả năng phát hiện, hòa giải và xử lý mâu thuẫn ngay từ khi mới phát sinh, không để hình thành điểm nóng phức tạp về ANCT.

*Thứ tư, gắn phong trào toàn dân bảo vệ ANTO với phát triển KT-XH, QP-AN, văn hóa và hội nhập.* Phong trào bảo vệ ANCT không thể tách rời sinh kế, văn hóa,

môi trường sống và lợi ích thiết thực của người dân. Từ năm 2026, cần lồng ghép nội dung bảo vệ ANCT vào các chương trình giảm nghèo, phát triển kinh tế hộ gia đình, bảo vệ rừng, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, phát triển du lịch, kinh tế biển và chuyển đổi số cộng đồng. Theo tinh thần Nghị quyết số 59-NQ/TW (2025) và Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026), phong trào cần góp phần xây dựng cộng đồng có bản lĩnh hội nhập, biết giữ gìn bản sắc văn hóa, chủ động phòng ngừa tác động tiêu cực từ bên ngoài, không để TLTD lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, văn hóa, môi trường và KGM để chống phá.

*Thứ năm, phát triển phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên KGM.* trong điều kiện nhiều nguy cơ ANCT bị “mạng hóa”, phong trào phải bao phủ cả môi trường số. Giai đoạn 2026 - 2027, cần xây dựng mô hình “cộng đồng mạng an toàn” tại thôn, buôn, tổ dân phố, làng biển, khu công nhân trọng điểm. Giai đoạn 2028 - 2030, cần tổ chức tập huấn kỹ năng nhận diện tin giả, thông tin xấu độc, lừa đảo trực tuyến cho Nhân dân, nhất là thanh niên, phụ nữ, người lao động di cư, đồng bào DTTS và chức sắc tôn giáo. CAND giữ vai trò nòng cốt trong hướng dẫn, hỗ trợ, không làm thay. MTTQ, các tổ chức CT-XH lan tỏa phong trào. Chính quyền bảo đảm nguồn lực, hạ tầng số, cơ sở vật chất và cơ chế kiểm tra. Tầm nhìn 2045, mỗi công dân số ở Tây Nguyên phải trở thành một chủ thể có trách nhiệm trong bảo vệ ANCT, ANQG trên KGM.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT, LLVT và Nhân dân là giải pháp có ý nghĩa chiến lược, lâu dài trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Khi cơ chế phối hợp được trách nhiệm hóa, MTTQ và các tổ chức CT-XH phát huy vai trò vận động, người có uy tín trở thành cầu nối tin cậy, phong trào toàn dân bảo vệ ANCT đi vào thực chất, sức mạnh nội sinh của cộng đồng sẽ được khơi dậy và tổ chức thành thể trận lòng dân vững chắc. Đây là nền tảng để Tây Nguyên giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ ANQG, phát triển bền vững đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

**4.3.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị**

**4.3.5.1. Nâng cao chất lượng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng gắn với phát hiện, thu hút, sử dụng, đãi ngộ và phát triển cán bộ dân tộc thiểu số**

Trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên, chất lượng cán bộ cơ sở và cán bộ DTTS có ý nghĩa trực tiếp đối với năng lực vận hành của HTCT, khả năng xử lý vấn đề

từ sớm và mức độ tin cậy của Nhân dân đối với chính quyền. Cán bộ không chỉ là người tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách, mà còn là chủ thể tiếp xúc dân hàng ngày, giải thích chính sách, hòa giải mâu thuẫn, nắm bắt tâm tư cộng đồng và phát hiện những dấu hiệu bất ổn từ cơ sở. Vì vậy, nâng cao chất lượng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ cán bộ DTTS phải được coi là khâu then chốt để bảo đảm tính kế thừa, tính đại diện và hiệu quả quản trị ở địa bàn đặc thù. Đại hội XIV của Đảng xác định yêu cầu “xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của HTCT, nhất là cán bộ cấp chiến lược và cấp cơ sở thực sự tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước” [44, tr.388]. Yêu cầu này càng đặt ra cấp thiết trong bối cảnh Tây Nguyên sau năm 2025 có không gian phát triển rộng hơn, gắn cao nguyên với biển, biên giới, đô thị, khu kinh tế, logistics và KGM. Theo đó, cán bộ cơ sở, cán bộ DTTS không chỉ cần đủ về cơ cấu, mà phải có năng lực quản trị địa bàn phức hợp, xử lý mâu thuẫn xã hội và củng cố niềm tin của Nhân dân.

*Thứ nhất, đổi mới công tác quy hoạch cán bộ theo hướng bám sát yêu cầu bảo đảm ANCT và năng lực thực tiễn.* Quy hoạch cán bộ ở Tây Nguyên cần khắc phục tình trạng nặng về cơ cấu hình thức, chú trọng số lượng, tỷ lệ nhưng chưa coi trọng đúng mức năng lực thực hành. Địa bàn Tây Nguyên hiện nay đòi hỏi đội ngũ cán bộ có khả năng nắm dân, nắm địa bàn, đối thoại, hòa giải, vận động quần chúng, xử lý tình huống nhạy cảm, phối hợp liên ngành và làm việc trong môi trường số. Giai đoạn 2026 - 2027, cần rà soát, điều chỉnh tiêu chí quy hoạch cán bộ cấp xã, cán bộ DTTS và cán bộ chủ chốt ở địa bàn trọng điểm theo hướng gắn với năng lực phòng ngừa nguy cơ ANCT. Giai đoạn 2028 - 2030, cần xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch cán bộ liên thông toàn vùng, bảo đảm kế thừa, chủ động nguồn cán bộ cho vùng DTTS, vùng biên giới, vùng tôn giáo, vùng ven biển mới sáp nhập và địa bàn có nguy cơ phức tạp.

*Thứ hai, đổi mới đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và theo đặc thù địa bàn.* Đào tạo cán bộ không thể dừng ở trang bị lý luận chung, mà phải gắn với những tình huống thực tiễn của Tây Nguyên như tranh chấp đất đai, rừng, di cư, dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện, truyền thông chính sách, dư luận trên KGM và quản trị địa bàn sau sắp xếp hành chính. Giai đoạn 2026 - 2027, cần chuẩn hóa chương trình bồi dưỡng cán bộ cơ sở theo từng vị trí như bí thư, chủ tịch, công chức địa chính, tư pháp, văn hóa, cán bộ MTTQ và đoàn thể. Giai đoạn 2028 - 2030, cần chuyển mạnh sang bồi dưỡng qua tình

huống, diễn tập, xử lý vụ việc giả định ở thôn, buôn, tổ dân phố, làng biển, khu công nhân, vùng biên giới và vùng DTTS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cần phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và địa phương xây dựng chương trình đào tạo năng lực xử lý điểm nóng ở cơ sở, tập trung vào nhận diện sớm mâu thuẫn, đối thoại, hòa giải, truyền thông chính sách và phối hợp liên ngành.

*Thứ ba, coi am hiểu văn hóa cộng đồng, phong tục và ngôn ngữ DTTS là tiêu chí quan trọng trong đánh giá, bố trí cán bộ.* Ở Tây Nguyên, nhiều mâu thuẫn không thể hóa giải nếu cán bộ không hiểu phong tục, tín ngưỡng, cấu trúc cộng đồng và tâm lý của đồng bào. Vì vậy, giai đoạn 2026 - 2027 cần tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS theo nhu cầu từng địa bàn, lồng ghép kiến thức về văn hóa, tín ngưỡng, hương ước, quan hệ cộng đồng vào chương trình đào tạo cán bộ. Giai đoạn 2028 - 2030, cần đưa tiêu chí am hiểu văn hóa cộng đồng, khả năng làm việc với già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo vào đánh giá, sử dụng cán bộ cơ sở. Đến năm 2030, phải giảm rõ tình trạng bố trí cán bộ “đúng quy trình nhưng không hợp địa bàn”. Tầm nhìn 2045, cần xây dựng đội ngũ cán bộ vừa có năng lực quản trị hiện đại, vừa biết dựa vào văn hóa cộng đồng để củng cố thể trận lòng dân.

*Thứ tư, chủ động phát hiện, tạo nguồn và phát triển cán bộ DTTS theo hướng dài hạn, thực chất.* Tạo nguồn cán bộ DTTS phải là quá trình liên tục từ phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo, rèn luyện, bố trí đến phát triển, không làm theo chỉ tiêu hình thức. Giai đoạn 2026 - 2027, cần xây dựng cơ chế phát hiện học sinh, sinh viên DTTS ưu tú, cán bộ trẻ có triển vọng trong cộng đồng, gắn với học bổng, cam kết phục vụ và thực tập tại cơ sở. Giai đoạn 2028 - 2030, cần gắn đào tạo với vị trí công tác cụ thể, ưu tiên vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng tôn giáo, vùng có đông đồng bào DTTS và địa bàn mới phát sinh nguy cơ ANCT. Đến năm 2030, tỷ lệ cán bộ DTTS giữ vị trí chủ chốt ở cơ sở cần tăng theo hướng thực chất, đi đôi với chất lượng. Tầm nhìn 2045, cần hình thành nguồn cán bộ DTTS ổn định, đủ sức gánh vác quản trị cơ sở lâu dài.

*Thứ năm, bố trí, sử dụng cán bộ đúng người, đúng việc, đúng địa bàn.* Cán bộ DTTS có lợi thế về ngôn ngữ, phong tục, mạng lưới xã hội và uy tín cộng đồng, nhưng chỉ phát huy tốt khi được sử dụng phù hợp. Giai đoạn 2026 - 2030, cần rà soát việc bố trí cán bộ ở các vị trí tiếp xúc dân nhiều, địa bàn nhạy cảm về đất đai, tôn giáo, dân tộc, di cư và KGM; khắc phục tình trạng sử dụng cán bộ DTTS chủ yếu để đủ cơ cấu. Các vị trí liên quan trực tiếp đến dân vận, hòa giải, tiếp dân, quản lý đất đai, tôn giáo, an

sinh cần ưu tiên cán bộ am hiểu cộng đồng, có bản lĩnh, có kỹ năng đối thoại. Nguồn lực bảo đảm gồm ngân sách đào tạo, cơ sở dữ liệu cán bộ, chính sách thu hút, cơ chế luân chuyển, đãi ngộ và đánh giá bằng hiệu quả thực chất ở cơ sở. Khi cán bộ được quy hoạch đúng, đào tạo sát thực tiễn, bố trí phù hợp và được đãi ngộ thỏa đáng, đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ DTTS sẽ trở thành lực lượng nòng cốt trong củng cố niềm tin xã hội, hóa giải mâu thuẫn từ cơ sở và bảo đảm ANCT bền vững ở Tây Nguyên.

***4.3.5.2. Tăng cường rèn luyện thực tiễn, luân chuyển cán bộ, siết chặt kỷ luật, đạo đức công vụ và nâng cao năng lực đối thoại, hòa giải, năng lực số của đội ngũ cán bộ cơ sở***

Quy hoạch, đào tạo là khâu chuẩn bị nguồn cán bộ, thì rèn luyện thực tiễn, luân chuyển, kiểm tra kỷ luật và nâng cao kỹ năng xử lý tình huống là khâu quyết định để biến năng lực thành hiệu quả quản trị ở cơ sở. Đối với Tây Nguyên, cán bộ cơ sở thường là người đầu tiên tiếp xúc với các vấn đề dân sinh, dân tộc, tôn giáo, đất đai, rừng, di cư, biên, đô thị hóa và KGM. Vì vậy, đội ngũ này không chỉ cần bản lĩnh chính trị, kiến thức pháp luật, mà còn phải có khả năng bám dân, hiểu dân, đối thoại với dân, xử lý mâu thuẫn kịp thời và làm việc trong môi trường số. Nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở vì thế phải được thực hiện đồng thời trên ba phương diện: rèn luyện qua thực tiễn, giữ nghiêm kỷ luật công vụ và phát triển các kỹ năng mới phù hợp với bối cảnh địa bàn biến động nhanh.

*Thứ nhất, đẩy mạnh luân chuyển cán bộ gắn với địa bàn trọng điểm và yêu cầu rèn luyện thực tiễn.* Luân chuyển không được làm hình thức, đủ quy trình nhưng thiếu thời gian bám dân, bám địa bàn. Giai đoạn 2026 - 2027, cần xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ đến các địa bàn trọng điểm về dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện đất đai, di cư, vùng biên giới, ven biển mới sáp nhập, khu công nghiệp, khu kinh tế và địa bàn nhạy cảm trên KGM. Giai đoạn 2028 - 2030, cần bảo đảm thời gian công tác đủ dài để cán bộ tích lũy kinh nghiệm, hiểu cộng đồng, xử lý được việc khó và tạo được niềm tin. Kết quả luân chuyển phải gắn với quy hoạch, bổ nhiệm và đánh giá chức danh cao hơn. Tầm nhìn 2045, luân chuyển phải trở thành công cụ chiến lược để tạo đội ngũ cán bộ có trải nghiệm đa địa bàn, đủ năng lực xử lý các vấn đề ANCT trong điều kiện xã hội biến động nhanh.

*Thứ hai, siết chặt kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ, coi đây là nền tảng củng cố niềm tin xã hội.* Ở Tây Nguyên, mọi biểu hiện quan liêu, xa dân, thiếu trách

nhệm, những nhiễu, né tránh hoặc xử lý không công bằng đều có thể làm suy giảm niềm tin, tạo khoảng trống để TLTĐ xuyên tạc, kích động. Giai đoạn 2026 - 2027, cần tăng cường kiểm tra công vụ ở cơ sở, nhất là trong tiếp dân, giải quyết khiếu nại, đất đai, tôn giáo, an sinh và thủ tục hành chính sau sắp xếp đơn vị hành chính. Giai đoạn 2028 - 2030, cần gắn chấp hành kỷ luật, đạo đức công vụ, mức độ hài lòng của người dân với đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm. Tầm nhìn 2045, cần xây dựng văn hóa công vụ liêm chính, kỷ luật, gần dân, trọng dân, phục vụ Nhân dân, coi đó là nền tảng chính trị của thể trận lòng dân.

*Thứ ba, nâng cao năng lực đối thoại, hòa giải và xử lý tình huống nhạy cảm.* Nhiều vụ việc phức tạp có thể được hóa giải từ sớm nếu cán bộ biết lắng nghe, tiếp cận đúng người, giải thích đúng chính sách và phối hợp đúng lực lượng. Giai đoạn 2026 - 2027, cần tổ chức bồi dưỡng chuyên sâu kỹ năng tiếp dân, đối thoại cộng đồng, hòa giải thôn, buôn, xử lý mâu thuẫn đất đai, tôn giáo, dân tộc, di cư, lao động và môi trường. Giai đoạn 2028 - 2030, cần đưa năng lực đối thoại và hòa giải vào tiêu chí đánh giá cán bộ cơ sở, nhất là ở địa bàn trọng điểm. Đến năm 2030, phần lớn cán bộ chủ chốt cấp xã và lực lượng trực tiếp xử lý vụ việc phải được bồi dưỡng bài bản về kỹ năng này. Tầm nhìn 2045, cần hình thành đội ngũ cán bộ cơ sở có khả năng chủ động hóa giải mâu thuẫn ngay từ khi mới phát sinh, không để tích tụ thành điểm nóng ANCT.

*Thứ tư, nâng cao năng lực số và khả năng xử lý thông tin trên KGM của cán bộ cơ sở.* Trong bối cảnh chuyển đổi số, nhiều vấn đề ANCT có thể bị “mạng hóa” và lan truyền rất nhanh. Cán bộ cơ sở phải biết sử dụng nền tảng số để tiếp nhận phản ánh, theo dõi dư luận, cung cấp thông tin chính thống và phản hồi kịp thời. Giai đoạn 2026 - 2027, cần tổ chức đào tạo kỹ năng số cơ bản cho cán bộ cấp xã, MTTQ, đoàn thể và Công an cơ sở. Đồng thời, cần đầu tư hạ tầng, thiết bị làm việc tối thiểu. Giai đoạn 2028 - 2030, cần triển khai mô hình tiếp nhận, xử lý phản ánh của người dân qua nền tảng số tại địa bàn trọng điểm, bảo đảm an toàn dữ liệu và bảo mật thông tin. Tầm nhìn 2045, cần xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở có năng lực làm việc hiệu quả trong môi trường số, đủ khả năng bảo vệ ANCT trên cả không gian xã hội truyền thống và KGM.

*Thứ năm, hoàn thiện cơ chế đánh giá cán bộ bằng kết quả thực chất ở cơ sở.* Đánh giá cán bộ không chỉ dựa vào hồ sơ, bằng cấp hoặc quy trình, mà phải căn cứ vào năng lực giữ ổn định địa bàn, giảm mâu thuẫn kéo dài, nâng cao chất lượng đối thoại,

mức độ hài lòng của Nhân dân và hiệu quả phối hợp trong HTCT. Giai đoạn 2026 - 2027, cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cán bộ cơ sở theo kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ANCT. Giai đoạn 2028 - 2030, cần áp dụng đánh giá định kỳ, có kiểm tra, giám sát, có phản hồi của MTTQ, các tổ chức CT-XH và Nhân dân. Đây là điều kiện để sử dụng đúng cán bộ, khuyến khích người có năng lực, đồng thời sàng lọc người yếu kém, thiếu trách nhiệm.

Tăng cường rèn luyện thực tiễn, luân chuyển cán bộ, siết chặt kỷ luật, đạo đức công vụ và nâng cao năng lực đối thoại, hòa giải, năng lực số là giải pháp trực tiếp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở ở Tây Nguyên. Khi cán bộ được thử thách qua thực tiễn, được đánh giá bằng kết quả thực chất, được rèn luyện về kỷ luật, đạo đức và kỹ năng quản trị hiện đại, HTCT cơ sở sẽ vận hành hiệu quả hơn, mâu thuẫn xã hội được xử lý sớm hơn, niềm tin của Nhân dân được củng cố vững chắc hơn.

***4.3.5.3. Hoàn thiện chính sách, nguồn lực và điều kiện bảo đảm đối với cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị***

Bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên không chỉ phụ thuộc vào bản lĩnh, năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ, mà còn phụ thuộc rất lớn vào hệ thống chính sách, nguồn lực và điều kiện bảo đảm cho họ yên tâm công tác, bám địa bàn, xử lý tình huống kịp thời. Đây là lực lượng thường xuyên đối diện với các vấn đề nhạy cảm, phức tạp về dân tộc, tôn giáo, đất đai, rừng, di cư, KGM, ANPTT, vùng biên giới, ven biển và các địa bàn trọng điểm sau sắp xếp địa giới hành chính. Nếu chỉ đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực, siết chặt kỷ luật mà thiếu cơ chế bảo vệ, đãi ngộ, điều kiện làm việc và chính sách hậu phương tương xứng, thì khó tạo được sức bền bám cơ sở lâu dài. Vì vậy, hoàn thiện chính sách đối với lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ là giải pháp điều kiện, có ý nghĩa chiến lược đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

*Thứ nhất, xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong xử lý vấn đề ANCT.* Giai đoạn 2026 - 2027, cần chuẩn hóa quy trình ra quyết định, cơ chế tham vấn liên ngành và nguyên tắc bảo vệ cán bộ khi thực hiện đúng thẩm quyền, đúng quy trình, đúng pháp luật, có động cơ công vụ trong sáng. Giai đoạn 2028 - 2030, cần hoàn thiện cơ chế giám sát, phản biện nội bộ để vừa giữ nghiêm kỷ luật, vừa tạo không gian trách nhiệm cho cán bộ chủ động hành động. Tầm nhìn 2045, cần hình thành môi trường công vụ khuyến khích sáng tạo trong

khuôn khổ pháp luật, bảo vệ người làm đúng, xử lý nghiêm người lợi dụng chức trách để vụ lợi.

*Thứ hai, hoàn thiện chế độ đãi ngộ, thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao ở địa bàn trọng điểm, khó khăn.* Tây Nguyên có nhiều vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, địa bàn giáp ranh, khu vực phức tạp về dân tộc, tôn giáo, di cư, KGM, nơi cán bộ, chiến sĩ phải bám cơ sở lâu dài. Giai đoạn 2026 - 2027, cần rà soát, điều chỉnh phụ cấp đặc thù cho cán bộ, chiến sĩ công tác ở địa bàn trọng điểm. Giai đoạn 2028 - 2030, cần xây dựng cơ chế thu hút, giữ chân cán bộ có năng lực, biết tiếng DTTS, am hiểu phong tục, có khả năng phân tích dữ liệu, xử lý thông tin trên KGM và quản trị địa bàn phức hợp. Tầm nhìn 2045, chính sách đãi ngộ phải đủ ổn định để cán bộ yên tâm công tác, gắn bó với địa bàn chiến lược.

*Thứ ba, tăng cường đầu tư hạ tầng, trang thiết bị, cơ sở dữ liệu và điều kiện làm việc.* Quản trị ANCT hiện đại đòi hỏi năng lực nắm tình hình dựa trên dữ liệu, phối hợp liên ngành, phản ứng nhanh và bảo đảm an toàn thông tin. Giai đoạn 2026 - 2027, cần ưu tiên đầu tư trang thiết bị, hệ thống thông tin cơ sở, phương tiện làm việc cho các xã trọng điểm, vùng biên giới, vùng DTTS, ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế và địa bàn có nguy cơ trên KGM. Giai đoạn 2028 - 2030, cần hoàn thiện cơ chế liên thông dữ liệu phục vụ nắm tình hình, dự báo và cảnh báo sớm. Tầm nhìn 2045, cần xây dựng nền tảng quản trị ANCT hiện đại, an toàn, bảo mật, hỗ trợ hiệu quả cho CAND, QĐND và các lực lượng liên quan trong bảo vệ ANQG.

*Thứ tư, chăm lo đời sống, chính sách hậu phương, tạo sức bền bám địa bàn cho cán bộ, chiến sĩ.* Nhiều cán bộ, chiến sĩ công tác xa gia đình, điều kiện sinh hoạt còn khó khăn, áp lực nhiệm vụ lớn. Giai đoạn 2026 - 2027, cần hoàn thiện cơ chế hỗ trợ nhà ở công vụ, điều kiện sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe, nhất là ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển và khu vực trọng điểm về ANCT. Giai đoạn 2028 - 2030, cần quan tâm nhu cầu chính đáng về giáo dục, việc làm, chăm sóc gia đình của cán bộ công tác lâu dài tại vùng khó khăn. Tầm nhìn 2045, cần xây dựng chính sách hậu phương ổn định, tạo động lực để cán bộ, chiến sĩ toàn tâm, toàn ý thực hiện nhiệm vụ.

*Thứ năm, đổi mới cơ chế đánh giá, khen thưởng theo hiệu quả thiết thực nhất.* Hiệu quả bảo đảm ANCT không chỉ đo bằng số vụ việc xử lý, mà quan trọng hơn là khả năng phòng ngừa, không để phát sinh điểm nóng, giảm mâu thuẫn kéo dài, nâng cao niềm tin xã hội và củng cố thể trận lòng dân. Giai đoạn 2026 - 2027, cần xây dựng

bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ANCT ở cơ sở. Giai đoạn 2028 - 2030, cần gắn khen thưởng, quy hoạch, bố trí cán bộ với kết quả thực chất, tránh thành tích hình thức. Tầm nhìn 2045, cần hình thành cơ chế động viên kịp thời, lan tỏa chuẩn mực đạo đức công vụ và hình ảnh người cán bộ “vì dân, gần dân, trọng dân, học dân, hiểu dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân”.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cán bộ DTTS và cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ bảo đảm ANCT là giải pháp có ý nghĩa quyết định đối với Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Khi quy hoạch đúng, đào tạo sát thực tiễn, sử dụng đúng người, rèn luyện nghiêm, chính sách bảo đảm đầy đủ và đánh giá bằng hiệu quả thực chất, HTCT ở cơ sở sẽ vận hành vững vàng hơn, CAND và LLVT phát huy tốt vai trò nòng cốt, Nhân dân được phục vụ tốt hơn, thế trận lòng dân được củng cố bền vững hơn, tạo nền tảng giữ vững ANCT đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

#### **Tiểu kết Chương 4**

Chương 4 đã xác lập hệ thống quan điểm và giải pháp bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn và những vấn đề đặt ra ở các chương trước. Trước hết, Chương 4 đã dự báo những nhân tố tác động đến ANCT Tây Nguyên từ ba bình diện: tình hình quốc tế, tình hình trong nước và xu thế chuyển đổi phương thức bảo đảm ANCT. Các dự báo cho thấy, Tây Nguyên trong thời gian tới chịu tác động đồng thời của cạnh tranh chiến lược, ANPTT, KGM, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, phát triển KT-XH, đổi mới thể chế, phát triển văn hóa và sắp xếp lại không gian hành chính. Đặc biệt, sau thay đổi địa giới hành chính từ sau tháng 7 năm 2025, Tây Nguyên không còn chỉ được nhận diện trong không gian cao nguyên, biên giới, rừng và vùng DTTS truyền thống, mà đã mở rộng sang không gian phát triển mới có yếu tố biển, đô thị, cảng biển, logistics, khu kinh tế, liên kết vùng và KGM. Điều đó làm cho yêu cầu bảo đảm ANCT trở nên rộng hơn, phức hợp hơn, đòi hỏi tư duy quản trị mới, phương thức phòng ngừa mới và cơ chế phối hợp hiệu quả hơn.

Trên cơ sở dự báo đó, chương đã luận giải năm quan điểm cơ bản trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên. Trục xuyên suốt là đặt nhiệm vụ bảo đảm ANCT dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, khẳng định vai trò nòng cốt của CAND và sự phối hợp chặt chẽ của QĐND, MTTQ, các tổ chức CT-XH

cùng toàn xã hội. Đồng thời, chương 4 nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm ANCT phải được thực hiện toàn diện, đồng bộ, gắn với phát triển KT-XH, giải quyết hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, tài nguyên, di cư, khiếu kiện; chủ động từ sớm, từ xa, lấy phòng ngừa là chính; phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT và Nhân dân; tiếp cận tích hợp giữa an ninh truyền thống, ANPTT và quản trị KGM. Đây là những quan điểm có ý nghĩa định hướng trực tiếp cho việc xây dựng hệ thống giải pháp, bảo đảm vừa đúng nguyên tắc chính trị, vừa phù hợp với đặc thù Tây Nguyên trong giai đoạn phát triển mới.

Từ các quan điểm trên, chương đã đề xuất hệ thống giải pháp bảo đảm ANCT theo hướng đồng bộ, có trọng tâm và có lộ trình đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Các nhóm giải pháp tập trung vào hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý và kiểm tra, giám sát; gắn bảo đảm ANCT với phát triển KT-XH bền vững, nâng cao chất lượng quản trị cơ sở và xử lý các vấn đề xã hội nhạy cảm; đổi mới phương thức bảo đảm ANCT theo hướng chủ động, hiện đại, dựa trên dữ liệu và thích ứng với KGM; phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT, LLVT và Nhân dân; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cán bộ DTTS và cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ bảo đảm ANCT. Các giải pháp này quán triệt tinh thần các nghị quyết mới của Đảng về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế tư nhân và phát triển văn hóa; đồng thời hướng vào xử lý những điểm nghẽn thực tiễn của Tây Nguyên như năng lực quản trị cơ sở, sinh kế, đất đai, rừng, dân tộc, tôn giáo, di cư, KGM, ANPTT và chất lượng cán bộ. Như vậy, Chương 4 đã góp phần xác định phương hướng bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên theo hướng chủ động, bền vững, hiện đại, dựa trên phát triển, pháp quyền, dữ liệu, văn hóa và thể trận lòng dân.

## KẾT LUẬN

Bảo đảm ANCT là yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Đối với Việt Nam, ANCT gắn trực tiếp với việc giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, sự ổn định của chế độ chính trị, niềm tin của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong bối cảnh thế giới, khu vực biến động nhanh, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, chuyển đổi số phát triển mạnh mẽ, các thách thức ANPTT và KGM tác động ngày càng trực tiếp, bảo đảm ANCT không chỉ là nhiệm vụ QP-AN, mà còn là nhiệm vụ chính trị tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả HTCT.

Tây Nguyên có vị trí đặc biệt quan trọng, là địa bàn chiến lược về QP-AN, đối ngoại, sinh thái, văn hóa và phát triển KT-XH. Đồng thời, Tây Nguyên là không gian xã hội đặc thù, nơi các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, rừng, di cư, sinh kế, văn hóa, KGM và ANPTT đan xen, tác động trực tiếp đến ổn định CT-XH. Trong bối cảnh mới, sau điều chỉnh địa giới hành chính, không gian Tây Nguyên mở rộng, gắn kết chặt chẽ hơn với duyên hải Nam Trung Bộ, xuất hiện thêm yếu tố biển, đô thị, cảng biển, logistics, khu kinh tế, du lịch, năng lượng và các hành lang phát triển mới. Sự mở rộng đó tạo thêm động lực phát triển, nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với bảo đảm ANCT, bởi các nguy cơ có thể lan nhanh hơn, rộng hơn, từ cao nguyên đến biển, từ biên giới đến đô thị, từ thôn, buôn đến KGM.

Từ góc độ Chính trị học, luận án khẳng định bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trước hết là bảo đảm sự vận hành ổn định, thông suốt và hiệu quả của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, CAND làm nòng cốt. Đây là trực chính trị xuyên suốt của luận án. ANCT không phải là trạng thái tự nhiên có sẵn, cũng không chỉ là kết quả của việc xử lý khi vụ việc đã xảy ra. ANCT là kết quả của quá trình lãnh đạo, quản lý, vận động, phòng ngừa, đấu tranh và xây dựng đồng thuận xã hội. ANCT chỉ bền vững khi vai trò lãnh đạo của Đảng được đảm bảo, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước được giữ vững, CAND và LLVT phát huy tốt vai trò nòng cốt, MTTQ và các tổ chức CT-XH làm tốt công tác vận động, Nhân dân tin tưởng, đồng thuận và tích cực tham gia giữ gìn ổn định địa bàn.

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan, luận án đã kế thừa những kết quả có giá trị về ANQG, ANCT, dân tộc, tôn giáo, HTCT cơ sở, thế trận an ninh nhân dân và phát triển bền vững Tây Nguyên. Từ đó, luận án xác định khoảng trống cần tiếp tục làm rõ là chưa có nhiều công trình tiếp cận bảo đảm ANCT trên địa

bàn Tây Nguyên như một chỉnh thể chính trị học thống nhất. Vì vậy, luận án tiếp cận bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên như một quá trình CT-XH tổng hợp, gắn với quản trị phát triển, quản trị rủi ro, củng cố đồng thuận xã hội và xây dựng thể trận lòng dân.

Về lý luận, luận án đã làm rõ khái niệm ANCT, bảo đảm ANCT và bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Theo đó, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là quá trình hoạt động thường xuyên, có tổ chức của HTCT, LLVT và Nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước, nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện, kiểm soát và xử lý các yếu tố đe dọa từ bên trong và bên ngoài, đồng thời giữ vững nền tảng tư tưởng, ổn định thể chế chính trị, bảo đảm sự vận hành thực chất, hiệu lực, hiệu quả của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Luận án cũng xác định rõ chủ thể, nội dung, phương thức, tiêu chí đánh giá và các yếu tố tác động đến bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, qua đó tạo cơ sở để phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp phù hợp.

Về thực tiễn, luận án cho thấy công tác bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng được tăng cường, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từng bước được nâng lên. CAND, QĐND đã phát huy vai trò nòng cốt trong nắm tình hình, tham mưu, phòng ngừa, đấu tranh và xử lý các yếu tố phức tạp. MTTQ, các tổ chức CT-XH, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo và Nhân dân tham gia ngày càng tích cực vào tuyên truyền, vận động, hòa giải, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhờ đó, ổn định CT-XH trên địa bàn được giữ vững, nền tảng tư tưởng của Đảng được bảo vệ, HTCT cơ sở được củng cố, nhiều âm mưu, hoạt động chống phá của các TLTĐ bị ngăn chặn, làm thất bại. Bên cạnh kết quả đạt được, luận án cũng chỉ ra những hạn chế chủ yếu. Năng lực lãnh đạo, quản lý, dự báo và xử lý tình huống ở một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa đồng đều. Cơ chế phối hợp giữa các chủ thể có lúc, có nơi chưa thật chặt chẽ. Một số vấn đề về đất đai, rừng, tài nguyên, di cư, sinh kế, khiếu kiện, dân tộc, tôn giáo vẫn tiềm ẩn phức tạp. Chênh lệch phát triển, nghèo trong đồng bào DTTS, hạn chế về hạ tầng, dịch vụ công, năng lực số và khả năng tiếp cận thông tin vẫn có thể tác động đến niềm tin xã hội. Trên KGM, các thông tin sai lệch, xuyên tạc, kích động liên quan đến dân tộc, tôn giáo, đất đai, chính sách phát triển và các vụ

việc nhạy cảm tiếp tục đặt ra yêu cầu mới đối với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và bảo đảm ANCT.

Từ thực trạng đó, luận án rút ra nhận định quan trọng: nguy cơ tác động đến ANCT địa bàn Tây Nguyên không chỉ đến từ hoạt động chống phá trực tiếp của TLTD, mà còn có thể nảy sinh từ những bất cập trong quản trị phát triển, quản lý xã hội và vận hành HTCT cơ sở. Khi chính sách đúng nhưng triển khai chậm, quản lý thiếu minh bạch, đối thoại chưa kịp thời, quyền lợi chính đáng của Nhân dân chưa được giải quyết thỏa đáng, những vấn đề dân sinh có thể tích tụ thành bức xúc xã hội. Nếu bị kích động, xuyên tạc, các bức xúc ấy có thể chuyển hóa thành nguy cơ ANCT. Ngược lại, khi cấp ủy lãnh đạo sát thực tiễn, chính quyền quản lý hiệu quả, LLVT nắm chắc địa bàn, MTTQ và các tổ chức CT-XH vận động tốt, Nhân dân đồng thuận, thì ANCT được bảo đảm vững chắc từ cơ sở.

Trên cơ sở phân tích thực trạng và dự báo tình hình, luận án xác định yêu cầu bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới phải chuyển mạnh từ tư duy xử lý vụ việc sang tư duy phòng ngừa, quản trị rủi ro, phát hiện sớm, xử lý sớm và giải quyết từ gốc các mâu thuẫn xã hội. Trong bối cảnh không gian Tây Nguyên mở rộng, các yếu tố cao nguyên, biên giới, biên, đô thị, logistics, khu kinh tế, KGM và hội nhập quốc tế gắn kết chặt chẽ hơn, nhiệm vụ bảo đảm ANCT phải được đặt trong tư duy liên vùng, liên ngành, liên thông dữ liệu và phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể. Đây là yêu cầu mới, đồng thời là điều kiện để giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển bền vững.

Từ cơ sở lý luận, thực tiễn và dự báo tình hình, luận án đã đề xuất quan điểm và hệ thống giải pháp bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Các giải pháp được xây dựng theo hai trục lớn. Trục thứ nhất là vận hành hiệu quả cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, CAND làm nòng cốt. Trục thứ hai là phát triển để ổn định, ổn định để phát triển bền vững. Hai trục này gắn bó chặt chẽ với nhau, bởi muốn bảo đảm ANCT phải có cơ chế chính trị vận hành hiệu quả, đồng thời muốn cơ chế chính trị vận hành hiệu quả phải có nền tảng xã hội ổn định, đời sống Nhân dân được nâng lên, lợi ích chính đáng được bảo đảm và khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất năm nhóm giải pháp chủ yếu. Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong bảo đảm ANCT. Thứ hai, gắn bảo đảm ANCT với phát triển bền vững KT-XH, nâng

cao chất lượng quản trị cơ sở và xử lý các vấn đề xã hội nhạy cảm. Thứ ba, đổi mới phương thức bảo đảm ANCT theo hướng chủ động, hiện đại, dựa trên dữ liệu và thích ứng với KGM. Thứ tư, phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT, LLVT và Nhân dân trong bảo đảm ANCT. Thứ năm, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cán bộ DTTS và cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ bảo đảm ANCT.

Các nhóm giải pháp trên thể hiện cách tiếp cận toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Điểm chung của các giải pháp là đều hướng tới phòng ngừa từ sớm, từ xa, từ cơ sở; nâng cao chất lượng vận hành của HTCT; phát huy vai trò của Nhân dân; gắn an ninh với phát triển; kết hợp biện pháp chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, QP-AN, đối ngoại và công nghệ số. Đây là hướng tiếp cận phù hợp với đặc điểm của Tây Nguyên trong giai đoạn mới, khi ổn định chính trị không thể tách rời phát triển bền vững, quản trị minh bạch, đồng thuận xã hội và thế trận lòng dân. Như vậy, luận án đã góp phần bổ sung, làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận về bảo đảm ANCT từ góc độ Chính trị học, làm rõ thực trạng, kết quả, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, dự báo các yếu tố tác động trong bối cảnh mới, xác định quan điểm và đề xuất hệ thống giải pháp có tính tổng thể, khả thi. Kết quả nghiên cứu của luận án có giá trị khoa học và thực tiễn trong nhận diện đúng bản chất, cơ chế vận động, các yếu tố tác động và phương thức bảo đảm ANCT trên địa bàn chiến lược, đồng thời có ý nghĩa vận dụng trong hoạch định chủ trương, chính sách bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ  
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. **Trình Quốc Hưng** (2025), “*Xây dựng thể trận An ninh Nhân dân giữ vững an ninh chính trị Tây Nguyên hiện nay*”, Tạp chí Thanh niên, <https://thanhnienviet.vn/>, ISSN 2734-902, đăng ngày 15/08/2025.
2. **Trình Quốc Hưng** (2025), “*Tác động của toàn cầu hóa đến an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên hiện nay*”, Tạp chí Thanh niên, 15/08/2025, Tạp chí Thanh niên, <https://thanhnienviet.vn/>, ISSN 2734-902, đăng ngày 15/08/2025.
3. **Trình Quốc Hưng** (2025), “*Xây dựng chính quyền hai cấp vững mạnh góp phần giữ vững an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/>, ISSN 2815 - 5831, đăng ngày 28/8/2025.
4. **Trình Quốc Hưng** (2025), “*Bảo đảm An ninh nguồn nước góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia “*Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả bền vững tài nguyên trong nền kinh tế hội nhập*”, Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Mỏ - Địa chất phối hợp tổ chức, 11/2024, tr. 138.
5. **Trình Quốc Hưng** (2025), *Những yếu tố tác động đến an ninh chính trị ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, tr 73 -81, số 572 (10/2025), ISSN 252-2585.
6. **Trình Quốc Hưng**, *Xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân trên địa bàn Tây Nguyên*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/03/10/xay-dung-the-tran-an-ninh-nhan-dan-gan-voi-the-tran-quoc-phong-toan-dan-tren-dia-ban-tay-nguyen/>

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Bùi Đức Anh (2014), *Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia*, Tạp chí Cộng sản, số 87 (3 - 2014).
2. Phạm Ngọc Anh - Trần Văn Dũng (2020), *Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và an ninh quốc gia trong tình hình mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Bùi Quảng Bạ (2015), *Xây dựng thế trận an ninh Nhân dân - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.
4. Bùi Quảng Bạ (2020), Đề tài cấp Nhà nước “An ninh chính trị vùng Tây Nguyên trong bối cảnh quốc tế mới - Thực trạng và giải pháp”, mã số TN17/X03, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2015), *Kết luận số 114 - KL/TW ngày 04/7/2015 về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương (2016), *Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII: Một số vấn đề cấp bách về xây dựng, chỉnh đốn Đảng*, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương (2017), *Nghị quyết số 18 - NQ/TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 26 - NQ/TW ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ*, Hà Nội.
9. Ban Chấp hành Trung ương (2023), *Nghị quyết số 44 - NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Kết luận số 127 - KL/TW về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị*, Hà Nội.
11. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2011), Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 10 -NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX), Hà Nội.
12. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2012), Báo cáo số 56 - BC/BCĐTN ngày 25/10/2012 tổng kết 10 năm thực hiện NQ/TW 5 khóa IX về nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên, Đắk Lắk.
13. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên - Viện Nghiên cứu Phát triển phương Đông (2016), *Giá trị văn hóa truyền thống Tây Nguyên với phát triển bền vững*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

14. Triệu Văn Bình (2020), “*Tác động của dân di cư tự do đến kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Nguyên*”, Tạp chí Tuyên giáo điện tử, ngày 23-9-2020, <https://tuyengiao.vn/khoa-giao/khoa-hoc/tac-dong-cua-dan-di-cu-tu-do-den-kinh-te-xa-hoi-cac-tinh-tay-nguyen-129820>
15. Triệu Văn Bình (2023), *Quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
16. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 10 - NQ/TW ngày 18/01/2002 về phát triển KT-XH và bảo đảm Quốc phòng - An ninh trên địa bàn Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010*, Hà Nội.
17. Bộ Chính trị (2011), *Kết luận số 12/KL - TW ngày 24/10/2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10 - NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển trên địa bàn Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020*, Hà Nội.
18. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 51 - NQ/TW ngày 05/9/2019 về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia*, Hà Nội.
19. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
20. Bộ Công an (2005), Viện Chiến lược và Khoa học Công an, *Từ điển Bách khoa Công an Nhân dân*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.
21. Bộ Công an (2020), Cục Khoa học, chiến lược và lịch sử Công an, *Bách khoa toàn thư Công an Nhân dân Việt Nam*, Phần An ninh - tập 1, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.
22. Bộ Công an (2025), Cục An ninh nội địa, *Báo cáo tình hình dân tộc, tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên giai đoạn 2019 - 6/2025*, Hà Nội.
23. Bộ Nội vụ (2025), *Báo cáo Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - PAR Index 2024, kèm theo Quyết định số 268/QĐ-BNV ngày 28/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*, Hà Nội.
24. Bộ Quốc phòng (2004), Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
25. Công an tỉnh Đắk Lắk (2018-2025), *Báo cáo công tác bảo đảm an ninh, trật tự, Đắk Lắk*.
26. Công an tỉnh Đắk Nông (2018-2025), *Báo cáo công tác bảo đảm an ninh, trật tự, Đắk Nông*.

27. Công an tỉnh Gia Lai (2018-2025), *Báo cáo công tác bảo đảm an ninh, trật tự*, Gia Lai.
28. Công an tỉnh Kon Tum (2018-2025), *Báo cáo công tác bảo đảm an ninh, trật tự*, Kon Tum.
29. Công an tỉnh Lâm Đồng (2018-2025), *Báo cáo công tác bảo đảm an ninh, trật tự*, Lâm Đồng.
30. Vũ Hoàng Công (2002), *Hệ thống chính trị cơ sở - đặc điểm, xu hướng và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Cổng thông tin điện tử Bộ Công an (2025), *Công an tỉnh Kon Tum với công tác dân vận và phong trào thi đua “Dân vận khéo”*, truy cập <https://mps.gov.vn/bai-viet/cong-an-tinh-kon-tum-voi-cong-tac-dan-van-va-phong-trao-thi-dua-dan-van-keho-d23-t43467>, ngày 11/02/2025
32. Cổng thông tin điện tử Bộ Công an (2026), Ứng dụng “*Cảnh báo an ninh mạng Gia Lai*”: Nhận diện tội phạm lừa đảo trên không gian mạng”, truy cập <https://mps.gov.vn/bai-viet/gia-lai-nhan-dien-toi-pham-lua-dao-tren-khong-gian-mang-qua-ung-dung-1769044944>, ngày 23/01/2026.
33. Cổng thông tin điện tử Đắk Lắk (2026), *Đắk Lắk tổng kết công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2025*. <https://daklak.gov.vn/-/ak-lak-tong-ket-cong-tac-xay-dung-phong-trao-toan-dan-bao-ve-an-ninh-to-quooc-nam-2025>, truy cập ngày 28/02/2026
34. Trương Minh Dục (2008), *Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên (sách chuyên khảo)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Trương Minh Dục (2011), *Phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên trong những năm 2001 - 2010: từ chính sách đến thực tiễn*, Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên, số 3(3), tr.9 - 16.
36. Trương Minh Dục (2025), *Giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, góp phần xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo động lực, nền tảng cho sự phát triển bền vững trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới*, ngày 23 - 7 - 2025, <https://www.tapchiconsan.org.vn>
37. Trần Xuân Dung (2002), *Hoạt động lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch ở Tây Nguyên hiện nay - Thực trạng và giải pháp phòng ngừa*, đấu tranh, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
38. Nguyễn Tuấn Dũng (2024), *Xây dựng thế trận lòng dân trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới*, Báo Quân đội Nhân dân, ngày 11 - 5 - 2024, <https://www.qdnd.vn/>

39. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991) (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 60*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Tập 1*, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Tập 2*, Hà Nội.
45. Bùi Minh Đạo (2010), *Tổ chức và hoạt động buôn làng trong phát triển bền vững trên địa bàn Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. Bùi Minh Đạo (2012), *Một số vấn đề của xã hội Tây Nguyên trong phát triển bền vững*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
47. Lê Văn Đính (2024), *Một số giải pháp xây dựng, kiện toàn, củng cố hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Nguyên nhằm giữ vững ổn định chính trị - xã hội*. Quản Lý Nhà nước, (343), 85 - 89. <https://doi.org/10.59394/qlnn.343.2024.934>.
48. Đặng Quang Định (2023), “Giữ gìn, phát huy vai trò khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, Tạp chí Cộng sản, ngày 27/12/2023,
49. Nguyễn Thị Linh Giang (2017), *Thực thi chính sách an sinh xã hội trên địa bàn Tây Nguyên*, Luận án tiến sĩ, Học viện Hành chính quốc gia.
50. Lương Đức Hải (2016), *Đấu tranh với hoạt động phát triển lực lượng của tổ chức FULRO trong cán bộ, đảng viên người DTTS ở Tây Nguyên*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công an.
51. Mai Quang Hiên (2015), Đề tài khoa học cấp Bộ “*Xây dựng thế trận an ninh Nhân dân vùng chiến lược Tây Bắc trong tình hình hiện nay*”, Hà Nội.
52. Bùi Trung Hiếu (2016), *Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nghiệp vụ các đối tượng hệ FULRO trên địa bàn Tây Nguyên*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công an.
53. Đặng Văn Hiếu (chủ nhiệm) (2000), Đề tài khoa học cấp Bộ “*Xây dựng thế trận an ninh Nhân dân trong tình hình mới*”, Bộ Công an, Hà Nội.

54. Lê Xuân Hoa (2024), *Tác động tiêu cực của luật tục đối với thực hiện dân chủ ở cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay*, ngày 10 - 6 - 2024, <https://lyluanchinhtri.vn/>
55. Nguyễn Sĩ Hòa (2017), *Thực hiện bình đẳng dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.
56. Phan Hòa (2024), *Phát triển Tây Nguyên toàn diện, bền vững*, Báo Nhân dân, <https://nhandan.vn/>, truy cập ngày 06/3/2024.
57. Phạm Quang Hoan (2014), *Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên*, Đề tài khoa học cấp nhà nước, mã số TN3/X05, Hà Nội.
58. Nguyễn Văn Hường (2007), *Giữ vững an ninh chính trị - xã hội để hội nhập và phát triển*, Tạp chí Cộng sản, số 780.
59. Nguyễn Khắc Khánh (2022), *Đấu tranh với hoạt động của lực lượng FULRO lợi dụng tôn giáo xâm phạm an ninh, trật tự trên địa bàn Tây Nguyên*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh Nhân dân, Hà Nội.
60. Ksor H' Bơ Khấp (2022), *Xây dựng thế trận an ninh Nhân dân vùng chiến lược Tây Nguyên*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh Nhân dân, Hà Nội.
61. Tô Lâm (2016), *“Quan điểm của Đảng về thế trận an ninh Nhân dân”*, Tạp chí Lý luận chính trị, tháng 9/2016, Hà Nội.
62. Tô Lâm (2020), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới”*, Hà Nội.
63. Tô Lâm (2021), *Những điểm mới về an ninh quốc gia trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
64. Tô Lâm (2023), *Công an Nhân dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới*. Tạp chí Cộng sản.
65. Mai Thị Hồng Liên (2020), *Góp bàn về nội hàm khái niệm an ninh chính trị ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 7 (172).
66. Mai Thị Hồng Liên (2021), *Đảm bảo an ninh chính trị ở các tỉnh Tây Nguyên trong tình hình mới*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 6 (179).
67. Khắc Lịch (2019), *Tây Nguyên “gồng mình” gánh dân di cư tự do*, Báo Công an nhân dân điện tử, ngày 21-3-2019, <https://cand.com.vn/Phong-su-tu-lieu/Tay-Nguyen-gong-minh-ganh-dan-di-cu-tu-do-i514420/>
68. Võ Văn Lợi (2022), *“Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên”*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 534 (tháng 8 - 2022)

69. Đoàn Triệu Long (2022), *Phát triển kinh tế - xã hội miền Trung và Tây Nguyên theo quan điểm Đại hội XIII của Đảng*, Tạp chí Lý luận chính trị, ngày 26/02/2022.
70. Nông Văn Lưu (2001), Đề tài khoa học cấp Bộ “*Tổng kết lịch sử cuộc đấu tranh giải quyết vấn đề FULRO*”, Bộ Công an, Hà Nội.
71. Nông Văn Lưu (2019), Đề tài khoa học cấp Bộ “*Phòng, chống lợi dụng tôn giáo hoạt động ly khai dân tộc ở Việt Nam hiện nay*”, Hà Nội.
72. Nguyễn Thế Mau (2018), *Một số giải pháp giữ vững an ninh chính trị, trật tự ATXH trong tình hình mới*, Tạp chí Nghệ thuật quân sự Việt Nam, số 5 (170).
73. Nguyễn Văn Minh (2018), *Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.
74. Mai Đức Ngọc (2021), *Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội - Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 2.
75. Thái Đại Ngọc (2023), *Nhận diện và đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các TLTĐ lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo can thiệp vào an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên*, Tạp chí Cộng sản, ngày 02 - 10 - 2023, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>
76. Phạm Nguyên (2023), *Thời cơ và động lực để các tỉnh Tây Nguyên phát triển mạnh mẽ*, Tạp chí Dân tộc và phát triển, ngày 02/12/2023.
77. Lê Đức Nhẫn (2006), *Công tác đấu tranh của Bộ đội Biên phòng với hoạt động lợi dụng tôn giáo xâm phạm an ninh, trật tự ở khu vực biên giới các tỉnh Tây Nguyên - Những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh Nhân dân, Hà Nội.
78. Vương Thị Kim Oanh (2002), Đề tài khoa học cấp Bộ “*Nguyên nhân tâm lý xã hội của sự phục hồi, phát triển đạo Tin Lành trong đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh*”, Bộ Công an, Hà Nội.
79. Trần Quang Phương (2019), *Đấu tranh với âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gây bạo loạn, ly khai ở Tây Nguyên*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 7, tr.53 - 55.
80. Phan Duy Quang (2016), *Nhận thức của Đảng cộng sản Việt Nam về an ninh chiến lược từ 1986 đến nay*, Đề tài cơ sở - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
81. Phạm Mạnh Quang (2018), *Tăng cường công tác vận động đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên - Nội dung cốt lõi để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc*, Tạp chí Mặt trận, tháng 3/2018.

82. Nguyễn Hồng Quân (2013), *Những tác động của tình hình quốc tế, trong nước và một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia trong thời kỳ hội nhập quốc tế*, Tạp chí Khoa học giáo dục biên phòng, số 31, tháng 3/2013.
83. Quốc hội (2004), *Luật số 32/2004/QH11, Luật An ninh quốc gia ngày 3 tháng 12 năm 2004*.
84. Quốc hội (2025), *Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025*.
85. Quốc hội (2025), *Luật số 97/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều Luật MTTQ Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Thanh niên, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27/6/2025*.
86. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12/6/2025*.
87. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025*.
88. Hoàng Văn Sỹ (2025), *Binh đoàn 15 nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, <https://tapchiquptd.vn/vi/bao-ve-to-quoc/binh-doan-15-nang-cao-hieu-qua-thuc-hien-nhiem-vu-kinh-te-quoc-phong/23654.html>*
89. Trần Quang Tám (chủ nhiệm) (2017), *Đề tài khoa học cấp Bộ “Công tác công an bảo đảm an ninh ở địa bàn Tây Nguyên giai đoạn 2000- 2010”*, Hà Nội.
90. Trần Thị Thảo (2025), *Bảo vệ an ninh tư tưởng trong bối cảnh hiện nay, Tạp chí Lý luận chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn>, ngày 15/5/2025*.
91. Trần Văn Thạch (2025), *“Nhận diện những thủ đoạn của các TLTĐ hòng lung lạc niềm tin đồng bào dân tộc, gây bạo loạn ở Tây Nguyên”*, Tạp chí Lý luận chính trị số 565 (3 - 2025).
92. Phan Sỹ Thanh (2014), *Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
93. Vũ Hồng Thanh (2012), *Mùa xuân Ấ Rập và những bài học đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị*, Tạp chí Cộng sản, số 840.

94. Bùi Trung Thành (2014), “*Bàn thêm nhận thức về nền an ninh Nhân dân và thế trận an ninh Nhân dân*”, Tạp chí Khoa học và Giáo dục an ninh, số 07/2014.
95. Nguyễn Văn Thắng (2005), *Hoạt động của các TLTĐ phá hoại nội bộ và những giải pháp cơ bản đảm bảo an ninh nội bộ trong tình hình mới*, Đề tài cấp Nhà nước, mã số KX07 - 02, Hà Nội.
96. Phạm Tất Thắng (2023), *Công tác dân vận trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên: Thực trạng và giải pháp trong giai đoạn mới*, Tạp chí Cộng sản, tháng 4/2023.
97. Nguyễn Văn Thuận (2004), *Hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công An.
98. Nguyễn Duy Thụy (2020), *Nguồn lực tôn giáo trong quá trình xây dựng, phát triển bền vững trên địa bàn Tây Nguyên*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 9.
99. Nguyễn Duy Thụy (2021), *Tình hình các tôn giáo ở Tây Nguyên hiện nay và một số vấn đề đặt ra*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3 (207), tr.16 - 35.
100. Nguyễn Duy Thụy (2025), *Bảo tồn không gian văn hóa trên địa bàn Tây Nguyên và yêu cầu đặt ra khi sắp xếp lại đơn vị hành chính*, ngày 22 - 8 - 2025, <https://www.tapchicongsan.org.vn>
101. Nguyễn Thị Thanh Thùy (2020), *Phòng ngừa các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
102. Vũ Xuân Thủy (2017), *Các tỉnh ủy ở Tây Nguyên lãnh đạo công tác dân vận giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
103. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Đắk Lắk.
104. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2022), *Báo cáo số 210 - BC/TU ngày 11/5/2022 về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 05 - NQ/TU ngày 14/01/2005 của Tỉnh ủy về lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS trên địa bàn tỉnh*, Đắk Lắk.
105. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2023), *Nghị quyết số 18 - NQ/TU ngày 06/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, Đắk Lắk.
106. Tỉnh ủy Đắk Nông (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Đắk Nông.
107. Tỉnh ủy Đắk Nông (2023), *Báo cáo số 371 - BC/TU ngày 21/7/2023 về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Đắk Nông.

108. Tỉnh ủy Đắk Nông (2023), *Nghị quyết số 28 - NQ/TU ngày 30/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ năm 2024*, Đắk Nông.
109. Tỉnh ủy Gia Lai (2019), *Báo cáo số 415 - BC/TU ngày 21/5/2019 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 24 - NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa IX) về công tác dân tộc*, Gia Lai.
110. Tỉnh ủy Gia Lai (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Gia Lai.
111. Tỉnh ủy Gia Lai (2023), *Báo cáo số 428 - BC/TU ngày 14/8/2023 về báo cáo giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Gia Lai.
112. Tỉnh ủy Gia Lai (2023), *Nghị quyết số 11 - NQ/TU ngày 05/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2024*, Gia Lai.
113. Tỉnh ủy Gia Lai (2025), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Gia Lai.
114. Tỉnh ủy Kon Tum (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Kon Tum.
115. Tỉnh ủy Kon Tum (2023), *Báo cáo số 387 - BC/TU ngày 30/6/2023 về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025*, Kon Tum.
116. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Lâm Đồng.
117. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2022), *Nghị quyết số 22 - NQ/TU ngày 07/12/2022 về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng - hệ thống chính trị năm 2023*, Lâm Đồng.
118. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2023), *Báo cáo số 417 - BC/TU ngày 30/6/2023 về báo cáo giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Lâm Đồng.
119. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2025). *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*.
120. Tổng cục Thống kê (2024). *Niên giám Thống kê Việt Nam 2024*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê. Truy cập tại: <https://www.nso.gov.vn>
121. Vương Trần (2024), *Cơ đồ đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng sau gần 40 năm đổi mới*, Báo Lao động điện tử, <https://laodong.vn>, ngày 03/02/2024.
122. Phạm Hữu Trường (2018), *Chuyên án đấu tranh với đối tượng FULRO trên địa bàn Tây Nguyên*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh Nhân dân, Hà Nội
123. Hoàng Kông Tư (2003), *Thực trạng FULRO ở các tỉnh Tây Nguyên - Đề xuất giải pháp phòng, chống*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.

124. Hoàng Kông Tư (2010), *Quan điểm, định hướng, giải pháp đảm bảo an ninh nội bộ, phòng chống âm mưu chuyển hóa chính trị ở Việt Nam*, Đề tài KX.04 25-06/10 thuộc chương trình KX.04/06-10, Tổng Cục An ninh, Bộ Công an.
125. Hoàng Minh Tuấn (2013), Đề tài khoa học cấp Bộ “*Vấn đề tà đạo Hà Môn ở Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp phòng, chống*”, Hà Nội.
126. Phí Đức Tuấn (2013), “*Bàn về nội hàm của khái niệm nền an ninh Nhân dân và thế trận an ninh Nhân dân*”, Tạp chí Khoa học và Giáo dục an ninh, số 3/2013.
127. Trần Anh Vũ (2019), “*Xây dựng nền an ninh Nhân dân, thế trận an ninh Nhân dân trong 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991*”, Tạp chí Công an Nhân dân, tháng 12/2019.
128. Vũ Thế Tùng & Đỗ Thị Thạch (2024), *Một số quan điểm, nguyên tắc trong giải quyết vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc ở Việt Nam*, Tạp chí Lý luận chính trị. <https://lyluanchinhtri.vn>
129. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025), Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 16/4/2025 về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.
130. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2019), *Báo cáo số 108/BC-UBND ngày 24/4/2019 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc*, Đắk Lắk.
131. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2022), *Báo cáo số 356/BC-UBND ngày 13/12/2022 về kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Đắk Lắk.
132. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2023), *Báo cáo số 434/BC-UBND ngày 27/12/2023 về kết quả công tác dân tộc năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, Đắk Lắk
133. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (2022), *Báo cáo số 1336/BC - DBT ngày 22/12/2022 về kết quả công tác dân tộc năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Đắk Nông.
134. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (2023), *Báo cáo số 1346/BC - BDT ngày 21/12/2023 về kết quả công tác dân tộc năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*, Đắk Nông.
135. Ủy ban nhân dân tỉnh Tỉnh Gia Lai (2022), *Báo cáo số 1430/BC-BDT ngày 05/12/2022 về tổng kết công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Gia Lai.
136. Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Gia Lai (2023), *Báo cáo số 50/BC-SNV ngày 05/01/2023 về kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, Gia Lai.

137. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (2019), *Báo cáo số 47/BC-BDT ngày 01/3/2019 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc*, Kon Tum.
138. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (2022), *Báo cáo số 418/BC-UBND ngày 16/12/2022 về kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, Kon Tum.
139. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (2023), *Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 30/6/2023 về đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*, Kon Tum.
140. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (2023), *Báo cáo số 469/BC-UBND ngày 13/12/2023 về kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 trên địa bàn tỉnh*, Kon Tum.
141. Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum (2023), *Báo cáo số 501/BC-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 về kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2024*, Kon Tum.
142. Viện nghiên cứu Tôn giáo (2023), Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, *Tôn giáo, tín ngưỡng ở khu vực Tây Nguyên hiện nay*, Số 4 (196), 2020, 55 - 78 (2023).
143. Lê Anh Xuân (2009), *Từ điển Từ Hán Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
144. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
145. Lý Bảo Yên (2023), *Tây Nguyên trước áp lực di cư tự do*, Báo Nhân dân điện tử, ngày 14-7-2023, <https://nhandan.vn/tay-nguyen-truoc-ap-luc-di-cu-tu-do-post762367.html>

## II. Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài

146. Barry Buzan (1991). *People, states and fear: An agenda for international security studies in the post-Cold War era (Con người, Nhà nước và mối đe dọa: Định hướng nghiên cứu an ninh quốc tế thời hậu Chiến tranh Lạnh)*. Harvester Wheatsheaf.
147. Zbigniew Brzezinski (1997/2016). *The grand chessboard: American primacy and its geostrategic imperatives (Bàn Cờ lớn: Vị thế tối thượng của Hoa kỳ và những đòi hỏi địa - chiến lược)*. Basic books.
148. Lawrence Freedman (2013). *Strategy: A history (Chiến lược: Lịch sử hình thành và phát triển)*. Oxford University Press.

149. G.V. Lepes (2018), *Современные угрозы безопасности границ и устойчивого развития (Các mối đe dọa hiện đại đối với an ninh biên giới và phát triển bền vững)*, Вопросы сервисной техники и технологий, № 4(46)
150. Jürgen Habermas (1989). *Justice and Solidarity: On the Discussion Concerning Stage 6 (Công lý và đoàn kết: Về thảo luận liên quan đến giai đoạn 6)*. Philosophical Forum, 21(1- 2), 32- 52.
151. OZ. Hassan (2015). *Political security: From the 1990s to the Arab Spring (An ninh chính trị: Từ thập niên 1990 đến Mùa xuân Ả Rập)*. Contemporary Politics, Vol. 21, No. 1, 86-99.
152. Gerald C. Hickey (1967), *The Highland People of South Vietnam: Social and Economic Development (Người Thượng ở Nam Việt Nam: Sự phát triển kinh tế - xã hội)*, bản dịch Đỗ Quang Thắng.
153. Hu Angang (2011). *China in 2020: A New Type of Superpower ((Trung Quốc năm 2020: Một kiểu siêu cường mới)*. Brookings Institution Press.
154. Bijan Karimi (2016). *Applying the Economic, Homeland and National Security Analysis Framework (Áp dụng khung phân tích kinh tế, an ninh nội địa và an ninh quốc gia)*. Homeland Security Affairs, 12, Essay 4.
155. Peter J. Katzenstein (1996), *National Security in a Changing World (Kết luận: An ninh quốc gia trong một thế giới đang biến đổi)*, in *The Culture of National Security: Norms and Identity in World Politics*, New York: Columbia University Press.
156. Joseph J. Romm (1993). *Defining National Security: The Nonmilitary Aspects (Định nghĩa an ninh quốc gia: Các khía cạnh phi quân sự)*. New York: Council on Foreign Relations Press.
157. Svetlana Stanarević và Jasmina Gačić (2014), “*Culture as National Security Interest*”, *Journal of Security Studies*, 2(1).
158. Vladimir Sergeevich Karlakov (2019). *Современные политико-экономические вызовы национальной безопасности Российской Федерации (Những thách thức chính trị - kinh tế hiện đại đối với an ninh quốc gia liên bang Nga)*. Вестник Финансового университета, 9(6).
159. Yan Xuetong (阎学通) & Xu Jin (徐进) (2009), *International Politics in Transition: The Chinese Perspective (转型中的国际政治：中国视角)*, Tsinghua University Press (清华大学出版社), Beijing. (Chính trị Quốc tế trong Thời kỳ Chuyển đổi: Góc nhìn Trung Quốc), Nhà xuất bản Đại học Thanh Hoa, Bắc Kinh.

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1 PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN (Dành cho cán bộ)

#### ***Đồng chí thân mến!***

Chúng tôi thực hiện khảo sát này nhằm thu thập ý kiến của cán bộ về công tác bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên hiện nay. Các thông tin Đồng chí cung cấp chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, hoàn toàn được bảo mật, không tiết lộ danh tính.

Xin đề nghị Đồng chí trả lời các câu hỏi dưới đây theo đúng suy nghĩ và thực tiễn công tác của mình. Với mỗi câu hỏi đã có sẵn phương án trả lời, Đồng chí chỉ cần đánh dấu (X) hoặc khoanh tròn vào ô thích hợp nhất.

#### ***Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Đồng chí!***

#### A. VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, CHÍNH QUYỀN

***A1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về các nội dung sau trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý an ninh chính trị (ANCT) tại địa phương trong 12 tháng qua.***

*(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Khá tốt, 4 = Rất tốt, NA = Không áp dụng/Không biết)*

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
1.	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền trong bảo đảm ANCT					
2.	Mức độ quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị về ANCT trong cơ quan, đơn vị					
3.	Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền trong lĩnh vực ANCT					
4.	Hiệu quả phối hợp giữa các cấp, ngành, lực lượng (công an, quân đội, dân vận...) trong bảo đảm ANCT					
5.	Tính minh bạch, công khai trong việc tiếp nhận và xử lý các vấn đề phức tạp về ANCT tại địa phương					
6.	Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về ANCT đến người dân					

***A2. Trong 12 tháng qua, đơn vị Đồng chí đã THỰC HIỆN các hoạt động sau bao nhiêu lần? (Đánh dấu vào các ô theo mức độ 1 = Chưa lần nào; 2 = 1 - 2 lần; 3 = 3 - 5 lần; 4 = Hơn 5 lần)***

TT	Thực hiện hoạt động	1	2	3	4
1.	Ban hành kế hoạch hóa nghị quyết				
2.	Tổ chức đối thoại công khai				
3.	Công khai kết quả xử lý vụ việc thực tế				

**A3. Xin đồng chí đánh giá mức độ hiểu biết và áp dụng của bản thân đối với các chủ trương, chính sách sau đây có liên quan đến bảo đảm an ninh chính trị tại Tây Nguyên.** (Đánh dấu vào mức độ phù hợp **1** = Chưa nắm, **2** = Nắm cơ bản, **3** = Nắm vững, **4** = Nắm vững và đã triển khai trong công tác, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
1.	Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng					
2.	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên					
3.	Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới					
4.	Chuyển đổi số trong quản lý và bảo đảm ANCT					

## B. VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ

**B1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về các nội dung sau trong hoạt động của lực lượng vũ trang tại địa phương trong 12 tháng qua.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm **1** = Yếu, **2** = Trung bình, **3** = Khá tốt, **4** = Rất tốt, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
1.	Mức độ gắn bó, gần dân và hỗ trợ Nhân dân của lực lượng vũ trang					
2.	Hiệu quả nắm bắt tình hình, dự báo sớm các nguy cơ phức tạp về ANCT					
3.	Năng lực xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp, điểm nóng (đất đai, tôn giáo, di cư...)					
4.	Mức độ phối hợp giữa Công an - Quân đội - Dân quân tự vệ trong giữ gìn ANCT					
5.	Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo vệ ANCT và giữ gìn trật tự					
6.	Hiệu quả hoạt động của Công an xã chính quy, Bộ đội Biên phòng, Dân quân tự vệ tại cơ sở					
7.	Mức độ sẵn sàng chiến đấu, phản ứng nhanh trong các tình huống đột xuất, bất ngờ					
8.	Công tác huấn luyện, bồi dưỡng chính trị - pháp luật và nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang cơ sở					
9.	Mức độ công khai trong hoạt động của lực lượng vũ trang tại địa phương					

**B2. Theo Đồng chí, lực lượng vũ trang ở địa phương cần cải thiện những mặt nào để nâng cao hiệu quả bảo đảm an ninh chính trị? (Đó là vấn đề gì (về tổ chức, cán bộ, phối hợp, dân vận, trang bị...)?; Nguyên nhân của hạn chế hiện nay là gì?; Đồng chí có đề xuất, kiến nghị gì?)**

.....

.....

**B3. Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ hiểu biết và khả năng vận dụng các quy trình, kế hoạch cụ thể nhằm bảo đảm ANCT tại địa phương?**

(Đánh dấu vào mức độ phù hợp: **1** = Chưa nắm, **2** = Nắm cơ bản, **3** = Nắm vững, **4** = Nắm vững và đã triển khai trong công tác, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
1.	Quy trình xử lý tình huống điểm nóng về đất đai, tôn giáo, di cư					
2.	Phương án bảo vệ an ninh mạng, phòng chống tin giả					
3.	Quy chế phối hợp Công an - Quân đội - Dân quân tự vệ					
4.	Phương án “ <i>bốn tại chỗ</i> ” trong bảo đảm ANCT ( <i>chỉ huy, lực lượng, phương tiện, hậu cần</i> )					
5.	Quy trình thu thập và phân ánh tình hình dư luận xã hội ở cơ sở					
6.	Kế hoạch tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng					
7.	Phương án phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn âm mưu “ <i>diễn biến hòa bình</i> ”					

**B4. Theo nhận định của đồng chí, các nội dung sau đây cần thiết ở mức độ nào trong việc nâng cao năng lực cho lực lượng vũ trang cơ sở nhằm bảo đảm ANCT tại địa phương?**

(Đánh dấu vào mức độ phù hợp: **1** = Không cần thiết, **2** = Ít cần thiết, **3** = Cần thiết, **4** = Rất cần thiết, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung chủ trương	1	2	3	4	NA
1.	Tập huấn kỹ năng dân vận, hòa giải mâu thuẫn trong cộng đồng					
2.	Bồi dưỡng kiến thức về an ninh mạng, xử lý thông tin xấu độc					
3.	Trang bị phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác bảo đảm ANCT					
4.	Diễn tập phương án phối hợp đa lực lượng trong xử lý các tình huống phức tạp					
5.	Bồi dưỡng kiến thức pháp luật liên quan đến dân tộc - tôn giáo - đất đai.					
6.	Đào tạo kỹ năng truyền thông, tuyên truyền, nắm bắt dư luận xã hội.					

**C. VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH**

**C1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT-XH và người có uy tín trong cộng đồng đối với công tác bảo đảm ANCT ở địa phương trong 12 tháng qua.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Khá tốt, 4 = Rất tốt, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
1.	Vai trò chung của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH trong bảo đảm ANCT					
2.	Uy tín, ảnh hưởng của già làng, người có uy tín trong cộng đồng DTTS					
3.	Khả năng hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp (đất đai, tín ngưỡng, đời sống cộng đồng) của già làng/người uy tín					
4.	Vai trò của chức sắc tôn giáo chính thống trong vận động tín đồ “sống tốt đời, đẹp đạo”					
5.	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ người DTTS					
6.	Niềm tin của Nhân dân vào MTTQ, đoàn thể, già làng, chức sắc tôn giáo trong giữ gìn ổn định cộng đồng					

**C2. Để phát huy tốt hơn vai trò của MTTQ cần tiến hành**

TT	Nội dung	
1	Hoạt động thiết thực, gần dân, nắm tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân	<input type="checkbox"/>
2	Đẩy mạnh giám sát, phản biện xã hội và công tác dân vận	<input type="checkbox"/>
3	Bổ sung, hoàn thiện chế độ, chính sách hỗ trợ, đãi ngộ	<input type="checkbox"/>
4	Nâng cao năng lực, trình độ, nhận thức CT-XH	<input type="checkbox"/>
5	Tăng cường đoàn kết, gắn bó giữa các lực lượng và cộng đồng dân cư	<input type="checkbox"/>

**C3. Theo đồng chí, các hoạt động sau đây có mức độ cần thiết như thế nào trong việc nâng cao hiệu quả vai trò của MTTQ, đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị tại địa phương?**

(Đánh dấu vào mức độ phù hợp: 1 = Không cần thiết, 2 = Ít cần thiết, 3 = Cần thiết, 4 = Rất cần thiết, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung hoạt động	1	2	3	4	NA
1.	Tăng cường đối thoại giữa chính quyền, MTTQ, đoàn thể với Nhân dân					
2.	Phát huy vai trò của già làng/người uy tín trong hòa giải mâu thuẫn					
3.	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn thể, cán bộ DTTS					

4.	Tăng cường sự phối hợp giữa chức sắc tôn giáo và chính quyền trong tuyên truyền tín đồ					
5.	Bổ sung chế độ, chính sách khuyến khích đối với già làng, chức sắc tôn giáo, người có uy tín.					
6.	Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền trực tiếp qua già làng, người có uy tín.					
7.	Lồng ghép vai trò của MTTQ, đoàn thể trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại cộng đồng.					

**C4. Đồng chí có biết đến hoặc đã từng tham gia vào các mô hình, phong trào quần chúng do MTTQ, các tổ chức đoàn thể phối hợp tổ chức nhằm giữ gìn an ninh chính trị tại địa phương không? (Có thể chọn nhiều phương án phù hợp)**

(Đánh dấu vào mức độ phù hợp: **1** = Chưa biết, **2** = Biết nhưng chưa tham gia, **3** = Đã từng tham gia, **4** = Hiện vẫn đang tham gia, **5** = Giữ vai trò nòng cốt)

TT	Tham gia	1	2	3	4	NA
1.	1. Tổ an ninh tự quản					
2.	2. Tổ hòa giải ở cơ sở					
3.	3. Phong trào “Toàn dân bảo vệ ANTTQ”					
4.	4. Tổ công nghệ số cộng đồng					

**D. THỰC TRẠNG NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ**

**D1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về hiệu quả các nội dung, phương thức bảo đảm an ninh chính trị tại địa phương trong 12 tháng qua.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm **1** = Chưa tốt, **2** = Trung bình, **3** = Khá tốt, **4** = Rất tốt, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
1.	Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân					
2.	Hoạt động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch					
3.	Mức độ đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc tại địa phương					
4.	Việc thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo tại địa phương					
5.	Vai trò của chức sắc tôn giáo trong vận động tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo					
6.	Hiệu quả công tác hòa giải tranh chấp, mâu thuẫn trong cộng đồng					
7.	Mức độ phát triển kinh tế - xã hội góp phần củng cố ANCT					

8.	Hiệu quả xử lý các điểm nóng (kiếu kiện, tranh chấp đất đai, tôn giáo...)					
9.	Hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trên KGM					
10.	Công tác phòng, chống tin giả, thông tin xấu độc trên mạng xã hội					
11.	Khả năng vận hành, sử dụng kênh thông tin chính thống của cơ quan/địa phương					

**D2. Trong 12 tháng qua, đơn vị Đồng chí đã THỰC HIỆN các hoạt động sau bao nhiêu lần?** (Đánh dấu vào các ô theo mức độ **1** = Chưa lần nào; **2** = 1 - 2 lần; **3** = 3 - 5 lần; **4** = Hơn 5 lần)

TT	Thực hiện hoạt động	1	2	3	4
1.	Họp liên ngành xử lý điểm nóng (đất đai, tôn giáo, dân tộc...)				
2.	Diễn tập phương án “bốn tại chỗ” ứng phó tình huống phức tạp				
3.	Tập huấn xử lý tin giả, khủng hoảng truyền thông				
4.	Tổ chức đối thoại công khai với dân về vụ việc nhạy cảm				
5.	Kiểm tra, giám sát chuyên đề (đất đai, tôn giáo, di cư...)				
6.	Tổ chức truyền thông phòng ngừa, giáo dục chính trị - tư tưởng tại cộng đồng				
7.	Hoạt động xử lý tin giả, tin xấu độc trên mạng xã hội				

**D3. Theo đánh giá của đồng chí, các phương thức sau đây đã phát huy hiệu quả như thế nào trong công tác bảo đảm an ninh chính trị tại cơ sở trong 12 tháng qua.**

(Đánh dấu vào các ô theo mức độ **1** = Chưa hiệu quả; **2** = Bình thường; **3** = Khá hiệu quả; **4** = Rất hiệu quả, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Đánh giá nội dung	1	2	3	4	NA
1.	Lồng ghép bảo đảm ANCT với phát triển kinh tế - xã hội địa phương					
2.	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức ANCT cho cán bộ, đảng viên					
3.	Sử dụng mạng xã hội, công nghệ số trong tuyên truyền ANCT					
4.	Hoạt động tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân					
5.	Phối hợp liên ngành giữa Công an - Quân sự - MTTQ - Đoàn thể trong xử lý điểm nóng					

**D4. Theo đồng chí, các nội dung đổi mới sau đây có mức độ cấp thiết như thế nào đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị tại cơ sở trong giai đoạn hiện nay?**  
(Đánh dấu vào mức độ phù hợp: **1** = Không cần thiết, **2** = Ít cần thiết, **3** = Cần thiết, **4** = Rất cần thiết, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đổi mới	1	2	3	4	NA
1.	Tăng cường ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn trong quản lý ANCT					
2.	Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa công an - quân đội - đoàn thể					
3.	Mở rộng xã hội hóa công tác bảo đảm ANCT (gắn với MTTQ, đoàn thể, cộng đồng)					
4.	Xây dựng cơ chế bảo vệ người cung cấp thông tin					
5.	Tăng cường đối thoại công khai, minh bạch với Nhân dân					

**E. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ**

**E1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về những thành tựu trong công tác bảo đảm an ninh chính trị ở địa phương trong 12 tháng qua.**  
(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm **1** = Yếu, **2** = Trung bình, **3** = Khá tốt, **4** = Rất tốt, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
1.	Mức độ ổn định chính trị và xã hội ở địa phương					
2.	Hiệu quả xử lý các vụ việc phức tạp, điểm nóng về dân tộc, tôn giáo, đất đai...					
3.	Sự phát triển kinh tế - xã hội góp phần duy trì và củng cố an ninh chính trị					
4.	Vai trò tích cực của già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo trong bảo đảm ANCT					
5.	Hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ ANCT trong vận động quần chúng tham gia					
6.	Hiệu quả công tác phối hợp giữa các lực lượng vũ trang, ngành chức năng và đoàn thể CT-XH					

**E2. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đồng tình với các nhận định sau về những hạn chế trong công tác bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) ở địa phương.**  
(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm **1** = Không đồng tình, **2** = Ít đồng tình, **3** = Đồng tình, **4** = Hoàn toàn đồng tình, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
1.	Năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ cơ sở còn hạn chế					

2.	Quản lý đất đai, di dân và tôn giáo còn nhiều bất cập					
3.	Xử lý tin giả, thông tin xấu độc trên mạng chưa hiệu quả					
4.	Chính sách và cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương chưa đồng bộ, hiệu quả					
5.	Tình trạng di dân tự do, vượt biên trái phép còn diễn biến phức tạp					

**E3. Theo đồng chí, những khó khăn chính trong quá trình phối hợp giữa các lực lượng tại địa phương trong công tác bảo đảm an ninh chính trị là gì?**

(Có thể chọn nhiều phương án phù hợp với thực tế tại địa phương của đồng chí)

TT	Nội dung	
1	Chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, lực lượng	<input type="checkbox"/>
2	Thiếu cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu kịp thời, đặc biệt trong tình huống khẩn cấp	<input type="checkbox"/>
3	Hạn chế về kinh phí, trang bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác bảo đảm ANCT	<input type="checkbox"/>
4	Thiếu tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phối hợp giữa các lực lượng ở cơ sở trong phối hợp	<input type="checkbox"/>
5	Nhận thức, trách nhiệm chưa đồng đều	<input type="checkbox"/>
6	Thiếu cơ chế xử lý trách nhiệm khi phối hợp không hiệu quả	<input type="checkbox"/>
7	Chưa có quy trình phối hợp cụ thể trong xử lý các tình huống phức tạp hoặc điểm nóng	<input type="checkbox"/>
8	Yếu tố ngôn ngữ, phong tục, tập quán cản trở phối hợp (đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số)	<input type="checkbox"/>

**E4. Theo đồng chí, mức độ cần thiết của các giải pháp sau đây trong việc tăng cường phối hợp liên ngành nhằm bảo đảm an ninh chính trị tại cơ sở như thế nào?**

(Đánh dấu vào ô phù hợp: 1 = Không cần thiết, 2 = Ít cần thiết, 3 = Cần thiết, 4 = Rất cần thiết)

TT	Đánh giá giải pháp	1	2	3	4
1.	Xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành, kịp thời, thống nhất				
2.	Tổ chức diễn tập, thực hành phối hợp giữa các lực lượng tại cơ sở				
3.	Ban hành quy chế phối hợp rõ ràng, phân định trách nhiệm cụ thể				
4.	Bổ sung nguồn lực tài chính, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật				
5.	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về kỹ năng làm việc liên ngành				

**F. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ Ở ĐỊA PHƯƠNG**

**F1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về các vấn đề còn khó khăn trong công tác bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm **1** = Không đáng kể, **2** = Ít đáng kể, **3** = Đáng kể, **4** = Rất đáng kể, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Hạn chế trong bảo đảm an ninh chính trị	1	2	3	4	NA
1.	Năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tham gia còn hạn chế					
2.	Quy chế phối hợp giữa các lực lượng chưa rõ ràng, gây chùng chéo trách nhiệm					
3.	Điều kiện kinh phí, trang bị, phương tiện phục vụ công tác còn thiếu					
4.	Điều kiện kinh phí, trang bị					
5.	Địa hình, khí hậu, giao thông phức tạp gây trở ngại cho công tác					
6.	An ninh mạng, tin giả, thông tin xấu độc ngày càng gia tăng					
7.	Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch					
8.	Tình trạng di dân tự do và vượt biên trái phép còn phức tạp					

**F2. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ tin cậy của mình đối với các chủ thể, cơ chế sau trong công tác bảo đảm an ninh chính trị tại địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm **1** = Không tin cậy, **2** = Ít tin cậy, **3** = Khá tin cậy, **4** = Rất tin cậy, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
1.	Cấp ủy, chính quyền địa phương					
2.	Lực lượng vũ trang (Công an, Quân đội, DQTV...)					
3.	Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể CT-XH					
4.	Cơ chế đối thoại, công khai, minh bạch với Nhân dân					

**F3. Theo đồng chí, việc triển khai công tác bảo đảm ANCT tại cơ sở hiện nay nhìn chung là...**

TT	Mức độ đánh giá	
1	Rất thuận lợi	<input type="checkbox"/>
2	Thuận lợi	<input type="checkbox"/>
3	Bình thường	<input type="checkbox"/>
4	Khó khăn	<input type="checkbox"/>
5	Rất khó khăn	<input type="checkbox"/>

**F4. Những khó khăn cụ thể mà đồng chí thường gặp phải trong quá trình triển khai công tác bảo đảm an ninh chính trị tại địa phương là gì? (Có thể chọn nhiều phương án phù hợp)**

TT	Nội dung đánh giá	
1	Thiếu tài liệu, nghiệp vụ - Có	<input type="checkbox"/>
2	Kinh phí, phương tiện - Có	<input type="checkbox"/>
3	Thiếu phối hợp - Có	<input type="checkbox"/>
4	Chưa am hiểu phong tục, tập quán - Có	<input type="checkbox"/>

**F5. Đồng chí cho biết mức độ cần thiết của các nội dung đào tạo, bồi dưỡng sau để nâng cao hiệu quả công tác**

(Đánh dấu vào mức phù hợp: 1 = Không cần thiết, 2 = Ít cần thiết, 3 = Cần thiết, 4 = Rất cần thiết, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	1	2	3	4	NA
1.	Kiến thức chính trị - pháp luật					
2.	Kỹ năng nắm bắt, xử lý tình huống phức tạp tại cơ sở					
3.	Kỹ năng phối hợp liên ngành, liên cấp					
4.	Am hiểu phong tục, ngôn ngữ đồng bào DTTS					
5.	Kỹ năng ứng dụng công nghệ số, bảo đảm ANCT trên KGM					
6.	Kỹ năng nhận diện, xử lý tin giả và phản ứng với khủng hoảng truyền thông					

## G. THÔNG TIN CÁ NHÂN

### G1. Giới tính:

Nam       Nữ       Giới tính khác (ghi rõ nếu muốn): .....

### G2. Độ tuổi:

Dưới 25       25-30       31- 40       41-50       50 - 60       Trên 60

**G3. Đồng chí vui lòng cho biết dân tộc của mình và ngôn ngữ thường xuyên sử dụng trong công việc hằng ngày (có thể chọn nhiều lựa chọn):**

#### 1. Dân tộc:

Kinh       Êđê       Gia Rai       Ba Na       M'ông  
 Khác (ghi rõ): .....

#### 2. Ngôn ngữ thường xuyên sử dụng trong công việc:

Chỉ tiếng Việt  
 Tiếng Việt và ngôn ngữ dân tộc thiểu số (ghi rõ: .....) )

Chủ yếu dùng ngôn ngữ dân tộc thiểu số (ghi rõ: .....)

**G4. Đồng chí có theo tôn giáo nào không?:**

Không       Phật giáo       Công giáo       Tin Lành       Cao Đài  
 Phật giáo Hòa Hảo       Khác (ghi rõ): .....

**G5. Trình độ học vấn:**

THCS       THPT  
 Trung cấp/ Cao đẳng       Đại học       Sau đại học

**G6. Chức vụ hiện nay:**

Cán bộ lãnh đạo, quản lý (Bí thư, Chủ tịch, Trưởng công an...)  
 Cán bộ chuyên trách (cán bộ công an, quân sự, mặt trận, đoàn thể...)  
 Cán bộ kiêm nhiệm  
 Người có uy tín, già làng, trưởng thôn, tổ trưởng dân phố  
 Cán bộ bán chuyên trách/thuộc tổ chức CT-XH  
 Khác (ghi rõ): .....

**G7. Thâm niên công tác:**

Dưới 1 năm       1-5 năm       6-10 năm  
 11 - 20 năm       trên 20 năm

**G8. Đồng chí hiện đang công tác tại cấp nào và địa bàn nào?**

**1. Cấp công tác:**

Cấp tỉnh       Cấp Xã/ Phường       Thôn/ Buôn/ Làng

**2. Đặc điểm địa bàn:**

Biên giới       Không biên giới

**G9. Đồng chí có tham gia tổ chức CT-XH nào không?**

Có       Không

(Nếu có, vui lòng ghi rõ tên tổ chức: .....)

*Xin cảm ơn Đồng chí đã tham gia nghiên cứu!*

**PHỤ LỤC 2**  
**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**  
*(Dành cho người dân)*

***Kính thưa Ông/Bà,***

Chúng tôi đang tiến hành khảo sát nhằm thu thập ý kiến của người dân về công tác bảo đảm an ninh chính trị tại khu vực Tây Nguyên hiện nay. Các thông tin Ông/Bà cung cấp chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, hoàn toàn được bảo mật và không tiết lộ danh tính.

Kính mong Ông/Bà vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây theo đúng suy nghĩ và trải nghiệm thực tế của mình. Với mỗi câu hỏi đã có sẵn phương án, Ông/Bà chỉ cần đánh dấu (X) hoặc khoanh tròn vào ô lựa chọn phù hợp nhất.

***Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/Bà!***

**A. ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CHÍNH QUYỀN TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ**

***A1. Theo trải nghiệm của Ông/Bà, xin vui lòng cho biết mức độ hài lòng hoặc đánh giá của mình về các nội dung sau đây trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự ở địa phương.***

*(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Tốt, 4 = Rất tốt, 5 = Không biết/Không rõ)*

<b>TT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
1.	Sự quan tâm và lãnh đạo của chính quyền địa phương về an ninh chính trị					
2.	Việc tuyên truyền các chính sách, quy định về an ninh cho người dân					
3.	Sự phối hợp giữa công an, quân đội, chính quyền trong giữ gìn an ninh					
4.	Việc tiếp nhận và giải quyết các ý kiến, khiếu nại của người dân về an ninh					
5.	Sự minh bạch trong cung cấp thông tin liên quan đến các vụ việc an ninh					
6.	Công tác phòng chống tin giả, thông tin xấu trên mạng					
7.	Quản lý đất đai minh bạch, hợp lý, không gây bức xúc					
8.	Chính quyền tôn trọng và tạo điều kiện cho sinh hoạt tôn giáo hợp pháp					
9.	Việc quản lý di dân, nhập cư được thực hiện công bằng, ổn định					
10.	Các mô hình tự quản tại cộng đồng (tổ hòa giải, tổ an ninh...) hoạt động hiệu quả					
11.	Các thủ tục hành chính ở địa phương thuận tiện, dễ thực hiện					
12.	Cải cách hành chính góp phần củng cố niềm tin của người dân với chính quyền					

**A2. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ tham gia và tiếp cận thông tin của mình về an ninh chính trị (ANCT) ở địa phương.**

(Đánh dấu vào ô tương ứng theo thang điểm: 1 = Không bao giờ, 2 = Thỉnh thoảng, 3 = Thường xuyên, 4 = Rất thường xuyên)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4
1.	Tiếp cận thông tin chính thông về ANCT từ chính quyền, đoàn thể địa phương				
2.	Tham gia sinh hoạt chính trị, học tập nghị quyết, tuyên truyền pháp luật				
3.	Biết các chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng, Nhà nước về ANCT (ví dụ: bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nền tảng tư tưởng, phát triển Tây Nguyên...)				
4.	Tiếp nhận thông tin phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, kích động trên mạng xã hội hoặc tại địa phương				

**A3. Trong 12 tháng qua, Ông/Bà có từng tham gia các buổi đối thoại công khai (ví dụ: hội nghị tiếp dân, hội nghị thôn/xã có mời chính quyền địa phương cùng người dân thảo luận) liên quan đến các vấn đề về an ninh, trật tự (như trộm cắp, xâm phạm đất đai, mâu thuẫn dân sự, an ninh địa bàn...) không?** (chọn 1 phương án)

Không bao giờ

1 - 2 lần

3 - 5 lần

Trên 5 lần

**A4. Ông/Bà thường xuyên tiếp nhận thông tin liên quan đến an ninh chính trị (ANCT) qua những kênh nào sau đây?** (Có thể chọn nhiều phương án)

1. Truyền hình/phát thanh trung ương (VTV, VOV...)

2. Truyền hình/phát thanh địa phương (Đài tỉnh, huyện, xã tiếng dân tộc)

3. Báo chí (báo in, báo điện tử)

4. Loa phát thanh xã/thôn

5. Tuyên truyền trực tiếp của cán bộ cơ sở

6. Họp thôn/buôn, sinh hoạt cộng đồng

7. Buổi sinh hoạt đoàn thể (Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi...)

8. Già làng, trưởng buôn, người có uy tín

9. Mạng xã hội (Facebook, Zalo, YouTube...)

10. Văn bản của chính quyền, đoàn thể gửi tới người dân

11. Khác (ghi rõ): .....

**A5. Theo Ông/Bà, việc giữ gìn an ninh, trật tự (ví dụ: không để xảy ra mất đoàn kết, khiếu kiện, xuyên tạc, chia rẽ dân tộc...) ở địa phương còn điều gì khó khăn hay chưa làm tốt?**

.....

## B. ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ

**B1. Ông/Bà vui lòng đánh giá mức thể hiện vai trò của lực lượng vũ trang trong bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Tốt, 4 = Rất tốt)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4
1.	Gắn bó, gần gũi với Nhân dân trong giữ gìn an ninh				
2.	Nắm bắt sớm tình hình, cảnh báo kịp thời các nguy cơ mất an ninh				
3.	Xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp (liên quan đến đất đai, tôn giáo, nông thôn...)				
4.	Phối hợp tốt giữa công an, quân đội, dân quân tự vệ				
5.	Tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ an ninh				
6.	Hoạt động của lực lượng tại cơ sở (công an xã, bộ đội biên phòng, dân quân...)				
7.	Sẵn sàng ứng phó nhanh khi có sự việc bất thường xảy ra				
8.	Được huấn luyện, đào tạo về chính trị, pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ				
9.	Làm việc minh bạch, rõ ràng, không gây phiền hà cho dân				
10.	Được Nhân dân tin tưởng là lực lượng nòng cốt trong giữ gìn an ninh				

**B2. Ông/Bà thường xuyên tiếp xúc, nhận thông tin hoặc được hỗ trợ từ lực lượng vũ trang qua những hình thức nào?(Có thể chọn nhiều phương án)**

1. Gặp gỡ, nói chuyện trực tiếp với cán bộ, chiến sĩ công an hoặc bộ đội

2. Qua các buổi tuyên truyền, vận động tại thôn/bản

3. Qua các hoạt động giúp dân (làm đường, sửa nhà, khám bệnh, mùa màng...)

4. Qua các chương trình/hoạt động văn nghệ, thể thao, ngày hội quốc phòng toàn dân
5. Qua phương tiện truyền thông (loa xã, đài phát thanh, mạng xã hội...)
6. Khác (ghi rõ): .....

***B3. Theo Ông/Bà, lực lượng công an, bộ đội ở địa phương cần làm tốt hơn những điều gì sau đây? (Có thể chọn nhiều ý)***

1. Gần gũi, thân thiện hơn với người dân
2. Tuyên truyền dễ hiểu, bằng tiếng dân tộc
3. Xuống cơ sở thường xuyên hơn
4. Hỗ trợ người dân tốt hơn trong đời sống
5. Nghe ý kiến của người dân nhiều hơn
6. Khác (ghi rõ): .....

**C. ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ**

***C1. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT-XH và người có uy tín trong cộng đồng đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) ở địa phương.***

*(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Tốt, 4 = Rất tốt)*

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4
1.	Vai trò chung của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH trong bảo đảm ANCT				
2.	Uy tín, ảnh hưởng của già làng, người có uy tín trong cộng đồng DTTS				
3.	Khả năng hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp (đất đai, tín ngưỡng, đời sống cộng đồng) của già làng/người uy tín				
4.	Vai trò của chức sắc tôn giáo chính thống trong vận động tín đồ “sống tốt đời, đẹp đạo”				
5.	Ảnh hưởng của chức sắc tôn giáo trong củng cố niềm tin, đoàn kết dân tộc				
6.	Mức độ tham gia của cán bộ người DTTS trong công tác quản lý, điều hành				

7.	Năng lực của cán bộ người DTTS trong xử lý tình huống nhạy cảm (đất đai, tôn giáo, di cư)				
8.	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ người DTTS				
9.	Niềm tin của Nhân dân vào Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, già làng, chức sắc tôn giáo trong giữ gìn ổn định cộng đồng				

**C2. Ông/Bà thường nhận được thông tin hoặc sự giúp đỡ từ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng qua những cách nào sau đây?** (Có thể chọn nhiều phương án)

1. Qua các buổi sinh hoạt cộng đồng, họp thôn/buôn
2. Qua các tổ chức đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh...)
3. Qua già làng, trưởng buôn, người có uy tín
4. Qua chức sắc tôn giáo (thầy cúng, mục sư, linh mục...)
5. Qua hoạt động giúp đỡ trực tiếp (hòa giải mâu thuẫn, hỗ trợ sản xuất, đời sống)
6. Khác (ghi rõ): .....

#### **D. THỰC TRẠNG NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ Ở ĐỊA PHƯƠNG**

**D1. Theo Ông/Bà, các nội dung sau đây được thực hiện ở địa phương mình ở mức độ nào?**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Chưa tốt, 2 = Trung bình, 3 = Khá tốt, 4 = Rất tốt)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4
1.	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước				
2.	Hoạt động chống tin đồn, tin giả, thông tin sai sự thật				
3.	Tình đoàn kết giữa các dân tộc ở địa phương				
4.	Việc thực hiện chính sách với người dân tộc và tôn giáo				

5.	Vai trò của già làng, chức sắc tôn giáo trong vận động người dân				
6.	Giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn ở cơ sở (trong thôn, buôn)				
7.	Phát triển kinh tế - xã hội gắn với giữ vững ổn định				
8.	Xử lý kịp thời các vụ việc phức tạp, điểm nóng				
9.	Bảo đảm an toàn thông tin trên mạng xã hội				
10.	Sự lo lắng của người dân về tin giả, thông tin xấu trên mạng				

***D2. Trong 12 tháng qua, Ông/Bà có từng gặp thông tin không đúng sự thật, sai lệch, hoặc có nội dung gây kích động, chia rẽ (trên mạng xã hội hoặc qua lời truyền miệng) không? (Chọn một phương án) Khi gặp tin giả hoặc thông tin sai sự thật, Ông/Bà thường làm gì?***

- Không gặp
- Có, nhưng bỏ qua
- Có, và đã báo cho chính quyền/cán bộ thôn
- Có, và đã chia sẻ để cảnh báo người khác
- Có, và đã chia sẻ nhưng sau đó biết là sai
- Không quan tâm
- Tự tìm hiểu, kiểm chứng (hỏi người có hiểu biết, tìm nguồn đáng tin...)
- Báo cho cán bộ thôn/xã hoặc chính quyền
- Chia sẻ cho người khác để cảnh báo
- Đã từng chia sẻ nhưng sau đó xóa/bỏ
- Khác (ghi rõ): \_\_\_\_\_

***D3. Ông/Bà thường nhận được thông tin hoặc tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh, ổn định ở địa phương qua những hình thức nào? (Có thể chọn nhiều phương án)***

- Qua các buổi sinh hoạt cộng đồng, họp thôn/buôn
- Qua việc học tập nghị quyết, phổ biến chủ trương chính sách
- Qua mạng xã hội, điện thoại thông minh, Internet
- Qua các hoạt động hòa giải, giúp đỡ nhau tại địa phương
- Qua các phong trào giữ gìn an ninh, trật tự (tổ an ninh tự quản, tổ công nghệ số cộng đồng...)
- Qua tuyên truyền trực tiếp của cán bộ thôn, xã

Qua già làng, trưởng buôn, người có uy tín trong cộng đồng

Qua chức sắc tôn giáo (trong sinh hoạt tôn giáo, lễ hội)

Qua các nghi lễ văn hóa truyền thống (lễ hội, sinh hoạt cộng đồng)

Qua truyền miệng trong cộng đồng (người thân, hàng xóm...)

Khác (ghi rõ): .....

### **E. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ Ở ĐỊA PHƯƠNG**

***E1. Ông/Bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về những kết quả đạt được trong việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội tại địa phương.***

*(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến, 1 = Yếu,*

*2 = Trung bình, 3 = Khá tốt, 4 = Rất tốt)*

<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
1. Mức độ ổn định chính trị và xã hội ở địa phương					
2. Việc giải quyết các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, đất đai, v.v.					
3. Sự phát triển kinh tế và xã hội góp phần giữ gìn an ninh chính trị					
4. Vai trò của già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo trong việc giữ ổn định					
5. Hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ ANTTQ”					

***E2. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những lý do sau được cho là giúp địa phương đạt được kết quả tốt trong giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội.***

*(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến,*

*1 = Không đồng tình, 2 = Ít đồng tình, 3 = Đồng tình, 4 = Hoàn toàn đồng tình)*

<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
1. Đảng và các cấp chính quyền làm tốt công việc của mình					
2. Sự tham gia tích cực của Nhân dân					
3. Nền kinh tế, xã hội, văn hóa và phong tục tập quán vững chắc					
4. Hiệu quả của phong trào quần chúng và các mô hình ở cơ sở					

**E3. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những ý kiến sau về những khó khăn, hạn chế trong việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương?**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến,  
1 = Không đồng tình, 2 = Ít đồng tình, 3 = Đồng tình, 4 = Hoàn toàn đồng tình)

Hạn chế trong bảo đảm an ninh chính trị	0	1	2	3	4
1. Năng lực cán bộ làm việc ở địa phương còn hạn chế					
2. Việc quản lý đất đai, di dân, tôn giáo còn gặp nhiều khó khăn					
3. Việc xử lý thông tin sai lệch, tin xấu chưa hiệu quả					
4. Cán bộ tăng cường từ nơi khác về chưa hiểu rõ phong tục, ngôn ngữ của đồng bào					
5. Tình trạng vượt biên trái phép, di dân tự do vẫn còn phức tạp					

**E4. Khi ở địa phương xảy ra các vụ việc phức tạp (như mâu thuẫn giữa người dân, tranh chấp đất đai, gây rối trật tự...), Ông/Bà đánh giá thế nào về sự phối hợp giữa chính quyền, công an và các tổ chức đoàn thể trong việc giải quyết?**

- 1 = Rất kém
  2 = Trung bình  
 3 = Khá tốt
  4 = Rất tốt  
 NA = Không biết / Không ý kiến

## F. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ Ở ĐỊA PHƯƠNG

**F1. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tham gia bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến,

1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Tốt, 4 = Rất tốt)

Hạn chế trong bảo đảm an ninh chính trị	0	1	2	3	4
1. Trình độ chính trị, pháp luật và nghiệp vụ					
2. Am hiểu phong tục, tập quán và ngôn ngữ của đồng bào DTTS					
3. Tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc					
4. Sẵn sàng giải quyết các vụ việc phức tạp, nhạy cảm					

**F2. Ông/Bà có hài lòng với khả năng sử dụng tiếng dân tộc và sự am hiểu phong tục, tập quán địa phương của cán bộ khi làm việc với người dân không?**

- 1 = Không hài lòng
  2 = Ít hài lòng  
 3 = Khá hài lòng
  4 = Rất hài lòng  
 NA = Không biết / Không ý kiến

**F2. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những ý kiến sau về chính sách và điều kiện để bảo đảm an ninh chính trị ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến,

1 = Không đồng tình, 2 = Ít đồng tình, 3 = Đồng tình, 4 = Hoàn toàn đồng tình)

Ý kiến đánh giá	0	1	2	3	4
1. Việc phối hợp giữa các lực lượng (công an, chính quyền,...) chưa rõ ràng, dễ bị chòng chéo hoặc không hiệu quả					
2. Các quy định, luật pháp liên quan đến bảo đảm an ninh chính trị còn thiếu hoặc chưa đồng bộ					
3. Chính sách về tiền lương, thưởng, hỗ trợ cho cán bộ công tác ở vùng khó khăn còn thấp					
4. Kinh phí và trang thiết bị phục vụ công tác còn thiếu và hạn chế					

**F3. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những khó khăn, thách thức sau trong việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến,

1 = Không đồng tình, 2 = Ít đồng tình, 3 = Đồng tình, 4 = Hoàn toàn đồng tình)

Khó khăn, thách thức	0	1	2	3	4
1. Địa hình, khí hậu, giao thông phức tạp gây trở ngại					
2. Có những nhóm hoặc cá nhân bên ngoài cố tình gây rối, làm phức tạp tình hình					
3. Việc lan truyền thông tin sai sự thật hoặc gây hại trên mạng internet					
4. Di dân tự do và vượt biên trái phép vẫn diễn biến phức tạp					

## G. THÔNG TIN CÁ NHÂN

### G1. Giới tính:

Nam                       Nữ                       Giới tính khác (ghi rõ nếu muốn): .....

### G2. Độ tuổi:

Dưới 18                       18 - 25                       26 - 35  
 36 - 45                       46 - 60                       Trên 60

### G3. Dân tộc:

Kinh       Êđê       Gia Rai       Ba Na       M'ông  
 Khác (ghi rõ): .....

**G4. Ông/bà có theo tôn giáo nào không?):**

- Không     Phật giáo     Công giáo     Tin Lành     Cao Đài  
 Phật giáo Hòa Hảo     Khác (ghi rõ): .....

**G5. Trình độ học vấn:**

- Không đi học     Tiểu học     THCS      
 THPT     Trung cấp/ Cao đẳng     Đại học     Sau đại học

**G6. Nghề nghiệp hiện nay:**

- Cán bộ, công chức     Lực lượng vũ trang (quân đội, công an)  
 Nông dân     Công nhân     Buôn bán/ Kinh doanh nhỏ  
 Lao động tự do     Học sinh/ Sinh viên     Nghỉ hưu  
 Khác (ghi rõ): .....

**G7. Địa bàn cư trú (theo cấp hành chính):**

- Thành phố/ Thị xã     Huyện     Xã/ Phường     Thôn/ Buôn/ Làng

**G8. Thời gian Ông/bà đã sinh sống tại Tây Nguyên:**

- Dưới 1 năm     1 - 5 năm     6 - 10 năm  
 Trên 10 năm     Từ khi sinh ra

**G9. Ông/bà có tham gia tổ chức CT-XH nào không?**

- Có     Không
- (Nếu có, vui lòng ghi rõ tên tổ chức: .....) Không

**G10. Thu nhập bình quân hàng tháng (nếu ông/bà sẵn lòng chia sẻ):**

- Dưới 3 triệu     3 - 5 triệu     5 - 10 triệu  
 Trên 10 triệu     Không muốn trả lời

*Xin cảm ơn Đồng chí đã tham gia nghiên cứu!*

**PHỤ LỤC 3**  
**KẾT QUẢ PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**  
(Dành cho cán bộ)

**A. VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, CHÍNH QUYỀN**

**A1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về các nội dung sau trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý an ninh chính trị (ANCT) tại địa phương trong 12 tháng qua.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm **1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Khá tốt, 4 = Rất tốt, NA = Không áp dụng/Không biết**)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
1.	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền trong bảo đảm ANCT	4 1,6%	23 9,2%	146 58,4%	77 30,8%	0 0,0%
2.	Mức độ quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị về ANCT trong cơ quan, đơn vị	4 1,6%	26 10,4%	134 53,6%	86 34,4%	0 0,0%
3.	Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền trong lĩnh vực ANCT	8 3,3%	44 17,9%	142 57,7%	52 21,1%	4 1,6%
4.	Hiệu quả phối hợp giữa các cấp, ngành, lực lượng (công an, quân đội, dân vận...) trong bảo đảm ANCT	4 1,7%	34 14,3%	152 63,9%	48 20,2%	12 4,8%
5.	Tính minh bạch, công khai trong việc tiếp nhận và xử lý các vấn đề phức tạp về ANCT tại địa phương	4 1,7%	43 17,8%	115 47,5%	80 33,1%	8 3,2%
6.	Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về ANCT đến người dân	4 1,6%	34 13,8%	148 60,2%	60 24,4%	4 1,6%

**A2. Trong 12 tháng qua, đơn vị Đồng chí đã THỰC HIỆN các hoạt động sau bao nhiêu lần? (Đánh dấu vào các ô theo mức độ **1 = Chưa lần nào; 2 = 1 - 2 lần; 3 = 3 - 5 lần; 4 = Hơn 5 lần**)**

TT	Thực hiện hoạt động	1	2	3	4
1.	Ban hành kế hoạch hóa nghị quyết	46 18,4%	59 23,6%	113 45,2%	32 12,8%
2.	Tổ chức đối thoại công khai	58 23,2%	83 33,2%	101 40,4%	8 3,2%
3.	Công khai kết quả xử lý vụ việc thực tế	30 12,0%	95 38,0%	84 33,6%	41 16,4%

**A3. Xin đồng chí đánh giá mức độ hiểu biết và áp dụng của bản thân đối với các chủ trương, chính sách sau đây có liên quan đến bảo đảm an ninh chính trị tại Tây Nguyên. (Đánh dấu vào mức độ phù hợp 1 = Chưa nắm, 2 = Nắm cơ bản, 3 = Nắm vững, 4 = Nắm vững và đã triển khai trong công tác, NA = Không áp dụng/Không biết)**

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
5.	Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	19 7,6%	98 39,2%	85 34,0%	40 16,0%	8 3,2%
6.	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên	43 17,2%	90 36,0%	75 30,0%	18 7,2%	24 9,6%
7.	Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới	15 6,0%	97 38,8%	81 32,4%	45 18,0%	12 4,8%
8.	Chuyển đổi số trong quản lý và bảo đảm ANCT	20 8,0%	105 42,0%	70 28,0%	35 14,0%	20 8,0%

## B. VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ

**B1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về các nội dung sau trong hoạt động của lực lượng vũ trang tại địa phương trong 12 tháng qua.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Khá tốt, 4 = Rất tốt, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
10.	Mức độ gắn bó, gắn dân và hỗ trợ Nhân dân của lực lượng vũ trang	0 0,0%	16 6,5%	108 43,7%	123 49,8%	3 1,2%
11.	Hiệu quả nắm bắt tình hình, dự báo sớm các nguy cơ phức tạp về ANCT	0 0,0%	27 10,9%	133 53,8%	87 35,2%	3 1,2%
12.	Năng lực xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp, điểm nóng (đất đai, tôn giáo, di cư...)	0 0,0%	26 10,5%	152 61,5%	69 27,9%	3 1,2%
13.	Mức độ phối hợp giữa Công an - Quân đội - Dân quân tự vệ trong giữ gìn ANCT	0 0,0%	11 4,4%	141 56,4%	98 39,2%	0 0,0%
14.	Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo vệ ANCT và giữ gìn trật tự	0 0,0%	11 4,5%	125 51,4%	107 44,0%	7 2,8%
15.	Hiệu quả hoạt động của Công an xã chính quy, Bộ đội Biên phòng, Dân quân tự vệ tại cơ sở	0 0,0%	11 4,5%	105 42,5%	131 53,0%	3 1,2%
16.	Mức độ sẵn sàng chiến đấu, phản ứng nhanh trong các tình huống đột xuất, bất ngờ	0 0,0%	18 7,4%	126 51,9%	99 40,7%	7 2,8%
17.	Công tác huấn luyện, bồi dưỡng chính trị - pháp luật và nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang cơ sở	0 0,0%	27 10,8%	132 52,8%	91 36,4%	0 0,0%
18.	Mức độ công khai trong hoạt động của lực lượng vũ trang tại địa phương	0 0,0%	27 10,9%	150 60,7%	70 28,3%	3 1,2%

**B2. Theo Đồng chí, lực lượng vũ trang ở địa phương cần cải thiện những mặt nào để nâng cao hiệu quả bảo đảm an ninh chính trị? (Đó là vấn đề gì (về tổ chức, cán bộ, phối hợp, dân vận, trang bị...)?; Nguyên nhân của hạn chế hiện nay là gì?; Đồng chí có đề xuất, kiến nghị gì?)**

.....

.....

**B3. Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ hiểu biết và khả năng vận dụng các quy trình, kế hoạch cụ thể nhằm bảo đảm ANCT tại địa phương?**

(Đánh dấu vào mức độ phù hợp: 1 = Chưa nắm, 2 = Nắm cơ bản,

3 = Nắm vững, 4 = Nắm vững và đã triển khai trong công tác,

NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
8.	Quy trình xử lý tình huống điểm nóng về đất đai, tôn giáo, di cư	7 3,0%	78 33,2%	111 47,2%	39 16,6%	15 6,0%
9.	Phương án bảo vệ an ninh mạng, phòng chống tin giả	8 3,3%	66 27,3%	103 42,6%	65 26,9%	8 3,2%
10.	Quy chế phối hợp Công an - Quân đội - Dân quân tự vệ	4 1,6%	47 19,3%	124 51,0%	68 28,0%	7 2,8%
11.	Phương án “bốn tại chỗ” trong bảo đảm ANCT (chỉ huy, lực lượng, phương tiện, hậu cần)	7 2,9%	19 7,9%	125 52,3%	88 36,8%	11 4,4%
12.	Quy trình thu thập và phản ánh tình hình dư luận xã hội ở cơ sở	11 4,7%	54 23,0%	101 43,0%	69 29,4%	15 6,0%
13.	Kế hoạch tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng	3 1,3%	46 19,7%	103 44,0%	82 35,0%	16 6,4%
14.	Phương án phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn âm mưu “diễn biến hòa bình”	7 3,0%	18 7,7%	121 51,7%	88 37,6%	16 6,4%

**B4. Theo nhận định của đồng chí, các nội dung sau đây cần thiết ở mức độ nào trong việc nâng cao năng lực cho lực lượng vũ trang cơ sở nhằm bảo đảm ANCT tại địa phương?**

(Đánh dấu vào mức độ phù hợp: 1 = Không cần thiết, 2 = Ít cần thiết,

3 = Cần thiết, 4 = Rất cần thiết, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung chủ trương	1	2	3	4	NA
7.	Tập huấn kỹ năng dân vận, hòa giải mâu thuẫn trong cộng đồng	4 1,6%	8 3,3%	101 41,1%	133 54,1%	4 1,6%
8.	Bồi dưỡng kiến thức về an ninh mạng, xử lý thông tin xấu độc	4 1,6%	0 0,0%	85 34,0%	161 64,4%	0 0,0%
9.	Trang bị phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác bảo đảm ANCT	0 0,0%	7 2,8%	86 34,4%	157 62,8%	0 0,0%

10.	Diễn tập phương án phối hợp đa lực lượng trong xử lý các tình huống phức tạp	0 0,0%	8 3,2%	96 38,4%	146 58,4%	0 0,0%
11.	Bồi dưỡng kiến thức pháp luật liên quan đến dân tộc - tôn giáo - đất đai.	0 0,0%	8 3,2%	97 38,8%	145 58,0%	0 0,0%
12.	Đào tạo kỹ năng truyền thông, tuyên truyền, nắm bắt dư luận xã hội.	0 0,0%	7 2,8%	98 39,2%	145 58,0%	0 0,0%

### C. VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH

**C1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT-XH và người có uy tín trong cộng đồng đối với công tác bảo đảm ANCT ở địa phương trong 12 tháng qua.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Khá tốt, 4 = Rất tốt, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
7.	Vai trò chung của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH trong bảo đảm ANCT	0 0,0%	62 25,5%	125 51,4%	56 23,0%	7 2,8%
8.	Uy tín, ảnh hưởng của già làng, người có uy tín trong cộng đồng DTTS	0 0,0%	11 4,8%	134 58,0%	86 37,2%	19 7,6%
9.	Khả năng hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp (đất đai, tín ngưỡng, đời sống cộng đồng) của già làng/người uy tín	0 0,0%	30 12,8%	149 63,4%	56 23,8%	15 6,0%
10.	Vai trò của chức sắc tôn giáo chính thống trong vận động tín đồ “sống tốt đời, đẹp đạo”	0 0,0%	43 18,3%	135 57,4%	57 24,3%	15 6,0%
11.	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ người DTTS	0 0,0%	46 19,6%	143 60,9%	46 19,6%	15 6,0%
12.	Niềm tin của Nhân dân vào MTTQ, đoàn thể, già làng, chức sắc tôn giáo trong giữ gìn ổn định cộng đồng	0 0,0%	38 16,2%	152 64,7%	45 19,1%	15 6,0%

### C2. Để phát huy tốt hơn vai trò của MTTQ cần tiến hành

TT	Nội dung	Số phiếu	%
1	Hoạt động thiết thực, gần dân, nắm tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân	27	28,1
2	Đẩy mạnh giám sát, phản biện xã hội và công tác dân vận	27	28,1
3	Bổ sung, hoàn thiện chế độ, chính sách hỗ trợ, đãi ngộ	7	7,3
4	Nâng cao năng lực, trình độ, nhận thức CT-XH	31	32,3
5	Tăng cường đoàn kết, gắn bó giữa các lực lượng và cộng đồng dân cư	4	4,2

**C3. Theo đồng chí, các hoạt động sau đây có mức độ cần thiết như thế nào trong việc nâng cao hiệu quả vai trò của MTTQ, đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị tại địa phương?**

(Đánh dấu vào mức độ phù hợp: **1** = Không cần thiết, **2** = Ít cần thiết, **3** = Cần thiết, **4** = Rất cần thiết, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung hoạt động	1	2	3	4	NA
8.	Tăng cường đối thoại giữa chính quyền, MTTQ, đoàn thể với Nhân dân	0 0,0%	16 6,4%	108 43,2%	126 50,4%	0 0,0%
9.	Phát huy vai trò của già làng/người uy tín trong hòa giải mâu thuẫn	0 0,0%	4 1,7%	105 43,4%	133 55,0%	8 3,2%
10.	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn thể, cán bộ DTTS	0 0,0%	8 3,3%	94 38,2%	144 58,5%	4 1,6%
11.	Tăng cường sự phối hợp giữa chức sắc tôn giáo và chính quyền trong tuyên truyền tín đồ	0 0,0%	12 4,8%	105 42,0%	133 53,2%	0 0,0%
12.	Bổ sung chế độ, chính sách khuyến khích đối với già làng, chức sắc tôn giáo, người có uy tín.	4 1,7%	28 11,6%	77 31,8%	133 55,0%	8 3,2%
13.	Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền trực tiếp qua già làng, người có uy tín.	0 0,0%	4 1,7%	101 41,7%	137 56,6%	8 3,2%
14.	Lồng ghép vai trò của MTTQ, đoàn thể trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại cộng đồng.	0 0,0%	12 4,8%	94 37,6%	144 57,6%	0 0,0%

**C4. Đồng chí có biết đến hoặc đã từng tham gia vào các mô hình, phong trào quần chúng do MTTQ, các tổ chức đoàn thể phối hợp tổ chức nhằm giữ gìn an ninh chính trị tại địa phương không? (Có thể chọn nhiều phương án phù hợp)**

(Đánh dấu vào mức độ phù hợp: **1** = Chưa biết, **2** = Biết nhưng chưa tham gia, **3** = Đã từng tham gia, **4** = Hiện vẫn đang tham gia, **5** = Giữ vai trò nòng cốt)

TT	Tham gia	1	2	3	4	NA
5.	1. Tổ an ninh tự quản	27 11,7%	69 29,9%	93 40,3%	42 18,2%	0 0,0%
6.	2. Tổ hòa giải ở cơ sở	19 8,2%	69 29,9%	93 40,3%	50 21,6%	0 0,0%
7.	3. Phong trào “Toàn dân bảo vệ ANTQ”	7 3,1%	48 21,1%	91 40,1%	81 35,7%	0 0,0%
8.	4. Tổ công nghệ số cộng đồng	23 10,0%	58 25,1%	96 41,6%	54 23,4%	0 0,0%

**D. THỰC TRẠNG NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ**

**D1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về hiệu quả các nội dung, phương thức bảo đảm an ninh chính trị tại địa phương trong 12 tháng qua.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm **1 = Chưa tốt, 2 = Trung bình, 3 = Khá tốt, 4 = Rất tốt, NA = Không áp dụng/Không biết**)

<b>TT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>NA</b>
12.	Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân	0 0,0%	22 9,1%	169 69,5%	52 21,4%	7 2,8%
13.	Hoạt động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch	3 1,2%	29 11,9%	119 49,0%	92 37,9%	7 2,8%
14.	Mức độ đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc tại địa phương	0 0,0%	25 10,3%	154 63,4%	64 26,3%	7 2,8%
15.	Việc thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo tại địa phương	0 0,0%	38 16,2%	145 61,7%	52 22,1%	15 6,0%
16.	Vai trò của chức sắc tôn giáo trong vận động tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo	0 0,0%	41 17,4%	157 66,8%	37 15,7%	15 6,0%
17.	Hiệu quả công tác hòa giải tranh chấp, mâu thuẫn trong cộng đồng	0 0,0%	41 17,2%	169 70,7%	29 12,1%	11 4,4%
18.	Mức độ phát triển kinh tế - xã hội góp phần củng cố ANCT	0 0,0%	34 14,0%	156 64,2%	53 21,8%	7 2,8%
19.	Hiệu quả xử lý các điểm nóng (khiếu kiện, tranh chấp đất đai, tôn giáo...)	0 0,0%	61 25,1%	130 53,5%	52 21,4%	7 2,8%
20.	Hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trên KGM	0 0,0%	58 24,3%	121 50,6%	60 25,1%	11 4,4%
21.	Công tác phòng, chống tin giả, thông tin xấu độc trên mạng xã hội	3 1,3%	62 25,9%	114 47,7%	60 25,1%	11 4,4%
22.	Khả năng vận hành, sử dụng kênh thông tin chính thống của cơ quan/địa phương	0 0,0%	54 22,2%	133 54,7%	56 23,0%	7 2,8%

**D2. Trong 12 tháng qua, đơn vị Đồng chí đã THỰC HIỆN các hoạt động sau bao nhiêu lần?** (Đánh dấu vào các ô theo mức độ **1 = Chưa lần nào; 2 = 1 - 2 lần; 3 = 3 - 5 lần; 4 = Hơn 5 lần**)

<b>TT</b>	<b>Thực hiện hoạt động</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
8.	Họp liên ngành xử lý điểm nóng (đất đai, tôn giáo, dân tộc...)	93 38,3%	86 35,4%	24 9,9%	40 16,5%
9.	Diễn tập phương án “bốn tại chỗ” ứng phó tình huống phức tạp	94 38,7%	87 35,8%	47 19,3%	15 6,2%

10.	Tập huấn xử lý tin giả, khủng hoảng truyền thông	113 47,1%	82 34,2%	33 13,8%	12 5,0%
11.	Tổ chức đối thoại công khai với dân về vụ việc nhạy cảm	116 47,7%	78 32,1%	33 13,6%	16 6,6%
12.	Kiểm tra, giám sát chuyên đề (đất đai, tôn giáo, di cư...)	104 42,8%	74 30,5%	41 16,9%	24 9,9%
13.	Tổ chức truyền thông phòng ngừa, giáo dục chính trị - tư tưởng tại cộng đồng	66 27,2%	68 28,0%	77 31,7%	32 13,2%
14.	Hoạt động xử lý tin giả, tin xấu độc trên mạng xã hội	82 33,7%	88 36,2%	29 11,9%	44 18,1%

**D3. Theo đánh giá của đồng chí, các phương thức sau đây đã phát huy hiệu quả như thế nào trong công tác bảo đảm an ninh chính trị tại cơ sở trong 12 tháng qua.**

(Đánh dấu vào các ô theo mức độ **1** = Chưa hiệu quả; **2** = Bình thường; **3** = Khá hiệu quả; **4** = Rất hiệu quả, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Đánh giá nội dung	1	2	3	4	NA
6.	Lồng ghép bảo đảm ANCT với phát triển kinh tế - xã hội địa phương	8 3.3%	78 32.6%	100 41.8%	53 22.2%	8 3.3%
7.	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức ANCT cho cán bộ, đảng viên	8 3.3%	30 12.6%	125 52.3%	76 31.8%	8 3.3%
8.	Sử dụng mạng xã hội, công nghệ số trong tuyên truyền ANCT	4 1.6%	26 10.7%	109 44.9%	104 42.8%	4 1.6%
9.	Hoạt động tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân	12 5.0%	57 23.8%	100 41.8%	70 29.3%	12 5.0%
10.	Phối hợp liên ngành giữa Công an - Quân sự - MTTQ - Đoàn thể trong xử lý điểm nóng	27 12.1%	43 19.3%	100 44.8%	53 23.8%	27 12.1%

**D4. Theo đồng chí, các nội dung đổi mới sau đây có mức độ cấp thiết như thế nào đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị tại cơ sở trong giai đoạn hiện nay?**

(Đánh dấu vào mức độ phù hợp: **1** = Không cần thiết, **2** = Ít cần thiết, **3** = Cần thiết, **4** = Rất cần thiết, **NA** = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đổi mới	1	2	3	4	NA
6.	Tăng cường ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn trong quản lý ANCT	0 0,0%	4 1.6%	102 40.8%	144 57.6%	0 0,0%

7.	Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa công an - quân đội - đoàn thể	0 0,0%	7 2.8%	114 45.6%	129 51.6%	0 0,0%
8.	Mở rộng xã hội hóa công tác bảo đảm ANCT (gắn với MTTQ, đoàn thể, cộng đồng)	0 0,0%	15 6.2%	102 42.1%	125 51.7%	0 0,0%
9.	Xây dựng cơ chế bảo vệ người cung cấp thông tin	0 0,0%	4 1.6%	97 39.4%	145 58.9%	0 0,0%
10.	Tăng cường đối thoại công khai, minh bạch với Nhân dân	0 0,0%	4 1.6%	109 44.3%	133 54.1%	0 0,0%

#### E. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ

**E1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về những thành tựu trong công tác bảo đảm an ninh chính trị ở địa phương trong 12 tháng qua.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Khá tốt, 4 = Rất tốt, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
7.	Mức độ ổn định chính trị và xã hội ở địa phương	0 0,0%	7 3.0%	136 57.9%	92 39.1%	0 0,0%
8.	Hiệu quả xử lý các vụ việc phức tạp, điểm nóng về dân tộc, tôn giáo, đất đai...	0 0,0%	27 11.3%	164 68.6%	48 20.1%	0 0,0%
9.	Sự phát triển kinh tế - xã hội góp phần duy trì và củng cố an ninh chính trị	0 0,0%	35 14.6%	139 58.2%	65 27.2%	0 0,0%
10.	Vai trò tích cực của già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo trong bảo đảm ANCT	0 0,0%	26 11.5%	144 63.4%	57 25.1%	0 0,0%
11.	Hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ ANCT trong vận động quần chúng tham gia	0 0,0%	15 6.2%	143 58.8%	85 35.0%	0 0,0%
12.	Hiệu quả công tác phối hợp giữa các lực lượng vũ trang, ngành chức năng và đoàn thể CT-XH	4 1.6%	23 9.5%	128 52.7%	88 36.2%	0 0,0%

**E2. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đồng tình với các nhận định sau về những hạn chế trong công tác bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Không đồng tình, 2 = Ít đồng tình, 3 = Đồng tình, 4 = Hoàn toàn đồng tình, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
6.	Năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ cơ sở còn hạn chế	0 0,0%	20 8.2%	182 74.6%	42 17.2%	0 0,0%

7.	Quản lý đất đai, di dân và tôn giáo còn nhiều bất cập	0 0,0%	32 13.1%	155 63.5%	57 23.4%	0 0,0%
8.	Xử lý tin giả, thông tin xấu độc trên mạng chưa hiệu quả	12 4.9%	39 16.0%	148 60.7%	45 18.4%	12 4.9%
9.	Chính sách và cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương chưa đồng bộ, hiệu quả	16 6.7%	38 15.8%	147 61.3%	39 16.3%	16 6.7%
10.	Tình trạng di dân tự do, vượt biên trái phép còn diễn biến phức tạp	20 9.1%	32 14.5%	127 57.7%	41 18.6%	20 9.1%

**E3. Theo đồng chí, những khó khăn chính trong quá trình phối hợp giữa các lực lượng tại địa phương trong công tác bảo đảm an ninh chính trị là gì?**

(Có thể chọn nhiều phương án phù hợp với thực tế tại địa phương của đồng chí)

TT	Nội dung	Số phiếu	%
1	Chồng chéo chức năng, nhiệm vụ	125	53.2
2	Thiếu cơ chế chia sẻ, phối hợp	130	55.3
3	Hạn chế về kinh phí	194	82.6
4	Thiếu tập huấn, bồi dưỡng	135	57.4
5	Nhận thức, trách nhiệm chưa đồng đều	129	55.8
6	Thiếu cơ chế xử lý	110	46.8
7	Chưa có quy trình phối hợp cụ thể	103	43.8
8	Yếu tố ngôn ngữ, phong tục, tập quán	124	52.8

**E4. Theo đồng chí, mức độ cần thiết của các giải pháp sau đây trong việc tăng cường phối hợp liên ngành nhằm bảo đảm an ninh chính trị tại cơ sở như thế nào?**

(Đánh dấu vào ô phù hợp: 1 = Không cần thiết, 2 = Ít cần thiết, 3 = Cần thiết, 4 = Rất cần thiết)

TT	Đánh giá giải pháp	1	2	3	4
6.	Xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành, kịp thời, thống nhất	0 0,0%	8 3.3%	148 60.7%	88 36.1%
7.	Tổ chức diễn tập, thực hành phối hợp giữa các lực lượng tại cơ sở	0 0,0%	11 4.5%	158 64.8%	75 30.7%
8.	Ban hành quy chế phối hợp rõ ràng, phân định trách nhiệm cụ thể	0 0,0%	0 0,0%	145 59.4%	99 40.6%
9.	Bổ sung nguồn lực tài chính, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật	0 0,0%	4 1.6%	141 57.8%	99 40.6%
10.	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về kỹ năng làm việc liên ngành	4 1.6%	3 1.2%	126 51.6%	111 45.5%

F. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ Ở ĐỊA PHƯƠNG

**F1. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về các vấn đề còn khó khăn trong công tác bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Không đáng kể, 2 = Ít đáng kể,

3 = Đáng kể, 4 = Rất đáng kể, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Hạn chế trong bảo đảm an ninh chính trị	1	2	3	4	NA
9.	Năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tham gia còn hạn chế	31 13.1%	66 28.0%	123 52.1%	16 6.8%	0 0,0%
10.	Quy chế phối hợp giữa các lực lượng chưa rõ ràng, gây chồng chéo trách nhiệm	27 11.3%	61 25.5%	132 55.2%	19 7.9%	0 0,0%
11.	Điều kiện kinh phí, trang bị, phương tiện phục vụ công tác còn thiếu	7 3.0%	57 24.6%	134 57.8%	34 14.7%	0 0,0%
12.	Điều kiện kinh phí, trang bị	4 1.7%	38 15.9%	143 59.8%	54 22.6%	0 0,0%
13.	Địa hình, khí hậu, giao thông phức tạp gây trở ngại cho công tác	16 6.6%	27 11.1%	138 56.8%	62 25.5%	0 0,0%
14.	An ninh mạng, tin giả, thông tin xấu độc ngày càng gia tăng	4 1.6%	32 13.2%	130 53.5%	77 31.7%	0 0,0%
15.	Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch	8 3.3%	23 9.6%	120 50.0%	89 37.1%	0 0,0%
16.	Tình trạng di dân tự do và vượt biên trái phép còn phức tạp	44 19.3%	31 13.6%	112 49.1%	41 18.0%	0 0,0%

**F2. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ tin cậy của mình đối với các chủ thể, cơ chế sau trong công tác bảo đảm an ninh chính trị tại địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Không tin cậy, 2 = Ít tin cậy,

3 = Khá tin cậy, 4 = Rất tin cậy, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	NA
5.	Cấp ủy, chính quyền địa phương	0 0,0%	16 6.6%	124 51.0%	103 42.4%	0 0,0%
6.	Lực lượng vũ trang (Công an, Quân đội, DQTV...)	0 0,0%	8 3.2%	78 31.6%	161 65.2%	0 0,0%
7.	Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể CT-XH	0 0,0%	26 10.9%	118 49.4%	95 39.7%	0 0,0%
8.	Cơ chế đối thoại, công khai, minh bạch với Nhân dân	4 1.6%	45 18.5%	114 46.9%	80 32.9%	4 1.6%

**F3. Theo đồng chí, việc triển khai công tác bảo đảm ANCT tại cơ sở hiện nay nhìn chung là...**

TT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	%
1	Rất thuận lợi	35	14.2
2	Thuận lợi	100	40.7
3	Bình thường	87	35.4
4	Khó khăn	20	8.1
5	Rất khó khăn	4	1.6

**F4. Những khó khăn cụ thể mà đồng chí thường gặp phải trong quá trình triển khai công tác bảo đảm an ninh chính trị tại địa phương là gì? (Có thể chọn nhiều phương án phù hợp)**

TT	Nội dung đánh giá	Số phiếu	%
1	Thiếu tài liệu, nghiệp vụ - Có	102	40,8
2	Kinh phí, phương tiện - Có	200	80,0
3	Thiếu phối hợp - Có	94	37,6
4	Chưa am hiểu phong tục, tập quán - Có	117	46,8

**F5. Đồng chí cho biết mức độ cần thiết của các nội dung đào tạo, bồi dưỡng sau để nâng cao hiệu quả công tác**

(Đánh dấu vào mức phù hợp: 1 = Không cần thiết, 2 = Ít cần thiết, 3 = Cần thiết, 4 = Rất cần thiết, NA = Không áp dụng/Không biết)

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	1	2	3	4	NA
7.	Kiến thức chính trị - pháp luật	0 0.0%	15 6.0%	98 39.2%	133 53.2%	4 1.6%
8.	Kỹ năng nắm bắt, xử lý tình huống phức tạp tại cơ sở	0 0.0%	0 0.0%	96 38.4%	150 60.0%	4 1.6%
9.	Kỹ năng phối hợp liên ngành, liên cấp	0 0.0%	7 2.8%	133 53.2%	110 44.0%	0 0.0%
10.	Am hiểu phong tục, ngôn ngữ đồng bào DTTS	0 0.0%	4 1.6%	117 46.8%	125 50.0%	4 1.6%
11.	Kỹ năng ứng dụng công nghệ số, bảo đảm ANCT trên KGM	0 0.0%	8 3.2%	93 37.2%	149 59.6%	0 0.0%
12.	Kỹ năng nhận diện, xử lý tin giả và phản ứng với khủng hoảng truyền thông	0 0.0%	8 3.2%	97 38.8%	141 56.4%	4 1.6%

**G. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

TT	Nội dung		Số phiếu	%
1	Giới tính	Nam	221	88,4
		Nữ	29	11,6
2	Độ tuổi	Dưới 25	11	4,5
		25 - 30	47	19,4
		31 - 40	176	72,7
		41 - 50	8	3,3
3	Dân tộc	Kinh	163	70,9
		Êđê	7	3,0
		Ba Na	4	1,7
		Thái	16	7,0
		Dao	14	6,1
		Mông	7	3,0
		Tày	8	3,5
		Nùng	11	4,8
4	Ngôn ngữ sử dụng	Chỉ tiếng Việt	173	69,2
		Việt + DTTS	77	30,8
5	Trình độ học vấn	THCS	3	1,2
		THPT	28	11,2
		TC/CD	163	65,2
		Đại học	56	22,4
6	Chức vụ	CB lãnh đạo, QL	4	1,6
		CB chuyên trách	184	74,8
		CB kiêm nhiệm	27	11,0
		CB bán chuyên trách	31	12,6

TT	Nội dung		Số phiếu	%
7	Thâm niên công tác	1 - 5 năm	18	7,2
		6 - 10 năm	69	27,6
		11 - 20 năm	147	58,8
		Trên 20 năm	16	6,4
8	Cấp công tác	Cấp tỉnh	93	37,8
		Cấp xã/phường	142	57,7
		Thôn/buôn/làng	11	4,5
9	Địa bàn	Biên giới	48	20,4
		Không biên giới	187	79,6
10	Tham gia tổ chức CT-XH	Có	72	31,9
		Không	154	68,1
11	Thu nhập	Dưới 3 triệu	4	1,6
		3 - 5 triệu	11	4,5
		5 - 10 triệu	16	6,5
		10 - 15 triệu	137	55,7
		15 - 20 triệu	36	14,6
		Trên 20 triệu	20	8,1
		NA	22	8,9

*Xin cảm ơn Đồng chí đã tham gia nghiên cứu!*

**PHỤ LỤC 4**  
**KẾT QUẢ PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**  
**(Dành cho người dân)**

**A. ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CHÍNH QUYỀN TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ**

**A1. Theo trải nghiệm của Ông/Bà, xin vui lòng cho biết mức độ hài lòng hoặc đánh giá của mình về các nội dung sau đây trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm **1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Tốt, 4 = Rất tốt, 5 = Không biết/Không rõ**)

<b>TT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
13.	Sự quan tâm và lãnh đạo của chính quyền địa phương về an ninh chính trị	39 15,6%	81 32,4%	95 38,0%	20 8,0%	15 6,0%
14.	Việc tuyên truyền các chính sách, quy định về an ninh cho người dân	40 16,0	57 22,8%	68 27,2%	70 28,0%	15 6,0%
15.	Sự phối hợp giữa công an, quân đội, chính quyền trong giữ gìn an ninh	40 17,0%	28 11,9%	63 26,8%	59 25,1%	45 19,1
16.	Việc tiếp nhận và giải quyết các ý kiến, khiếu nại của người dân về an ninh	55 22,0%	55 22,0%	83 33,2%	42 16,8%	15 6,0%
17.	Sự minh bạch trong cung cấp thông tin liên quan đến các vụ việc an ninh	9 3,6%	40 16,0%	118 47,2%	50 20,0%	33 13,2%
18.	Công tác phòng chống tin giả, thông tin xấu trên mạng	45 18,0%	78 31,2%	34 13,6%	48 19,2%	45 18,0%
19.	Quản lý đất đai minh bạch, hợp lý, không gây bức xúc	15 6,0%	62 24,8%	104 41,6%	15 6,0%	54 21,6%
20.	Chính quyền tôn trọng và tạo điều kiện cho sinh hoạt tôn giáo hợp pháp	35 14,0%	29 11,6%	93 37,2%	69 27,6%	24 9,6%
21.	Việc quản lý di dân, nhập cư được thực hiện công bằng, ổn định	40 16,0%	44 17,6%	93 37,2%	54 21,6%	19 7,6%
22.	Các mô hình tự quản tại cộng đồng (tổ hòa giải, tổ an ninh...) hoạt động hiệu quả	14 5,6%	69 27,6%	113 45,2%	44 17,6%	10 4,0%
23.	Các thủ tục hành chính ở địa phương thuận tiện, dễ thực hiện	19 7,6%	33 13,2%	120 48,0%	63 25,2%	15 6,0%
24.	Cải cách hành chính góp phần củng cố niềm tin của người dân với chính quyền	15 6,0%	64 25,6%	64 25,6%	63 25,2%	44 17,6%

**A2. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ tham gia và tiếp cận thông tin của mình về an ninh chính trị (ANCT) ở địa phương.**

(Đánh dấu vào ô tương ứng theo thang điểm: **1 = Không bao giờ, 2 = Thỉnh thoảng, 3 = Thường xuyên, 4 = Rất thường xuyên**)

<b>TT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
5.	Tiếp cận thông tin chính thống về ANCT từ chính quyền, đoàn thể địa phương	34 13,6%	114 45,6%	43 17,2%	59 23,6%

6.	Tham gia sinh hoạt chính trị, học tập nghị quyết, tuyên truyền pháp luật	30 12,0%	51 20,4%	124 49,6%	45 18,0%
7.	Biết các chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng, Nhà nước về ANCT (ví dụ: bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nền tảng tư tưởng, phát triển Tây Nguyên...)	9 3,6%	68 27,2%	78 31,2%	95 38,0%
8.	Tiếp nhận thông tin phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, kích động trên mạng xã hội hoặc tại địa phương	33 13,2%	80 32,0%	54 21,6%	83 33,2%

**A3. Trong 12 tháng qua, Ông/Bà có từng tham gia các buổi đối thoại công khai (ví dụ: hội nghị tiếp dân, hội nghị thôn/xã có mời chính quyền địa phương cùng người dân thảo luận) liên quan đến các vấn đề về an ninh, trật tự (như trộm cắp, xâm phạm đất đai, mâu thuẫn dân sự, an ninh địa bàn...) không? (chọn 1 phương án)**

TT	Nội dung đánh giá	Số phiếu	%
1.	Không bao giờ	118	47.2
2.	1 - 2 lần	117	46.8
3.	3 - 5 lần	15	6.0
4.	Trên 5 lần	0	0

**A4. Ông/Bà thường xuyên tiếp nhận thông tin liên quan đến an ninh chính trị (ANCT) qua những kênh nào sau đây? (Có thể chọn nhiều phương án)**

TT	Nội dung đánh giá	Số phiếu	%
1.	Truyền hình/phát thanh trung ương (VTV, VOV...)	162	64.8
2.	Truyền hình/phát thanh địa phương (Đài tỉnh, huyện, xã tiếng dân tộc)	53	21.2
3.	Báo chí (báo in, báo điện tử)	134	53.6
4.	Loa phát thanh xã/thôn	91	36.4
5.	Tuyên truyền trực tiếp của cán bộ cơ sở	108	43.2
6.	Họp thôn/buôn, sinh hoạt cộng đồng	127	50.8
7.	Buổi sinh hoạt đoàn thể (Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi...)	77	30.8
8.	Già làng, trưởng buôn, người có uy tín	64	25.6
9.	Mạng xã hội (Facebook, Zalo, YouTube...)	149	59.6
10.	Văn bản của chính quyền, đoàn thể gửi tới người dân	60	24.0
11.	Khác (ghi rõ): .....		

**A5. Theo Ông/Bà, việc giữ gìn an ninh, trật tự (ví dụ: không để xảy ra mất đoàn kết, khiếu kiện, xuyên tạc, chia rẽ dân tộc...) ở địa phương còn điều gì khó khăn hay chưa làm tốt?**  
.....

**B. ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ**

**B1. Ông/Bà vui lòng đánh giá mức thể hiện vai trò của lực lượng vũ trang trong bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Tốt, 4 = Rất tốt)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4
11.	Gắn bó, gần gũi với Nhân dân trong giữ gìn an ninh	25 10.2 %	85 34.7 %	87 35.5%	48 19.6%
12.	Nắm bắt sớm tình hình, cảnh báo kịp thời các nguy cơ mất an ninh	30 12%	42 16.8%	118 47.2%	60 24.0%
13.	Xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp (liên quan đến đất đai, tôn giáo, nông thôn...)	19 7.8 %	85 34,7%	85 34,7%	56 22,9%
14.	Phối hợp tốt giữa công an, quân đội, dân quân tự vệ	14 5,7%	39 15,9%	133 54,1%	60 24,4%
15.	Tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ an ninh	9 3,8%	71 29,6%	95 39,6%	65 27,1%
16.	Hoạt động của lực lượng tại cơ sở (công an xã, bộ đội biên phòng, dân quân...)	33 13,2%	50 20,0%	83 33,2%	84 33,6%
17.	Sẵn sàng ứng phó nhanh khi có sự việc bất thường xảy ra	18 7,2%	19 7,6%	128 51,2%	85 34,0%
18.	Được huấn luyện, đào tạo về chính trị, pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ	14 5,6%	37 14,8%	109 43,6%	90 36,0%
19.	Làm việc minh bạch, rõ ràng, không gây phiền hà cho dân	15 6,0%	107 42,8%	103 41,2%	25 10,0%
20.	Được Nhân dân tin tưởng là lực lượng nòng cốt trong giữ gìn an ninh	20 8,0%	58 23,2%	89 35,6%	83 33,2%

**B2. Ông/Bà thường xuyên tiếp xúc, nhận thông tin hoặc được hỗ trợ từ lực lượng vũ trang qua những hình thức nào?(Có thể chọn nhiều phương án)**

TT	Nội dung đánh giá	Số phiếu	%
1	Gặp gỡ, nói chuyện trực tiếp với cán bộ, chiến sĩ	171	68,4
2	Qua các buổi tuyên truyền, vận động tại thôn/bản	115	46,0
3	Qua các hoạt động giúp dân (làm đường, sửa nhà, khám bệnh, mùa màng...)	140	56,0
4	Qua các chương trình/hoạt động văn nghệ, thể thao, ngày hội quốc phòng	102	40,8
5	Qua phương tiện truyền thông (loa xã, đài phát thanh, mạng xã hội...)	129	51,6
6	Hình thức khác:	5	2,0

**B3. Theo Ông/Bà, lực lượng công an, bộ đội ở địa phương cần làm tốt hơn những điều gì sau đây? (Có thể chọn nhiều ý)**

TT	Nội dung đánh giá	Số phiếu	%
1	Gần gũi, thân thiện hơn với người dân	143	57,2
2	Tuyên truyền dễ hiểu	131	52,4
3	Xuông cơ sở thường xuyên hơn	177	70,8
4	Hỗ trợ người dân tốt hơn trong đời sống	148	59,2
5	Qua phương tiện truyền thông	131	52,4
6	Nội dung khác	0	0,0

**C. ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ**

**C1. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT-XH và người có uy tín trong cộng đồng đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Tốt, 4 = Rất tốt)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4
10.	Vai trò chung của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH trong bảo đảm ANCT	38 15,2%	48 16,8%	120 48,0%	50 20,0%
11.	Uy tín, ảnh hưởng của già làng, người có uy tín trong cộng đồng DTTS	0 0,0%	67 26,8%	103 41,2%	80 32,0%
12.	Khả năng hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp (đất đai, tín ngưỡng, đời sống cộng đồng) của già làng/người uy tín	15 6,0%	84 33,6%	101 40,4%	50 20,0%
13.	Vai trò của chức sắc tôn giáo chính thống trong vận động tín đồ “sống tốt đời, đẹp đạo”	20 8,0%	48 19,2%	139 55,6%	43 17,2%
14.	Ảnh hưởng của chức sắc tôn giáo trong củng cố niềm tin, đoàn kết dân tộc	14 5,6%	69 27,6%	128 51,2%	39 15,6%
15.	Mức độ tham gia của cán bộ người DTTS trong công tác quản lý, điều hành	13 5,2%	108 43,2%	89 35,6%	40 16,0%
16.	Năng lực của cán bộ người DTTS trong xử lý tình huống nhạy cảm (đất đai, tôn giáo, di cư)	19 7,6%	34 13,6%	133 53,2%	64 25,6%
17.	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ người DTTS	19 7,6%	74 29,6%	99 39,6%	58 23,2%
18.	Niềm tin của Nhân dân vào Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, già làng, chức sắc tôn giáo trong giữ gìn ổn định cộng đồng	9 3,6%	69 27,6%	58 23,2%	114 45,6%

**C2. Ông/Bà thường nhận được thông tin hoặc sự giúp đỡ từ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng qua những cách nào sau đây? (Có thể chọn nhiều phương án)**

TT	Nội dung đánh giá	Số phiếu	%
1	Qua các buổi sinh hoạt cộng đồng	187	79,6
2	Qua các tổ chức đoàn thể	122	51,9
3	Qua già làng, trưởng buôn	97	41,3
4	Qua chức sắc tôn giáo	92	39,1
5	Qua các hoạt động giúp đỡ trực tiếp	112	47,7
6	Hình thức khác	0	0,0

#### D. THỰC TRẠNG NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ Ở ĐỊA PHƯƠNG

**D1. Theo Ông/Bà, các nội dung sau đây được thực hiện ở địa phương mình ở mức độ nào?**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm **1 = Chưa tốt**,  
**2 = Trung bình**, **3 = Khá tốt**, **4 = Rất tốt**)

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4
11.	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước	30 12,0%	78 31,2%	87 34,8%	55 22,0%
12.	Hoạt động chống tin đồn, tin giả, thông tin sai sự thật	49 20,0%	89 36,3%	58 23,7%	49 20,0%
13.	Tình đoàn kết giữa các dân tộc ở địa phương	15 6,1%	42 17,1%	114 46,5%	74 30,2%
14.	Việc thực hiện chính sách với người dân tộc và tôn giáo	0 0,0%	10 4,1%	152 62,0%	83 33,9%
15.	Vai trò của già làng, chức sắc tôn giáo trong vận động người dân	34 14,4%	84 35,6%	78 33,1%	40 16,9%
16.	Giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn ở cơ sở (trong thôn, buôn)	19 7,8%	96 39,2%	55 22,4%	75 30,6%
17.	Phát triển kinh tế - xã hội gắn với giữ vững ổn định	25 10,0%	77 30,8%	83 33,2%	65 26,0%
18.	Xử lý kịp thời các vụ việc phức tạp, điểm nóng	19 7,6%	93 37,2%	64 25,6%	74 29,6%
19.	Bảo đảm an toàn thông tin trên mạng xã hội	18 7,2%	99 39,6%	49 19,6%	84 33,6%
20.	Sự lo lắng của người dân về tin giả, thông tin xấu trên mạng	27 11,0%	95 38,8%	29 11,8%	94 38,4%

**D2. Trong 12 tháng qua, Ông/Bà có từng gặp thông tin không đúng sự thật, sai lệch, hoặc có nội dung gây kích động, chia rẽ (trên mạng xã hội hoặc qua lời truyền miệng) không? (Chọn một phương án) Khi gặp tin giả hoặc thông tin sai sự thật, Ông/Bà thường làm gì?**

TT	Nội dung đánh giá	Số phiếu	%
1	Trong 12 tháng qua, từng tiếp cận thông tin không đúng sự thật	102	40,8 %
2	Khi gặp tin giả: không quan tâm, bỏ qua	88	35,2 %
3	Khi gặp tin giả: tự tìm hiểu, kiểm chứng thông tin	102	40,8 %
4	Khi gặp tin giả: báo cho cán bộ thôn/xã	93	37,2 %
5	Khi gặp tin giả: chia sẻ cho người khác	119	47,6 %
6	Khi gặp tin giả: đã từng chia sẻ tin giả	34	13,6 %
7	Hình thức khác	5	2,0 %

**D3. Ông/Bà thường nhận được thông tin hoặc tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh, ổn định ở địa phương qua những hình thức nào? (Có thể chọn nhiều phương án)**

TT	Nội dung đánh giá	Số phiếu	%
1	Qua các buổi sinh hoạt cộng đồng, họp thôn/buôn	146	58,4
2	Qua việc học tập nghị quyết, phổ biến chủ trương chính sách	131	52,4
3	Qua mạng xã hội, điện thoại thông minh, Internet	200	80,0
4	Qua các hoạt động hòa giải, giúp đỡ nhau tại địa phương	45	18,0
5	Qua các phong trào giữ gìn an ninh, trật tự (tổ an ninh tự quản, tổ công nghệ số cộng đồng...)	78	31,2
6	Qua tuyên truyền trực tiếp của cán bộ thôn, xã	81	32,4
7	Qua già làng, trưởng buôn, người có uy tín trong cộng đồng	73	29,2
8	Qua chức sắc tôn giáo (trong sinh hoạt tôn giáo, lễ hội)	74	29,6
9	Qua các nghi lễ văn hóa truyền thống (lễ hội, sinh hoạt cộng đồng)	94	37,6
10	Hình thức khác	20	8,0

**E. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ Ở ĐỊA PHƯƠNG**

**E1. Ông/Bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về những kết quả đạt được trong việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội tại địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến, 1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Khá tốt, 4 = Rất tốt)

TT	Nội dung đánh giá	0	1	2	3	4
1	Mức độ ổn định chính trị và xã hội ở địa phương	30 12,2%	28 11,4%	84 34,3%	73 29,8%	30 12,2%
2	Việc giải quyết các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, đất đai, v.v.	20 8,2%	47 19,2%	44 18,0%	70 28,6%	64 26,1%
3	Sự phát triển kinh tế và xã hội góp phần giữ gìn an ninh chính trị	29 11,8%	50 20,4%	38 15,5%	74 30,2%	54 22,0%
4	Vai trò của già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo trong việc giữ ổn định	24 9,8%	62 25,3%	29 11,8%	55 22,4%	75 30,6%
5	Hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ ANTQ”	39 15,9%	43 17,6%	34 13,9%	50 20,4%	79 32,2%

**E2. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những lý do sau được cho là giúp địa phương đạt được kết quả tốt trong giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến,

1 = Không đồng tình, 2 = Ít đồng tình, 3 = Đồng tình, 4 = Hoàn toàn đồng tình)

TT	Nội dung đánh giá	0	1	2	3	4
1	Đảng và các cấp chính quyền làm tốt công việc của mình	73 29,8%	13 5,3%	49 20,0%	55 22,4%	55 22,4%
2	Sự tham gia tích cực của Nhân dân	25 10,2%	13 5,3%	58 23,7%	64 26,1%	85 34,7%
3	Nền kinh tế, xã hội, văn hóa và phong tục tập quán vững chắc	14 5,7%	15 6,1%	39 15,9%	77 31,4%	100 40,8%
4	Hiệu quả của phong trào quần chúng và các mô hình ở cơ sở	24 9,8%	35 14,3%	29 11,8%	79 32,2%	78 31,8%

**E3. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những ý kiến sau về những khó khăn, hạn chế trong việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương?**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến,

1 = Không đồng tình, 2 = Ít đồng tình, 3 = Đồng tình, 4 = Hoàn toàn đồng tình)

TT	Hạn chế trong bảo đảm an ninh chính trị	0	1	2	3	4
1	Năng lực cán bộ làm việc ở địa phương còn hạn chế	64 25,6%	56 22,4%	50 20,0%	70 28,0%	10 4,0%
2	Việc quản lý đất đai, di dân, tôn giáo còn gặp nhiều khó khăn	23 9,2%	43 17,2%	44 17,6%	125 50,0%	15 6,0%

3	Việc xử lý thông tin sai lệch, tin xấu chưa hiệu quả	23 9,4%	24 9,8%	79 32,2%	84 34,3%	35 14,3%
4	Cán bộ tăng cường từ nơi khác về chưa hiểu rõ phong tục, ngôn ngữ của đồng bào	5 2,0%	23 9,2%	97 38,8%	115 46,0%	10 4,0%
5	Tình trạng vượt biên trái phép, di dân tự do vẫn còn phức tạp	10 4,0%	24 9,6%	60 24,0%	103 41,2%	53 21,2%

**E4. Khi ở địa phương xảy ra các vụ việc phức tạp (như mâu thuẫn giữa người dân, tranh chấp đất đai, gây rối trật tự...), Ông/Bà đánh giá thế nào về sự phối hợp giữa chính quyền, công an và các tổ chức đoàn thể trong việc giải quyết?**

1 = Rất kém

2 = Trung bình

3 = Khá tốt

4 = Rất tốt

NA = Không biết / Không ý kiến

TT	Nội dung đánh giá	0 (NA)	1	2	3	4
1	Đánh giá về sự phối hợp trong công tác	98 39,2%	5 2,0%	58 23,2%	34 13,6%	55 22,0%

#### F. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ Ở ĐỊA PHƯƠNG

**F1. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đánh giá của mình về đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tham gia bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương.**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến,

1 = Yếu, 2 = Trung bình, 3 = Tốt, 4 = Rất tốt)

TT	Hạn chế trong bảo đảm an ninh chính trị	0	1	2	3	4
1	Trình độ chính trị, pháp luật và nghiệp vụ	34 15,8%	17 7,9%	99 46,0%	50 23,3%	15 7,0%
2	Am hiểu phong tục, tập quán và ngôn ngữ của đồng bào DTTS	15 6,7%	32 14,2%	88 39,1%	80 35,6%	10 4,4%
3	Tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc	14 6,2%	24 10,7%	59 26,2%	73 32,4%	55 24,4%
4	Sẵn sàng giải quyết các vụ việc phức tạp, nhạy cảm	19 7,6%	24 9,6%	69 27,6%	69 27,6%	69 27,6%

**F2. Đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với năng lực cán bộ**

TT	Nội dung đánh giá	0	1	2	3	4
1	Khả năng sử dụng tiếng dân tộc của cán bộ	97 38,8%	40 16,0%	29 11,6%	84 33,6%	0 0,0%
2	Sự am hiểu phong tục, tập quán của cán bộ	98 39,2%	10 4,0%	58 23,2%	69 27,6%	15 6,0%

**F3. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những ý kiến sau về chính sách và điều kiện để bảo đảm an ninh chính trị ở địa phương?**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến,

1 = Không đồng tình, 2 = Ít đồng tình, 3 = Đồng tình, 4 = Hoàn toàn đồng tình)

TT	Ý kiến đánh giá	0	1	2	3	4
1	Việc phối hợp giữa các lực lượng (công an, chính quyền,...) chưa rõ ràng, dễ bị chòng chẹo hoặc không hiệu quả	24 9,6%	24 9,6%	65 26,0%	107 42,8%	30 12,0%
2	Các quy định, luật pháp liên quan đến bảo đảm an ninh chính trị còn thiếu hoặc chưa đồng bộ	9 3,6%	25 10,0%	37 14,8%	119 47,6%	60 24,0%
3	Chính sách về tiền lương, thưởng, hỗ trợ cho cán bộ công tác ở vùng khó khăn còn thấp	24 9,6%	19 7,6%	30 12,0%	59 23,6%	118 47,2%
4	Kinh phí và trang thiết bị phục vụ công tác còn thiếu và hạn chế	42 16,8%	25 10,0%	34 13,6%	49 19,6%	100 40,0%

**F4. Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những khó khăn, thách thức sau trong việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương?**

(Đánh dấu vào các ô theo thang điểm 0 = Không biết / Không có ý kiến,

1 = Không đồng tình, 2 = Ít đồng tình, 3 = Đồng tình, 4 = Hoàn toàn đồng tình)

TT	Khó khăn, thách thức	0	1	2	3	4
1	Địa hình, khí hậu, giao thông phức tạp gây trở ngại	63 25,2%	49 19,6%	48 19,2%	75 30,0%	15 6,0%
2	Có những nhóm hoặc cá nhân bên ngoài cố tình gây rối, làm phức tạp tình hình	29 11,8%	61 24,9%	15 6,1%	75 30,6%	65 26,5%
3	Việc lan truyền thông tin sai sự thật hoặc gây hại trên mạng internet	23 9,2%	18 7,2%	39 15,6%	95 38,0%	75 30,0%
4	Di dân tự do và vượt biên trái phép vẫn diễn biến phức tạp	19 7,6%	65 26,0%	48 19,2%	69 27,6%	49 19,6%

**F5. Theo Ông/Bà, để giữ gìn an ninh, trật tự ở địa phương tốt hơn trong tình hình mới, cần làm gì hoặc thay đổi những gì?**

.....

**G. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số phiếu</b>	<b>%</b>	
	Giới tính	Nam	146	59,6
		Nữ	99	40,4
	Độ tuổi	Dưới 18	10	4,0
		18 - 25	15	6,0
		26 - 35	39	15,6
		36 - 45	124	49,6
		46 - 60	39	15,6
		Trên 60	23	9,2
	Dân tộc	Kinh	150	60,0
		Êđê	38	15,2
		Gia Rai	24	9,6
		Ba Na	15	6,0
		M'ông	23	9,2
	Địa bàn cư trú	Thành phố/Thị xã	65	26,0
		Xã	170	68,0
		Thôn/Buôn/Làng	15	6,0
	Thời gian sinh sống tại Tây Nguyên	Dưới 1 năm	5	2,0
		1 - 5 năm	10	4,0
		6 - 10 năm	13	5,2
		Trên 10 năm	50	20,0
		Từ khi sinh ra	172	68,8
	Tham gia tổ chức CT-XH	Có	65	26,5
		Không	180	73,5

**PHỤ LỤC 5. M1**  
**PHIẾU TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA**  
**(Dành cho lãnh đạo)**

**Câu hỏi 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về mô hình tổ chức lực lượng và cơ chế phân công, phân cấp trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay?**

Trả lời:

Hiện nay, công tác tổ chức lực lượng và phân công, phân cấp trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên được triển khai theo mô hình Công an nhân dân 03 cấp (Bộ - tỉnh - xã), phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Ở cấp Trung ương, Cục An ninh nội địa (A02) giữ vai trò nòng cốt trong tham mưu chiến lược và chỉ đạo thống nhất; hằng năm chủ trì xây dựng đề án, kế hoạch trọng điểm, trong đó có các chương trình riêng cho Tây. Ở cấp tỉnh, Phòng An ninh nội địa (PA02) thuộc Công an 05 tỉnh Tây Nguyên trực tiếp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, đồng thời tổ chức phát hiện, xử lý nhiều vụ việc liên quan đến an ninh nội địa, góp phần giữ vững ổn định chính trị.

Ở cấp cơ sở, việc bố trí Công an chính quy về xã đã tạo bước chuyển biến quan trọng, với 100% số xã trên địa bàn Tây Nguyên có lực lượng Công an chính quy, qua đó nâng cao năng lực nắm tình hình từ sớm, từ xa. Cùng với đó, các mô hình quần chúng như tổ an ninh nhân dân, tổ tự quản, già làng, người có uy tín tiếp tục được phát huy, hỗ trợ hiệu quả cho lực lượng chức năng. Cơ chế phân công, phân cấp được thực hiện theo hướng: (1) bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất từ Trung ương; (2) phân cấp rõ ràng cho địa phương; tăng cường trách nhiệm cấp cơ sở; (3) kết hợp chặt chẽ giữa công tác nghiệp vụ và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Thực tiễn cho thấy mô hình này phát huy hiệu quả rõ rệt: nhiều vụ việc phức tạp được phát hiện, xử lý ngay từ cơ sở, không để hình thành “điểm nóng”; tỷ lệ giải quyết các vụ việc an ninh nội địa đạt mức cao (trên 90% xử lý kịp thời tại địa bàn); sự phối hợp giữa các cấp ngày càng chặt chẽ. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như năng lực lực lượng cơ sở chưa đồng đều, cơ chế phối hợp liên ngành ở một số nơi còn thiếu linh hoạt, trong khi áp lực công việc gia tăng do các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt trên không gian mạng, cơ chế, chính sách đãi ngộ còn thấp. Tổng thể, mô hình hiện nay cơ bản hợp lý, phù hợp với đặc thù Tây Nguyên và góp phần quan trọng trong bảo đảm an ninh quốc gia trong tình hình mới.

**Câu 2. Xin đồng chí cho biết quy trình và nội dung công tác tham mưu, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trong công tác đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên?**

Trả lời:

Công tác tham mưu trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên được triển khai linh hoạt, bám sát tình hình thực tiễn từng giai đoạn. Ở cấp Trung ương, Cục An ninh nội địa (A02) giữ vai trò chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ Công an xây dựng, ban hành nhiều đề án, nghị quyết quan trọng, tiêu biểu như Đề án 104 về phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh khu vực Tây Nguyên và phụ cận, hay Đề án 53 về phòng, chống phục hồi

FULRO, Tin lành Đêga. Đồng thời, A02 chủ động dự báo, đánh giá nguy cơ mất an ninh trật tự, tham mưu cho Chính phủ, Ban Bí thư và Bộ Công an các giải pháp xử lý kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh.

Ở cấp địa phương, Công an các tỉnh Tây Nguyên phát huy vai trò tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong triển khai các chủ trương, chính sách phát triển bền vững gắn với bảo đảm an ninh chính trị. Nội dung tham mưu tập trung vào củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giải quyết đất ở, đất sản xuất; hỗ trợ sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng nông thôn mới; xóa mù chữ; bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch sinh thái. Qua đó, góp phần giải quyết các nguyên nhân tiềm ẩn gây mất ổn định từ cơ sở, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

Thực tiễn triển khai cho thấy công tác tham mưu có nhiều thuận lợi như sự chỉ đạo thống nhất từ Trung ương, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành và sự đồng thuận của đồng bào các dân tộc. Tuy nhiên, vẫn còn không ít khó khăn, nhất là sự chống phá của các thế lực thù địch và hạn chế về nhận thức của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tham mưu theo hướng chủ động, toàn diện và sát thực tiễn hơn trong thời gian tới.

**Câu 3. Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên?**

Trả lời:

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò quan trọng trong việc huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia bảo đảm an ninh chính trị. Đây là lực lượng trung gian có khả năng kết nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số. Thực tiễn tại Tây Nguyên cho thấy, các tổ chức này đã triển khai hiệu quả nhiều phong trào như “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự”. Tại khu vực Tây Nguyên, hiện có hàng nghìn mô hình tự quản về an ninh trật tự đang hoạt động, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia.

Vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín và chức sắc tôn giáo cũng được phát huy mạnh mẽ. Theo thống kê, toàn vùng Tây Nguyên có hàng chục nghìn người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đóng vai trò quan trọng trong tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Tuy nhiên, hoạt động của một số tổ chức ở một vài địa bàn vẫn còn hình thức; nội dung tuyên truyền chưa thật sự phù hợp với từng nhóm đối tượng; phương thức vận động còn thiếu đổi mới. Do đó, thời gian tới cần tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức này theo hướng thiết thực, sát thực tiễn hơn.

**Câu 4. Theo đồng chí, lực lượng vũ trang giữ vai trò như thế nào trong bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở Tây Nguyên?**

Trả lời:

Lực lượng vũ trang giữ vai trò nòng cốt, trực tiếp trong bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Tây Nguyên. Trong đó, lực lượng Công an nhân dân là chủ công trên mặt trận bảo vệ an ninh quốc gia; Quân đội nhân dân và Bộ đội Biên phòng giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới; lực lượng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ bảo đảm an ninh tại cơ sở.

Thực tiễn cho thấy, cơ chế phối hợp giữa các lực lượng ngày càng được hoàn thiện. Hằng năm, các lực lượng đã phối hợp tổ chức hàng trăm đợt tuần tra, kiểm soát liên ngành tại các địa bàn trọng điểm, tuyến biên giới dài hơn 1.000 km của khu vực Tây Nguyên. Đồng thời, phối hợp triển khai nhiều kế hoạch đấu tranh chuyên án, triệt phá các đường dây, tổ chức có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

Ngoài ra, lực lượng vũ trang còn tích cực tham gia công tác dân vận, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh. Nhiều mô hình như “Công an xã bám buôn, bám làng”, “Đồn Biên phòng gắn kết với Nhân dân” đã góp phần củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho bảo đảm an ninh chính trị.

Tuy nhiên, trước yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao, đặc biệt trong bối cảnh các thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng, đòi hỏi lực lượng vũ trang cần tiếp tục nâng cao chất lượng, trình độ nghiệp vụ và khả năng phối hợp liên ngành.

**Câu 5. Theo đồng chí, vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên được thể hiện như thế nào?**

Trả lời:

Nhân dân là chủ thể trung tâm của thể trận an ninh nhân dân, giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm an ninh chính trị từ cơ sở. Trong bối cảnh Tây Nguyên có 53 dân tộc thiểu số cùng sinh sống, với đặc điểm văn hóa, tín ngưỡng đa dạng, vai trò của Nhân dân càng trở nên đặc biệt quan trọng.

Thực tiễn cho thấy, Nhân dân đã tích cực tham gia các phong trào tự quản về an ninh trật tự, cung cấp nhiều nguồn tin có giá trị cho lực lượng chức năng. Ước tính, mỗi năm có hàng chục nghìn tin báo, tố giác tội phạm và thông tin liên quan đến an ninh chính trị được Nhân dân cung cấp, trong đó tỷ lệ tin có giá trị phục vụ công tác đấu tranh đạt trên 70%.

Bên cạnh đó, Nhân dân còn tham gia hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp ngay từ cơ sở, góp phần giảm thiểu các nguy cơ phát sinh điểm nóng. Đặc biệt, trong bối cảnh không gian mạng phát triển, một bộ phận người dân đã chủ động tham gia phản bác các thông tin sai trái, góp phần định hướng dư luận xã hội. Tuy nhiên, nhận thức pháp luật của một bộ phận Nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; đời sống kinh tế còn khó khăn, dễ bị các đối tượng xấu lợi dụng. Điều này đòi hỏi cần tiếp tục nâng cao dân trí, cải thiện đời sống và tăng cường công tác tuyên truyền, vận động..

**Câu 6. Đồng chí có thể đánh giá những thách thức về an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới?**

Trả lời:

Trong thời gian tới, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên được dự báo tiếp tục tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, với các nguy cơ đan xen cả truyền thống và phi truyền thống. Nổi bật là các tranh chấp đất đai giữa đồng bào dân tộc thiểu số với doanh nghiệp, nông lâm trường. Nếu không được giải quyết kịp thời, thỏa đáng có thể dẫn đến khiếu kiện đông người, kéo dài, thậm chí phát sinh “điểm nóng”, ảnh hưởng đến ổn định chính trị - xã hội tại địa phương.

Bên cạnh đó, các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng các vấn đề nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền và tàn dư FULRO để tuyên truyền, kích động tư tưởng ly khai, chống đối chính quyền. Mặc dù nguy cơ khủng bố, phá hoại chưa ở mức cao, song vẫn tồn tại dưới dạng tiềm ẩn, đặc biệt trong trường hợp có sự móc nối, hỗ trợ từ các tổ chức phản động lưu vong, đặt ra yêu cầu phải tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa.

Ngoài ra, những hạn chế trong công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ và hiệu quả tuyên truyền, vận động quần chúng ở một số địa bàn còn chưa cao cũng là yếu tố làm gia tăng nguy cơ mất ổn định. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực công tác dân vận, kết hợp đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ và chính trị - xã hội nhằm chủ động kiểm soát, phòng ngừa và xử lý hiệu quả các yếu tố tác động đến an ninh chính trị trên địa bàn.

**Câu hỏi 7: Đồng chí có thể đưa ra giải pháp về đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay?**

Trả lời:

Để bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay, chúng tôi đề xuất triển khai đồng bộ các biện pháp, công tác đảm bảo ổn định tình hình, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Trong đó, tập trung:

- Nắm chắc tình hình liên quan đến các vấn đề phức tạp về ANTT nổi lên trên địa bàn Tây Nguyên.

- Tổng hợp, rà soát, đánh giá về các vụ tranh chấp, khiếu kiện về đất đai, cơ sở thờ tự và hoạt động móc nối, lôi kéo của thế lực thù địch trong và ngoài nước, đặc biệt là số phản động lưu vong, Fulro ở nước ngoài... có thể lợi dụng những bức xúc này để kích động chống phá.

- Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, xây dựng tốt phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trên địa bàn Tây Nguyên

- Đấu tranh với số đối tượng cực đoan, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá chính quyền; đấu tranh, vô hiệu hóa các hoạt động tuyên truyền mê tín dị đoan, “đạo lạ” trên địa bàn Tây Nguyên; kiên quyết đấu tranh với các âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phức tạp tình hình ANTT địa bàn Tây Nguyên thời gian tới.

*Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!*

**PHỤ LỤC 6. M2**  
**PHIẾU TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA**  
**(Dùng cho lãnh đạo)**

**Câu 1. Từ góc độ thực tiễn địa bàn, đồng chí đánh giá như thế nào về đặc điểm tình hình tôn giáo gắn với an ninh chính trị ở Tây Nguyên hiện nay?**

**Trả lời:**

Tây Nguyên là địa bàn có sự đan xen phức tạp giữa yếu tố dân tộc, tôn giáo và an ninh chính trị. Theo số liệu tổng hợp đến năm 2025, khu vực có khoảng 2,3 triệu tín đồ tôn giáo, chiếm gần 38,5% dân số; trong đó Công giáo khoảng 1,18 triệu người, Tin Lành khoảng 580.000 người, Phật giáo trên 460.000 người, cùng nhiều tôn giáo và hệ phái khác. Bên cạnh đó, toàn vùng có gần 2.900 chức sắc, hơn 2.300 cơ sở thờ tự. Điều này cho thấy tôn giáo là một cấu phần quan trọng trong đời sống xã hội, có tác động trực tiếp đến ổn định chính trị.

Thực tiễn cho thấy, đa số hoạt động tôn giáo diễn ra ổn định, tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hiện tượng tôn giáo mới, tôn giáo biến tướng và sự lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị, làm gia tăng tính phức tạp của môi trường an ninh..

**Câu 2. Đồng chí nhận định như thế nào về hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên?**

**Trả lời:**

Qua thực tiễn, có thể thấy các thế lực thù địch và tổ chức phản động tiếp tục coi Tây Nguyên là địa bàn trọng điểm để tác động, cụ thể:

Ở bên ngoài, một số tổ chức như “Tin lành Đêga”, “Hội thánh Tin lành Đấng Christ Tây Nguyên”, các cá nhân liên quan tổ chức BPSOS... đã tăng cường móc nối, tuyên truyền, hỗ trợ tài chính, huấn luyện kỹ năng hoạt động cho các đối tượng trong nước. Hoạt động này được thực hiện thông qua mạng xã hội, nền tảng truyền thông số và các hình thức trực tuyến.

Ở trong nước, các đối tượng lợi dụng vấn đề “tự do tôn giáo”, “dân tộc” để tập hợp lực lượng, thu thập thông tin, xuyên tạc tình hình, tạo cơ can thiệp từ bên ngoài. Đáng chú ý là các hoạt động này không còn mang tính đơn lẻ mà có xu hướng liên kết giữa yếu tố tôn giáo - dân tộc - không gian mạng, làm gia tăng nguy cơ tác động đến an ninh chính trị nếu không được kiểm soát hiệu quả..

**Câu 3. Theo đồng chí, những khó khăn trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo ở Tây Nguyên hiện nay là gì?**

**Trả lời:**

Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay đang đối mặt với nhiều khó khăn, xuất phát từ cả yếu tố khách quan và chủ quan. Nổi bật là sự chênh lệch về điều kiện kinh tế - xã hội và trình độ dân trí giữa các vùng, đặc biệt tại khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong bối cảnh đó, nhận thức pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế, nhu cầu sinh hoạt tôn giáo ngày càng gia tăng, tạo áp lực không nhỏ đối với công tác quản lý.

Bên cạnh đó, một số vấn đề cụ thể phát sinh trong thực tiễn như tranh chấp đất đai liên quan đến cơ sở tôn giáo; nhu cầu xây dựng, sửa chữa nơi thờ tự chưa được giải quyết kịp thời; tình trạng truyền đạo trái phép... tiếp tục diễn biến phức tạp. Những yếu tố này không chỉ làm gia tăng khối lượng công việc mà còn đặt ra yêu cầu cao hơn về tính linh hoạt, kịp thời và hiệu quả trong quản lý nhà nước.

Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng của không gian mạng cũng tạo ra thách thức mới khi việc kiểm soát, định hướng thông tin gặp nhiều khó khăn. Một số nội dung sai lệch, xuyên tạc về tình hình tôn giáo được lan truyền với tốc độ nhanh, tác động tiêu cực đến nhận thức của người dân. Tổng thể, những vấn đề trên có thể được xem là các “điểm nghẽn” trong quản lý, đòi hỏi cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, nâng cao hiệu lực quản lý và tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm bảo đảm ổn định an ninh tôn giáo trong thời gian tới.

**Câu 4. Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của các tổ chức tôn giáo hợp pháp trong việc bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên?**

**Trả lời:**

Các tổ chức tôn giáo hợp pháp trên địa bàn Tây Nguyên giữ vai trò quan trọng trong việc góp phần bảo đảm an ninh chính trị và ổn định xã hội. Thông qua hệ thống chức sắc, chức việc và tín đồ, các tổ chức tôn giáo đã tích cực tham gia định hướng giá trị đạo đức, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và hỗ trợ chính quyền trong việc triển khai các chủ trương, chính sách tại cơ sở.

Thực tiễn cho thấy, các hoạt động tôn giáo như lễ nghi, sinh hoạt cộng đồng, hoạt động từ thiện - xã hội được tổ chức ổn định, đúng quy định, thu hút đông đảo người dân tham gia. Hằng năm, có hàng nghìn hoạt động tôn giáo diễn ra; các hoạt động đào tạo, phong phẩm, bổ nhiệm chức sắc được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Những yếu tố này góp phần tạo dựng môi trường sinh hoạt tôn giáo lành mạnh, qua đó củng cố “nền tảng xã hội của an ninh”.

Từ góc độ quản lý nhà nước, có thể khẳng định rằng việc phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo hợp pháp là một trong những giải pháp quan trọng nhằm phòng ngừa từ sớm, từ xa các nguy cơ phát sinh yếu tố phức tạp. Nếu được định hướng, hỗ trợ và tạo điều kiện phù hợp, các tổ chức tôn giáo chính thống sẽ tiếp tục là lực lượng đồng hành tích cực cùng chính quyền trong việc giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn Tây Nguyên..

**Câu 5. Theo đồng chí, những thành tựu nổi bật trong bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tại Tây Nguyên thời gian qua góp phần bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn như thế nào?**

**Trả lời:**

Một trong những thành tựu quan trọng là việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tại Tây Nguyên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, qua đó góp phần trực tiếp củng cố ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn.

Trước hết, các hoạt động sinh hoạt tôn giáo tập trung, các lễ hội tôn giáo lớn được tổ chức ổn định, đúng quy định pháp luật, đáp ứng nhu cầu chính đáng của đông đảo tín đồ. Điều này không chỉ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng mà còn góp phần ổn định đời sống tinh thần của người dân, hạn chế các yếu tố phát sinh tiêu cực.

Thứ hai, hệ thống cơ sở tôn giáo tiếp tục được quan tâm đầu tư, với hàng nghìn công trình được xây dựng, sửa chữa hợp pháp. Song song với đó, công tác đào tạo, phong chức sắc, bổ nhiệm chức việc và tổ chức hoạt động của các tổ chức tôn giáo được tạo điều kiện thuận lợi, từng bước đi vào nề nếp.

Thứ ba, nhiều vụ việc tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến tôn giáo, đặc biệt là vấn đề đất đai và cơ sở thờ tự, đã được các cấp chính quyền tập trung giải quyết theo hướng đúng pháp luật, thấu tình, đạt lý, qua đó hạn chế nguy cơ phát sinh “điểm nóng”. Trên 90% nhu cầu sinh hoạt tôn giáo hợp pháp của người dân đã được đáp ứng. Đây là minh chứng quan trọng khẳng định tính nhất quán trong chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nói chung, trên địa bàn Tây Nguyên nói riêng.

Những kết quả này góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường sự đồng thuận xã hội, đồng thời thu hẹp không gian để các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm kích động, chống phá. Qua đó, tạo điều kiện chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa các nguy cơ gây mất ổn định an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên.

**Câu 6. Đồng chí nhận định như thế nào về mối quan hệ giữa vấn đề tôn giáo và các yếu tố kinh tế - xã hội. Vấn đề này đặt ra những thách thức gì với an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong 10 năm tới là gì?**

**Trả lời:**

Mối quan hệ giữa tôn giáo và các yếu tố kinh tế - xã hội tại Tây Nguyên có tính hai chiều và tác động trực tiếp đến an ninh chính trị trên địa bàn. Một mặt, những hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội như chênh lệch mức sống, khó khăn về sinh kế, tranh chấp đất đai, di cư tự do... tạo ra môi trường dễ phát sinh bất ổn. Trong bối cảnh đó, yếu tố tôn giáo thường bị lợi dụng, “tôn giáo hóa” các vấn đề dân sinh nhằm làm tăng tính nhạy cảm và khả năng lan rộng của thông tin xấu độc. Thực tế cho thấy, nhiều vụ việc phức tạp về an ninh chính trị không bắt nguồn từ tôn giáo, mà từ mâu thuẫn xã hội nhưng bị khai thác dưới danh nghĩa tôn giáo. Mặt khác, khi điều kiện kinh tế - xã hội được cải thiện, đời sống người dân ổn định, niềm tin vào chính quyền được nâng cao thì các yếu tố tiêu cực liên quan đến tôn giáo có xu hướng giảm, qua đó góp phần củng cố ổn định chính trị.

Trong thời gian tới, thách thức lớn không chỉ nằm ở từng vấn đề riêng lẻ, mà ở sự kết hợp giữa các yếu tố truyền thống (dân tộc, tôn giáo, đất đai) với các yếu tố mới, đặc biệt là tác động của không gian mạng. Nếu không được quản lý tốt, các vấn đề này có thể tích tụ thành bức xúc xã hội và bị lợi dụng, làm phát sinh nguy cơ mất ổn định cục bộ. Vì vậy, cần tiếp cận vấn đề tôn giáo trong tổng thể phát triển bền vững, gắn với giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí và tăng cường hiệu quả quản lý ở cơ sở, nhằm phòng ngừa từ sớm các nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh chính trị.

**Câu 7. Đồng chí dự báo như thế nào về xu hướng biến động của tình hình tôn giáo và tác động đến an ninh chính trị tại Tây Nguyên trong thời gian tới?**

**Trả lời:**

Trong thời gian tới, tôn giáo tại Tây Nguyên sẽ tiếp tục phát triển cả về số lượng tín đồ và phạm vi ảnh hưởng xã hội. Nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, xây dựng cơ sở thờ tự, củng cố tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện có xu hướng gia tăng, phản ánh sự phát triển bình thường của đời sống tôn giáo trong bối cảnh kinh tế - xã hội chuyển biến.

Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra một số vấn đề cần quan tâm. Việc gia tăng nhu cầu về đất đai, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động tôn giáo có thể phát sinh tranh chấp, khiếu kiện nếu không được quản lý, giải quyết kịp thời. Đồng thời, sự dịch chuyển hoạt động tôn giáo lên không gian mạng là xu hướng rõ nét, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá giáo lý và kết nối cộng đồng, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng để phát tán thông tin sai lệch, kích động, xuyên tạc, gây tác động tiêu cực đến nhận thức của người dân.

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới vẫn cơ bản được giữ vững song sẽ tiếp tục tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, nhất là sự đan xen giữa các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai và an ninh thông tin. Nếu không được phát hiện sớm, xử lý kịp thời, đúng pháp luật và phù hợp thực tiễn, một số vụ việc có thể phát triển thành điểm phức tạp cục bộ. Điều này đòi hỏi phải nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa và tăng cường năng lực xử lý các tình huống phát sinh.

**Câu 8. Theo đồng chí, cần tập trung vào những giải pháp nào để nâng cao hiệu quả bảo đảm an ninh chính trị gắn với tôn giáo tại Tây Nguyên trong thời gian tới?**

**Trả lời:**

Từ những vấn đề đặt ra có thể xác định yêu cầu cần triển khai đồng bộ các giải pháp mang tính hệ thống, trong đó trọng tâm là nâng cao năng lực quản trị an ninh gắn với quản lý xã hội trong bối cảnh đa tôn giáo, đa dân tộc.

- Cần chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo và an ninh cơ sở, bảo đảm vừa vững về nghiệp vụ, vừa am hiểu đặc thù văn hóa, xã hội địa bàn. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng, bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

- Tập trung xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, nhất là các vụ việc liên quan đến đất đai, khiếu kiện và sinh hoạt tôn giáo trái pháp luật; đồng thời bảo đảm giải quyết kịp thời các nhu cầu chính đáng của người dân và tổ chức tôn giáo theo quy định của pháp luật.

- Chú trọng công tác dân vận, công tác tranh thủ người có uy tín, chức sắc tôn giáo tích cực, đẩy mạnh giáo dục pháp luật và kỹ năng số cho người dân;

- Tăng cường năng lực an ninh mạng, năng lực truyền thông, đấu tranh phản bác thông tin sai trái từ sớm, từ cơ sở.

*Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!*

**PHỤ LỤC 7. M3**  
**PHIẾU TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA**  
**(Dành cho lãnh đạo)**

**Câu hỏi 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về việc tổ chức, phân công và phân cấp lực lượng trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay? Những nguyên tắc chủ yếu đang được áp dụng là gì và hiệu quả thực tiễn ra sao?**

**Trả lời:**

Việc tổ chức, phân công và phân cấp lực lượng trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay về cơ bản được triển khai theo hướng thống nhất, xuyên suốt, bám địa bàn, bám lĩnh vực và bám đối tượng, phù hợp với chủ trương xây dựng lực lượng Công an 03 cấp và yêu cầu tăng cường hiệu quả quản trị an ninh từ cơ sở. Từ góc độ thực tiễn, có thể thấy cơ chế tổ chức này đã góp phần quan trọng trong việc duy trì ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng này.

Cục An ninh nội địa (A02) giữ vai trò nòng cốt, chủ trì tham mưu cho Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an và các cấp có thẩm quyền trong việc xây dựng, ban hành hoặc đề xuất các chỉ thị, nghị quyết, đề án liên quan đến công tác bảo đảm an ninh chính trị tại Tây Nguyên. Từ đó phân công nhiệm vụ, chỉ đạo các bộ, ban, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện. Trong thực tiễn, A02 đã tham mưu và phối hợp triển khai nhiều nội dung quan trọng như Đề án 104 về *phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và phụ cận*, Đề án 53 về *phòng, chống phục hồi FULRO, “Tin lành Đêga”*, cùng nhiều chương trình, kế hoạch về nắm tình hình, dự báo nguy cơ gây mất an ninh trật tự trên địa bàn. Theo tài liệu tổng hợp, đã có hàng trăm báo cáo, kiến nghị tham mưu gửi Thủ tướng Chính phủ, Ban Bí thư, lãnh đạo Bộ Công an liên quan đến giải quyết các vấn đề phức tạp ở Tây Nguyên, trong đó có những nội dung liên quan tranh chấp đất đai tại các nông, lâm trường, thanh tra toàn diện 20 vụ việc tại các công ty thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam ở Tây Nguyên, và hướng dẫn triển khai nhiều đề án liên quan đến bảo đảm an ninh nội địa.

Ở cấp tỉnh, Công an các tỉnh Tây Nguyên giữ vai trò chủ trì tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh cụ thể hóa chủ trương thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với từng địa bàn. Nội dung tham mưu mang tính tổng thể, không chỉ xử lý các vấn đề an ninh mà còn gắn với củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giải quyết đất ở, đất sản xuất, sắp xếp dân cư, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, xử lý tranh chấp, khiếu kiện và tăng cường điều kiện bảo đảm cho lực lượng Công an cấp xã.

Ở cấp cơ sở, Công an xã chính quy cùng các lực lượng quần chúng như tổ an ninh, tổ hòa giải, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo trực tiếp nắm địa bàn, phát hiện sớm các yếu tố bất ổn ngay từ cộng đồng, góp phần thực hiện hiệu quả phương châm “phòng ngừa từ sớm, từ xa, từ cơ sở”. Công tác bảo đảm an ninh chính trị được triển khai trên nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng; phân công rõ trách nhiệm; gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội, công tác dân tộc, tôn giáo; và lấy phòng ngừa là chính.

Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện chưa đồng đều giữa các địa bàn; một số nơi còn hạn chế trong nắm tình hình, năng lực tham mưu và điều kiện bảo đảm. Do đó, dù mô hình tổ chức hiện nay là phù hợp, cần tiếp tục nâng cao chất lượng thực thi ở cơ sở và tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng để bảo đảm tính bền vững.

**Câu 2. Xin đồng chí cho biết công tác tham mưu, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trong triển khai bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay được tiến hành theo những nội dung chủ yếu nào? Những thuận lợi và khó khăn đặt ra là gì?**

**Trả lời:**

Công tác tham mưu, hướng dẫn trong bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên hiện nay được triển khai theo quy trình tương đối chặt chẽ, nhưng đồng thời cũng mang tính linh hoạt cao do phải thích ứng với đặc điểm rất phức tạp của địa bàn. Về cơ bản, quy trình này bao gồm các bước: nắm bắt tình hình và nhận diện vấn đề; phân tích, đánh giá, dự báo nguy cơ; đề xuất chiến lược, giải pháp; hướng dẫn, phối hợp triển khai; kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện.

Điểm cốt lõi là phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm tham mưu của từng cơ quan, từng cấp. Nếu không làm rõ điều này rất dễ dẫn đến chồng chéo, khoảng trống trách nhiệm hoặc xử lý chậm trước các tình huống phức tạp. Trong thực tiễn Tây Nguyên, điều đó càng quan trọng vì các vấn đề an ninh chính trị hiếm khi tồn tại đơn lẻ, mà thường đan xen với đất đai, dân tộc, tôn giáo, sinh kế, di cư tự do, khiếu kiện và không gian mạng.

Ở cấp Trung ương, nội dung tham mưu chủ yếu tập trung vào xây dựng định hướng chiến lược, đề án lớn, giải pháp liên vùng, đồng thời tổ chức dự báo các nguy cơ có thể ảnh hưởng đến an ninh chính trị toàn khu vực. Ở cấp địa phương, công tác tham mưu được cụ thể hóa thành các giải pháp sát với địa bàn như: củng cố hệ thống chính trị cơ sở; ưu tiên tuyên dụng, bố trí cán bộ là con em đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tham gia hệ thống chính trị; giải quyết nhu cầu đất ở, nhà ở, đất sản xuất; xóa nhà tạm, nhà dột nát; quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí lại dân cư; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phấn đấu xóa mù chữ, bảo đảm trẻ em trong độ tuổi đến trường; hỗ trợ lao động, việc làm; giải quyết tranh chấp, khiếu kiện có nguy cơ phát sinh thành “điểm nóng”; từng bước xóa bỏ các yếu tố gây mất an ninh trật tự trên địa bàn.

Tuy nhiên, khó khăn cũng rất đáng kể. Một là, quy trình tham mưu, hướng dẫn ở một số nơi còn thiếu đồng bộ, chưa thật sự liên thông giữa các ngành, các cấp. Hai là, chất lượng đội ngũ tham mưu chưa đồng đều; một bộ phận cán bộ còn hạn chế về năng lực phân tích, dự báo, kỹ năng xử lý tình huống phức tạp. Ba là, thực tiễn địa bàn biến động nhanh hơn năng lực phản ứng thể chế, đặc biệt trong những vấn đề mới như an ninh mạng, truyền thông số, các mô hình tôn giáo mới hoặc các hoạt động móc nối, tuyên truyền từ bên ngoài. Bốn là, sự chống phá của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, khiến công tác tham mưu không thể dừng ở phản ứng hành chính mà phải nâng lên trình độ quản trị chiến lược. Vì vậy, hiệu quả của công tác tham mưu trong thời gian tới không chỉ phụ thuộc vào việc có chủ trương đúng, mà còn phụ thuộc vào năng lực chuyên hóa chủ trương thành giải pháp cụ thể, có tính khả thi, sát dân, sát địa bàn và đủ linh hoạt để xử lý các tình huống đa biến của Tây Nguyên.

**.Câu 3. Theo đồng chí, những khó khăn, vướng mắc nổi bật trong công tác nắm tình hình để thực hiện bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay là gì?**

**Trả lời:**

Công tác nắm tình hình ở Tây Nguyên hiện nay gặp khó khăn trước hết do điều kiện địa bàn và cấu trúc xã hội đặc thù. Tây Nguyên có diện tích rộng, địa hình chia cắt, nhiều vùng sâu, vùng xa, biên giới, giao thông còn khó khăn, dân cư phân bố phân

tán và không đồng đều. Trong điều kiện như vậy, việc thu thập, cập nhật, kiểm chứng thông tin một cách nhanh chóng, chính xác và toàn diện là nhiệm vụ rất khó.

Khó khăn thứ hai là tính đa dạng dân tộc, tôn giáo, phong tục, tín ngưỡng và trình độ phát triển giữa các cộng đồng cư dân. Đây vừa là đặc trưng văn hóa của vùng, vừa là yếu tố làm cho công tác nắm tình hình đòi hỏi cán bộ không chỉ giỏi nghiệp vụ mà còn phải hiểu dân, hiểu văn hóa, có khả năng dân vận, biết tiếng dân tộc, nắm được những biến động tâm lý - xã hội ở cộng đồng. Khi thiếu những điều kiện đó, hiệu quả phát hiện sớm và dự báo nguy cơ sẽ bị hạn chế.

Một khó khăn lớn khác là các vấn đề an ninh chính trị hiện nay không bộc lộ trực tiếp mà thường ẩn trong các mâu thuẫn dân sinh. Chương 3 cho thấy đất đai, di cư tự do, tranh chấp lợi ích, mâu thuẫn văn hóa giữa người dân tộc thiểu số tại chỗ với cộng đồng di cư, những bất cập trong quản lý dân tộc - tôn giáo và sự chênh lệch phát triển giữa các nhóm dân cư chính là những nguồn gốc dễ bị lợi dụng để chuyển hóa thành bất ổn chính trị. Vì vậy, công tác nắm tình hình hiện nay không thể chỉ dừng ở theo dõi đối tượng, mà phải đi sâu vào nhận diện động thái xã hội, lợi ích cộng đồng và tâm trạng chính trị của người dân.

Bên cạnh đó, Tây Nguyên vẫn là địa bàn trọng điểm mà các tổ chức phản động lưu vong, các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội chính trị tập trung chống phá. Chúng không chỉ tuyên truyền ly khai, chia rẽ dân tộc - tôn giáo theo phương thức truyền thống, mà đã chuyển mạnh sang sử dụng mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin bảo mật, không gian số và các diễn ngôn về “nhân quyền”, “tự do tôn giáo”, “xã hội dân sự” để móc nối, lôi kéo, phát triển lực lượng. Tài liệu bổ sung cho thấy năm 2021 “Việt Tân” đã xây dựng “Kế hoạch Tây Nguyên” nhằm móc nối, phát triển lực lượng là người dân tộc thiểu số để thành lập “Hội sắc tộc”, triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo và “xã hội dân sự” để chỉ đạo các hoạt động chống phá, kích động biểu tình, phá rối an ninh trên địa bàn. Đây là chỉ báo rất rõ về mức độ nguy hiểm của các tác nhân bên ngoài.

Ngoài ra, nguồn lực và trang thiết bị phục vụ công tác nắm tình hình ở một số nơi vẫn còn hạn chế. Tài liệu bổ sung cũng nêu rõ số lượng lực lượng bí mật tuy nhiều nhưng chất lượng tin, hiệu quả nghiệp vụ nhìn chung còn thấp; thiếu lực lượng bí mật chiến lược; một số lực lượng ngoại biên đi sâu còn hạn chế, dễ bị tác động bởi hoạt động của các tổ chức FULRO ở nước ngoài; việc phối hợp nắm tình hình, trao đổi, thẩm tra, xác minh thông tin giữa một số đơn vị, địa phương liên quan có thời điểm chưa kịp thời, hiệu quả. Đây là những khó khăn rất thực chất.

**Câu 4. Đồng chí đánh giá như thế nào về sự phối hợp giữa các lực lượng trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên thời gian qua? Công tác bảo đảm an ninh tư tưởng và an ninh mạng có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh hiện nay?**

**Trả lời:**

công tác phối hợp giữa các lực lượng trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên thời gian qua đạt hiệu quả khá cao, nhất là trong các đợt cao điểm, các tình huống phức tạp hoặc các địa bàn trọng điểm. Việc triển khai kế hoạch theo phân công nhiệm vụ tương đối rõ ràng; khả năng huy động đơn vị nhanh; trao đổi, chia sẻ thông tin được duy trì; nhờ đó hạn chế được tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm. Nhiều địa phương đã phối hợp tổ chức diễn tập phòng thủ, diễn tập xử lý bạo

loạn, khủng bố, qua đó nâng cao khả năng ứng phó và ngăn chặn các hoạt động kích động biểu tình, phá rối an ninh.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

+ Một số quy chế phối hợp còn hình thức, chưa cụ thể hóa theo từng địa bàn, đối tượng.

+ Sự phối hợp với người có uy tín trong đồng bào dân tộc, chức sắc tôn giáo chưa thật sự hiệu quả.

+ Các hoạt động tuyên truyền, đấu tranh trên không gian mạng còn thiếu đồng bộ trong bối cảnh các đối tượng triệt để lợi dụng công nghệ thông tin để chống phá.

**Câu 5. Theo đồng chí, vai trò của các tổ chức quần chúng và Nhân dân trong bảo vệ, ổn định và phát triển Tây Nguyên hiện nay được thể hiện như thế nào? Cần chú trọng những định hướng nào để nâng cao nhận thức về an ninh chính trị cho người dân trên địa bàn?**

**Trả lời:**

Các tổ chức quần chúng là lực lượng quan trọng, là “cánh tay nối dài” của lực lượng an ninh. Họ tham gia vào các mặt như:

- Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn văn hóa dân tộc.

- Giám sát, tố giác, cô lập các đối tượng phản động, tham gia quản lý, giáo dục tại cộng đồng.

- Cung cấp thông tin cơ sở, góp phần phát hiện sớm và xử lý các nguy cơ mất an ninh.

- Sự gắn bó của các tổ chức quần chúng với đồng bào dân tộc giúp củng cố niềm tin của nhân dân đối với chính quyền, hình thành “thế trận an ninh nhân dân” vững chắc.

**Câu 6. Những thách thức về an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới**

**Trả lời:**

Trong những năm tới, thách thức đối với an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên sẽ tiếp tục xuất hiện dưới dạng phức hợp, trong đó nổi bật nhất là sự kết hợp giữa các mâu thuẫn dân sinh kéo dài với hoạt động lợi dụng của các thế lực thù địch, phản động đe dọa đến an ninh chính trị như:

- Tranh chấp đất đai giữa người DTTS với các doanh nghiệp, nông lâm trường tiềm ẩn nguy cơ bùng phát thành “điểm nóng”.

- Lợi dụng tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để tuyên truyền ly khai, chống đối.

- Nguy cơ khủng bố, phá hoại tuy chưa lớn nhưng vẫn tồn tại, đặc biệt khi có sự hậu thuẫn từ các tổ chức phản động lưu vong.

- Quản lý vũ khí, vật liệu nổ còn lỏng lẻo; hiệu quả tuyên truyền vận động còn hạn chế.

**Câu 7. Đồng chí hãy đưa ra dự báo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong giai đoạn tới**

**Trả lời:**

Trong những năm tới, tình hình cơ bản ổn định nhưng tiềm ẩn phức tạp cục bộ.

Theo tôi, trong giai đoạn tới, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên về tổng thể vẫn cơ bản ổn định, nhưng đồng thời đã và đang xuất hiện những dấu hiệu tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh chính trị. Điều đó có nghĩa là khó có khả năng

bùng phát thành biến động quy mô toàn vùng như các vụ việc nghiêm trọng đã từng xảy ra trong quá khứ, nhưng các vụ, việc, tình huống mất an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở sẽ có xu hướng phát sinh theo dạng cục bộ, đột xuất, gắn với từng điểm nóng, từng nhóm đối tượng hoặc từng lĩnh vực cụ thể.

Nguyên nhân của xu hướng này là do thời gian tới tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp; các nước phương Tây và một số tổ chức quốc tế vẫn tiếp tục sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo” để gây sức ép đối với Việt Nam, trong đó Tây Nguyên vẫn là một địa bàn trọng điểm dễ bị nhắm tới. Hiện nay vẫn còn hàng chục tổ chức FULRO lưu vong như MFI, MSGI, CHPC, MSFJ, DCHO... tiếp tục liên kết với các tổ chức, cá nhân phản động lưu vong người Việt như BPSOS, “Việt Tân” để tuyên truyền, móc nối, huấn luyện, chỉ đạo số đối tượng trong nước.

Trong khi đó, trên địa bàn vẫn còn tồn tại hàng chục nghìn đối tượng FULRO cũ, tù tha sinh sống tại cộng đồng; một bộ phận chưa từ bỏ hoàn toàn âm mưu, hoạt động chống phá. Tình hình kinh tế, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; một bộ phận người dân thiếu việc làm, thu nhập không ổn định, thiếu đất sản xuất, đất ở, không gian sinh hoạt văn hóa. Tranh chấp, khiếu kiện trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn tồn tại, đặc biệt là tranh chấp đất đai, nhiều vụ việc kéo dài, khó giải quyết. Ở một số địa phương, hệ thống chính trị cơ sở chưa thực sự vững mạnh, còn tình trạng tham ô, tham nhũng, vi phạm kỷ luật, pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân và uy tín của chính quyền. Đây chính là những điều kiện thuận lợi để các thế lực thù địch, phản động, FULRO bên ngoài sử dụng tiền, hàng, lợi ích vật chất để dụ dỗ, lôi kéo người dân tham gia hoạt động chống chính quyền.

#### **Câu 8. Giải pháp đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay**

##### **Trả lời:**

Trong thời gian tới, cần nghiên cứu, hoàn thiện và áp dụng hiệu quả một số giải pháp nhằm tăng cường an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên như:

- Thống nhất nhận thức và chỉ đạo toàn diện trong hệ thống chính trị về nhiệm vụ phòng, chống FULRO, “Tin lành Đêga”, Tà đạo...
- Giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, văn hóa - dân tộc làm nền tảng ổn định an ninh.
- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong vận động quần chúng.
- Chủ động phát hiện, bóc gỡ, vô hiệu hóa cơ sở nội địa của các tổ chức phản động, ngăn chặn phục hồi tổ chức trong nước.
- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực tôn giáo, thông tin, biên giới, cư trú, quản lý vũ khí, vật liệu nổ.
- Tăng cường hợp tác quốc tế và đấu tranh ngoại giao nhằm xử lý triệt để vấn đề FULRO, “Tin lành Đêga” từ bên ngoài.

***Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!***

**PHỤ LỤC 8. M4**  
**PHIẾU TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA**  
**(Dành cho cán bộ)**

**Câu hỏi 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về việc tổ chức, phân công và phân cấp lực lượng trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay? Những nguyên tắc nào đang được áp dụng và hiệu quả ra sao?**

**Trả lời:**

Hiện nay, việc tổ chức, phân công và phân cấp lực lượng trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên được triển khai theo hướng ngày càng rõ ràng, có sự phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp, các lực lượng tương đối cụ thể, bám sát địa bàn, lĩnh vực và đối tượng. Lực lượng Công an giữ vai trò nòng cốt, đồng thời có sự phối hợp của Quân đội, Biên phòng, các cơ quan nội chính và hệ thống chính trị cơ sở.

Các nguyên tắc cơ bản đang được áp dụng bao gồm: nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất từ Trung ương đến địa phương; nguyên tắc gắn bảo đảm an ninh chính trị với bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân; và nguyên tắc chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý từ sớm, từ xa. Thực tiễn cho thấy, việc vận hành theo các nguyên tắc này đã góp phần giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn, không để xảy ra bị động, bất ngờ. Tuy nhiên, trong một số trường hợp cụ thể vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định như công tác nắm tình hình chưa thật sự kịp thời, phân bổ lực lượng chưa đồng đều giữa các địa bàn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa; cơ chế phối hợp ở một số nơi còn mang tính hình thức, chưa thực sự linh hoạt theo đặc thù từng địa bàn.

**Câu hỏi 2: Xin đồng chí cho biết công tác tham mưu và hướng dẫn trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay được thực hiện như thế nào? Thuận lợi và khó khăn đặt ra là gì?**

**Trả lời:**

Công tác tham mưu và hướng dẫn trong bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên hiện nay được triển khai theo một quy trình tương đối chặt chẽ, gồm các bước cơ bản như: nắm bắt tình hình, phân tích đánh giá; đề xuất chủ trương, giải pháp; tổ chức hướng dẫn, phối hợp thực hiện; và kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả. Quy trình này đòi hỏi phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng cơ quan tham mưu, qua đó hạn chế tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Đồng thời, việc bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng và các cấp chính quyền có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả triển khai trên thực tế.

Về thuận lợi, có thể thấy sự quan tâm, chỉ đạo thống nhất từ Trung ương, cùng với việc hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tham mưu. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các lực lượng từng bước được tăng cường, đội ngũ cán bộ tham mưu ngày càng được nâng cao về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn. Tuy nhiên, khó khăn lớn hiện nay là quy trình tham mưu, hướng dẫn ở một số nơi vẫn còn thiếu đồng bộ; chất lượng đội ngũ chưa đồng đều, đặc biệt ở cấp cơ sở. Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách vào điều kiện thực tiễn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa vẫn còn những vướng mắc nhất định.

**Câu hỏi 3: Theo đồng chí, những khó khăn, vướng mắc trong công tác nắm tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay là gì?**

**Trả lời:**

Khó khăn lớn nhất trong công tác nắm tình hình ở Tây Nguyên xuất phát từ đặc điểm địa bàn rộng, địa hình phức tạp, nhiều khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, giao

thông đi lại còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận cơ sở, thu thập và cập nhật thông tin một cách kịp thời, chính xác.

Bên cạnh đó, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Các đối tượng này thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai để tuyên truyền, móc nối, phát triển lực lượng, kích động tư tưởng ly khai, tự trị. Ngoài ra, hạn chế về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật và chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở cũng là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác nắm tình hình. Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng xã hội cũng đặt ra thách thức mới khi thông tin lan truyền nhanh, khó kiểm soát, đòi hỏi phương thức nắm tình hình phải được đổi mới toàn diện..

**Câu hỏi 4: Đồng chí đánh giá như thế nào về sự phối hợp giữa các lực lượng trong bảo đảm an ninh chính trị thời gian qua? Vai trò của an ninh tư tưởng và an ninh mạng được thể hiện ra sao?**

**Trả lời:**

Trong thời gian qua, sự phối hợp giữa các lực lượng như Công an, Quân đội, Biên phòng, các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương nhìn chung đã có nhiều chuyển biến tích cực. Việc trao đổi thông tin, phối hợp xử lý các tình huống phức tạp, đặc biệt trong các đợt cao điểm, đã được triển khai tương đối hiệu quả, góp phần hạn chế nguy cơ phát sinh điểm nóng. Nhiều địa phương đã chủ động tổ chức các hoạt động diễn tập, nâng cao khả năng phối hợp liên ngành, qua đó tăng cường năng lực ứng phó với các tình huống phức tạp về an ninh chính trị. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như cơ chế phối hợp ở một số nơi chưa được cụ thể hóa theo từng địa bàn, từng đối tượng; việc phối hợp với các lực lượng quần chúng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo chưa phát huy hết hiệu quả.

**Câu hỏi 5: Theo đồng chí, vai trò của các tổ chức quần chúng trong bảo vệ và phát triển Tây Nguyên được thể hiện như thế nào? Đồng chí có đề xuất gì về giáo dục, nâng cao nhận thức an ninh chính trị cho người dân?**

**Trả lời:**

Các tổ chức quần chúng giữ vai trò hết sức quan trọng trong bảo vệ và phát triển Tây Nguyên, bởi đây là lực lượng gần dân, sát dân, hiểu rõ đặc điểm địa bàn, tâm tư, nguyện vọng của người dân. Thông qua các tổ chức này, công tác tuyên truyền, vận động quần chúng được triển khai một cách linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Các tổ chức quần chúng không chỉ tham gia vận động phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn văn hóa dân tộc mà còn trực tiếp tham gia phát hiện, cung cấp thông tin, hỗ trợ lực lượng chức năng trong phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Để nâng cao nhận thức về an ninh chính trị, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như: lồng ghép giáo dục pháp luật, quốc phòng - an ninh trong hệ thống giáo dục; đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng dân tộc, từng vùng; sử dụng ngôn ngữ bản địa, hình thức trực quan, dễ hiểu; đồng thời phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín và chức sắc tôn giáo.

Quan trọng hơn, việc nâng cao nhận thức phải gắn với giải quyết các vấn đề dân sinh, cải thiện đời sống, tạo sinh kế bền vững cho người dân, từ đó củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

***Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!***

**PHỤ LỤC 9. M5**  
**PHIẾU TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA**  
**(Dành cho cán bộ)**

**Câu 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về việc tổ chức, phân công và phân cấp lực lượng trong công tác bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay?**

**Trả lời:**

Trong những năm qua, việc tổ chức và phân công lực lượng trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên cơ bản được triển khai theo nguyên tắc thống nhất từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng và sự quản lý điều hành của chính quyền các cấp. Trong đó, lực lượng Công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt trong tham mưu, tổ chức thực hiện và phối hợp với các lực lượng chức năng khác như Quân đội, Bộ đội Biên phòng, chính quyền cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội.

Việc phân cấp lực lượng được thực hiện dựa trên đặc điểm từng địa bàn, từng lĩnh vực và mức độ phức tạp của tình hình an ninh chính trị, đặc biệt là các vấn đề liên quan dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn, đất đai và biên giới. Nhìn chung, cơ chế này đã giúp nâng cao hiệu quả quản lý địa bàn, kịp thời phát hiện và xử lý nhiều vấn đề phức tạp phát sinh từ cơ sở. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn một số hạn chế như: nguồn lực ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chất lượng công tác nắm tình hình giữa các địa bàn chưa đồng đều; cơ chế phối hợp giữa các lực lượng đôi khi còn mang tính vụ việc, chưa thực sự chủ động trong phòng ngừa từ sớm, từ xa.

**Câu 2: Theo đồng chí, những khó khăn, thách thức nổi bật trong công tác nắm tình hình và bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay là gì?**

**Trả lời:**

Một trong những khó khăn lớn nhất hiện nay là đặc điểm địa bàn Tây Nguyên rộng lớn, địa hình phức tạp, nhiều khu vực vùng sâu, vùng xa và biên giới; dân cư phân bố phân tán, gồm nhiều dân tộc với phong tục, tập quán và tín ngưỡng khác nhau. Điều này đặt ra yêu cầu rất cao đối với cán bộ làm công tác an ninh phải am hiểu địa bàn, ngôn ngữ, văn hóa và tâm lý xã hội của đồng bào các dân tộc.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin và mạng xã hội đang làm thay đổi phương thức hoạt động của các đối tượng chống đối. Nhiều thông tin xuyên tạc, kích động được lan truyền nhanh trên không gian mạng, tác động trực tiếp đến nhận thức và tâm lý của một bộ phận người dân, đặc biệt ở những địa bàn có trình độ tiếp cận thông tin còn hạn chế.

Ngoài ra, một số vấn đề xã hội như tranh chấp đất đai, di cư tự do, chênh lệch mức sống giữa các nhóm dân cư, cũng như việc giải quyết một số nhu cầu tôn giáo tại cơ sở chưa kịp thời có thể trở thành yếu tố tiềm ẩn gây phức tạp về an ninh chính trị nếu không được quan tâm xử lý phù hợp.

**Câu 3: Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của các lực lượng và các tổ chức quần chúng trong việc bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên?**

**Trả lời:**

Trong công tác bảo đảm an ninh chính trị tại Tây Nguyên, vai trò của các lực lượng chức năng và quần chúng nhân dân có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bên cạnh lực lượng Công an là nòng cốt, sự phối hợp của Quân đội, Bộ đội Biên phòng, chính quyền cơ sở và các ban, ngành liên quan đã góp phần tạo nên thế trận bảo vệ an ninh chính trị tương đối vững chắc trên địa bàn.

Đặc biệt, các tổ chức quần chúng và người có uy tín trong cộng đồng dân cư như già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo tích cực có vai trò rất quan trọng trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đồng thời phản ánh kịp thời những vấn đề phát sinh tại cơ sở.

Trong thời gian tới, việc phát huy vai trò của quần chúng nhân dân cần được tiếp tục đẩy mạnh thông qua các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, kết hợp với công tác dân vận, nâng cao nhận thức pháp luật và xây dựng khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên.

**Câu 4: Theo đồng chí, trong 10 năm tới, những thách thức lớn nhất đối với an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên là gì?**

**Trả lời:**

Trong 10 năm tới, an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên có thể sẽ chịu tác động từ nhiều yếu tố mới và phức tạp hơn.

*Trước hết* là sự tác động của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa và biến động dân cư có thể làm gia tăng các mâu thuẫn xã hội, đặc biệt liên quan đến đất đai, tài nguyên và sinh kế của người dân.

*Thứ hai*, khoảng cách phát triển giữa một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số với các khu vực khác nếu không được thu hẹp sẽ dễ bị các đối tượng xấu lợi dụng để kích động tâm lý bất mãn, chia rẽ dân tộc.

*Thứ ba*, các thế lực thù địch có thể tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo và các vấn đề xã hội nhạy cảm để tiến hành các hoạt động tuyên truyền chống phá, nhất là trên không gian mạng. Phương thức hoạt động của các đối tượng ngày càng tinh vi, khó nhận diện và có sự móc nối từ bên ngoài.

Do đó, thách thức lớn nhất không chỉ nằm ở các vụ việc cụ thể mà còn ở nguy cơ tích tụ nhiều yếu tố bất ổn nếu công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội không theo kịp yêu cầu thực tiễn.

**Câu 5: Đồng chí có thể đề xuất những giải pháp trọng tâm nhằm bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong 10 năm tới?**

**Trả lời:**

Để bảo đảm vững chắc an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới, theo tôi cần triển khai đồng bộ nhiều nhóm giải pháp.

*Một là, cần nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình và dự báo chiến lược, đặc biệt là đối với các vấn đề liên quan dân tộc, tôn giáo, đất đai và an ninh mạng. Việc phát hiện sớm và xử lý kịp thời các nhân tố phức tạp từ cơ sở sẽ giúp ngăn ngừa nguy cơ hình thành các điểm nóng về an ninh trật tự.*

Hai là, cần tiếp tục củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nâng cao năng lực quản lý nhà nước tại địa phương, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, tôn giáo và giải quyết khiếu nại, tranh chấp. Việc xử lý các vấn đề dân sinh cần bảo đảm đúng pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Nhà nước và người dân.

Ba là, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, tranh thủ người có uy tín trong cộng đồng dân tộc và tôn giáo, qua đó xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc trên địa bàn.

Cần gắn chặt nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của người dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc. Đây là giải pháp căn cơ, lâu dài để giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Tây Nguyên.

***Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!***

**PHỤ LỤC 10. M6**  
**PHIẾU TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA**  
**(Dành cho cán bộ)**

**Câu 1: Trong khoảng 10 năm qua, đồng chí đánh giá như thế nào về diễn biến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên?**

**Trả lời:**

Có thể thấy tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong 10 năm qua luôn được giữ vững ổn định. Các cấp ủy, chính quyền và lực lượng chức năng đã triển khai nhiều chủ trương, biện pháp nhằm củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết các vấn đề liên quan dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn. Nhờ đó, nhiều nhân tố tiềm ẩn phức tạp đã được phát hiện và xử lý kịp thời, không để phát sinh những điểm nóng lớn về an ninh trật tự.

Tuy nhiên, Tây Nguyên vẫn là địa bàn chiến lược, nhạy cảm về an ninh chính trị do đặc điểm địa lý, dân cư và lịch sử xã hội. Trong những năm qua, các thế lực thù địch vẫn tìm cách lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền hoặc những khó khăn trong đời sống của một bộ phận người dân để tuyên truyền xuyên tạc, kích động chống phá. Bên cạnh đó, các vấn đề như tranh chấp đất đai, di cư tự do, chênh lệch phát triển giữa các vùng và giữa các nhóm dân cư cũng có lúc trở thành những yếu tố tiềm ẩn phức tạp về an ninh trật tự.

Một điểm đáng chú ý trong giai đoạn gần đây là sự gia tăng tác động của không gian mạng đối với đời sống xã hội. Nhiều thông tin sai lệch hoặc xuyên tạc liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo và chính sách của Nhà nước có thể lan truyền nhanh trên mạng xã hội, tác động trực tiếp đến tâm lý và nhận thức của một bộ phận người dân. Điều này đặt ra yêu cầu phải đổi mới phương thức quản lý, nắm tình hình và xử lý các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị trong bối cảnh mới.

**Câu 2: Theo đồng chí, những yếu tố nào đang tác động mạnh nhất đến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay?**

**Trả lời:**

Theo tôi, hiện nay có một số nhóm yếu tố đang tác động trực tiếp đến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên.

*Thứ nhất*, các yếu tố kinh tế - xã hội. Mặc dù đời sống của người dân Tây Nguyên đã có nhiều cải thiện trong thời gian qua, nhưng ở một số khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện phát triển vẫn còn hạn chế. Sự chênh lệch về mức sống và cơ hội phát triển nếu không được thu hẹp sẽ dễ tạo ra tâm lý so sánh và bất mãn trong xã hội.

*Thứ hai*, vấn đề đất đai, tài nguyên và sinh kế. Quá trình phát triển kinh tế, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cũng như sự gia tăng dân số và di cư có thể dẫn đến các mâu thuẫn liên quan đất sản xuất, đất rừng hoặc tài nguyên thiên nhiên.

*Thứ ba* là các yếu tố liên quan dân tộc và tôn giáo. Tây Nguyên là địa bàn có nhiều dân tộc sinh sống, mỗi cộng đồng có đặc điểm văn hóa và tín ngưỡng riêng. Nếu công tác quản lý nhà nước hoặc công tác dân vận không được thực hiện tốt thì rất dễ phát sinh những hiểu lầm hoặc mâu thuẫn trong cộng đồng.

Bên cạnh đó, yếu tố không gian mạng. Đây là kênh mà các đối tượng chống đối có thể lợi dụng để lan truyền thông tin sai lệch, kích động tâm lý bất mãn hoặc gây chia rẽ khối đoàn kết giữa các dân tộc và tôn giáo.

**Câu 3: Theo đồng chí, những thách thức lớn nhất đối với an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong 10 năm tới là gì?**

**Trả lời:**

Trong 10 năm tới, thách thức lớn nhất đối với an ninh chính trị ở Tây Nguyên không chỉ đến từ các yếu tố truyền thống như vấn đề dân tộc, tôn giáo hay đất đai, mà còn đến từ sự kết hợp giữa các yếu tố kinh tế, xã hội và công nghệ thông tin.

Trước hết, quá trình phát triển kinh tế và hội nhập sẽ kéo theo những biến động về cơ cấu dân cư, lao động và sử dụng tài nguyên. Những thay đổi này nếu không được quản lý tốt có thể tạo ra các mâu thuẫn xã hội mới.

*Thứ hai*, sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng xã hội sẽ tiếp tục làm thay đổi phương thức hoạt động của các đối tượng chống phá. Các hoạt động tuyên truyền, kích động có thể được thực hiện tinh vi hơn, khó phát hiện hơn và có phạm vi ảnh hưởng rộng hơn.

*Thứ ba*, các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, tài nguyên và sinh kế của người dân cũng có thể trở thành yếu tố tác động đến ổn định xã hội, đặc biệt tại những khu vực phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên như Tây Nguyên.

Do đó, có thể dự báo rằng tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới nhìn chung vẫn sẽ được giữ vững ổn định, nhưng những nguy cơ phức tạp cục bộ có thể xuất hiện nếu các vấn đề phát triển không được giải quyết kịp thời và hài hòa.

**Câu 4: Theo đồng chí, để bảo đảm an ninh chính trị bền vững trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới cần tập trung vào những định hướng lớn nào?**

**Trả lời:**

Theo tôi, để bảo đảm an ninh chính trị bền vững trên địa bàn Tây Nguyên cần tiếp cận theo hướng tổng thể, gắn chặt giữa nhiệm vụ bảo đảm an ninh với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

*Trước hết*, cần tiếp tục củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao năng lực quản lý của chính quyền địa phương, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa. Khi chính quyền cơ sở hoạt động hiệu quả thì nhiều vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội có thể được giải quyết ngay từ đầu.

*Thứ hai*, cần phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, già làng, trưởng bản và chức sắc tôn giáo. Đây là lực lượng có ảnh hưởng lớn trong cộng đồng và có thể góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền, vận động và giải quyết mâu thuẫn xã hội.

*Thứ ba*, cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức của người dân về các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia, đặc biệt là trong môi trường mạng.

**Câu 5: Đồng chí có thể đề xuất những giải pháp trọng tâm nhằm bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong 10 năm tới?**

**Trả lời:**

Theo tôi, để bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong 10 năm tới cần tập trung vào năm nhóm giải pháp trọng tâm sau:

*Thứ nhất*, nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình và dự báo chiến lược. Các cơ quan chức năng cần tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, kết hợp giữa phương thức nắm tình hình truyền thống với phân tích dữ liệu và giám sát thông tin trên không gian mạng.

*Thứ hai*, giải quyết tốt các vấn đề kinh tế - xã hội và sinh kế của người dân. Việc phát triển kinh tế bền vững, giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc sẽ góp phần quan trọng trong việc củng cố ổn định xã hội.

*Thứ ba*, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài nguyên, tôn giáo và di cư. Khi các vấn đề này được quản lý minh bạch và công bằng thì nguy cơ phát sinh mâu thuẫn xã hội sẽ giảm đáng kể.

*Thứ tư*, đẩy mạnh công tác dân vận và xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Việc phát huy vai trò của quần chúng nhân dân, người có uy tín và các tổ chức xã hội sẽ giúp tăng cường sự gắn kết giữa chính quyền và nhân dân.

*Thứ năm*, tăng cường bảo đảm an ninh tư tưởng và an ninh mạng. Trong bối cảnh thông tin lan truyền nhanh trên môi trường số, việc định hướng dư luận xã hội, phản bác thông tin sai lệch và nâng cao khả năng nhận diện thông tin cho người dân là nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Tôi cho rằng nếu triển khai đồng bộ các giải pháp trên, kết hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên, thì nền tảng ổn định chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn sẽ tiếp tục được củng cố vững chắc trong thời gian tới.

***Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!***

**PHỤ LỤC 11. M7**  
**PHIẾU TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA**  
**(Dành cho cán bộ)**

**Câu 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về bức tranh tổng thể tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong khoảng 10 năm qua?**

**Trả lời:**

Từ năm 2015 đến nay có thể nhận định rằng tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên nhìn chung được giữ vững ổn định. Đây là kết quả của sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong việc phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tây Nguyên hiện gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với diện tích khoảng 54.474 km<sup>2</sup>, chiếm gần 16,8% diện tích cả nước. Dân số toàn vùng hiện vào khoảng gần 6 triệu người, trong đó có 54 dân tộc cùng sinh sống, với khoảng 2,2 triệu người là đồng bào dân tộc thiểu số. Đây là khu vực có cơ cấu dân cư đa dạng và phức tạp, tạo nên những đặc điểm rất riêng về xã hội, văn hóa và tín ngưỡng.

Trong 10 năm qua, các vấn đề nổi lên liên quan đến an ninh chính trị ở Tây Nguyên chủ yếu xoay quanh ba nhóm vấn đề chính. Thứ nhất là vấn đề dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội. Một số khu vực vùng sâu, vùng xa, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn, dễ bị tác động bởi các yếu tố tiêu cực từ bên ngoài. Thứ hai là vấn đề tôn giáo. Hiện nay tại Tây Nguyên có khoảng 2,3 triệu người theo các tôn giáo khác nhau, chủ yếu là Tin Lành, Công giáo và Phật giáo. Thứ ba là các vấn đề xã hội mới phát sinh như di cư tự do, tranh chấp đất đai, biến động dân cư và tác động của mạng xã hội.

Tuy nhiên, nhờ triển khai đồng bộ nhiều biện pháp về quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và công tác vận động quần chúng, nhiều yếu tố tiềm ẩn phức tạp đã được phát hiện và xử lý kịp thời, không để phát sinh các điểm nóng lớn về an ninh chính trị trong khu vực.

**Câu 2: Theo đồng chí, những yếu tố nào hiện đang tác động mạnh nhất đến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên?**

**Trả lời:**

Theo tôi, hiện nay có bốn nhóm yếu tố chính đang tác động trực tiếp đến tình hình an ninh chính trị ở Tây Nguyên.

*Thứ nhất* là yếu tố phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm qua, Tây Nguyên có tốc độ tăng trưởng khá nhưng vẫn tồn tại sự chênh lệch phát triển giữa các khu vực, đặc biệt giữa vùng đô thị với vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khoảng cách phát triển này nếu không được thu hẹp sẽ dễ tạo ra tâm lý so sánh, bất bình đẳng trong xã hội.

*Thứ hai* là vấn đề đất đai và tài nguyên. Tây Nguyên là khu vực có diện tích đất rừng và đất nông nghiệp lớn, do đó các vấn đề liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất, khai thác tài nguyên hoặc tranh chấp đất sản xuất đôi khi có thể trở thành nguồn gốc của các mâu thuẫn xã hội.

*Thứ ba* là yếu tố tôn giáo và văn hóa cộng đồng. Trong đời sống xã hội Tây Nguyên, tôn giáo có vai trò khá quan trọng. Bên cạnh những tác động tích cực trong

đời sống văn hóa tinh thần của người dân, cũng xuất hiện một số hiện tượng tôn giáo mới hoặc hoạt động lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền, lôi kéo, gây phức tạp về an ninh trật tự.

*Thứ tư* là tác động của không gian mạng. Sự phát triển nhanh của mạng xã hội đã làm thay đổi phương thức truyền tải thông tin trong xã hội. Một số thông tin sai lệch, xuyên tạc liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo hoặc chính sách của Nhà nước có thể lan truyền nhanh và tác động đến nhận thức của một bộ phận người dân.

**Câu 3: Theo đồng chí, trong 10 năm tới, những thách thức lớn nhất đối với an ninh chính trị ở Tây Nguyên sẽ là gì?**

**Trả lời:**

Trong 10 năm tới, thách thức lớn nhất đối với an ninh chính trị ở Tây Nguyên sẽ không chỉ đến từ các yếu tố truyền thống mà còn từ sự kết hợp của nhiều yếu tố mới.

Trước hết là thách thức từ quá trình phát triển kinh tế và hội nhập. Khi kinh tế phát triển nhanh, các biến động về dân cư, lao động và sử dụng đất đai cũng sẽ tăng lên. Nếu quản lý không tốt có thể phát sinh các mâu thuẫn xã hội mới.

Thứ hai là thách thức từ không gian mạng. Phương thức hoạt động của các đối tượng chống phá ngày càng chuyển mạnh lên môi trường số. Các thông tin xuyên tạc, kích động có thể lan truyền nhanh và khó kiểm soát hơn trước.

Thứ ba là thách thức từ biến đổi khí hậu và tài nguyên. Tây Nguyên là khu vực có vai trò quan trọng về tài nguyên rừng, nguồn nước và nông nghiệp. Những biến động về khí hậu hoặc suy giảm tài nguyên có thể tác động đến sinh kế của người dân.

Tôi cho rằng trong thời gian tới, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên vẫn cơ bản ổn định, nhưng có thể xuất hiện các vấn đề phức tạp cục bộ nếu những thách thức trên không được quản lý tốt.

**Câu 4: Theo đồng chí, đâu là những định hướng chiến lược để bảo đảm an ninh chính trị bền vững tại Tây Nguyên trong thời gian tới?**

**Trả lời:**

Theo tôi, để bảo đảm an ninh chính trị bền vững ở Tây Nguyên cần tiếp cận theo hướng tổng thể, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Một trong những định hướng quan trọng là tiếp tục củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, đặc biệt tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khi chính quyền cơ sở hoạt động hiệu quả thì nhiều vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội có thể được giải quyết ngay từ đầu.

Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, người có uy tín trong cộng đồng dân cư và các chức sắc tôn giáo tích cực. Đây là lực lượng có ảnh hưởng lớn trong cộng đồng và có thể góp phần quan trọng trong việc giữ vững ổn định xã hội.

Ngoài ra, cần chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là kỹ năng tiếp cận và sử dụng thông tin trên môi trường mạng.

**Câu 5: Đồng chí có thể đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong 10 năm tới?**

**Trả lời:**

Theo tôi, trong 10 năm tới cần tập trung vào năm nhóm giải pháp chính.

*Thứ nhất*, nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình và dự báo chiến lược. Cần kết hợp phương thức nắm tình hình truyền thống với ứng dụng công nghệ số và phân tích dữ liệu để phát hiện sớm các nguy cơ tiềm ẩn.

*Thứ hai*, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đặc biệt tại các khu vực vùng sâu, vùng xa. Việc cải thiện đời sống của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, sẽ góp phần quan trọng trong việc củng cố ổn định xã hội.

*Thứ ba*, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài nguyên, tôn giáo và di cư. Khi các lĩnh vực này được quản lý minh bạch, công bằng thì nguy cơ phát sinh mâu thuẫn xã hội sẽ giảm đáng kể.

*Thứ tư*, đẩy mạnh công tác dân vận và xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Việc phát huy vai trò của người dân, già làng, trưởng bản và các tổ chức xã hội sẽ tạo ra nền tảng xã hội vững chắc cho việc bảo đảm an ninh chính trị.

*Thứ năm*, tăng cường bảo đảm an ninh tư tưởng và an ninh mạng. Trong bối cảnh thông tin lan truyền nhanh trên không gian số, việc định hướng dư luận, phản bác thông tin sai lệch và nâng cao “miễn dịch thông tin” cho xã hội là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng.

***Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!***

**PHỤ LỤC 12. M8**  
**PHIẾU TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA**  
**(Dành cho cán bộ)**

**Câu 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò chiến lược của Tây Nguyên trong bảo đảm an ninh chính trị hiện nay?**

**Trả lời:**

Tây Nguyên luôn được xác định là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh của Việt Nam. Khu vực này có diện tích khoảng 54.500 km<sup>2</sup>, chiếm gần 17% diện tích cả nước, gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng.

Dân số toàn vùng hiện khoảng 6 triệu người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 37% dân số, với hơn 40 dân tộc cùng sinh sống. Cơ cấu dân cư đa dạng này tạo nên đặc điểm xã hội rất đặc thù của Tây Nguyên. Ngoài ra, Tây Nguyên cũng là khu vực có hoạt động tôn giáo khá sôi động. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, hiện nay vùng Tây Nguyên có khoảng 2,3 triệu tín đồ tôn giáo, chiếm khoảng 38-40% dân số toàn vùng, chủ yếu là Công giáo, Tin Lành và Phật giáo.

Từ góc độ địa chính trị, Tây Nguyên được ví như “nóc nhà Đông Dương”, có vị trí liên kết với duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và các nước Lào, Campuchia. Do đó, ổn định chính trị - xã hội ở Tây Nguyên không chỉ có ý nghĩa đối với khu vực mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia.

Chính vì vậy, Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (năm 2022) đã xác định rõ yêu cầu: phát triển Tây Nguyên nhanh và bền vững, gắn chặt giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc.

**Câu 2: Trong khoảng 10 năm qua, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên có những đặc điểm nổi bật nào?**

**Trả lời:**

Trong khoảng một thập kỷ trở lại đây, có thể khẳng định rằng tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên cơ bản được giữ vững ổn định. Các cấp ủy, chính quyền và lực lượng chức năng đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ nhằm phát triển kinh tế - xã hội, củng cố hệ thống chính trị cơ sở và giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Tây Nguyên giai đoạn 2016-2023 đạt khoảng 7-8%/năm, cao hơn mức trung bình của cả nước trong một số giai đoạn. Quy mô GRDP toàn vùng hiện đạt khoảng 450-500 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, mức thu nhập bình quân đầu người của khu vực vẫn thấp hơn mặt bằng chung cả nước.

Trong 10 năm qua, các vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh chính trị ở Tây Nguyên chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực như: vấn đề dân tộc và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hoạt động tôn giáo và một số hiện tượng tôn giáo mới; tranh chấp đất đai và tài nguyên rừng; di cư tự do và biến động dân cư; tác động của mạng xã hội đối với đời sống xã hội.

Nhìn chung, nhờ triển khai hiệu quả các chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số, các chương trình giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, nhiều yếu tố tiềm ẩn phức tạp đã được kiểm soát và xử lý từ sớm.

**Câu 3: Theo đồng chí, những yếu tố nào đang tác động mạnh nhất đến an ninh chính trị ở Tây Nguyên trong bối cảnh mới?**

**Trả lời:**

Theo tôi, hiện nay có bốn nhóm yếu tố lớn đang tác động trực tiếp đến tình hình an ninh chính trị tại Tây Nguyên.

Một là, Mặc dù kinh tế Tây Nguyên có bước phát triển khá nhanh trong những năm gần đây, nhưng sự chênh lệch về mức sống giữa các vùng và giữa các nhóm dân cư vẫn còn đáng kể. Nếu không được thu hẹp thì đây có thể trở thành yếu tố tác động đến ổn định xã hội.

Hai là, Tây Nguyên là vùng có diện tích rừng lớn, chiếm khoảng 36% diện tích rừng cả nước, đồng thời là vùng sản xuất nông nghiệp quan trọng với các cây công nghiệp như cà phê, cao su, hồ tiêu. Do đó, các vấn đề liên quan đến đất rừng, đất sản xuất và tài nguyên luôn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh mâu thuẫn.

Ba là, yếu tố tôn giáo và văn hóa cộng đồng. Tôn giáo có vai trò khá lớn trong đời sống xã hội ở Tây Nguyên. Bên cạnh các hoạt động tôn giáo hợp pháp, cũng xuất hiện một số hiện tượng lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền sai lệch hoặc gây phức tạp về an ninh trật tự.

Bốn là, tỷ lệ người dân sử dụng internet và mạng xã hội ở Tây Nguyên tăng rất nhanh. Điều này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, nhưng cũng tạo ra nguy cơ lan truyền thông tin sai lệch, kích động hoặc chia rẽ cộng đồng.

**Câu 4: Đồng chí dự báo như thế nào về xu hướng an ninh chính trị ở Tây Nguyên trong 10 năm tới?**

**Trả lời:**

Tôi cho rằng tình hình an ninh chính trị ở Tây Nguyên thời gian tới nhìn chung vẫn sẽ ổn định, nhưng tính chất của các nguy cơ sẽ thay đổi theo hướng phức tạp và đa chiều hơn.

Các nguy cơ sẽ không nhất thiết biểu hiện bằng các vụ việc lớn, mà có thể xuất hiện dưới dạng các vấn đề xã hội âm ỉ, kéo dài, gắn với những lĩnh vực như: đất đai và tài nguyên; sinh kế của người dân; thông tin trên mạng xã hội; các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo...

Ngoài ra, sự phát triển của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo có thể làm thay đổi phương thức hoạt động của các đối tượng chống phá. Những chiến dịch tuyên truyền sai lệch trên không gian mạng có thể được thực hiện tinh vi hơn và khó nhận diện hơn.

Do đó, công tác bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên trong thời gian tới cần chuyển mạnh từ tư duy xử lý vụ việc sang tư duy phòng ngừa chiến lược.

**Câu 5: Theo đồng chí, những giải pháp chiến lược nào cần được triển khai để bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên trong thời gian tới?**

**Trả lời:**

Theo tôi, cần tập trung vào năm nhóm giải pháp chiến lược.

*Thứ nhất*, nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình, phân tích, dự báo chiến lược về an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên. Cần kết hợp chặt chẽ giữa các biện pháp nắm tình hình truyền thống với việc ứng dụng khoa học công nghệ, công cụ phân tích dữ liệu và giám sát thông tin trên không gian mạng, qua đó phát hiện sớm các dấu hiệu phức tạp, chủ động tham mưu xử lý từ sớm, từ xa, không để bị động, bất ngờ.

*Thứ hai*, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cần tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, bao trùm và phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn. Trọng tâm là thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, giữa các nhóm dân cư, nhất là quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số, giải quyết tốt các vấn đề sinh kế, việc làm, giáo dục, y tế và an sinh xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho ổn định chính trị lâu dài.

*Thứ ba*, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp, dễ phát sinh điểm nóng như đất đai, tài nguyên, tôn giáo, cư trú và di cư. Việc quản lý cần bảo đảm đúng pháp luật, công khai, minh bạch, nhất quán, đồng thời kịp thời giải quyết các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở, không để tích tụ thành mâu thuẫn kéo dài hoặc bị các đối tượng xấu lợi dụng.

*Thứ tư*, phát huy mạnh mẽ vai trò của quần chúng nhân dân, lực lượng nòng cốt ở cơ sở và người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc, tôn giáo. Cần tiếp tục củng cố, xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc; đẩy mạnh công tác dân vận, vận động cá biệt, tranh thủ già làng, trưởng bản, chức sắc, chức việc tôn giáo và người có uy tín tham gia tuyên truyền, hòa giải, giải quyết mâu thuẫn, giữ gìn ổn định ngay tại địa bàn cơ sở.

*Thứ năm*, tăng cường bảo đảm an ninh trên không gian mạng trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường. Cần chủ động nhận diện, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động lợi dụng internet, mạng xã hội để tuyên truyền xuyên tạc, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo; đồng thời nâng cao năng lực phòng thủ không gian mạng, kỹ năng số và khả năng “miễn dịch thông tin” cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

***Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!***

**PHỤ LỤC 13. M9**  
**PHIẾU TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA**  
**(Dành cho cán bộ)**

**II. NỘI DUNG PHÒNG VẤN**

**Câu 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về thực trạng bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian qua?**

**Trả lời:**

Trong những năm gần đây, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên nhìn chung được giữ vững ổn định. Đây là kết quả của việc triển khai đồng bộ các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cùng với sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong việc gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nhiều yếu tố tiềm ẩn phức tạp liên quan đến dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn và khiếu kiện đã được phát hiện, xử lý từ sớm, không để phát sinh thành các điểm nóng quy mô lớn.

Tuy nhiên, xét về bản chất, Tây Nguyên vẫn là địa bàn chiến lược, nhạy cảm, tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Những vấn đề như chênh lệch phát triển, tranh chấp đất đai, di cư tự do và sự đa dạng về dân tộc, tôn giáo vẫn là những yếu tố có thể tác động đến ổn định chính trị. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển của không gian mạng đã làm thay đổi phương thức tác động đến xã hội, khiến công tác bảo đảm an ninh chính trị không chỉ diễn ra trong không gian thực mà còn mở rộng sang môi trường số.

**Câu 2. Theo đồng chí, những yếu tố nào đang tác động mạnh nhất đến an ninh chính trị ở Tây Nguyên hiện nay?**

**Trả lời:**

Hiện nay, các yếu tố tác động đến an ninh chính trị ở Tây Nguyên mang tính tổng hợp và có sự đan xen giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại. Trước hết là yếu tố kinh tế - xã hội, trong đó đáng chú ý là sự chênh lệch về mức sống và cơ hội phát triển giữa các khu vực, đặc biệt là giữa vùng đô thị và vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nếu không được giải quyết hiệu quả, những khoảng cách này có thể dẫn đến tâm lý so sánh, bất mãn, ảnh hưởng đến ổn định xã hội.

Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến đất đai, tài nguyên, dân tộc và tôn giáo tiếp tục là những lĩnh vực nhạy cảm. Quá trình phát triển kinh tế, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và biến động dân cư có thể làm phát sinh mâu thuẫn xã hội nếu không được quản lý chặt chẽ. Ngoài ra, sự phát triển của không gian mạng đã tạo điều kiện để các thông tin sai lệch, xuyên tạc lan truyền nhanh, tác động trực tiếp đến nhận thức của một bộ phận người dân, qua đó làm gia tăng tính phức tạp của môi trường an ninh chính trị.

**Câu 3. Đồng chí đánh giá như thế nào về những hạn chế, bất cập trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay?**

**Trả lời:**

Một trong những hạn chế nổi bật hiện nay là năng lực của hệ thống chính trị cơ sở ở một số địa bàn chưa đồng đều, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa. Công tác nắm tình hình, dự báo và xử lý các vấn đề phát sinh có nơi còn bị động, chưa kịp thời. Bên cạnh đó, nguồn lực về con người, trang thiết bị và phương tiện phục vụ công tác bảo đảm an ninh chính trị vẫn còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi nhiệm vụ.

Ngoài ra, công tác quản lý nhà nước trong một số lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài nguyên, tôn giáo và di cư còn tồn tại bất cập. Cơ chế phối hợp giữa các lực lượng ở một số nơi chưa thật sự chặt chẽ, thiếu linh hoạt theo đặc thù địa bàn. Đáng chú ý, công tác bảo đảm an ninh trên không gian mạng còn nhiều hạn chế, cả về năng lực kỹ thuật lẫn phương thức triển khai, trong khi đây lại là lĩnh vực đang ngày càng tác động mạnh đến an ninh chính trị trong bối cảnh hiện nay.

**Câu 4. Theo đồng chí, những thách thức lớn đối với an ninh chính trị Tây Nguyên trong thời gian tới là gì?**

**Trả lời:**

Trong thời gian tới, thách thức đối với an ninh chính trị Tây Nguyên sẽ mang tính phức hợp, không chỉ xuất phát từ các yếu tố truyền thống mà còn từ sự kết hợp với các yếu tố mới. Các vấn đề như dân tộc, tôn giáo, đất đai và sinh kế vẫn tiếp tục là những lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ nếu không được giải quyết kịp thời và hiệu quả. Đặc biệt, trong quá trình phát triển và hội nhập, những biến động về cơ cấu dân cư, lao động và tài nguyên có thể làm nảy sinh các mâu thuẫn xã hội mới.

Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ thông tin và không gian mạng sẽ tiếp tục làm thay đổi phương thức hoạt động của các đối tượng chống phá. Các hoạt động tuyên truyền, kích động có thể diễn ra tinh vi hơn, khó nhận diện và có phạm vi ảnh hưởng rộng hơn. Ngoài ra, các yếu tố như biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và áp lực phát triển kinh tế cũng có thể tác động gián tiếp đến ổn định xã hội, từ đó ảnh hưởng đến an ninh chính trị trên địa bàn.

**Câu 5. Đồng chí đề xuất những định hướng và giải pháp trọng tâm nhằm bảo đảm an ninh chính trị bền vững ở Tây Nguyên trong thời gian tới?**

**Trả lời:**

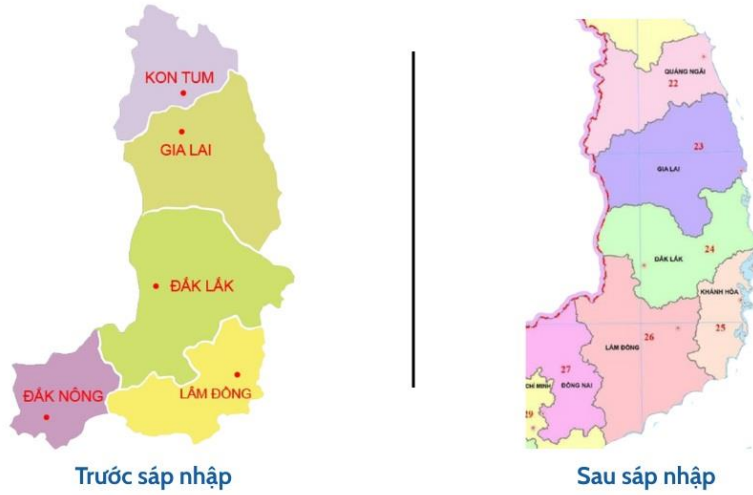
Để bảo đảm an ninh chính trị bền vững ở Tây Nguyên, cần tiếp cận theo hướng tổng thể, trong đó gắn chặt giữa phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trước hết, cần tiếp tục củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nâng cao năng lực quản lý và điều hành của chính quyền địa phương, đặc biệt tại các vùng trọng điểm, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, cần phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo trong việc xây dựng khối đại đoàn kết và giữ vững ổn định xã hội từ cơ sở.

Bên cạnh đó, cần nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình và dự báo chiến lược; giải quyết hiệu quả các vấn đề dân sinh, nhất là đất đai, việc làm và sinh kế cho người dân. Đồng thời, tăng cường quản lý nhà nước trong các lĩnh vực nhạy cảm, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng. Đặc biệt, cần chú trọng bảo đảm an ninh tư tưởng và an ninh mạng, nhằm chủ động phòng ngừa và xử lý các nguy cơ từ sớm, từ xa.

*Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!*

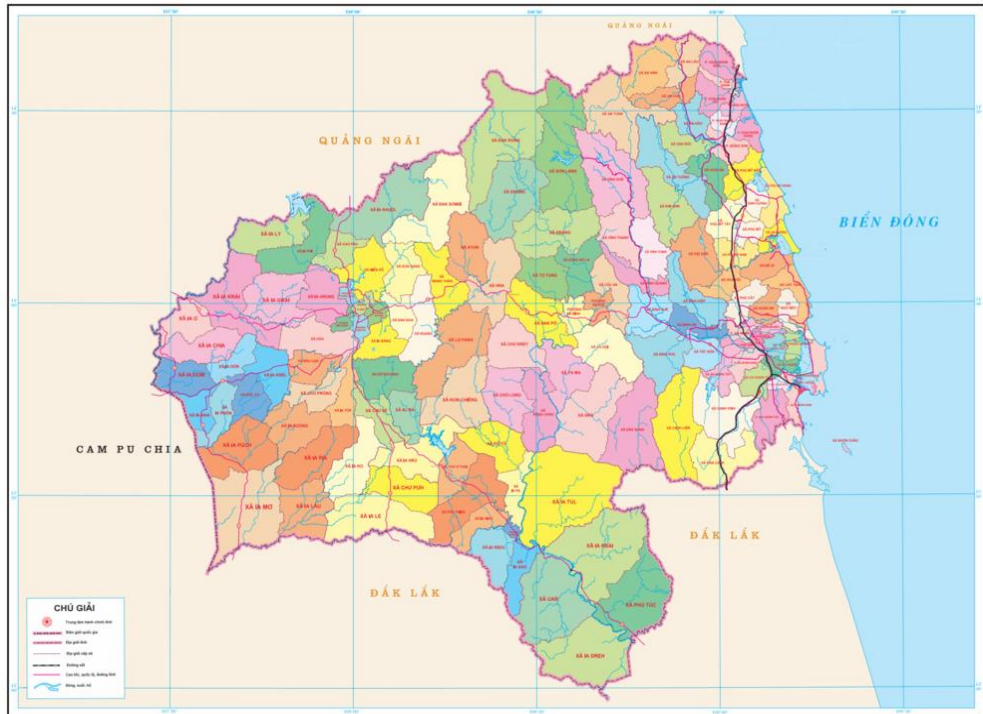
## PHỤ LỤC 14 BẢN ĐỒ CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN SAU SÁT NHẬP

### KHU VỰC TÂY NGUYÊN



*Bản đồ khu vực Tây Nguyên trước và sau sáp nhập*

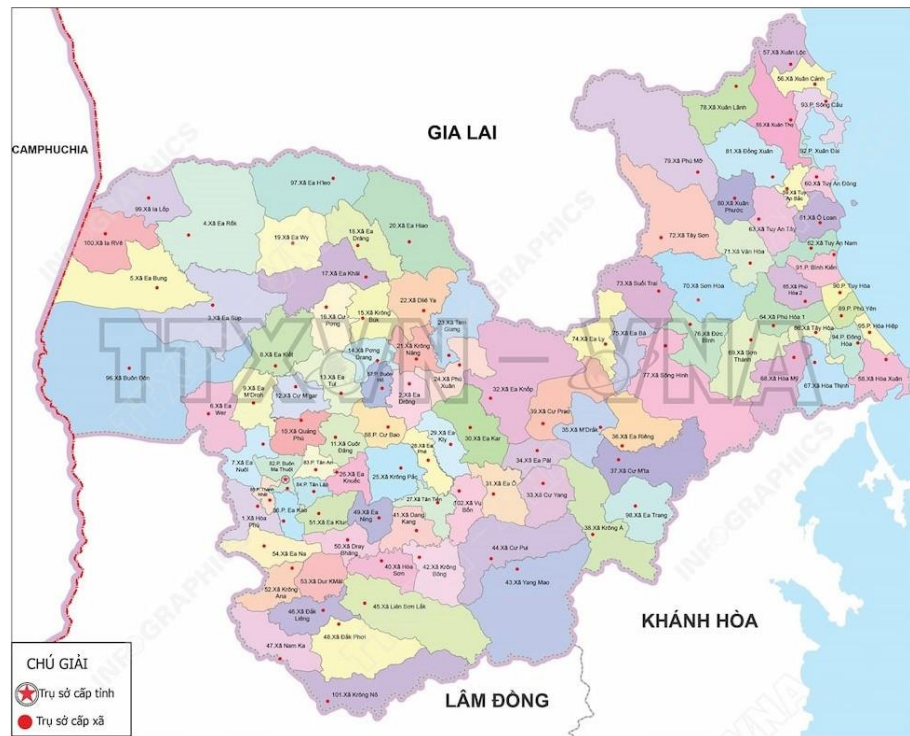
### BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI



*Bản đồ hành chính tỉnh Gia Lai sau khi sáp nhập*



*Bản đồ hành chính tỉnh Lâm Đồng sau sáp nhập*



*Bản đồ hành chính tỉnh Đắk Lắk sau sáp nhập*